

BỘ BIÊN TẬP

trần văn ân
phan khắc siêu
hồ hữu tường
phan quang đàn
phan bá cầm
nguyễn thế truyền
phan khương
nguyễn thành vinh
hoàng hồ
nguyễn đăng thực
chu - tử
nguyễn thiệu lân
lê ngọc trụ
vũ hoàng cường
lam - giang
doãn quốc sỹ
vũ - kỷ
lê khắc lý
tạ kỷ
nguyễn liên
lê vinh thiệu
trần minh
bà đình xuân quảng
tường - linh
hàng minh hùng
phan vũ
hồ việt diệu
võ hòa khanh
phan bá phụng
nguyễn hữu thường
lê sử
phạm lời
nguyễn x. đăng v.v.

XUÂN VIỆT NAM



LÁ THƯ TÒA SQA

MẤY LỜI GỢI QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ

CHÚNG tôi xin chân thành gửi đến quý vị độc giả thân mến lời chúc đầu Xuân.

Khác hẳn những Xuân trước, Xuân năm nay có nhiều hy vọng vì cuộc tranh đấu của dân tộc đang đến giai đoạn quyết liệt nhất. Có lẽ Xuân Ất-Tý này sẽ quyết định hoặc còn cho chúng ta những mùa xuân đẹp đẽ tươi vui, hoặc sẽ không còn mùa Xuân nào nữa. Tuy nhiên, với tinh thần bất khuất của truyền thống dân tộc Việt-Nam, chúng ta không bao giờ mất niềm tin tưởng ở những mùa Xuân sắp đến.

Chúng tôi, một số đã trên 10 lần phải chịu cảnh không có một mùa Xuân nhưng nói cho cùng, mười mấy năm nay hầu như Xuân không đến với đồng bào chúng ta! Cảnh chiến tranh khói lửa, cuộc sống cơ hàn, đầy rẫy những bất công, và nhất là dưới chế độ độc tài, Xuân đã nhường chỗ cho mùa đông u-buồn bất tận.

Một năm qua, xảy ra nhiều biến cố, và mỗi lần như thế chúng ta thấy được những gì hủ bại và những gì mới mẻ. Mỗi lần như thế, chúng ta lại hy vọng. Chúng tôi chắc đủ quý vị là những chiến sĩ phải truy kích địch trong đêm giao thừa, dù là thương gia, học sinh, nông dân đang sống hồi hộp nơi vùng chưa được an ninh, hay sống trên vết tích tàn phá của trận bão lụt miền Trung. Quý vị vẫn vui Xuân vì có một niềm tin Chiến thắng. Vẫn vui xuân trong nguy hiểm bởi chúng ta là những người đang hành động quyết giành Tự-Do, Dân-Chủ, chứ không phải kẻ sống an ninh bất động trong nô lệ, áp bức.

Hơn nữa, Tết Nguyên-Đán thật là trọng đại đối với dân tộc Việt-Nam. Chừng nào chúng ta còn bảo vệ những truyền thống tốt đẹp, những nét độc đáo của dân tộc, chứ không ảnh hưởng một cách lố bịch ngoại lai từ Mạc-tu-Khoa, Bắc-kinh đồ, hoặc Ba-Lê, Luân-đôn, Nữu-ước, chừng ấy chúng ta vẫn còn nhận thức được tính chất thiêng liêng của ngày Tết đầu năm. Đề góp vào niềm vui huyền diệu của Tết, chúng tôi gửi đến Quý vị tập giai phẩm « Xuân Việt-Nam ».

Giai phẩm này gồm những bài hoặc mang một tâm trạng chưa chất nhưng bất khuất trong cảnh lao tù, hoặc một hoài bão, một kế hoạch, một quan niệm đóng góp vào công cuộc cách-mạng của Dân tộc. Có lẽ vì tính chất cổ-kính cố-hữu của ngày Tết và nỗi hân-hoan cởi mở trong dịp Xuân về, nên có những quan niệm, những ý kiến và nhận định tuy không giống nhau nhưng vẫn vui-vẻ trình bày chung trong giai-phẩm đặc biệt này.

Nói cách khác, giai phẩm Xuân Việt-Nam đã qui tụ được những tư tưởng, những chủ trương bất đồng. Đó là một điều đáng vui mừng. May mắn hơn nữa, một số văn nhân, thi sĩ, học giả, giáo sư Đại-học đã từng tranh đấu cho Tự-do, vui lòng đóng góp xây dựng « Xuân Việt-Nam ».

Chúng tôi hy vọng giai phẩm « Xuân Việt-Nam » này sẽ cống hiến một phần vui nhò trong gia đình Quý vị. Và chúng tôi cũng chỉ cầu mong được như thế.

Với niềm hân hoan và chí thành xin kính chúc Quý vị thực hiện được những điều mong muốn trong tương lai.

XUÂN VIỆT-NAM



NHÀ TÙ VÀ PHẠM NHÂN

■ PHAN-KHẮC-SỬU



PHAN KHẮC-SỬU
Ngoài tiền án chống thực dân Pháp còn bị 8
năm cấm cố vì cuộc đảo chính 11-11-1960
Được tự do sau 1-11-1963.

« Nhứt nhứt tại tù thiên thu tại ngoại », câu nói này thật chí-lý khi chúng ta bị tù. Tôi không thể quên được cảnh bị-dắt khi bị dầy và đi làm khổ sai ngoài Côn-đảo ở thời Pháp-thuộc... Và suốt một-thời gian dài nằm trong ngục kín dưới chế-độ Ngô-Đình-Diệm. Có lần vào cảnh đó mới thấm-thía được nỗi chua-chát của kiếp tù đầy.

Nhìn những con người ốm yếu, nhợt-nhợt gần như không còn ánh sáng mặt trời, nhìn những người tù chung thân khổ-sai tuy họ đi, đứng, làm việc nhưng hình như thần sắc, linh hồn đã rời khỏi thể xác rồi; nhìn những cảnh đó và chịu những thống khổ đó, chúng tôi tự hỏi không biết tội lỗi của họ, dù là tội sát nhân, cố ngang với sự hình phạt triển miên khổ sở mà họ phải chịu không? Vì đã mấy lần phải chịu đựng và chứng kiến cái cảnh tù tội ấy nên tôi mong ước làm thế nào phải cứu vớt những tâm hồn tê-diễn chết lịm trong cảnh lao lý. Theo tôi, nhà tù không thể giáo-dục con người, trái lại, chính nó un-đúc những cảm-hồn, những bất mãn cho con người. Nhà tù chỉ có giá-trị tạm giữ những người nguy-hiểm có hại cho nền an-ninh Quốc-Gia mà thôi.

Bởi vậy từ ngày đảm-nhiệm trọng trách Quốc-Gia tôi liền nghĩ đến nhà-tù và số tù-nhân bị quên lãng ở các chế-độ trước, nhất là những tù-nhân bị án nặng bị giam-giữ quá lâu. Tuy thế chúng ta vấp một trở ngại lớn vì hiện Cộng-Sản cố tình đánh phá Miền Nam nên không thể nào ân-xá những người đã tham-gia các cuộc phá hoại ấy được. Đến lúc thanh-bình chúng ta sẽ trả tự-do cho họ...

Người ta chia tù làm hai loại: chính-trị-phạm và thường-phạm. Riêng về thường-phạm chúng ta nên đặt mạnh vấn đề cải-huấn, không nên kéo dài quá lâu năm tháng giam-cầm, vì như vậy sẽ dầy họ vào một thể bí, họ đâm ra bất sá thì không còn hy-vọng lối kéo họ về con đường đạo-đức. Đứng về hạn tù-nhân này tuyệt-vọng rồi họ bị bọn tù Cộng-Sản mua chuộc, hoặc bị tuyên-truyền rỉ-rả để biến thành những đảng-viên Cộng-Sản! Phải làm thế nào cho họ tin tưởng chúng ta; họ nhận thấy lỗi lầm thật-sự để cải-hóa. Không có một hình phạt nào có thể cải-huấn một con người! Không thể lấy máu mà trị người phải lấy đức để cam hóa con người! Có những người nông nổi đại tội đã biến thành kẻ sát-nhân, tuy thế cũng không nên bắt họ suốt đời phải sống trong cảnh địa ngục. Lương tâm cắn rứt đủ là một hình phạt xứng đáng rồi, hơn nữa họ phải chịu hình phạt quá lâu, vậy nên ân-xá cho họ để họ tìm lại nguồn-sống đã mất từ bao giờ. Hiện nay tại Chí-Hòa và ngoài Côn-Đảo còn có những tù-nhân phạm pháp lúc người Pháp còn đặt nên đó họ nước chúng ta. Theo ý tôi nên ân-xá cho họ. Có những quân-nhân thuộc quân đội liên hiệp Pháp hoặc vì bất-mãn, vì say rượu hoặc vì tự ái của con người nên đã giết cấp-bậc chỉ huy người Pháp, những tù-nhân hạng ấy cũng nên được ân-xá!

Còn về chính-trị phạm, chúng ta nên xét kỹ nếu thấy họ không phải là những thành phần nguy hại cho nền an ninh thì hãy cho họ tự-do. Tôi tin rằng nếu chính-sách chúng ta thực sự phục vụ cho đại đa số quần chúng, thì nhất định thắng lợi về chúng ta. và dù có một thiểu số cuồng tín theo chủ nghĩa Maxis cũng không thể nào phá vỡ thành-trị cách-mạng của dân tộc ta.

Muốn công việc cho được chu-đáo, tôi đã chỉ-thị cho làm một sắc-luật để đại-xá các tù-nhân chính-trị thuộc thành phần Quốc-Gia. Tôi đã nhiều lần nhắc-nhở các cấp có thẩm quyền phải lưu-ý đến các phạm bị giam giữ quá lâu hầu tránh cái tình trạng bị bỏ quên.

Đó là những bước đầu của chủ-trương ĐỨC-TRỊ, NHÂN-TRỊ của tôi. Theo tôi, một Quốc-Gia muốn hưng thịnh nhất là về phương-diện chính-trị và đạo-đức, phải làm thế nào giảm hết mức số nhà tù, đồng thời tăng tối đa số trường học và nhà thương. Chế-độ trước thường tự hào đã kiến-thiết được một nhà tù Chí-Hòa hùng-vỹ nhất Đông Nam-Á; trái lại, tôi cho đó là một điều si-nhục, và đó cũng là một triệu chứng suy-sụp của chế-độ chủ-trương bá-đạo. Lúc nào chúng ta cũng nhớ rằng vận bất đức-di mới phạm đến tự do của con người! Và không một chiến thắng nào có thể so sánh với mạng sống của con người! Tôi mong rằng từ nay về sau nhà cầm quyền luôn luôn ý-thức điều đó, và hành-động nào cũng phải tránh cường-bạo, chỉ nên dựa vào NHÂN-NGHĨA mà thôi.

MÙA XUÂN CHIM LẠC

• Bài của HỒ-HỮU-TƯỚNG



HỒ-HỮU-TƯỚNG
Người tiên an công thực dân Pháp cần
bị án tù hình vi chống chế độ Ngô Đình
Diệm được tự do sau 1-11-63

NGUỜI Việt ta có cái tục, là mỗi lượt Tết đến, Xuân về, thì đem quả mà biếu cho những họ hàng, thân thuộc. Tôi kính cái tục ấy. Song tôi là một hàn sĩ, chút ít của cải đã bị chúng tước đoạt năm 1955, suốt chín năm, vợ vất vả làm mồi rán nuôi được bấy con đông, và từ khi ra tù, tôi chẳng làm được gì cho vô tiền, tôi không có phương tiện mà biếu quả vật chất cho những người thân mến. Mà số người thân mến này lại đông quá dồi. Ấu là chọn một món quà quý giá hơn những món quà thường mà biếu, một món quà màu nhiệm, cho bao nhiêu người cũng chẳng hết, càng cho nhiều càng quý hơn. Ấy là một món quà tinh-thần. Tất cả bạn đọc thấy là người thích hành-dộng, say mê hành-dộng. Thì món quà tinh-thần ấy là những « suy tư về hành-dộng », mà, nếu các bạn để ý suy tư theo, ắt giúp các bạn chẳng ít.

Tôi nói trước với các bạn rằng tôi không dùng cái xảo-thuật « mượn hoa cúng Phật », đem tư-tưởng của người khác mà phả vào văn viết, mà dâng cho các bạn. Những tư tưởng sau đây là thành-tích của hơn hai mươi lăm năm suy tư, sau khi tôi thoát-lệ khỏi chủ-nghĩa Mác-Lê, để xây dựng một ý-thức-lệ dân-tộc. Môn ăn có thể bị các bạn chê là không ngon. Nhưng đó là do công phu của tôi, dùng sản-phẩm của đất nước, mà xào nấu theo cái vị dân-tộc. Ít ra, khi các bạn thưởng-thức xong, các bạn nhìn nhận với tôi rằng quả là một món ăn dân-tộc.

I
Chúng ta thấy là người hành-dộng. Trong hành-dộng, học-thuyết, chủ-nghĩa, chiến-lược, sách-thuật, thấy là những phương-tiện. Ta có thể, và đó là điều nên làm mãi mãi, tùy hoàn cảnh, tùy thời, tùy đối-tượng mà thay đổi phương-tiện, không khác nào tay thợ khéo đòi công cụ để cho sản-vật, minh chế tạo được tuyệt khéo, tuyệt đẹp. Nhưng, những cái phương-tiện ấy đều là những bộ phận của guồng máy. Ráp guồng máy lại, nó vẫn chưa chạy được. Phải có tinh-lực thời-dộng nữa, thì máy mới chạy. Tinh-lực thời-dộng được sự hành-dộng là gì?

Vào đời nhà Minh, đầu thế kỷ XVI, Vương-Dương-Minh xướng ra thuyết « tri hành hiệp nhất ». Ca mấy thế kỷ, thiên hạ cho là lạ, song chưa nói được tinh-lực là gì. Giữa thế kỷ XIX, ở Đức, Marx xướng ra cái praxis có phần tế-nhị hơn nhiều. Thuyết praxis hấp dẫn được rất đông người. Nó cho rằng trong hành-dộng, có hai thành-phần. Một là lý-thuyết, để vạch đường, để soi sáng, để mở rộng và nâng cao phần thứ hai. Hai là thực-hành, để thực-hiện lý-thuyết trong đầu óc thành sự-thiết và rút kinh-nghiệm để bổ sung lý-thuyết. Lý-thuyết và hành-dộng ảnh hưởng nhau, sửa đổi nhau, bổ sung nhau trong một cái « quá trình biện-chứng » mà làm cho hành-dộng được nâng cao lên mãi.

Năm 1930, tôi đã lắt mắt vì cái hào-nháng của thuyết praxis mà nhập vào chủ-nghĩa Mác-Lê mà hành-dộng. Nhưng từ năm 1937, chủ-nghĩa này đối với tôi có thể sánh như một cây sum sê mà những rễ đã bị sùng ăn đứt lìa. Cho đến năm 1939, các rễ đều đứt, cây ngã một cái rầm. Chẳng ấy tôi mới thấy rằng cái praxis vì chẳng khác thân cây và cành lá ở trên. Còn gốc rễ của hành-dộng là đức tin. Mà trong ba năm, đức tin đã mất lìa, thì cây ngã. Đó là việc hiển-nhiên vậy. Cái đức tin xô tôi vào chủ-nghĩa Mác-Lê mà hành-dộng, là đức tin vào cái « sứ-mạng lịch-sử của vô-sân giai-cấp » vào phong trào cách-mạng của vô-sân ở các nước kỹ-nghệ. Thế mà năm 1933, vô-sân bại trận ở Đức; năm 1936, vô-sân Pháp không thêm làm cách-mạng; năm 1937 vô-sân Y-phân-Nho giết lẫn nhau, để lấy xác vô-sân mà lót đường cho độc-tài Franco... Tôi còn tin sao nổi nữa. Không tin nữa, tôi không hành-dộng được. Mà đồng thời, tôi đến một cái « giắc »; không khác nào nổi dưới gốc bồ-đề. Thích-Ca giắc được cái diệu-đề đầu. Tôi giắc rằng lý-thuyết và thực-hành chỉ là cái ở trên. Còn ở dưới nền là đức tin.

2
Mất đức tin cũ, nhiều người hành-dộng quảy lại mà không đi tới nữa. Hoặc họ còn thanh bạch, thì họ lui vào miêng ruộng, thửa vườn, hay trốn trong một tháp ngà nào đó. Hoặc dân không nổi tham vọng vật-chất, họ rẽ qua một con đường bán lương tâm mà cầu phú-quí. Hoặc điều-khiển không nổi bản năng cảm-hôn và trả thù, họ vạch một con đường phản-dân (như Mussolini xưa là xã-hội mà sang qua lối phát-xít). Nhưng tôi không dân thân vào lối nào trong ba lối ấy. Tiềm lực tôi hãy còn mạnh, mỗi phút tôi chẳng làm tôi đam mê, tôi kiềm chế nổi lòng căm-hờn và trả thù, tôi quyết tâm tìm một đức tin khác mà thay cho chỗ đã khuyết.

Bây giờ, sau hai mươi lăm năm lẩn mò, tôi tìm ra cái đức tin ấy và tôi trình ra đây để làm quà cho các bạn. Đức tin ấy, tôi đặt tên là MÙA XUÂN CHIM LẠC. Và dùng lời đề-hội ý, tôi phác qua cho các bạn thị-kiến cái đức tin ấy là thế nào. Nếu bạn nào thấy có thể chia sẻ đức tin ấy với tôi, thì tôi rất vui mừng mà mời bạn ấy trầm-tư thêm để đức tin được vững.

3
Nhà học-giả Đào-Duy-Anh, trong quyển NGUỒN-GỐC DÂN-TỘC VIỆT-NAM, có nêu ra cái thuyết rằng tổ-tiên của ta là một bộ-lạc, từ phương Bắc mà di-cư xuống phụng thờ cái totem là con chim Lạc, con chim thuộc vào loài ngỗng trời, gặp mùa đông lạnh-lẽo, biết trốn tuyết mà lập đàn bay về phương Nam để tìm ấm áp. Tổ-tiên ta, đàn người Việt, hưởng theo đàn chim Lạc mà xuống phương Nam, nên thờ chim ấy làm totem của mình và được gọi là Lạc Việt.

Tôi không phải là nhà sử-học. Tôi không đứng vào lập-trường sử-gia mà phê-phán thuyết ấy. Tôi là người hành-dộng, tôi thấy giá trị của huyền-thoại. Và tôi cho cái thuyết của Đào-quần là một huyền-thoại đẹp. Tôi phát-triển cái huyền-thoại ấy cho tận giới hạn của nó. Hễ có mùa Đông lạnh lẽo xưa con chim Lạc bay về Nam, ắt phải có mùa Xuân trở về đem ấm áp sưởi lại miền Bắc mà đưa chim Lạc trở về cùng với. Đông là lạnh lẽo, là tối tăm, là cơ hàn, là khổ não. Mà Đông cũng hết một mùa Xuân ấm áp, sáng sủa, no nê, vui tươi. Thì người Lạc-Việt thờ chim Lạc làm totem cũng mong ước một cái Xuân vi-dại. Giá trị mới của huyền-thoại là chỗ đó.

4
Và một người xưa, mà miền Nam tôn lên làm Phật-Thầy, lên lời tiên-tri rằng hạ-nguyên sắp đứt, thượng-nguyên gần kề. Nói một cách khác ấy là sắp hết Đông mà sang một cái xuân mới, xuân của đất

nước, xuân của nhân-loại. Hồi tôi còn thờ Marx, và cho rằng « tôn giáo là thuốc phiện của dân », tuy đã có nghe lời tiên-tri này, song tôi không chịu tin.

Bây giờ tôi tin.
Tôi tin, bởi vì gần hai mươi năm nay, một lực-lượng cách-mạng mới, ở ạt hơn, đông đảo hơn, có tiềm-lực hơn ủa vào sân khấu chính trị và hát và trở kếp như trên sân khấu. Ấy là nông-dân ở Á-châu và Phi-châu. Tôi tin, bởi vì hai cái văn-minh kỹ-sư và chánh-ủy, du nhập từ Tây-phương sang Đông-Phương, vừa thức tỉnh Đông-Phương, vừa làm cường thịnh Đông-Phương, vừa làm sống dậy những giá trị cũ xưa của Đông-Phương không khác nào vào thế kỷ XV « những phát minh lớn » đã làm sống dậy cái văn minh Hy-La. Một phục hưng mới mà tôi đã có dịp nhắc đến trong báo Hoa Đông mở một kỷ nguyên mới cho nhân-loại. Ấy là một mùa Xuân mới. Trong cái Xuân này, kéo dài ít nhất là năm trăm năm, và có thể là mấy ngàn năm, ban đầu văn minh tu-si phục-hưng và mạnh lên; rồi nó hòa-dồng hai cái văn-minh kia thành cái Văn-Hóa, « định xa thơ » cho tư tưởng chung của loài người.

5
Các bạn sẽ bảo : « Ấy là mùa Xuân chung cho loài người, nào phải là Xuân riêng của chim Lạc ». Thưa, thánh chất chung của loài người hẳn có. Mà riêng cho chim Lạc, cho giống người thờ chim Lạc có đôi nét riêng tư. Vì tôi tin thêm rằng, chính trên mảnh đất Việt này mà văn-minh tu-si sẽ mọc lên và sồn sồn, vì tôi hy vọng rằng sau này người Việt sẽ làm được việc tổng-hợp ba cái văn-minh để xây lên trên đó cái Văn-Hóa.

Vì sao tôi dám tin như vậy?
Vì dân-tộc lớn hơn hết, là dân tộc Tàu, đang say mê chủ-nghĩa Mác-Lê, sẽ từ chối và ngăn cản sự phục hưng của văn-minh tu-si. Vì dân tộc lớn thứ nhì, là dân-tộc Ấn lại bị kiểm tỏa trong Ấn-giáo là một tôn giáo không có thánh cách phổ cập. Vì dân tộc lớn thứ ba, là dân tộc Nhật, lại đam mê trong cái văn minh kỹ-sư. Còn trong hàng dân tộc nhỏ, thì dân Việt đã chịu loạn ly trong hai mươi năm, dân Việt phải cố gắng hơn ai hết để thoát cảnh loạn ly. Mà tạo được cái ý-thức-hệ để thoát nổi loạn ly... Kết cuộc là dân-tộc Việt làm được công việc ĐAI-HÒA-ĐỒNG, hòa-dồng dân-tộc, hòa-dồng tôn-giáo, hòa-dồng học-thuyết, hòa-dồng ba cái văn minh lớn đang tràn lên đất Việt. Làm được công việc ấy, hẳn là một vinh-hạnh. Thì mùa Xuân của nhân-loại, tước hết là mùa Xuân chim Lạc.

6
Tạo được cái đức tin vào mùa Xuân chim Lạc, tôi thấy tôi hằng say hành-dộng, không thua gì lúc hai mươi tuổi, tôi đắm thân sau ngọn cỏ của chủ-nghĩa Mác-Lê. Người ta, tuổi tôi tuy già, mà hồn tôi trở lại tươi trẻ. Tôi mời các bạn chia đức tin vào mùa Xuân chim Lạc với tôi. Tôi không lo đức tin ấy càng bị chia thì càng vơi. Tôi lại mừng rằng nó là nguồn thần càng mọc càng thêm đầy và đức tin tôi càng vững chắc.

Tinh-lực thời-dộng đã có Học-thuyết, chủ-nghĩa, chiến-lược, sách-thuật, trong thiên hạ, từ mấy năm nay người ta đã « xét lại » mà sa thải những cái cũ và lỗi thời và người ta đã sáng chế biết bao nhiêu cái mới. Ta chỉ mở mắt cho rộng để nhìn, lắng tai để nghe, chuyên tâm để học. Không bao lâu, ta sẽ du-nhập toàn những cái tốt tân về học-thuyết, chủ-nghĩa, chiến-lược, sách-thuật. Ta sẽ thiết lập một nhà máy hoàn toàn mới, guồng máy tối-tân. Ta có tinh-lực rồi, guồng máy sẽ quay mà sản xuất ra một sản-phẩm chưa hề có trên quai địa cầu. Ấy là cái

VINH-QUANG của dân-tộc Việt.

TRONG LÚC

XUÂN VÈ



TRẦN VĂN ÂN
Chủ nhiệm báo Đới Mới
Suốt đời tranh đấu chống thực-dân, chống
chế độ độc-tài. Bị chế độ Ngô-đình kết án
tù-hình ở Côn-đảo về sau ngày 1-11-1963.

CHÚC XUÂN

Năm cũ đi,
Xuân trở về.
Nước non rực rỡ sáng,
Cảnh sắc chiếu phương phi.
Năm khảm cảm thông với vạn vật,
Muốn cùng « thủy mộc vinh xuân huy ».

Xuân đi đâu ? Khéo bảo xuân về !
Năm ngoài cũng xuân về lại đi.
Trần thế mấy xuân rồi đó ?
Người đời chỉ có một xuân thì.

Xuân về,
Cảnh tươi.

Đâu mở chim ca hót,
Đang cành cây trở hoa.
Khắp trời xuân ý nào,
Màn đất ánh dương hòa.
Muôn loài nhứt thể đồng,
Xuân nào, há ta không !
Mất cái, chỉ không mất,
Còn đây những cảm thông.
Vì thế tôi ưng đau,
Cái đau của kẻ khác,
Và vui chúc đồng bào,
Đời Mới huy hoàng phát.

★

Gió đông mát,
Xuân bắt đầu
Với cái Tết Ngươn dần,
Người người tạm gác sầu.
Tôi cũng tạm quên mình khổn cực,
Đề cùng trời đất nhuộm tươi màu.

Xuân về cho những người thương nhau,
Ý vị hương trời ấm ngọt ngào.
Ai nỡ giành riêng mình thương thức,
Có người khép cửa lòng nao nao.

★

Xuân về,
Tôi chúc :

Năm mới vui thanh bình,
Chúc Ngươn dần Tết vinh,
Gia đình đầy hạnh phúc,
Khỏe sức, sáng tinh linh.
Xuân đắp nền văn hóa
Của con người Việt tân,
Và ra công kiến tạo
Sống động của toàn dân.

Lời chúc Tết

Nhân dịp Xuân về, Hội Ái-hữu
cựu chính-trị-phạm Quốc-gia
xin long trọng cầu chúc :

- TOÀN THỂ ĐỒNG-BÀO TRONG NƯỚC VÀ NGOÀI NƯỚC ĐƯỢC HƯỞNG ĐỜI SỐNG AN-NINH VÀ HẠNH-PHÚC.
- CÁC CHIẾN-SĨ QUÂN ĐỘI VIỆT NAM CỘNG-HÒA CHIẾN THẮNG VỀ-VANG ĐỂ CỨU NGUY TỒ-QUỐC
- NHÂN-LOẠI ĐƯỢC SỐNG TRONG TINH THƯƠNG HOA-BÌNH.

CHỦ TỊCH

Phan Bá Cầm



Tôi chúc đời tươi mãi,
Cho muôn loài sống qua
Trong tinh thần ái độ
Khỏi hận đã sinh ra.

Viet tại Côn-đảo trong lúc
năm khảm từ-hình, năm 1959

TRONG bản Tuyên ngôn của đảng Cộng sản do Karl Marx viết và công bố từ năm 1848, tôn giáo bị coi là « thuộc phiên đầu độc nhân loại ». Cho đến ngày nay, đảng Cộng sản Đông Dương hiện nay lấy tên là đảng Lao Động, vẫn tỏ ra tuyệt đối trung thành với nhận định ấy của Karl Marx. Trong cơ quan lý luận và chính trị cao nhất của đảng Lao Động là tạp chí Học Tập, số 84 xuất bản trong năm 1963, một lý luận gia của Trung ương đảng chuyên trách vấn đề tôn giáo tên là Vũ Lạc đã nhắc lại đúng luận điệu của Karl Marx khi anh ta nhận định về những hoạt động tôn giáo ở Bắc Việt ngày nay. Lý luận gia Vũ Lạc viết trong tạp chí Học Tập rằng :

« Trong điều kiện chính quyền đã về tay nhân dân (tức là do đảng Cộng sản nắm giữ) thì môn thuộc phiên tinh thần lưu hành vùng trộm càng ngày càng mất hiệu nghiệm. Song nếu cho rằng nó không còn tác hại trong quần chúng thì chúng ta lầm. Ở một số thôn xóm hiện nay, bên cạnh lớp người say sưa phần khởi sản xuất, học tập và công tác, vẫn còn một số bộ phận tin đồ bị kẻ địch lừa dối về chính trị và tư tưởng. Họ làm ăn một cách tạm bợ. Họ luôn luôn hoảng hốt trước những tin đồn nhảm về ngày tận thế, về Miền Nam Bắc tiến. Thời gian sống dưới chính thể mới chưa đủ để giúp họ trút bỏ gánh nặng tinh thần của hàng bao nhiêu thế kỷ phải làm nô lệ cho bọn bóc lột núp trong bộ áo hiền từ của tôn giáo... »

Trong tất cả các văn kiện chính thức của đảng Lao Động, mỗi khi nói đến tôn giáo là đáng báo giờ cũng coi tôn giáo là kẻ thù không thể đội trời chung.

CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG LAO ĐỘNG VÀ NHÀ NƯỚC HỒ-CHÍ-MINH ĐỐI VỚI PHẬT-GIAO và THIÊN-CHÚA-GIAO

L.T.S.— Căn bản của chủ nghĩa Cộng-sản trái ngược hẳn với Tôn-giáo ; bởi thế nơi nào Cộng-sản bành trướng thì nơi ấy Tôn-giáo phải chịu sự đàn áp. Ai có ở trong vùng Cộng sản chiếm có thì thấy được cảnh tiêu điều hoang-phế của các ngôi chùa, nhà thờ... và các vị tu-si, nếu không bị ám hại, thì cũng thành tù nhân ! Cộng-sản có những kế-hoạch qui-mô để tiêu-diệt tôn-giáo. Họ không chỉ một thủ-đoạn, một phương tiện nào dù đã man rợ, miễn sao đạt cho được mục-dịch : diệt phân-siêu-hình, loại trừ đức-tin và phủ nhận linh-hồn... !

Bằng vào các văn-thư như nghị-định, chỉ-thị có đăng trên báo chí ở Hà-nội, ký-giá Như-Phong Lê-văn Tiến trình bày sự đàn-áp Phật-giáo và Thiên-chúa-giáo ở Bắc-Việt. Qua kế hoạch đàn áp tôn giáo một cách công khai, có in trên báo chí, những ai chưa biết Cộng-sản cũng có thể đoán được sự tiêu diệt tôn-giáo trong bóng tối của tập đoàn Hồ Chí Minh — Phạm Văn Đồng như thế nào... !

Như-Phong LÊ-VĂN-TIẾN

si tay chân của chúng đã tìm cách khắc sâu vào tâm trí người tin đồ thuyết định mệnh. Chúng ta không lấy làm lạ khi thấy nhiều gia đình tin đồ tôn giáo, giờ tụng kinh lần tràng hàng ngày chiêm mắt khá nhiều thời gian, thậm chí lẫn cả vào giờ ăn, ngủ, nghỉ ngơi của người lao động...

Trong xã hội có tín ngưỡng, các vị tu sĩ của các tôn giáo luôn luôn được mọi người yêu mến và kính trọng, thường khi được yêu kính hơn cả các bậc quyền thế phạm tục. Là vì các tu sĩ là những người tự nguyện từ bỏ vinh hoa phú quý để chọn sự nghèo khổ khổ khăn để đem ánh đạo nhiệm màu soi sáng khắp nhân loại. Giáo hội Phật giáo được thay mặt bởi các vị « Tăng hoặc Tăng Già, tức là một số đồng chư Tăng, từ bốn vị xấp lên, cùng nhau hòa hợp chung sống với nhau theo phép hòa kính (tức là Lục Hòa) đúng theo lời Phật dạy. » Giáo hội Thiên Chúa giáo được thay mặt bởi các hàng Giáo sĩ tức là « những người thừa hành của Thiên Chúa và quản lý phân phát những màu nhiệm của Thiên Chúa », như thư của Thánh Phêrô đã viết.

Còn ở Bắc Việt ngày nay, nhà nước Hồ Chí Minh sắp hàng các tu sĩ (Xem tiếp bên trang 5)

Riêng về việc đấu tranh chống tôn giáo và nhằm mục tiêu diệt ảnh hưởng của tôn giáo ở Bắc Việt ngày nay, Ban Bí thư Trung ương của đảng Lao Động đã ra một bản chỉ thị đặc biệt. Đó là bản chỉ thị ghi số 22/CT-TU. Trong bản chỉ thị này, Trung ương đảng Lao Động đã nói rõ rằng đấu chống tôn giáo là « một vấn đề khổ khăn phức tạp, có nội dung đấu tranh giai cấp gay go và tính chất chính trị đặc biệt ».

Đảng Lao Động coi cuộc đấu tranh của họ chống tôn giáo là cuộc đấu tranh một mất một còn. Đó là lẽ tất nhiên, vì rằng tư tưởng của họ thuộc về hệ tư tưởng duy vật có hoàn toàn trái ngược với hệ tư tưởng của tôn giáo. Áp dụng vào cuộc sống của xã hội loài người, giáo pháp của Phật Giáo gồm Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện, Tứ Đệ, Bát Chính Đạo, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ, cũng như giáo pháp

của Thiên Chúa Giáo hàm chứa trong Mười Điều Răn, đều cùng thiết lập cho loài người một nền tảng tư tưởng có thể làm cho đời sống xã hội càng ngày càng tiến đến gần chân thiện mỹ. Đảng Lao Động luôn luôn cực lực bài xích những giáo pháp ấy. Trong tạp chí Học Tập của Trung ương đảng, lý luận gia Vũ Lạc đã viết rằng các giáo pháp chỉ là « những thủ đoạn xảo quyệt, để hèn nhất, hòng kìm hãm tin đồ trong vòng tối tăm » và là « xiềng xích trói buộc tin đồ về mặt tinh thần ». Lý luận gia Vũ Lạc của đảng Lao Động đã còn viết rõ hơn như sau đây :

« Ngoài việc lệ thuộc vào ý thức phong kiến tư sản, người tin đồ tôn giáo còn bị đầu độc, trói buộc bởi những thứ triết lý duy tâm thần bí và những luật lệ hà khắc của các giáo hội... Trong những năm thống trị nước Việt Nam, bọn đồ tể phong kiến càng huy tu



Thần :

Táo-quân hạ-giới
Năm hết, Tết tới
Nhớ lệ Thiên Đình
Xin có lời trình
Tâu cùng Thượng-Đế :
Những chuyện đáng kể
Ở dưới trần-gian
Thì có trăm, ngàn
Thần xin tóm tắt :
Khắp trên mặt đất
Trong suốt năm Rồng
Vẫn còn lòng-thông
Chuyện Nga, chuyện Mỹ
Kút-Xếp vừa bị
Hạ hệ thật đau
Hồng chi chơi nhau
Là trò Cộng-sản !
Hoan-hô buổi sáng
Buổi chiều chửi um !
Thiệt là tùm lùm
Cái dân Mác-xít !
Lại còn chơi quít
Không chịu đóng tiền
Trong mấy năm liền
Ở Liên Hiệp Quốc !
Nói nghe thì được
Làm chẳng ra gì
Coi bộ ù-li
Hơn thằng khố rách
Xin trời có cách
Trị chúng một phen
Không chúng sẽ lên
Phà thiên cung đó !
Thần xin tâu rõ
Chuyện của phương tây
Mỹ quốc lâu nay
Vẫn là mạnh nhất
Xe hơi chật đất
Hỏa tiễn đầy trời
Tổng thống một ngôi
Jôn-Son đặc cử
Truyền thống Dân chủ
Trùm cả bốn phương
Nhân-loại có đường
Thoát tay quỷ đỏ
Than ôi chuyện đó
E cũng còn xa
Bối vi tà-ma
Lâm-lê ngư trị
Đồ-Gôn đánh đi
Bắt tay họ Mao

Đại-sứ đòi trao
Tiệc-tùng thả cửa
Thần e khối lửa
Lan khắp Á Châu
Bối vi Cộng Tàu
Là phường hiếu chiến
Chung nó tinh chuyện
Thi đua võ-trang
Đề được ngồi ngang
Đàn anh thế giới
Miệng thì la-lời :
Hòa bình ! hòa bình !
Nhưng lại rập rình
Thử bom nguyên tử !
Ngoài ra chúng cứ
Phá phách đồ đây
Ái-lao khói bay
Việt Nam máu chảy !
Cao-Mên lại cây
Ôm chân quan thầy
Lâu lâu lại gây
Vấn-đề biên giới
Khi không la lời :



« Em bị chúng chơi !
Nguy quá trời ơi
Em chịu hồng thấu ! »
Thần xin khải tâu
Vài chuyện lai-rai
Chuyện Đại-Mã-Lai
Vẫn còn lộn-xộn
Nam Dương làm hỗn
Đồ bộ lung-tung
Bị bố nổi khùng
Chửi luôn cả Mỹ !
Phi châu tự trị
Chưa được ba năm
Sát khí bao trùm
Rừng xanh núi đỏ
Da trắng, mũi lõ
Bị giết như chơi
Thế-giới kêu trời
Dần đen lâm tới
Một vài thay đổi
Tại xứ Nữ-Hoàng
Bảo thủ thua ngang
Uynh-xôn thắng phiếu
Đường lối chẳng hiểu
Thay đổi ra sao
Ngã theo phe nào ?
Hay là đứng giữa ?
Còn vài chuyện nữa
Chẳng quan trọng gì
Thế giới chung quy
Vẫn còn lộn-xộn.
Nhỏ mà ra lớn
Cái chuyện Việt Nam

Từ hai mươi năm
Lầm vòng chinh chiến
« Sáu ba » chính-biến
Cách mệnh ra đời
« Sáu tư » cơ trời
Bảy trổ chính lý
Thắng tám năm ấy
Hiện chương Vững Tàu
Tướng Khánh mưu cao
Chịu lui một bước
Hội-Đồng « Cửu Quốc »
Miền Trung ra đời
Nhập nhàm lối thời
Bảy trò ba-lá !
Sinh viên các ngã
Đồ xô ra đường
Xé cả hiến-chương
Lập Tam-dầu-chế
Ổn định tình thế
Triệu Thượng hội đồng
Đề làm bung-xung
Cho vài chinh khách.
Được « tiếng » trong sạch
Ngài Thủ tướng Hương
Nhưng cũng khó lường
Cái thời diên đảo !
Bèn phe Phật giáo
Chống đối thất hằng
Biểu tình, xuống đường
Liên-miên bằng thích !
Cuối năm dương lịch
Tướng trẻ nổi khùng
Bất Thượng hội đồng
Đưa lên trên núi
Bị nghiền đường lối
Lại họp mị nhau
Kêu sợ đề lâu
Bệnh này hết thuốc ?
Chuyện thua, chuyện được !
Chuyện đánh, chuyện hòa
Chuyện vô, chuyện ra
Còn nhiều biết mấy !
Khẩu đầu thần lay
Xin Trời tha cho,
Thần sẽ « rập-bo »
Gởi bằng hòa tiền...

Cần tâu Táo quân hạ giới.
XUÂN VIỆT-NAM

chính sách của đảng lao động và nhà nước hồ chí minh ★ chính sách của

Phật giáo và Thiên Chúa giáo vào thành phần giai cấp nào trong xã hội ?

Câu hỏi này đã được trả lời hết sức rõ rệt trong một văn kiện chính thức của nhà nước Hồ Chí Minh ban hành từ năm 1953. Đó là văn kiện ghi số 239/b—TTG do Phạm Văn Đồng ký ngày 5 tháng 3 năm 1953, với nhan đề **Bản phân định Thành phần Giai cấp**. Công báo của nhà nước Hồ Chí Minh đã ghi rõ rằng : văn kiện này được ban hành « theo nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp ngày 1 và 2 tháng 3 năm 1953, sau khi Ban Thường trực Quốc hội thỏa thuận và Thủ tướng Chính phủ ban hành ».

Trong bản Phân định Thành phần Giai cấp của nhà nước Hồ Chí Minh, các tu sĩ Phật giáo và Thiên Chúa giáo được sắp hạng/áp chót trong mọi thành phần và chỉ đứng trên hạng chót mà nhà nước Hồ Chí Minh gọi là **thành phần lưu manh**. Trong văn kiện này, các vị tu sĩ Phật giáo và Thiên Chúa giáo được gọi là « những người làm nghề

tôn giáo » và bị sắp vào cùng một thành phần giai cấp với những người chuyên kiếm sống bằng việc khai thác những thói tục mê tín trong nhân dân. Sau đây là nguyên văn đoạn trong văn kiện của nhà nước Hồ Chí Minh phân định thành phần giai cấp của « những người làm nghề tôn giáo » :

Hạng thứ 11 : Những người làm nghề tôn giáo. — Những người dựa vào nghề nghiệp tôn giáo hay mê tín làm nguồn sống chính đây. Ba năm, như cha cô, sư sãi, thầy chùa, thầy đồng thầy địa lý, bói tướng vân vân... thì gọi là người làm nghề tôn giáo hay làm nghề mê tín.

Trong đời sống thực tế ở Bắc Việt ngày nay, các tu sĩ Phật giáo và Thiên Chúa giáo còn bị coi là hạng người **phản động số 1** đối với đảng Lao Động và nhà nước Hồ Chí Minh. Trong tập chỉ Học Tập số 84, lý luận gia Vũ Lạc của đảng Lao Động đã viết rằng : Mỗi chính sách của đảng và nhà nước như cải cách ruộng đất, hợp tác hóa nông

ngiệp, xóa nạn mù chữ, bỏ tục văn hóa vãn, vân... đang gặp phải sự phản ứng điên cuồng của bọn phản động lợi dụng tôn giáo. Bọn này đã dùng những thủ đoạn xảo quyệt, để hèn nhất, hòng kìm hãm tiến bộ trong nước đối rách ».

Ở một đoạn khác, lý luận gia Vũ Lạc của đảng Lao Động còn cho biết rằng, theo nhận định của trung ương đảng, những khi cần thiết, việc trấn áp các tu sĩ của các tôn giáo cần phải đặt lên hàng đầu, và phải được coi là công tác quan trọng hơn hết mọi công tác khác. Ở đoạn này, lý luận gia Vũ Lạc viết rằng : « Do chính sách ngu dân của bọn phản động chó đẻ nên người tín đồ tôn giáo tiếp thu chính sách cách mạng (vô sản) cũng có phần chậm hơn những cộng dân trung bình khác. Bởi vậy bọn phản động lợi dụng tôn giáo thường nhắm vào chỗ yếu đó để gieo rắc hoang nghi trong quần chúng tín đồ, hòng đẩy họ tới chỗ cự tuyệt ý định tốt của đảng và nhà nước. Việc (Xem tiếp trang 33)



PHAN QUANG ĐÁN
7 năm cầm cố đày Côn Sơn vì tham gia
vụ đảo chính 1-11-60 được tự do sau
1-11-63

LƯƠNG ĐẢNG hay ĐA ĐẢNG?

● Bài của PHAN QUANG ĐÁN

TINH bình đảng phái Việt-Nam ngày nay vô cùng phức tạp. Nội bộ quốc gia chưa ổn định, lực lượng quốc gia còn phân tán, ý chí quốc gia còn rời rạc, một phần lớn là vì chúng ta thiếu một cơ sở chính đảng vững mạnh.

Trong lúc đảng phái quốc gia Việt-Nam còn đang ở trong giai đoạn chuyển mình, chưa nhất quyết tiến đến chế độ nào, chúng ta hãy thử nghiên cứu tình hình đảng phái ở các nước khác trên thế giới và xem rõ có bao nhiêu đường đưa các đảng phái đi tới đâu? Mặc dầu hoàn cảnh mỗi quốc gia một khác, có những thông lệ chung không rõ ràng nào, không đoàn thể nào ra ngoài được.

GAT BỎ ĐỘC ĐẢNG

Trước hết chúng ta loại bỏ, nhất quyết không theo con đường độc đảng. Dù là cộng sản, dù là phát xít hay độc tài phong kiến - kiểu Ngô - đình Diệm, độc đảng bao giờ cũng là độc tài. Khi chưa nắm được chính quyền thì những kẻ chủ trương độc đảng âm mưu cướp chính quyền. Khi cướp được chính quyền rồi thì công việc đầu tiên của họ là tiêu diệt các đảng phái khác để một mình chiếm giữ chính quyền làm độc quyền.

Chúng ta, trái lại, chủ trương rằng chính quyền phải ở trong tay dân, sự lựa chọn hay thay đổi chính quyền phải vì dân, bởi dân và do dân và phải thực hành trong hòa bình và trật tự bằng những cuộc bầu cử tự do và hợp pháp.

Con đường độc đảng đã loại bỏ thì còn lại mấy con đường đã, đang, lương đảng hay tam đảng.

SÁU ĐẢNG ĐỦ TÊ LIỆT

Nói đến chế độ đa đảng thì người ta nghĩ ngay đến Đệ Tứ Cộng Hòa Pháp. Lúc bấy giờ Pháp chỉ có sáu đảng: Phong trào Cộng Hòa Bình Dân, Đảng Cấp Liên, Đảng Cộng Hòa Độc Lập, Tập Đoàn Dân Tộc Pháp, Đảng Xã Hội và Đảng Cộng Sản.

Chưa nói đến hai mươi mấy Đảng, chỉ có sáu đảng thôi mà sự tranh chấp chính trị trong quần chúng, và trên nghị

trường cũng đã làm cho nước Pháp tê liệt và đưa Đệ Tứ Cộng Hòa Pháp đến chỗ cáo chung.

Chúng ta lại nên nhớ rằng nước Pháp lúc bấy giờ tuy làm phải cái học chiến tranh thuộc địa vì còn nuôi tham vọng đế quốc, nhưng trên chính đất Pháp thì họ an hưởng thái bình, lãnh thổ thống nhất trọn vẹn, không có nạn ngoại xâm mà cũng không có nạn nội chiến. Nước Pháp lại giàu kinh nghiệm dân chủ, có tập quán dân chủ đã hơn 200 năm và các đảng phái đều có cơ sở vững vàng.

Vậy mà trong nhiệm kỳ Quốc Hội Thứ Nhất, từ tháng 11 năm 1946 đến tháng 7 năm 1951, Pháp phải thay đổi chính phủ mười một lần. Qua nhiệm kỳ Quốc hội thứ hai, trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 1951 đến tháng 6 năm 1954 Pháp lại phải thay đổi chính phủ thêm 5 lần nữa. Từ tháng 6 năm 1954 đến tháng giêng năm 1956 lại phải thay đổi chính phủ thêm hai lần nữa. Sau đó, chính phủ kế tiếp nhau như chớp nhoáng. Và đầu tháng 6 năm 1958 thì Đệ Tứ Cộng Hòa Pháp cáo chung để thuộc về lịch sử làm gương cho mọi quốc gia soi gương, gương cổ điển của đời sống chính trị bấp bênh mà chế độ đa đảng vô kiểm soát dành cho mọi quốc gia.

ĐẾN KÉO QUÂN

Tình chung cả lại thì Đệ Tứ Cộng Hòa Pháp đã chưa đầy 6 tháng lại thay đổi chính phủ một lần. Thật là như đèn kéo quân. Tết Trung - Thu, rằm tháng tám vậy!

Trong tình trạng như vậy, có chính phủ nào làm được việc gì đâu và có chính phủ nào có thể làm được việc gì?

Thoạt đầu thì Tân Thủ Tướng được Tổng Thống chỉ định phải thảo luận với đảng của mình. Vì không có đảng nào đủ đa số trong Quốc hội nên ông ta lại phải thương thuyết với vài đảng khác để thỏa thuận với nhau về một chương trình tối thiểu cùng danh sách chính phủ liên hiệp. Đoàn ông ta lại phải trình bày chương trình và trình diện chính phủ với

Quốc hội. Những công việc phức tạp này có khi kéo dài hàng mấy tuần.

Được Quốc hội chấp thuận, các Ông Bộ trưởng lại người nào phải lo tổ chức văn phòng của người ấy và tiếp xúc với nhân viên trong bộ cũng nghiên cứu hồ sơ và chương trình của bộ. Công việc này đòi hỏi hàng tháng.

Công việc bắt đầu thông thuộc thì chính phủ cũng bắt đầu bị các đảng phái đối lập đả kích. Nhiều khi các đảng phái đứng chung trong chính phủ, nắm tay nhau chưa ấm tay lại đã chia rẽ, phân đôi nhau về một vài chi tiết. Thế là chính phủ tan rã hoặc bị lật đổ để nhường ghế cho một chính phủ khác cũng lại đi vào con đường cũ. Cái vòng luẩn quẩn, cái trò múa rối cứ thế tái diễn cho đến khi đến tận thì mới hết thấy kéo quân. Dân chúng dần dần mất tin nhiệm ở đảng phái và chế độ đảng phái, không phục vụ được quốc dân, tự nó đi đến chỗ suy tàn vậy.

LƯƠNG ĐẢNG NHIỀU SỐ TRƯỞNG

Trái với nước Pháp rất bấp bênh dưới chế độ đa đảng của Đệ Tứ Cộng Hòa những quốc gia khác như Anh, Mỹ, Úc áp dụng chế độ lương đảng đều được hưởng một đời sống chính trị vững vàng mặc dầu không kém phần sôi nổi hào hứng. Thật ra, đời sống chính trị có vững vàng thì mới có hào hứng thật sự, vì lúc bấy giờ mới có sự phục vụ, hướng ứng của dân chúng. Chớ Đảng rồi beng, nát như tương, như cám thì dân nào mà chẳng đâm ra chán ngấy, trở nên thờ ơ, lạnh nhạt.

Trên nguyên tắc, chế độ đa đảng có vẻ tự do, phóng khoáng hơn chế độ lương đảng. Nhưng trên thực tế thì không phải như vậy. Ở những nước theo chế độ lương đảng, cũng có đủ xu hướng chính trị từ cực tả đến cực hữu. Từ lương chính trị cũng được phát huy một cách hết sức phong phú.

Sự đấu tranh chính trị diễn ra không những giữa đảng này và đảng khác mà còn ngay trong nội bộ của mỗi đảng.

Mỗi một chính đảng do đó trở nên một trường huấn luyện chính trị, một trường tập sự dân chủ đặc lực và kiến hiệu vậy.

Về phương diện kiến tạo đời sống chính trị quân bình, vững chãi thì như ta đã thấy, chế độ lương đảng hơn chế độ đa đảng đứt đuôi đi rồi.

KHÉO NÓI ÂU-MỸ

Nhưng độc giả có người sẽ bảo: « Đó là chuyện Âu Mỹ. Bên ta khác! ».

Đông Tây thật ra chỉ khác nhau về chi tiết, do hoàn cảnh địa dư và lịch sử tạo ra. Còn luật tạo hóa về phương diện vật lý học cũng như xã hội học ở mọi nơi đều áp dụng như nhau. Và bề giống nhân thì giống quí.

Chúng ta sẽ thấy rõ điều này khi nghiên cứu hoàn cảnh các nước Á châu.

NAM-DƯƠNG ĐẢNG NHƯ NĂM

Lịch sử Nam Dương rất nhiều điểm giống lịch sử Việt Nam. Nam Dương bị Hòa Lan đô hộ mãi cho đến năm 1942 thì Nhật Bản đánh bại Hòa Lan trong một cuộc chiến tranh chớp nhoáng để làm bá chủ quần đảo này.

THƠ TA - KÝ

Nhập Vô Cùng

Ôi! ngày mai khi gió chẳng còn xem,
Vũ trụ là sân banh thao thuật.
Tôi làm gì? Chẳng gục đầu suốt mướt
Mà lệ rơi lút cả đầu chân em.
Qua muôn trùng sông núi chẳng hề quen
Nghe tiếng máy đập tan niềm cảm hứng.
Trời xanh lướt, một vì sao đang rụng,
Hạt vì sao... không, nhiều lắm anh ơi!
Qua không gian nghe vờ giọng ai cười?
Nức nở đầy tơ, khúc đàn bạc mệnh,
Tôi yêu em, không thuê nhà ở cạnh,
Chẳng hề mong bắt được chiếc kim thoa
Tuổi trăng tròn em đã quá nhiều chưa?
Hóa hạnh nở bên tường rồi chừ nỉ?
Có sao đâu, được biết nhau là quí.
Mười trời xanh lòng em lại chuyện châu Thai.
Ba trăm năm còn lại tiếng than dài!
Đóa hoa bẽ ngời đóa hoa thêm bờ ngõ
Nhìn trời xanh lòng hoa thêm bờ ngõ
Nên nhiều khi đầu cúi, đáng bằng không
Hồn thảo-hoa rồi cũng nhập Vô-Cùng...

TA-KY

Nghe khuyến công chúa kể:
— Thế rồi, con bị cảm ở mẹ say, quên cả trách nhiệm.
Đến chừng nghe nói từ phòng phát hỏa, hơi nóng bốc lên,
lửa phụt sáng người, con chột tỉnh chạy đến thì rượu chừng
quá nồng, bốc thành hơi xông lên, gập lửa, phát cháy. Cũng
may mà từ phòng cái bằng lưu ly, mà náo, xa cừ, tại có
trăm ngọc từ hoa nên không phát cháy theo. Nhưng con
không chịu được mới chừa rượu tiền từ nồi nhàu mà chạy
phòng phùng, không còn một giọt.

Cầu Phật, chư Tiên nghe kể, ngăn người không hiểu
sao một nàng công chúa ngoan ngoãn như Tiên-Dung lại có
thể bị cảm ở đường ấy. Bềng Ngọc Hoàng lại đi thấy theo.
Thẹn vì mới đi khách quí đến, mà không còn một giọt rượu
tiền để đãi khách. Thẹn thêm vì đưa con gái út thủ thân trước
Phật Tiên vì mình đi bị cảm đó. Rồi vì gia phong, vì để
lâm cho luật từ được tôn nghiêm, Ngọc Hoàng pấn:

— Trọng tội như thế này người phải đi thủ thân trước
trên mà tu luyện lại để chuộc tội.

Tiền-Dung công chúa chỉ con lay chái mà vắng lịnh, rồi
lay mặt, rồi lụy, mà cứ biết.

Chư Phật, chư Tiên không dám nói thế nào, vì từ xét
một cái lỗi như vậy về không trị tội thì làm sao giữ được
vụ nghiêm của luật trời. Còn cả Phật Di-Lặc, vì Phật đang
hoài báo cái mạng lớn là sửa đời luật trời cho hiệp với sự
tiên hóa của người, của vô từ. Phật Di-Lặc e rằng trong
việc Tiên-Dung công chúa phạm tội này ít có điều trách án.
Ngồi bên gọi **Tiền-Dung công chúa** đến an ủi:

— Nay con bị đầy xuống trần gian, con có mong được
đầu thai làm thế nào, con cứ nói, bất-lậu có đầu được làm

thì bác sẽ có gang cho.
Tiền-Dung công chúa ngập ngừng rồi thưa:
— Nếu bác thương tình, con lay bác xin bác tâu với vua
chúa để cho đầu thai làm con một nhà.
Phật Di-Lặc lấy làm lạ hỏi:
— Tại sao con muốn đầu thai làm giống vật chỉ có ăn
giấy mực, mực hôi, loài người thù ghét, gập đầu là giết đó,
lại đem thuốc độc mà pha vào giấy, vào hồ, để con ăn phải,
thì chết ngay?
Tiền-Dung công chúa then thừng thưa:
— Con vốn biết cái kiếp của con một sách là thế, nhưng
mà trốn được là một chuyện lý thú mà dùng nửa chừng, còn
tiết không cùng. Con nguyên chí xuống trần, tìm khắp nơi
quyển sách con đã đọc một phần để đọc nốt cho hết đó. Mà
có giống gì mãi mãi sống hàng sách vô ngoài ra con một
sách?

Nghe thuật đến đây, **Lân-Trinh chân** ngang hỏi:
— Vậy thì **Tiền-Dung công chúa** được đầu thai làm con,
một sách à?
— Chính là như vậy! Này...

Nàng đã đời đời kiếp kiếp lần lữa tất cả đó các thế, vẫn
khấp tể tả sách để tìm một quyển như quyền minh đã,
được đọc lúc con ở thiên đình. Thế mà chưa gặp tên lạng
trường kéo dài một nghiệp ăn giấy mực, mực hôi. Và khi gặp
người, thì bị giết.

Đứng là một phút để nên sự cảm động, nàng nói tiếp:
— Chỉ có một lần thôi, **Tiền-Dung công chúa** không bị
giết. Vừa bị tự để tìm một quyển như quyền minh đã,
được đọc lúc con ở thiên đình. Thế mà chưa gặp tên lạng
trường kéo dài một nghiệp ăn giấy mực, mực hôi. Và khi gặp
người, thì bị giết.

Hồ Hữu Tường

Quốc Gia Nam Dương (P.N.I.)
chỉ giữ được có 65 ghế. Đảng
quan trọng thứ nhì là Đảng
Hồi giáo (Masjumi) được 59
ghế. Đảng Nahdlatul Ulama
của các thầy Đạo đứng
vào hàng thứ ba với 54 ghế.
Đảng Cộng sản được 49 ghế.
Đảng Tin lành (Parkindo) được
9 ghế, Đảng Công giáo được
5 ghế, Đảng Xã hội 3 ghế, tất
cả các nhóm linh tính khác c
ghế.

**SUKARNO CHON
ĐANG PHAI**

Hai đảng lớn nhất là P.N.I.
và Masjumi họp lại cũng chưa
đủ đa số, vì vậy phải liên kết
với nhiều nhóm nhỏ khác để
thành lập Chính phủ Liên-
Hiệp. Nhưng vì quá nhiều
mâu thuẫn và tranh chấp nội
bộ, chính phủ này tỏ ra hoàn
toàn bất lực và năm 1957 thì
sụp đổ.

Chế độ đa đảng ở Nam
Dương đã phô diễn một quang
cảnh tranh giành nạt bét đã
không làm được việc gì hữu
ích, vì vậy mất hết tín nhiệm
của dân chúng Nam Dương.

Thừa cơ hội ấy Tổng Thống
Sukarno tuyên bố nên «chôn»
hết thảy các đảng phái và
thành lập một chính phủ
không đảng phái.

Qua đầu năm 1960 Sukarno
giải tán Quốc Hội và kể từ
bấy giờ cai trị hoàn toàn bằng
sắc lệnh.

Dự luận cho rằng Sukarno
chôn đảng phái. Nhưng kỳ
thực thì chính các đảng phái
Nam Dương tự chôn vậy.

**ĐẠI-HỘI: ĐỘC TÀI
QUÂN NHÂN**

Đại Hội là một quốc gia
tạo được chính thức thành
lập năm 1947 trên một căn bản
tôn giáo, đạo Hồi Hồi.

Liên minh Hồi giáo là đảng
lớn nhất thành lập chính phủ
với ông Jioah làm toàn quyền
và ông Lisqat alí Khan làm
Thủ Tướng. Một Quốc Hội
Lập Hiến được tổ chức để soạn

thảo Hiến pháp và đồng thời
giữ nhiệm vụ của một cơ quan
lập pháp. Liên Minh Hồi
giáo nắm giữ chính quyền từ
năm 1947 cho đến năm 1954.

Lúc bấy giờ nhiều chính
đảng khác phát triển và không
có một đảng nào chiếm được
đa số trong Quốc hội, kể cả
Liên Minh Hồi giáo. Vì vậy
từ cuối năm 1954 đến năm
1958 tình hình chính trị rất
bấp bênh. Các Ông Mohamed
Ali, Chaudhri Mohamed Ail,
Suhrawardy và Malik, Firoz,
Khan Noon nối tiếp nhau làm
Thủ-Tướng để thành lập
những chính phủ liên hiệp
bất lực, mệnh yếu như nhau.
Chế độ đảng phái mất hết tín
nhiệm của dân chúng. Tình
hình Đại Hội trở nên trầm
trọng:

Vì vậy ngày mùng 7 tháng
11-1958 ông Iskander Mirza
làm Tổng Thống từ năm 1956,
giải tán Chính phủ, giải tán
Quốc Hội và hết thảy các đảng
phái, hủy bỏ Hiến pháp và
thiết quân luật. Tướng Ayub
Khan, Tổng Tư lệnh Quân đội,
lên nắm chánh quyền và ngày
27-11-1958 thay thế ông
Iskander Mirza làm Tổng
Thống với toàn quyền quân
sự và dân sự trong tay.

**AN ĐỘ:
ĐỐI LẬP TRÒ CHƠI**

An Độ chính thức thủ hồi
chủ quyền đối lập năm 1947.
Từ bấy giờ cho đến ngày nay
Đảng Quốc Đại liên tục giữ
chính quyền và chưa thấy có
chính đảng nào khác có thể lên
nắm chánh quyền trong tương
lai. Ông Nehru làm Thủ-
Tướng Ấn độ trong mười bảy
năm trường cho đến khi ông
mất ngày 27 tháng 5 năm 1964.

Trong Quốc hội thứ nhất
của Ấn Độ bầu cử tháng giêng
năm 1952, Đảng Quốc Đại
chiếm giữ đa số tuyệt đối với
362 ghế trên tổng số 489
ghế. Trong những cuộc bầu
cử kế tiếp, Đảng Quốc Đại
vẫn duy trì ưu thế.

Phe đối lập chia làm 14

đảng, nhưng không có đảng
nào quan trọng cả. Mặc dầu Ấn
độ được hưởng đầy đủ mọi
tự do dân chủ và các đảng
đối lập được tha hồ tổ chức và
phát biểu ý kiến trên báo chí
cũng như ở nghị trường, ảnh
hưởng của họ không có gì hết.
Đối lập vì quá chia rẽ nên yếu ớt
và chỉ là một trò chơi mà chính
quyền không đem xía đến.

Thiếu một đối lập mạnh
mẽ và hữu hiệu, đời
sống chính trị ở Ấn Độ tuy
vừa vằng nhưng đã tỏ ra
quá tẻ nhạt. Tình trạng này
không khỏi đem lại nhiều đau
bất lợi cho dân tộc Ấn Độ.
Phản chính quyền quá vững
chãi và nắm giữ địa vị quá lâu
thì khó mà tránh được cái
mạn trở thành tự đắc, tự mãn
và thoái lui.

Chính quyền trong trường
hợp ấy cũng trở nên bảo thủ
thái quá, sau khi đã thực hành
những điều hay trong chương
trình của mình chính quyền dễ
bị lay lắt, dễ thành hủ hóa,
không tiến bộ nữa.

Thiếu một đối lập mạnh mẽ
thì tức là thiếu cạnh tranh. Mà
ở đời, phẩm thiếu sự cạnh
tranh thì thiếu sự cố gắng.
Chính quyền đó cũng trở
nên kém hoạt động, kém tiến
tầm.

Thiếu một đối lập mạnh mẽ
thì vũ đài chính trị cũng mất
cả hào hứng, dân chúng kém
thiết tha với các vấn đề quốc
sự, vì vậy tinh thần quốc
gia dân tộc cũng suy giảm và
tinh thần cầu tiến cũng nguội
đần.

Đó là những điều bất lợi
hiện thấy trong đời sống chính
trị quá vững chãi, quá êm
đềm, gần như ru ngủ của Ấn
Độ.

Lại còn một điều bất lợi
này nữa, bất lợi trước nhai
cho Đảng Quốc Đại rồi sau cho
toàn thể dân tộc Ấn Độ.
Thường tình thì một tổ chức
một đoàn kết để để bảo tồn sự
vận đoàn kết, nhất trí khi đứng
trước một địch thủ hay một
đối phương lợi hại. Thiếu dịch

thủ chung lợi hại ấy thì chia
rẽ nội bộ để diễn ra, đưa đến
kết quả phân tán thành nhiều
đoàn thể, nhiều nhóm lộn vùn.

Vì thiếu một đối lập hữu
hiệu, Đảng Quốc Đại đã bắt
đầu biểu lộ nhiều triệu chứng
chia rẽ nội bộ. Nhiều Đảng Quốc
Đại tan vỡ thì Ấn Độ sẽ từ vị
trí quá vững vàng rơi vào cái
họa đa đảng bấp bênh và bất
lực vậy.

GÀN NGAY NƯỚC TA

Gàn ngay nước ta thì có Phi
luật-Tân rất giống Việt-Nam về
khí hậu, chủng tộc, kinh tế và
trình độ văn hóa.

Phi-luật-Tân tuyên bố được
lập ngày 4-7-1946. Dân tộc Phi
luật-Tân được hưởng một chế
độ vừa vững chãi vừa dân chủ
tự do vào bậc nhất ở Á châu.

Nguyên nhân quan trọng hơn
cả đã đem lại cho Phi-luật-Tân
đời sống dân chủ trường thành
là chế độ lưỡng đảng. Phi-
luật-Tân có hai chính đảng:

Đảng Quốc gia và đảng Tự
do. Hai đảng này tranh đấu,
ganh đua nhau mạnh mẽ trên
nghị trường cũng như trong
quần chúng và thay phiên
chính quyền để phục vụ nhân
dân. Những cuộc thay đổi
chính quyền đã diễn ra trong
hòa bình và trật tự, đúng theo
Hiến pháp, bằng những cuộc
bầu cử Quốc Hội và những
cuộc bầu cử Tổng Thống tổ
chức một cách đảng hoàng và
thật sự tự do.

Hai đảng Quốc gia và Tự
Do lực lượng tuyệt đối ngang
nhau. Khi đảng này nắm chính
quyền thì đảng kia đóng vai
trò đối lập. Chính quyền vững
chãi có thể thực hành chương
trình của đảng đã được đa số
quốc dân tán thành trong cuộc
bầu cử. Những phe đối lập
rất là hùng hậu và có ảnh
hưởng lớn ở nghị trường cũng
như trong dân chúng vì vậy
được chính quyền kính nể.
Những quan điểm và đề nghị
của phe đối lập được chính
quyền cũng như dự luận lưu
ý đến.

Khi chính quyền làm điều

lầm lỗi hay tỏ ra bất lực thì đó
có phe đối lập theo dõi và lên
tiếng phản đối.

Chế độ lưỡng đảng ở Á
Châu cũng như ở Âu Mỹ, đã
chứng tỏ là hoàn bị hơn cả, vừa
bảo đảm được tự do dân chủ,
vừa vững chãi và kiên cố, phục
vụ được quyền lợi quốc
dân một cách đầy lực.

LẬP TRƯỜNG DÂN TỘC

Đứng trước ngã ba ngày
nay với những con đường cũ
nổi trên, đảng phái Việt-Nam
sẽ chọn con đường nào?

Nhưng chúng ta đã thấy
gương đảng phái ở nước
Pháp để Tư Cộng-hòa, ở Nam
Dương và Đại-Hội, một quốc
gia, dù không làm phải cái nền
ngoại xâm, nội chiến, nhưng
đảng phái rồi beng thì tình
hình cũng trở nên trầm trọng,
quốc gia có thể đến chỗ suy
vong.

Hướng chỉ nước ta đang
phải đương đầu với hiểm họa
Cộng sản thì tình trạng đảng
phái rồi beng lại càng nên tránh.

Ngày nay chúng ta không
đáng nghĩ đến việc đảng phái
tranh tranh mà phải cùng
nhau thực hành đảng phái
đoàn kết vậy.

Chế độ lưỡng đảng đã có cơ
vững vàng nhất, đặc lực nhất
để bảo đảm tự do dân chủ và
phục vụ quốc dân, đối lập lại
nào lại cũng cần thiết để kiểm
soát, tiết chế và bổ túc chính
quyền nên ngày nay phần lớn
dự luận ở nước ta mong muốn
một chế độ lưỡng đảng.

Tuy thế, hai đảng mạnh đã
đối lập nhau, cần xem nhau
như là đồng minh, như là bạn,
như là anh em, quốc gia đồng
hội, đồng thuyền. Về phương
diện chính Cộng và xây dựng
dân chủ thì tuy hai nhưng
phải là một, một khối quốc gia
bằng họ toàn dân để đối phó
với hiểm họa chung. Nói một
cách khác, trước tình hình
nguy hiểm trong ngày nay cần
phải vượt lên khỏi bình diện
đảng phái để đứng trên lập
trường dân tộc như vậy
thường thấy ở các quốc gia
dân chủ trong những thời kỳ
độc lập dân nguy và như
gương đoàn kết chí lợi nhà
Trần để lại cho toàn thể con
cháu Lạc Hồng soi chung vậy.

PHAN QUANG PHÁN

XÂY DỰNG VÀ PHÁT HUY



NGUYỄN ĐĂNG-THỤC

Giáo sư giảng dạy môn triết-học Đông phương tại Đại học Văn khoa Saigon. Giáo sư là người đề xướng thuyết « Truyền thống văn dân tộc » vì thế ông nêu cũng tác giả của hai bài báo đặc biệt của phương Đông. Giáo sư đã từng tham gia các cuộc tranh đấu bảo vệ nền Độc lập của Dân tộc.

VĂN-HÓA DÂN-TỘC

NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC

chạy theo cái bà danh lợi của các thế-lực ngoại lai ấy là chúng ta vong-bản, tự biến thành dụng cụ bị sai khiến.

Trong vụ-án Nhân-văn giai-phẩm, tri-thức miền Việt-Bắc như Phan-Khôi đã được ném mùi nô-lệ ấy cho nên mới thất vọng mà kêu gọi đến vị sư-biểu miền Nam Việt-Nam:

« Ôi Cụ Đồ Chiểu ơi là Cụ Đồ Chiểu ! »

Vì Cụ-Đồ ái-quốc miền Nam, từ một thế-kỷ trước đây đã khuyến khích con cháu

« Đai dưới trời trên

Giữa là kẻ thế, bốn bên Mọi, Lào,

Xưa nay chẳng động hồn hào,

Xử ai này ở, loại nào này theo.

Coi công : lưỡng quốc tường triều,

Đường đi cách trở, hãy nhũn non sông.

Cơ sảo mình ở nước trung

Lòng theo nước ngoại, còn mong đạo gì ?

Ông Bà mà mở mắt đi

Gốc mình chẳng kính, lại vì gốc ai ?

Cửa nhà lưng xóm cách ngoài,

Phận gần chẳng doi, doi hoài phận xa.

(Đường-Từ Hà-Mẫu)

Mấy lời di chúc trên đây của Cụ Đồ, đến hình Việt-Nam đủ cho ta thấy lúc này hơn lúc nào hết, trên mảnh đất Miền Nam Việt-Nam này, chúng ta phải xây dựng và phát huy văn-hóa dân-tộc để có được cái ý nghĩa cho sự sống làm một người dân tự do trong một nước độc lập, từng là một dân tộc trưởng thành từ hơn một ngàn năm lịch sử oanh liệt với thành tích Nam tiến và thắng Nguyễn, với một truyền thống tư tưởng hợp nhất « Trời, Đất, Người » trên căn bản tâm linh thực hiện từng kết tinh ra một số danh nhân làm tiêu chuẩn giá trị cho thế giới, như câu đề tại mộ cụ Phan thanh Giản đã chứng minh :

Tiết-ngĩa lưu Thiên-Địa

Tinh-thần quán Đâu-Ngư

Giang-sơn chung tử-khí

Ấu-Ấ một uy danh.

Xuân Ất-tý tới với chúng ta, với tất cả hy vọng thế giới thông cảm nỗi lòng của dân tộc Việt-Nam muốn được thấy phục hưng những giá trị ngàn xưa để góp phần xây-dựng hòa-bình với thế-giới « Bốn-hề là nhà »



VÀNG

XUÂN

THỨ

NHẬT

và mẹ. Quảng-Nam

Nụ hoa vàng của mùa xuân thứ nhất
Thường công người làm lại một quê hương
Hoa vàng hoa vàng : duyên cớ của đất
Vườn mình lên trong ý sống can trường

Mùa đông hai hùng, mùa đông tang tóc
Bao xác già bao xác trẻ trôi sông
Lở núi, ngập đồi, tan vàng, nhai ngọc
Mây trăm năm sự nghiệp cuốn theo gió

Nhà cửa mẹ nửa đêm ra mây mảnh
Chia về đau từng thân cọt thân kéo
Mất là mất như chim trời và cánh
Rập rờn trời trên sông chấp chùng reo

Vườn của mẹ nước lủi còn lại đã
Và đó đây còn lại... những thầy người
Áo mẹ mặc chằm thêm đậm mịn và
Lung không cơm hương lệ sụt sùi rơi

Mẹ suy nghĩ : đất này không thể chết
Xóm làng ta đâu nở trái cho rừng
Người còn sống chưa được quyền mỗi một
Đông sẽ tàn và sẽ có mùa Xuân

Mẹ chọn thầy người, mẹ cáo đã nui
Vườn này ra từng thơ thit mạnh lành
Tay run rẩy, mẹ vẫn cao vắn vỏi
Gió bốc lửa qua kẻ áo mong manh

Những vòng đất mịn màng như bột nhỏ
Nằm phơi mưa cho hạt cải lên mầm
Mẹ ngóng nắng, mẹ mong chiều trời gió
Bếp lửa nghèo khó đuổi rét căm căm

Cánh thời gian khoan thai về đúng hẹn
Nắng xuân vàng hôn mảnh đất hồi sinh
Trời làm lữ song Thu-Bồn bên lên
Lui xa bờ em ở lượn quanh quanh

Lưu tranh nhỏ giữa màu tươi dịu mắt
Vườn cải xanh rực rỡ lửa hoa vàng
Trong mắt mẹ có gì không thể tắt
Vẫn tương tồn như bóng núi Cà-Lang

Con gọi xuân này mùa xuân-thứ-nhất
Hoa cải vàng tuy mẹ gửi tương lai
Mẹ kiên nhẫn chờ không rời mắt dõi
Giữ vai trò tái tạo tự sự khai...

TƯƠNG-LINH

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

MUỐN ĐI LÀM và ĐI THI, CẦN HỌC NGAY

ĐÁNH MÁY và KÊ TOÁN

Tại trường

Uô Hòa Khanh

658, Phan-Thành-Giân - SAIGON

Các lớp đều do Ông Bô hiệu trưởng đảm nhận

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

FUJI
JAPANESE RESTAURANT

DINE IN THE MOST
ROMANTIC Garden in Viet-Nam With JAPANESE, CHINESE,
AMERICAN FRENCH foods.

NIGHT CLUB

• Atmosphere all Japanese
• First class Orchestre et Vocalists

Ngõ 96 Bô Hung-Vuong CHOLON (Viên Nam)

Tel. 36-368

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

ETS. ĐAI-VIET T. K. T.

29, Công-Lý - SAIGON

ĐẠI-DIỆN ĐỘC-QUYỀN

— Alcoa International (ASIA) LTD Hôp
— Armstrong Rubber Co (U.S.A.)
— Cooper International (U.S.A.)
— Dreyco Motor Products Inc. (U.S.A.)

Thành thực kính chúc quý vị

một năm Tiến Đạt và Thịnh Vượng

PHAN-BÁ-CÀM

Bị 6 năm cầm cố
đầy Côn đảo vì
tham dự cuộc đảo
chánh 11-11-60.
Được tự do sau
ngày 1-11-1963.



TRAI chuyên hướng Lê-văn-Duyệt tức là Trại
Lê-văn-Duyệt mà ta thấy ngày nay trên đường Lê-văn-
Duyệt, cách ngã sáu Trần-quốc-Toàn đi lên độ vài
tấm thước, nằm bên phía tả.

Bọn Mặt vụ thuộc Đoàn công tác miền Trung của
Cán dùng trại này để tập trung những phần tử được
chúng mệnh danh là Việt-cộng hay xu-hướng Cộng-
sản. Chỉ huy trại này là đám Dương-văn-Hiếu, Thái-
Đen... Khạch... của cố-Trần, chúa tể miền Trung.

TẾT TÂN SỬU

Người nào bắt vào trại này đều được đưa vào
Biệt phòng 1, một căn trại có diện tích bốn-hàng
để cho trại viên nằm, có cấp cho mũng chiếu có điều
là trại viên không được nói chuyện với nhau, mỗi khi
muốn đi tiểu phải xin phép. Việc tắm rửa thì có
giờ giấc, còn cơm nước thì mỗi bữa có người bưng
đến phòng. Nơi tắm lại trại viên ở Biệt phòng 1 là
thuộc hàng người bị giam lỏng.

Sau một thời gian điều tra và dò xét tư tưởng, đều
trại viên nào chịu chuyên hướng, nghĩa là chịu từ bỏ
con đường cũ của mình, quay về với quốc gia nhìn
nhận chính nghĩa công hòa nhân vị thì sẽ được đưa qua
Toàn, tùy theo khả năng và nghề nghiệp mà sung vào
các ban: Báo chí, Văn nghệ, ca kịch, hóa thực v.v...
Người được đưa qua Toàn sẽ sống tự do hơn, được
đến Hội trường, hòa nhạc, đá banh, đi đứng cơm ở
phòng bếp thực...

Còn phần tử nào không chịu chuyên hướng, như
khu cố thủ lập trường của mình thì bị đưa nhất vào
Biệt phòng 2 là một cái kho của quân đội Pháp để lại
trong đó người ta cho xây 20 cái lều lợp tôn dài diện
nhau, chính giữa dành một cái hành lang thông ra một
cái cửa sắt lớn. Mỗi cái lều lại xây bằng gỗ, bên ngoài
1 thước rưỡi, bên trong 2 thước rưỡi, bề cao độ 4 thước,
có một cái cửa gỗ nhỏ mở ra hành lang, bên ngoài có
cây gài. Trên đầu tường có chừa một lỗ trống nhỏ có
đóng cửa và lưới sắt thông khí ra bên ngoài, ban ngày
ánh sáng do lỗ đó mà đi vào trần, phần chiếu lại trong
phòng. Căn ban đêm thì ánh đèn lu mờ ở hành lang
xuyên qua cái lỗ nhỏ hình thoi ở cửa gỗ mà đi vào
xà lim, thành thử ban ngày cũng như ban đêm, bên
trong xà lim vẫn thiếu ánh sáng. Người bị đưa nhất
vào đây thì mất cả tự do, mũng chiếu cũng không
được phân nửa khẩu phần của người bên ngoài. Mỗi
phòng được cấp cho 1 cái ly, một cái xô đựng nước và
một cái thùng tiêu. Mỗi ngày mở cửa hai lần, sớm
mai độ 10 giờ rưỡi, chiếu độ 4 giờ cho anh em ra đồ
thùng, đổi nước, ăn cơm. Người ta dọn trước mỗi cửa
phòng cho mỗi người một mâm cơm, rồi mỗi người cứ
ngồi trước cửa phòng của mình mà ăn. Một tuần lễ
đến đi tắm một lần vào ngày thứ sáu.

Sau một tháng giam ở Công an, tôi được đưa lên
trại chuyên hướng Lê-v-Duyệt, thay vì được đưa lên
Biệt phòng 2 như một người, lại nhất tôi vào Biệt
phòng 2 sống với số anh em mà người ta gọi là lạng
cứng đầu nhất, hàng không chịu chuyên hướng. Để ta
dời sống trong cảnh tù tội này, tôi có làm hai bài thơ :

XÀ LIM TỐI

Bến bờ tường cao cửa bit bùng,
Ban ngày như tối vẫn mong lung.
Cổ tuần một bận lều đi tắm,
Mỗi buổi hai phen ra đồ thùng.
Lấy giấy lót nằm thay chiếu nệm,
Làm bao phủ đắp thể chân nệm.
Chẳng hay còn cảnh nào hơn nữa,
Mới rồi là đây cảnh tội cùng.

Lật cang chế độ của nhà tù,
Giàn hãm xà lim cảnh tối hù,
Quần áo không phơi mùi bẩn thỉu,
Tóc râu vắng gọt mọc bù xù,
Thân mình lâu tắm sờ da chần,
Mòng Muỗi thường chằm nổi ghê u.
Mới biết một ngày trong ngục thất,
Sánh bằng ngoài thế một nghìn thu.

Vào đây tôi mới hay ông Phan-khắc-Sửu, Phan-
quang-Đán, Bùi-Lượng độ 10 hôm trước có đưa đến
nhưng nhất 4, 5 hôm rồi dời đi. Về sau tôi mới rõ
mấy anh ấy được dời qua sở thú P-42. Lúc tôi vào
trọng trại có độ 15, 16 người. Về thành phần quốc
gia có những anh : Hồ-Anh, Hồ-đắc-Hồng, anh Đồng,
sau thêm anh Đình-Son, Nguyễn-đại-Thắng, Trần-Minh.

Mặc dù, mỗi người bị nhốt riêng một phòng, chỉ
liên lạc nhau bằng cái lỗ nhỏ hình thoi ở cửa gỗ, đủ
đút mũng ra mới để cho người ở phòng khác kẻ tại
vào cái lỗ hình thoi ở phòng mình mà nghe. Nhờ
vậy mà anh em trong trại nói chuyện với nhau và bày
lắm trò vui để giải trí như : ngâm thơ, kể chuyện,
học Anh ngữ, Hán-văn, đánh cờ tướng v.v... Trong
húc làm cùng khai, anh em khéo giấu được một mớ
giấy và viết. Nhờ đó có phương tiện viết bài học. Cơm
đánh có thì mới phòng về một bàn cờ và con cờ, rồi
đổi bên chơi nhau bằng cách hô to lên nước của
mình đi. Thường thường về đêm thì giải trí bằng văn
nghe như ngâm thơ, kể chuyện, ca, hát, vì ban đêm,
một khi khóa cửa sắt bên ngoài rồi thì thấy chủ độ đi
chờ không có gác. Nhờ vậy mà tha hồ là ở.

Từ hôm tôi vào Biệt Phòng 2 thì anh em bắt tôi
phải mở đầu buổi văn nghệ bằng một bài thơ. Anh
em còn ra điều kiện là thơ phải vui, kích thích tinh
thần, không được làm thơ than van hay yếm thế.
Sống trong cảnh tù lao, xác thân không ngớt bị tra tấn,
nếu không có ý chí cương quyết, nuôi dưỡng bởi
những hy vọng, niềm tin ở ngày mai tươi sáng thì dễ
bị những tư tưởng u uất, đen tối làm cho thoái chí
ngã lòng, xác thân yếu hèn lún bại, mà sanh ra
những ý tưởng tư tư quyền sinh.

Do sự kích lệ và đòi hỏi của anh em mà trong
thời gian gian nhất ở Biệt-phòng 2, tôi làm rất nhiều
thơ, toàn là loại thơ khuyến khích, nâng cao tinh thần
ý chí.

TRONG TRẠI CHUYÊN HƯỚNG

Thấm thoát mà chẳng còn mấy ngày nữa Tết đến.
Sống trong cảnh tù lao mà nhắc đến Tết, đến câu
nhà sun họp thì không ai chẳng bồi hồi, bồi ngùi mà
chẳng dám thốt ra lời, sợ phạm nội qui của Biệt
phòng 2, cấm anh em nói than hay tỏ ra chán nản.
Trại lại phải tù ra vui vẻ, mặc dù bị tra tấn khổ nhục.

Dù nội qui gắt gao như vậy, cũng có người phạm.
Thấy bên ngoài chuẩn bị Tết, như mua bò để làm
thịt trong dịp xuân về, anh-Đình-Son cứ mãi nhắc
Tết với sự thêm thường sẽ được trại cho hưởng một
cái Tết phú phước, thế phước.

Thấy thế, tôi hôm ấy, tôi ngâm lên bài thơ :

NHẮC TẾT

Nhắc Tết làm chi, hỡi kẻ Sơn ?
Kết hay lòng chi, cho gì hơn !
May ra bánh mứt vài ngoại lệ,
Giới làm thịt tôm vài miếng nhơn.
Ngượng miệng ngâm nga thì phú nhảm,
Chạnh lòng hồi tưởng cửa nhà đen.
Trên đầu tuổi thọ chông lên mái,
Cửa ngục ngày đêm chất chửa hèn.

Nghe qua bài thơ, anh em trách móc tôi mãi, vì bài
thơ ấy làm cho anh em buồn đau đi. Anh em bắt buộc
tôi từ nay không được tiếp tục với cái giọng sầu não
ấy nữa.

Tuy nói thế nhưng sống trong cảnh tù lao mà
nghĩ đến ngày đoàn tụ gia đình trong mấy ngày Tết
thì làm sao quên được khúc nói « Chạnh lòng
hồi tưởng cửa nhà đen ».

Càng buồn hơn nữa là ngày 2-2-61 nhằm ngày
17 tháng chạp năm Canh tý, trại làm lễ phóng
thích 45 nam nữ sinh viên học sinh đã chuyên hướng.
Nhìn cảnh mấy cô cậu em gái ra về không khỏi xúc
động tâm tư, tôi có làm bài thơ « Chạnh lòng » và
cũng bị anh em trách nữa, bởi nghe nó nào nuốt làm
sao !

Đến 21 tháng chạp, còn 2 ngày nữa đưa Táo
Quản về Trời, thì không quên :

NHẮN GỢI TÁO QUÂN

Nhắn gỏi Táo Quân có mấy lời,
Vả trên thượng giới tàu nhà Trời ;
Dân Nam còn chịu bao lâu nữa ?
Mới hết khổ nạn được thánh trời.

Văn số gì đăm quắc tối đen,
Mãi đem trao gởi đám vương hèn.
Lê dân khôn khổ rên ta thán,
Quốc sự ngày thêm thấy rối bưng.

Những người thiện chí có tâm can
Việc nước vẫn thừa sức đảm đang
Nhưng mãi dấn thân vào khổ lụy
Trại giam nhà ngục nhốt lạng khang.

Đời đầu lại có chuyện chèo đay
Ôi ! Khéo mĩa mai cảnh trượng này :
Những kẻ hữu tài ngời bô gỏi,
Đám người bất lực dửng vung tay.

Thuyền Nam đang gặp cảnh phong ba,
Nghe ngửa chừng như chèo lướt qua.
Đầu lể đến đây đánh số phận,
Hay còn hào kiệt ẩn chưa ra ?

Vừa ngâm xong thì có xe của mặt vụ đến chở
đem đi P. 42 để thăm văn thề. Khi trở về, anh em
báo tin báo động có nhắc Táo-quân, xui xẻo lắm.
Mặc dù vậy, đêm 23 tôi cũng không quên làm
một bài thơ tổng tiền.

TIỀN TÁO QUÂN

Hăm ba Ngải Táo về Trời
Liền đưa xin có mấy lời tỏ phân
Chúng tôi chính trị phạm nhân,
Cung chung số phận giam cầm bấy lâu.
Biệt phòng nời đứng phờ rầu,
Lống án vãi có đau đầu chí chề.
Mao hiểm, cá chép, ngựa xe,
Linh đình thết đãi phước lộc tiền đưa.
Tâm trung thành kính có thừa,
Giản đản lòng tiền tiễn thưa mấy lời.
Nhờ Ngải thượng tâu với trời,
Giám xem xét lại cuộc đời chúng tôi
Ngân hai khổ tố khác nơi,
Tội gì giam giữ lâu rồi chẳng tha ?
Vị như có tội đem ra,
Pháp đình xét xử mà qua tội hình.
Hay là mưng tôi bất bính,
Không vâng lệnh dạy hoàn nghiêm tôn sùng
Hay là chẳng chịu phục tùng ?
Thật là oan vớ vẩn, Ngải ơi !
Vị chúng dân chính khách, ng
Cung đồng mang tội chúng tôi thiếu gì
Hay Ngải tâu lại thượng đế
Xin bớt tội cho Hoa Kỳ giáp cho
Cắt xài cái khảm thết to
Tư ngoại Béo-Hải đến Bà-Camau,
Mối mong nhất hết được nào !
Xin Ngải tâu lại trước sau tỏ tâng
Chúc Ngải thượng lộ bình an !

Quả thật, sau khi ngâm xong thì có xe Mặt vụ
đến rước đi nữa. Về sau anh em có trách : Báo
động nhắc đến Táo Quân mà không nghe. Nhưng
đã đưa Ngải đi rồi thì còn đâu nữa mà nhắc.

Tết đã cận. Anh em mới bắt đầu chương trình
tổ chức một cuộc lễ liên tiếp trong ba ngày cho thật
vui để quên đi nỗi « oan long hồi tưởng cảnh nhà
đen ». Sau khi thảo luận sôi nổi, anh em quyết liệt tổ
chức Tết, ngâm thơ, hát hò, ca cải lương, kể chuyện,
đấu cờ v.v... Anh em đồng cử anh Sơn làm phát ngôn
viên và giao anh-phân công, người phụ trách việc
này, kẻ phụ trách việc nọ.

LÊ-V-DUYỆT

Còn mấy hôm nữa đến Tết, khi ra ngoài để
thùng thay nước, thấy trại viên rộn rịp lo ăn Tết.
Người ta đã mua sắm đủ và heo để làm thịt. Bên trại
phụ nữ, nhiều lo mần đồ ra phơi, còn dưới bếp thì
lo làm dưa dấm. Thấy thế nhiều anh em nán nã,
cũng bắt chước dọn phòng và lau chùi, cho sạch sẽ.
Anh em đồng ý ngày mùng một Tết, sẽ mặc quần áo
đàng hoàng để chúc mừng nhau, nên đem quần áo ra
hoặc giặt hoặc hong.

Sáng ngày 29 tháng chạp, ngày cuối năm, vì là
tháng thiếu, vào khoảng 7 giờ đã có gió thổi đến mộ
cửa. Điều làm cho anh em vui mừng là nhân viên
Ban Quản trị của Trại đem chiếu gối đi tịch phẩu tại
trước trại cho anh em trong phòng. Anh em mới
chia cho một chiếc chiếu và một cái gối. Đồng thời
nhân viên văn phòng, cũng là trại viên, đem biếu cho
2 trại đưa hủ và một mớ bánh mứt và hạt dưa, đem
chia nhau, mỗi người được một nhúm. Như thế kể từ
cũng là « sang trọng » làm rồi đối với trại viên Biệt
phòng 2. Tiếp đó anh em được đưa đi cạo râu để ăn Tết.

PHAN BÁ CÀM

(Xếp tiếp trang 52)

THƠ BẢO LỤT MIỀN TRUNG

Vũ Hoàng Chương

L.T.S.— Thi sĩ Vũ Hoàng Chương nói với chúng tôi: « Lúc này không có những cảm xúc nào mạnh bằng khi nghĩ đến sự tiêu-diêu xo-xác và đau khổ cùng cực của đồng bào miền Trung! » Chúng tôi cũng cảm thấy như thế vì trước sự tang-tố đau thương của miền Trung mọi sự đau khổ khác như nhẹ hẫ đi...



VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Thi sĩ có những tác phẩm nổi tiếng thời tiền chiến. Tích cực tham gia cuộc tranh đấu bảo vệ Phật Pháp. Bài « Lửa Từ Bi » được mọi tầng lớp dân chúng nhiệt liệt tán thưởng. Trọn bảo lựu miền Trung đã làm cho thi nhân xúc động và thổ lộ thành những giọng thơ tha thiết...

THƯA quý vị,

Trước đây hai năm, giữa mùa mưa ở đất SÀI ĐÒ nào nhiệt này tôi nằm trên một căn gác hẹp nghe ra bốn phía, chợt có cảm giác mưa mạnh vào tâm tư. Rồi hoảng hốt trong lòng, tưởng như mưa sẽ không bao giờ tạnh được. Mưa tầm tã ngày ấy qua ngày khác, năm nay sang năm kia... Và lúc đó, thủ đô SAIGON sẽ ra sao? Vùng Đông Nam Á có còn quan trọng nữa không? Thiết tưởng đã đến lúc tất cả đều « mệnh mông bề Sở », thì ngay cái tên gọi « Bề Sở » cũng trở thành phi lý rồi; phi lý như mọi sự phân biệt ranh giới: Ngũ Đại Châu và Ngũ đại dương, nói đi nói đến « cái tôi » nhỏ bé của mình. Khi Trái đất đã biến thành Trái nước, đề rồi trên một hành tinh nào đó — rất có thể là Kim-Tinh — các nhà khoa học sẽ ghi nhận một Thủy Cầu mới xuất hiện, thay vào chỗ của Địa-Cầu... Nhưng không hiểu sao, tôi vẫn nín lấy cái hy vọng sâu trí rằng Tân Viên Sơn của nước Việt không hề bị xóa mờ bởi cơn Hồng Thủy, Sơn Tinh, trong truyện cổ tích chẳng đã có phép thần thông nhiệm chú cho núi vọt mãi lên để tránh nước lụt đó ư?

Trên nẻo cuồng tưởng, vẩn diệu bỗng từ đâu hiện ra. Và đây là bài thơ với cái nhan đề, đặt thành một nghi vấn: **VŨ VÔ KIỂM TỎA?**... Ý rằng: mưa có xiềng khóa lắm chứ, sao người xưa dám bảo là không xiềng khóa gì.

Trên nẻo cuồng tưởng, vẩn diệu bỗng từ đâu hiện ra. Và đây là bài thơ với cái nhan đề, đặt thành một nghi vấn: **VŨ VÔ KIỂM TỎA?**... Ý rằng: mưa có xiềng khóa lắm chứ, sao người xưa dám bảo là không xiềng khóa gì.

Còn mưa, còn mưa... chưa ngớt đâu!
Mưa qua ngày trắng sang đêm nâu
Đồng hồ như chạy bằng hơi nước
Chờ nặng Thời gian vận chuyển tàu.
Còn mưa, còn mưa... Chưa dứt đâu!
Mưa xuyên biển Á qua trời Âu.
Không gian nổi loạn, muôn hình thể
Như chiếu vào gương lõm một cầu
Còn mưa, còn mưa... Chưa tạnh đâu
Mưa trút bề cao vào bề sâu.
Tư duy chết đuối theo tiềm thức,
Mơ hết thiên tâm loáng địa đầu.
Còn mưa... chưa biết đến bao giờ!
Trái đất trơn trượt Ngán nước vỡ bờ
Trái đất trơn ra, ngoài quỹ đạo
Vẫn không vượt khỏi ngục tù mưa
Còn mưa... Rồi sẽ đến Vô cùng!
Khởi nước để lên bệ Thủy cung.
Ngũ Đại Dương thành tên gọi hão
Năm châu vùi xuống đáy mồ chung
Còn mưa... Chẳng một cõi vô thường
Mà cả tính thiên cả tủy hương
Cũng đến giam trong kiếm tảo ấy
Con người thôi hết đất xưng vương!
Trái Nước thay vì Trái đất quay...
Mưa, mưa... Xiềng xích bốn bề vấy.
Họa chẳng nhờ phép Thần non Tân.
Còn vũng Thi Sơn một đỉnh này.

oOo

Thưa quý vị, bài thơ làm tự hai năm, không ngờ cái cảm giác hải hùng ghê ghớm kia lại có phen trở về xâm nhập toàn thể tâm thần tôi một lần nữa. Và lần này, tôi càng hoang mang, chưa xót gấp bội, chẳng dám còn tin vào phép mầu của bất cứ ai, kể cả Thần Non Tân. Vàng; Trần Hồng Thủy đã tác quái ở miền Trung. Đồng bào ta, hàng vạn người bị cuốn đi, tuyệt vọng náo nức trước giây phút bị cơn sóng, làm cho cảm miêng, làm cho mù mắt, đề tiếp theo là « trường dạ mang mang ». Tuy nhiên, vẫn điệu rã rời theo cảm xúc, tôi tự thấy không còn đủ sức thể hiện một bài « Trường Thiên Bi Ca ». đành mong đợi ở một thi nhân trẻ tuổi hơn, nhạ sống còn rồi rào hơn nghệ thuật cũng do đó phải sắc bén hơn, một thi nhân của thời đại.

Riêng phần tôi, chỉ dám xây dựng một vài công, trình nhỏ nhặt, trong đó tất cả nỗi đau thương của dân tộc và của chính mình được co đọng lại, chìm lắng xuống, hai mươi tám chữ tạo thành mỗi bài thơ sẽ chẳng còn là « Sao sáng » nữa, mà chỉ như một chuỗi lệ hoen mắt...

Chợt nhớ tới họa sĩ Phù Tang QUẢNG TRỌNG (HIROSHIGE), trên

quảng đường kỳ khu từ Đông-kính «Tokyo» đến Kinh Sư «Kyoto» trước đây hơn 100 năm, đã vượt qua 53 trạm, kể cả đoàn dinh trưởng đình nhân đây vẽ ra 53 bức họa sơn thủy mỗi bức đề một bài cổ thi, đem nghệ thuật chiếu sáng cả một trời Đông Hải Đảo (TOKAIDO).

Tôi không dám tự hứa rằng sẽ làm được tới 53 bài NHỊ THẬP BÁT CÚ về thảm cảnh BẢO LỤT, dọc theo còn đường thông khổ mà dân tộc ta đang bị dồn vào, con đường dài chưa biết mấy mươi chặng. Tôi chỉ dám đem tài mọn sức tàn ghi lại được đến đâu hay đến đâu, mong quý vị thông cảm cho.

Trước hết, đây là gia tài cơ nghiệp theo sông cuốn trôi, xác người vật vờ như một lũ tội phạm đang bị lừa đi, mỗi ngọn sóng là một ngọn roi hay ngọn giáo...

Nhà trôi theo nước cuốn mênh mang
Người giạt trôi theo ngọn sóng xuôi vàng
Áp giải từ nhân kia nhân sông
Vung roi dân mặt giáo đâm ngang

Đây là giải Hoành Sơn trùng trùng điệp điệp, khăn tang quấn quanh mây trắng, đang ngậm hờn đứng sững nhìn xuống cảnh muôn ngàn huyết sông mờ ra, cuốn tất cả vào trong, khác nào một chiếc máy khổng lồ tự điều hành lấy đề chôn vùi tất cả...

« Mồ chôn từ động » bốn bề vấy
Huyết sông đào lên giục gỏi thây
Hàng vạn sinh linh vùi nước bạc
Non Hoành mặc niệm trăng khấn mây

Cùng muôn vạn sinh linh bị chôn vùi theo cách đó, phải kể cả những trẻ sơ sinh còn u ơ tiếng khóc. Nơi này quả là một « biển nước mắt » không biết phải còn chảy lên một ngọn « lửa từ bi » nào nữa, sức nóng hàng trăm triệu độ, biển sâu hận kia mới chịu khó rào đi cho?

Tiếng khóc hãi nhi nước cuốn trôi
U ơ còn tưởng vẫn nằm nơi
Biết bao giờ mới khô nguồn lệ?
Bỏ tất thiên thần bầy vị rồi!

Và đây, một cảnh điển hình nhất: nước ào tới, cao dần, cao dần... Đồng bào nghèo khổ của chúng ta chỉ có một mái nhà gianh là chỗ nương thân sau chót, nước vượt qua mái chiếu cao, của trường vách, của rui kèo, đề lên tới mái mé nóc, thì mảnh đất quê hương cũng như bị chìm xuống thấp mãi, xa dần, xa dần... Xác không còn chỗ gửi hằng mơ ước, tâm hồn chợt đau xót tã tôi, nhưng chỉ ngại khóc lên giống lệ sẽ ào xuống như thác lũ, cái nguy càng thêm nguy...

Sóng một cao dần đất mỗi xa
Mong gì gửi xác lại quê cha
Nhìn nhau chẳng dám cùng rơi lệ
E nước tràn lên ngập mái nhà

Ác hại thay! mực nước không lên nữa, nhưng sức chịu đựng của vôi vữa của tre nứa và cả đến gạch đá cũng chỉ có chừng. Thế là những mái nhà bị bạo lực của sóng gió xoay đi. Nhất định sẽ trôi ra biển, và tức là trôi về « thế giới bên kia ». Lúc này còn bậm miêng sao được... Tre già trên mái khóc như ri
Sóng bắt lết tranh gió cuốn đi
Nước biển mai đây càng mặn chát
Con đường ra đó, nẻo âm ty;

Tuy nhiên, vẫn có một số đồng bào may mắn hơn, được thấy trên

nền trời xanh hiện ra những khuôn chữ mà tay thợ « ti pò » khá ỏi nào vừa kịp thời sắp xong, toàn là những **CHỮ THẬP MÀU HỒNG**. Đó chính là đoàn phi cơ đến cứu đồng bào, với nhơn hiệu **HỒNG THẬP TỰ**...

Nghe đã lên khuôn **CHỮ THẬP HỒNG**

Trời cao in xuống nước mênh mông
Ngàn cơ ai hàng chữ mang đời nghĩa
Cải nghĩa cùng chung một tổ tông

Lạ thay! Và cũng đáng phần hân chừng nào. Ở một vài trường hợp, bóng phi cơ vừa xuất hiện thì hàng loạt đạn từ đâu bắn lên. Kề nào cầm súng mà vô tình đến thế? Bao còn có TÂM, như dài khi tượng vẫn loan tin, chứ bọn này thật chẳng có mấy may nào từ tâm, nhân tính.

Phong ba vừa mới tạnh đư ăm
Vết cánh **HỒNG** bay, đạn rệu ăm
Người cứu người, sao người nỡ hại?
Vô tình cho đến bão còn « TÂM »

Trần thủy tai vô cùng ác liệt, chẳng những người bị làm nạn nhân mà cả đến muôn thú cũng trở thành « nạn vật ». Trâu bò chẳng còn được buồn rầu một cách yên yên ổn như trong bài thơ **LỤT NĂM BÌNH NGỌ** của Ông Tú-Xương:

Trâu bò buộc cẳng coi buồn nhĩ
Tôm tép khoe mình đã sướng chưa?

Ở đây, tôm tép có khoe mình không, điều ấy « bất túc luận ». Chỉ biết rằng trâu bò đã hàng trăm ngàn con bỏ mình vì nạn nước. Đáng cảm động xiết bao, cái cảnh một con nghé hoa ồm ồm chật lấy cổ trâu mẹ trong khi mẹ nó vùng vẫy trước sự tấn công của ba đào, tưởng như muốn vịn lưng cây đang xé ra chung quanh, sâu thẳm thăm...

Con ồm cổ mẹ biết về đâu;
Đầu cổ thơm hương ruộng tốt màu?
Mẹ chẳng rời con trong nạn nước
Tha hồ sóng rẽ lưng cây sấu!

Hai mẹ con trâu nai nghé hoa, bất chấp mồi áp lực chia rẽ từ bốn phía tập tới, lòng từ bi của con người trước cảnh ấy còn chưa xúc động gì sao? Nếu quả thật có những tấm lòng chưa xúc động thì lửa thiên còn mãi cháy lên và dân tộc ta còn phải nguyện cầu tụng niệm-

Thưa quý vị, 8 bài thơ, cộng 32 câu thất ngôn mà tôi vừa mạn phép ngâm lên trước cử tọa, thật ra chỉ là những lắng đọng của tâm tư chứ không phải, chưa phải những điều chính người làm thơ được chứng kiến. Vì, đáng tiếc rằng tôi cũng như đa số quý vị, thiếu mọi phương tiện di chuyển, bấy lâu nay chỉ biết nhờ các phóng viên ký giả quan sát hộ mình mà thôi.

Nghe và thấy nhờ tai mắt các bạn đó, nên trước khi ngừng lời, tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn. Và sau hết xin cảm tạ quý vị thính giả, nếu lui nói giọng ngậm của kẻ làm thơ này có vụng về kém điêu luyện, thì cũng mong quý vị lượng xét mà tha thứ cho.

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG
20-12-1964

(Đọc và ngâm trong buổi nói chuyện đặc biệt do TRUNG TÂM VĂN BỨT tổ chức)

VÌ SAO NGƯỜI VIỆT-NAM YÊU QUÍ TẾT, XUÂN ?



PHAN-KHOANG
Bị 3 năm tù vì chống chế độ Diệm
được tự-do sau 1-11-63

TRÊN hoàn cầu, không có một dân tộc nào yêu mến, quý trọng ngày đầu năm và mùa Xuân như người Việt-Nam và người Trung-Hoa.

Tết, Xuân đến thì cây cỏ tươi tốt, trăm hoa đua nở, cảm thú sơn sơn, già trẻ thỏa thích, nên người ta quý trọng nó, lễ ấy ai cũng biết :

*Tin Xuân truyền bá khắp xa gần,
Oanh ền cổ hoa mừng đón nước,
Oanh gọi đầu cành, hoa cười đầu Xuân,
Cỏ rợn chân trời, ền liêng nước,
Vạn vật đặc ý, người thanh tân,
Trẻ bẻ dưa vui, già hưởng phước*

(TẢN-ĐÀ)

Tết, Xuân đến thì người ta vui chơi, nhưng mà tốn kém, bỏ công ăn việc làm, thế mà nó đi đi, người ta lại mong nó mau trở lại :

Xuân ơi ! Xuân hỡi !

*Vàng Xuân lâu, ta vẫn đợi chờ mong
Trải bao nhiêu ngày, tháng, Hạ, Thu, Đông,
Ròng rã nỗi nhớ nhung, Xuân có biết ?
Khử tử, xuân quy, sầu cũ biệt,
Kính niên Xuân đảo, khánh tương phùng*

(TẢN-ĐÀ)

Người ta quý Xuân, chuộng Xuân, mong nhớ Xuân, rồi đến nỗi, cái gì tốt đẹp đều gọi là « Xuân », đem danh tự « Xuân » làm hình dung tự để hình dung những cái gì mà người ta cho là đẹp đẽ, mỹ miều, khả ái, nên thơ nhất. Như về đẹp gọi là « về Xuân », cảnh sắc đẹp gọi là « Xuân sắc », tin mừng gọi là « Xuân tin », giấc ngủ ngon gọi là « Xuân miên » hoặc « Xuân thuy », giấc mộng đẹp gọi là « Xuân mộng », mặc dầu ngủ, chiêm bao ở mùa thu, mùa đông, đêm ; vui vẻ gọi là « đêm xuân », « xuân tiêu », mặc dầu ấy là đêm mùa thu, mùa hạ.

Rồi dùng rộng ra sự giao tế giữa trai gái là việc vui vẻ, trẻ trung, nếu không dùng tiếng tục để chỉ rõ thì cũng lấy tiếng « Xuân » để thay thế cho kín đáo, nên thơ. Như nói mối tình giữa trai gái thì gọi là « xuân tình », lòng nghĩ đến đức tính trai gái gọi là « xuân tâm », việc đi lại giữa trai gái gọi là « xuân sự », lúc tình trai gái phát động gọi là « xuân kỳ », phòng ngủ của trai gái gọi là « xuân phòng », tình dục của trai gái phát động gọi là « xuân cơ phát động » chỉ người con gái hoặc quả phụ gọi là « xuân thi » gọi là « khóa xuân » (xuân tòa) v.v...

Và người ta thần thánh hóa mùa Xuân, tưởng chừng đâu có một bàn tay màu nhiệm của một đấng thiêng liêng làm chủ động cả cái « giai tiết », « lương thần » ấy, và gọi đấng ấy là « Đông quân ».

Trong dịp những ngày đầu Xuân, Tết là lễ thiêng liêng long trọng nhất. Vì tính cách ấy, dần dần phát sinh ra biết bao tập quán, phong tục về Tết mà người Việt-Nam cũng như người Trung Hoa cho là rất quan hệ. Sau Tết, còn các hội hè, đình đám rải rác khắp ba tháng mùa xuân.

Mỗi lần Tết đến, toàn thể nhân dân, không kể thuộc tôn giáo gì, giai cấp nào, đều đình chỉ mọi công việc làm ăn để ăn Tết, mừng Xuân cho xứng đáng.

Người ta lo Tết, sắm Tết, sửa soạn Tết, trước Tết hàng tháng.

Vì : Chẳng phong lưu cũng ba ngày Tết,
Kiết củ như ai vẫn rượu chè

Và : Chỉ cha, chỉ chắt khuya giầy đẹp.
Đen thui, đen thui cũng lược là, kia mà !

Kể nào Tết đến mà túng thiếu, không đủ phương tiện, tiền tài để ăn Tết như ai thì ấy là một sự bất hạnh, khổ nhục, đáng buồn tủi nhất. Muốn rõ khổ tâm của hạng người ấy, xin hãy đọc hai bài thơ đối thoại sau đây của hai nhà nho nghèo khác Tết :

*Ngoảnh đi, ngoảnh lại, lại đến Tết,
Ông đến độ này lại thật chết !
Trời cao, đất thấp, vợ chưa về.
Thàng tận, năm cùng, gạo cũng hết,
Cổ bàn duy có ba ông Công,
Xu kềm cũng không một vẩy hên.*

Ông kia họa lại, tả một tình cảnh còn khốn khổ hơn :

*Trời ơi ! Oi Têi ơi là Têi !
Bác hãy còn hơn, tôi mới chết !
Gạo lẽ đồng chiêm, nếp thời không,
Ao vỡ rách tan, chồng cũng hết,
Con theo cạnh nách, mếu mòi xò,
Nợ rêu âm tai, cảm miệng hên,
Trời còn để sống đến trăm năm,
Lại mấy mươi bài thơ khác Tết*

(Khuyết danh)

Vì đâu Xuân có cái uy lực đối với người Trung Hoa như thế ?

AI cũng biết rằng vì mùa Xuân khí trời ấm dịu, không lạnh, không nóng, cảnh trí tốt tươi, cây cối nảy chồi, nở lộc, vạn vật cảm thấy một sự phục sinh trong tâm hồn và xác thịt, do đó mà có những cảm tình và liên tưởng như trên. Đó là sự nhận xét bề ngoài. Chúng ta hãy nhìn đến nguyên lý sâu xa hơn. Đứng trước cái quang cảnh phục sinh của vạn vật và sự sinh sôi nảy nở tung bừng của cây cối, cỏ hoa người Việt cũng như người Tàu, vốn sinh sống về nông nghiệp và chuộng lễ thiên nhiên, bất giác cảm thấy cái đức « sinh » của Tạo hóa lớn lao là đường nào và đáng khâm phục biết bao ! Kia đâu đâu cũng đầy đầy sinh khí và sinh ý, nhờ đó mà vạn vật phồn thịnh, thật là hợp với lẽ tự nhiên của trời đất. Đạo trời đất đã chủ ở sự sinh vạn vật, cho nên sự « sinh » là cái đầu đầu của trời đất, Kinh Dịch nói : « Thiên địa chi đại đức viết sinh » (đức lớn của trời đất là sự sinh). Và, lẽ âm dương của đạo trời là sự biến hóa vô cùng, sinh, tử, từ, sinh thì trong hai điều ấy người ta ắt tìm sự « sinh » mà xa lánh sự « tử ». Cho nên, theo người Việt và người Tàu, cái gì hợp với sự sinh là thiện, cái gì trái với sự sinh là ác. Cái quan niệm về thiện, ác của Khổng giáo cũng gốc ở đó. Vì vậy, trong đạo đức « Nhân » đứng đầu các điều thiện vì nó bồi dưỡng đức sinh của trời đất.

Mùa Xuân sở dĩ được ưa chuộng, tôn quý, xem là thiêng liêng, vì nó là thời gian gây ra và bồi dưỡng sự sinh. Danh từ « xuân khí » cũng đồng nghĩa với danh từ « sinh ý », Tết là ngày đầu mùa Xuân, người nào cũng phải nhớ đến tổ tiên là những kẻ đã sinh ra mình, làm lễ cúng bái và cầu khấn mọi sự tốt lành cho mình và gia đình mình.

Nhà cầm quyền trị nước cũng có bổn phận như thế đối với dân tộc tối cao chủ động sự sinh để cầu khấn mọi sự tốt lành cho quốc dân. Xưa kia, ở Việt-Nam và ở Trung-quốc, mùa Xuân, nhà cầm quyền đặt ra các lễ cúng tế với mục đích ấy, và ban hành những chính lệnh để khuyến khích, đôn đốc sự sinh sống và cấm đoán những hành vi làm tổn hại nó. Theo Kinh Lễ, tháng giêng, trước ngày Lập Xuân.

vua và các quan đại thần làm lễ Nghinh Xuân để tế chúa Xuân ở ngoài kinh thành, rồi quan Tể tướng ban bố hình lệnh, ra ân huệ cho nhân dân. Tháng ấy, chọn ngày làm lễ Tịch điền, vua và các quan đích thân cấy cày để tỏ ý trọng nông và khuyến khích sự sản xuất. Rồi sai quan coi việc giáo dục khai trường dạy học. Lại đắp diêm cho người chết cắm dùi binh đao, cắm dùi thành quách, cắm dùi cây, cắm phá tổ chim, cắm lậy trứng, giết trứng ; và sâu non, cấm bắt chim non, thú non v.v... Điều đáng đề ý nữa là trong ba tháng mùa Xuân không được hành hình : những tội nhân đã bị xử tội chết mà gặp mùa Xuân thì phải hoãn sự thi hành án lại. Ở nước ta, xưa kia, nhờ chính sách ấy mà thời gian khám phá ra sự thật cho nhiều án tử hình oan uổng, nên tội nhân được thân oan.

Nhưng chuộng Xuân, quý Xuân không chỉ có hiện hiện cái đức sinh của trời đất và còn đồn đố sự sinh sống của vạn vật như vừa nói, mà còn vì một lý do sâu xa khác nữa : mùa Xuân là thời gian biểu thị sự quân bình, một lẽ mà người Việt-Nam và người Tàu rất tha thiết.

Thật vậy, thâm nhiễm đạo Trung-Hoa vào Khổng giáo, hai dân tộc này rất chuộng sự cân đối, sự thích trung, nên không ưa cái gì là thái quá hoặc bất cập. Vì dụ, trong con người, phần tình và phần lý, tình cương và tính nhu, phải tùy lúc mà cân nhắc nên nặng bên nào ; sự đối xử với kẻ sơ, người thân, nên tùy trường hợp mà hậu chừng nào, bạc chừng nào, bên nợ nước, bên tình nhà, phải tùy hoàn cảnh mà thi hành bổn phận cho thích nghi, khỏi thiên, khỏi lệch, cho đến cách phục sức, sự ăn ở cũng phải làm sao cho xứng hợp với địa vị và gia tư mình v.v... Ấy là những điều mà người Việt-Nam và người Tàu cho là rất quan trọng, và bao giờ cũng giải quyết với sự quân bình, lẽ trung hòa.

Mà trong một năm, có lúc nào họ trông thấy được sự quân bình, lẽ trung hòa, lý tưởng của họ, rõ rệt bằng mùa Xuân ? Không lạnh quá như mùa đông, không nóng quá như mùa hạ, không buồn bã, hiu hắt như mùa thu, ngày đêm cũng vừa vặn, không

(Xem tiếp trang 33)

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

SỐNG NHẠC 1965

MỘT KỶ NGUYÊN MỚI VỀ TÂN NHẠC

SỐNG NHẠC đã có

những đĩa hát Microsilicon Stéreo 45p 1p 33p 1p

Ấm thanh nổi

VỚI NHỮNG CA SĨ :

THANH-THÚY
LỆ-THANH
HÀ-THANH
PHƯƠNG-DUNG
PHƯƠNG-MAI
MINH-TUYẾT
HÙNG-CƯỜNG
DUY-KHÁNH

THÁI-THANH
MINH-HIỆU
TRÚC-MAI
PHƯƠNG-NGA
HOÀNG OANH
MAI-HƯƠNG
NHẬT-TRƯỜNG
NHẬT-THIỆN-LANG

và hai ban nhạc Hải Hước kích động :

A. V. T. — SỞ DZÁCH

TỔNG PHÁT HÀNH

ASIA SỐNG NHẠC

37 Phạm Ngũ Lão — SAIGON

Đ. T. 22-098

XIN LƯU Ý :

Hãy đón nghe BAN SỐNG NHẠC mỗi tối Chúa Nhật từ 21g 15 tới 22 giờ trên những làn sóng điện đài V.T.V.N. Toàn những bản nhạc hay và mới đã ra đĩa sắp phát hành và đã phát hành.

XUÂN VIỆT-NAM

TIẾNG «KHÂU» TRONG TỪ - NGỮ

« SÂN - KHÂU » NGHĨA LÀ GÌ ?

Thề theo lời mời của mấy bạn trẻ trong họ biên-tập, chủ-trương báo Xuân, ngoài mấy chuyện vui lạ, những hồi-ký, đặt-sử, nên có những bài biên-khảo sưu-tầm về phong-tục văn-hóa Việt-Nam, chúng tôi đăng tải bài này, mong được giúp ích các bạn hiếu-học, nhất là những bạn sinh viên môn ngữ-học, hằng đề tâm nghiên cứu và phát-huy tinh thần tiếng mẹ đẻ.



LÊ-NGỌC-TRU

Giáo sư ngôn ngữ học tại Đại học Văn khoa Saigon. Rất thiết tha những gì thuần túy tốt đẹp của Việt-Nam

TRONG ngôn-ngữ, sự mượn tiếng lẫn nhau là việc thông-thường giữa các dân tộc có liên hệ với nhau về lịch sử địa-dư, về chính trị văn-hóa và xã-hội sinh hoạt. Song mỗi dân tộc có mỗi giọng phát âm riêng biệt, có mỗi tinh thần ngôn-ngữ thích-dáng, nên thường khó nói lại đúng y như giọng ngoại-ngữ, vì vậy, âm-điệu các tiếng mượn lắm khi biến-trại cách xa với chính âm của nó. Phát-âm đã chẳng được đúng như ngoại-ngữ, mà còn ràng uốn sửa đồng hóa tiếng mượn cho hợp với âm-hưởng của tiếng mình, dân-tộc nào cũng có xu-hướng ấy.

Tiếng Việt mượn nhiều tiếng của mấy dân-tộc láng-lềnh, nhất là của Trung-Hoa, mà lối mượn lại càng đặc-biệt. Nhà nho mượn chữ Hán của kinh-diễn sách-vở Trung-Hoa, nhưng không đọc theo giọng Tàu, lại phát-âm bằng giọng Việt. Kết-quả là tiếng Hán-Việt ngày nay. Rồi lại vịn vào tiếng Hán-Việt, ta biến-trại uốn-sửa âm-thanh của nó mà tạo nên nhiều tiếng Việt mới khác, để nó đủ ngôn-ngữ cung-ứng cho nhu-cầu xã-hội sinh-hoạt. Trong lúc ấy, binh-dân đại-chúng giao-thiếp tiếp-xúc với người Trung-Hoa, thì mượn thẳng ngay lời giọng nói của họ, — giọng người Trung-Hoa miền Nam cũng như giọng người miền Bắc —, rồi cũng uốn-sửa Việt-hóa các tiếng mượn ấy. Kết-quả lâu đời được thông-dụng các tiếng mượn đã trở thành tiếng Việt-Nam thiết-tho, ngày nay khó nhận ra là mượn nữa.

Và tiếng Việt nhờ cấu-tạo theo hai lối nói trên, — lối nho-hóa là lối mượn của giới tri-thức đã khai-thác kho-tàng chữ Hán, và lối dân-hóa là lối mượn của giới bình dân —, mà được trở nên phong-phú dồi-dào. Chỗ đặc-biệt là các sự biến-trại tiếng mượn đã theo một hệ-thống tinh thần Việt-ngữ.

Vì vậy, khi khảo-sát tiếng Việt, ta nên chú-trọng đến phương-diện Việt-hóa tiếng mượn, và hệ-thống biến âm của tiếng mẹ đẻ.

Trong lúc tìm hiểu nghĩa mỗi tiếng, mỗi từ ngữ để chuẩn bị công việc biên soạn một quyển tự-điển Việt-Nam, tôi thắc mắc không biết tiếng «khâu» trong từ ngữ «sân khâu» nghĩa là gì, nó là tiếng Việt thuần túy, tiếng Hán-Việt hay là một tiếng mượn đã Việt-hóa.

Tra mấy tự-điển của Paulus Cua, Genibrel, Việt-Nam tự-điển của Hội Khai-tri, không thấy ghi tiếng Khâu này. Từ-điển của Cordier, Đào Văn Tập, Thanh-Nghị ghi trọn từ-ngữ «sân-khâu» và giải thích đại để: «khoảng rộng trong rạp hát để diễn trò (scène)». Có lẽ mấy tác giả này chỉ vịn vào công dụng của sự vật mà giải-nghĩa từ-ngữ sân-khâu, chứ chắc không nhận-thức được ý-nghĩa của chữ khâu riêng rẽ.

Hai ông Lý-Văn-Hùng và Thôi-tiên-Nhiên trong quyển Mô-phạm Việt-Hoa từ-điển, nơi chữ

khâu có ghi và giải thích bằng Hán-văn từ-ngữ sân-khâu: «Khẩu đầu tạ ăn chi trường, kim tá dụng chỉ hi trường», đại ý nghĩa là: «chỗ (ban hát) «khẩu đầu» (cúi đầu) tạ ăn (khán giả), nay mượn dùng để chỉ trường hát». Có lẽ tác-giả muốn dùng từ-ngữ khẩu đầu để gọi ý-nghĩa của chữ khâu trong từ-ngữ «sân khâu» chăng? Như thế, thì mặc nhiên tác giả cho tiếng khâu là tiếng Hán-Việt và nó là một tiếng của từ-ngữ «khẩu đầu».

Chúng tôi không vừa ý với câu giải-thích trên về chữ khâu, và suy cứu theo khía cạnh khác, cho rằng đây là một tiếng mượn đã bị biến âm, lâu đời khó truy ra tiếng gốc, nên không hiểu được ý nghĩa chính-xác của nó.

Theo sử, nghệ-thuật hát bội được truyền sang nước ta từ thời Nhà Trần, Việt-Nam sử-lược Trần-Trọng-Kim ghi: «khi quân nhà Trần đánh được quân nhà Nguyên (1284-1288) có bắt được một tên hát bội là Lý-Nguyên-Cát. Sau nó ở lại nước ta lấy cổ truyền mà đặt thành bài tuồng rồi dạy người mình hát. Khi con hát làm trò thì mặc áo gấm, áo vóc, theo dịp đàn, dịp trống mà hát. Sự hát tuồng của người Việt-Nam khởi đầu từ đây.» Vậy lối hát này do người Nguyên truyền sang, và người Nguyên là dân Mông-Cổ nói giọng Trung-Hoa miền Bắc.

Theo dữ-kiền ấy, tôi tìm tài liệu trong sách Hán, thấy bộ Từ-Hải nơi chữ khoa bạch 科白, giải thích như vậy: «Hi kịch trung hữu khoa bạch. Thủy ư Nguyên nhơn khúc bản, khoa vi cử chỉ, ví dĩ động tác biểu tình giả; bạch vi ngôn đàm, ví dĩ ngôn ngữ biểu tình giả». Đại ý là: «Lối hát tuồng có khoa bạch, khởi đầu từ thời nhà Nguyên. Trong bản tuồng, khoa là cử-chỉ kể khi dùng điệu bộ động-tác để biểu diễn tình cảm; bạch là nói-năng, kể khi dùng lời nói đối-đáp hát xướng để biểu diễn tình-cảm». Quyền Hán-Việt từ-điển của Thiều Chửu, nơi chữ Khoa nghĩa thứ 9, cũng giải-thích rằng: «Trong các bản tuồng chia ra từng tấn gọi là khoa bạch, khoa là chỉ về phần cử-dộng, bạch là chỉ về phần nói năng.» Vậy khoa là cử-dộng, là điệu bộ múa-men khi diễn kịch.

Chữ khoa 科 phát âm theo giọng Hán-Việt, giọng Tàu miền Bắc phát-âm là «khô» (!) hoặc «khô» hay «khô». Và khoa bạch là «khô bãi». Có lẽ khi xưa đã mượn âm khô, khô rồi Việt-hóa thành ra tiếng khâu ngày nay chăng. Và nếu quả như vậy, ta mới hiểu được trọn nghĩa từ-ngữ «sân khâu» là: «nơi kép hát khoa bạch, cử-dộng múa-men hát xướng để diễn kịch». Xét về âm với nghĩa của tiếng khâu, chuyên gốc ở từ ngữ «khoa bạch» là lối hát của người Nguyên bày ra, thì nó phù-hợp với lịch-sử đã ghi về lai-lịch lối hát bội, chúng tôi cho có thể là hợp lý lắm, xin thỉnh-giáo quý vị cao minh.

Vả chăng, do chữ «khoa» với nghĩa «cử-dộng», ta cũng mượn thẳng bên âm và nghĩa của tiếng Hán-Việt mà tạo thành tiếng khoa, trong câu «khoa chân khoa tay» là «múa chân múa tay» (Việt-Nam từ-điển). Hoặc dĩ biến âm tiếng khoa của Hán-Việt thành tiếng khoa, trong câu «khoa tay múa chân» «khoa môi khoa mồm»

«Khoa tay múa chân», trong Nam cũng nói «Huơ tay múa chân» hoặc «Huôi tay múa chân», hai tiếng huơ, huôi này cũng có nghĩa là «cử-dộng» song thuộc về tự-nguyên khác, do gốc chữ huy. Còn câu «khoa môi múa mồm» cũng có ngụ-ý «khoe-khoang lớn lối», nên tiếng khoa một phần cũng bị ảnh-hưởng liên-hệ của tiếng khoa là «khoe».

Nhân tiếng khoa, chúng tôi tìm thấy một tự-nguyên khác, khi khoa nghĩa là «cử-dộng» mà có tạo nên tiếng động, như «khoa động», «khoa chén», «khoa bát», «khoa chuông gõ mõ»

(tiếp theo trang 50)

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Thuốc bổ máu bồi bổ cơ thể

NGŨ TẠNG TINH

LA-VẠN-LINH

TRỊ : Các bệnh thiếu máu, suy nhược, mệt mỏi, biếng ăn ít ngủ, lao tâm lao lực, gầy yếu đau lưng, đau mỏi khớp. Phụ nữ kinh kỳ không đúng, khí huyết suy kém.

★

Các chứng ho Ho khan, ho có đàm, ho phong rang tức ngực, ho lâu ngày ăn ngủ không được, gầy yếu mệt mỏi, ho về đêm, ho suyễn. Sản phụ ho đầy đưa không dứt, cần trị với :

PHẾ TẠNG BỬU LA-VẠN-LINH

(Có thể bán ở các tiệm thuốc Bắc)

TÓNG PHÁT HÀNH :

Số 532, Đồng-Khánh — CHỢ LỚN
(K.N. số 609-607 ngày 18-12-63)



ĐI ĐÀY MÀ CÙNG chơi XUÂN ăn TẾT

Hồi ký của NGUYỄN-THẾ-TRUYỀN

NGUYỄN-THẾ-TRUYỀN

Nhà cách-mạng lão thành đã từng tranh-dấu chống thực-dân Pháp, bị đày sang Madagascar

Vào khoảng 1940 - 47, chúng tôi bị thực dân Pháp phát vãng ở một hòn đảo nhỏ gần Madagascar. Cùng trong số phạm này có 10 đồng bào miền Nam kể cả đức giáo chủ Cao-dài Phạm công Lạc, 8 đồng bào miền Bắc trong số ấy có một người là, 1 Nùng Xa nhà thật là buồn, nhất là vào dịp Tết. Mỗi khi Tết đến như nhắc nhở chúng tôi những kỷ niệm êm đềm nơi quê hương: những cảnh âm cúng của gia-đình và hơn bao giờ hết tình yêu nước, yêu nhà bất khởi mệnh mệnh.

Tôi nhớ cùng trong 1 dịp Tết nhưng không rõ tết năm nào, anh em chúng tôi thỏa thuận cố-gắng tổ-chức một cuộc ăn Tết thường Xuân trên hòn đảo xa lạ và hoang vắng này.

Đi đây nơi hoang dã ở đất khách quê người mà cũng ăn Tết, hưởng Xuân ư? Thật là mỉa mai! Làm gì có thịt mỡ dưa hành, câu đối đỏ? Làm sao có pháo, có nêu và bánh chưng xanh?

Thật thật mỗi khi Tết đến, ai có xa quê hương sống trên đất lạ là nhận thấy điều này, đừng nói chi đến đi đây, chúng tôi nhớ đến những hình ảnh và những món ăn tết qua chừng. Tôi hình dung rõ ràng bộ mặt tươi vui các em bé xung quanh trong bộ áo mới, về khoai tría của các cụ do tìm ra được câu đối đặc biệt viết vào giấy đỏ dán trên cửa nhà. Tôi hình dung được các con đường quê sạch sẽ, gọn gàng, những công nhà nằm vườn đây xác phào xuân. Và nữa, tôi cũng thấy được các bà mẹ nghèo đang lo lắng chày thien sấm Tết, trả nợ...

Càng bị cảnh lễ tết quê hương ảnh hưởng tôi càng cảm thấy thiếu thốn: những gì để ăn Tết hưởng Xuân. Tuy thiếu thốn, nhưng nếu có hoa Anh Đào, có giò thối man mác "Xuân phong (Đào lý hoa khai nhật)" Thì cũng có thể hưởng Xuân được.

Tuy nhiên nơi anh em chúng tôi bị phát lưu là nơi khi hậu gay gắt quanh năm. Nóng thật là nóng, nóng hơn cả cái nóng của mùa hè đất Huế! Ánh nắng mặt trời phản chiếu trên nước biển cùng với cát bụi phá hoại cặp mắt chúng tôi quá nhiều. Nhưng cũng chính biển an ủi chúng tôi. Hình như biển vẫn vô tư không quá ghét kẻ tù nhân như cái ngục và bọn thực dân thống trị. Chúng tôi thiếu thịt đông, củ khoai, chả lụa la-ve, nem Thừa Thiên, nem mắm Nam-Ô... Nhưng chúng tôi có một thứ để thay cái mỹ vị ấy mà chắc hẳn đồng bào đủ giàu có ở Huế, Sài Gòn, Đà Lạt cũng khó có được... chắc qui vì rất ngại khiên khi tới bảo đó là Nước-Phiên! Đó là một "tiện nghi" khác thường của chúng tôi. Chung quanh Đảo, sát bờ trại trước mặt, sừng lưng, đầu đảo cũng 1 màu xanh thẫm của bề cỏ, với tiếng sóng ri rào, với cảnh bề bao la làm cho tâm hồn chúng ta lắng dịu, cảm thấy mình bé nhỏ và một nỗi buồn man mác xâm chiếm tâm hồn.

Chúng tôi tha hồ tắm biển. Có thể nói chúng tôi "về" nước biển, và hình như nước biển đây đâu cũng giống nhau. Biển ở đây cũng hùng vĩ đẹp đẽ như biển ở Sầm Sơn, ở Sa huyên, Đại Lãnh... Có lẽ ở quê hương tôi nhân nào có cái "mây mắn" được đi Côn đảo mới hưởng được cái cảnh của chúng tôi lúc bấy giờ. Lắm xấu, phơi nắng nước da như người Nam phi rồi nhảy xuống biển ngâm nước mát. Nâng lên chày da, nung đốt thán thì, nước biển đây hiện làm nấy da dẻ sứt thịt tạo cho chúng tôi một tâm hồn sáng khoái. Nhiều lúc tôi tự hỏi nếu không có nỗi xa đau an ủi của nước biển thì chúng tôi sẽ ra sao khi tâm hồn luôn luôn nôn nóng, căng thẳng vì nỗi nhớ nước nhớ nhà. Càng rồi loạn tâm hồn hơn nữa vì chúng tôi không được xung phong vào công cuộc giải phóng dân tộc. Cho nên tâm biển quả là một nguồn an ủi vô tận, đúng là cuộc du xuân quanh năm mà hoàn cảnh thiên nhiên đã dành riêng cho những kẻ bị lưu đày trên hoang đảo ở Ấn độ đương với khi hậu nắng thiêu đốt.

Chương trình Tết Nguyễn Đức của chúng tôi có 2 phần. Phần thứ nhất dành cho môn thể thao bơi lội, lặn và nhào lặn chung quanh củ lao. Phần thứ 2 là nhậu nhẹt và văn nghệ.

Tuy nay đã lâu ngày tôi vẫn nhớ cụ Gấm—một tín đồ Cao Đài sau này chết tại Madagascar vì bệnh tiêu ra máu—được giải nhất. Cụ bời đứng và chỉ mình Cụ mới biết cái lối bơi đặc biệt Việt Nam này. Nếu Cụ không bị bệnh nan y do, có lẽ ngày nay Cụ vẫn còn vì Cụ có thân thể khỏe mạnh. Tôi được giải nhì về môn lặn nhào (plongeon). Đứng trên ghềnh đá cao chúi đầu xuống nước biển và khi thân thể rơi trong không trung, người biểu diễn môn này phải dang tay ngang, đầu ngẩng lên như con chim bay. Tuy không còn nhớ những chi tiết thì đua khác, nhưng tôi nhớ lần ấy vui lắm lắm cho chúng tôi trong khoảng thời gian ngắn đó quên mất cái cảnh tù đày.

Sau cuộc vẫy vùng ngoài biển đến cuộc thủ tục trong trại, đó là một nhậu nhẹt. Chúng tôi tìm được rượu! Thật là một vật vớ lớn rất đáng kể cho người tù trong dịp Tết. Đó là một thứ rượu xoài, một thứ cường tửu "lô-can", thơm ngon và mạnh hơn rượu để ở nước mình. Số là dân da đen cư ngụ rải rác trên đảo vào quãng 5, 6 gia đình; một vài bộ lạc nấu thứ rượu ấy để uống, thỉnh thoảng, với tài "ngoại giao" rất khéo họ chịu đổi cho vài ca để lấy áo quần cũ hoặc bao diêm hay khúc bút chì. "Vô từ bắt thành lễ" mà, thiếu thứ nước cay ấy chắc chắn mất vui. Riêng về đồ nhậu chúng tôi có ba món đặc biệt: thứ nhất là trứng vịt. Giống này thật đặc biệt, đến mùa đông ở ngoài khơi bơi vào rình mò lên bãi cát để hàng đồng trống rồi vùi lấp lại. Thế là Vích me xong nhiệm vụ giao đàng trứng "vêu qui" ấy cho cát và khi trứng nở thành Vích con thì nó tự chui lên và tạo lập cuộc đời. Đây là 1 món ăn rất phổ thông ở hoang đảo, chính ở Côn đảo cũng làm thế như vậy. Chúng tôi chỉ đi tìm xoài vẹt và đào lấy trứng—giống như trứng quạ "banh-bông" Một sáng tinh sương mừng một Tết thì tình nguyện đi lượm trứng vịt. Đang tìm thì đầu vẹt trên mặt cát chúng tôi bắt gặp 1 cái mai vịt đã khô và có màu sắc sặc sỡ. Trên cột "xương sống" có hình 1 chữ S đỏ như quả gấc. Gắn liền dưới có 9 mũi tên xanh lá cây. Quan sát kỹ chúng tôi tự hỏi: "Triệu chứng gì đây, thứ hỏi xem?" Chữ S ám chỉ bản đồ nước nhà. Màu đỏ tượng trưng cho cuộc cách mạng đẫm máu. Còn 9 mũi tên? Phải chăng đó là điểm báo cho 9 quê tốt? Thiên tính cầu trù! Phải chăng câu đây là chỉ Cửu long giang? Đồng bào ở nhà rụng đuôi giết tây khắp nư và máu sôi lang nhuộm đỏ nước sông Cửu long? Lời bói của tôi làm cho anh em phấn khởi và cụ Phạm-Công-Tắc đặc biệt lưu tâm.

Trứng vịt ăn sang thì đem trần trắng như trứng gà, vớt, ăn rồi bình dân thì đem luộc chấm muối. Mũi trứng thơm ngon, vị bùi khêu gọi khiêu Lưu-Linh rồi đây, nhất là ở cảnh đi đây, người từ lượm ít cũng có thể tận 1 ca mỹ tửu "Xoài".

Món nhậu thứ hai của chúng tôi là chả dơi. Đảo ấy có một loại "nữ chim nửa chuột" to bằng chim bồ câu và hay tụ tập trên các cây xoài lớn để ăn quả. Và cây xoài được tắm bồ bằng phân dơi, 1 thứ phân quý (cái trò xoay vần của con tạo như vậy). Một đồng nậu chúng tôi có tài dùng ná dây cao-su để hạ các chú "nữ chim nửa thú" này, có khi hàng tá. Và không biết khi ở quê nhà anh ta có khoái chả dơi không mà lại giới làm chả đến thế. Uống rượu Xoài nhấm chả dơi! Chúng tôi hưởng Tết 1 cách rất phù hợp với hoàn cảnh thiên nhiên và rất "mùi". Thật là nhậu nhẹt một thú!

Dệ tam món là cháo rần. Trong số anh em chúng tôi có 1 người nổi tiếng về việc "trám xé". Chẳng thế anh ta quản quân việc nấu cháo rần, và cả làm "khô rần" nữa.

Cháo rần ăn ngon thật. Không biết vì loài rần vốn là thứ thịt ngon hay vì kỹ thuật nấu bếp quá cao, hay kể từ đây lâu năm "ăn cái gì" cũng ngon?

Ai có ở tù lâu chắc tìm được câu giải đáp. Có 1 điều lạ là anh nhậu chúng tôi không nên ăn nhiều thứ cháo hảo hạng này, dù số cháo quá nhiều đủ cho cả trại xé 2 bữa. Hồi tôi sao, anh cười bảo vì nó quá bở. Có anh chêm nhiều lại hỏi đồn đồn anh ta tại sao bỏ đi kiêng cử, giới hạn như vậy. Để trả lời tác giả cháo rần lên giọng "Ồ cầu" mùi:

... Bởi vì cả bọn chúng ta bị đày ở đây, trên ôi! đều sa vào thảm cảnh: xa nhà—vẫn... ư!

xXx

Chúng tôi đang "tà tà chén cốc dờ say"—thật là 1 phép màu nhiệm! —bà "giải nhân" da đen bước vào! Họ là vợ hay em gái mấy người làm cá ngoài đảo, mang rượu Xoài đến bán. Chúng tôi đem hết quần áo cũ ra đổi rượu ngon. Ở thời "giải nhân nan tại đắc" nhất là nơi tù đày, chúng tôi liền mời 3 cô bán rượu Xuân ấy vui Xuân cùng chúng tôi. Họ từ chối uống rượu. Mời họ khiêu vũ, họ lắc đầu từ chối và có vẻ hồ thẹn.

Họ không như các cô gái Tây phương hay gái ở nước ta khi hồ thẹn mà đỏ hồng mà họ nhìn nhau rồi gục đầu người này vào ngực người kia cười khúc khích và riu rít bằng thổ ngữ khó hiểu. Không bỏ lỡ "cơ hội trời cho", chúng tôi bèn tổ chức cuộc thi vũ giữa 3 người bọn họ. Chúng tôi treo 3 giải. Ai giải nhất được cái gương soi mặt tròn còn mới, giải thứ 2, một cái slip hời cơ để tắm biển, giải 3 là 1 cái chai đựng nước uống, đó là loại chai đựng rượu Quinquina, còn nguyên nhãn con mèo. Bà phụ nữ da đen tròn tròn mắt trắng xóa nhìn chồng chọc vào món quà hiếm có này. Rồi họ sờ sờ, vuốt ve, cần nhắc trông có vẻ say mê lắm.

Thế là họ vui vẻ dự cuộc thi vũ. Một cuộc thi đua cực kỳ ngoạn mục. Mấy bà "dâm" đen nhảy bằng vai, bằng cánh tay, cùi tay. Nhảy cả bằng ngực, mông bằng rốn bằng đầu gối, bằng bàn chân, gót chân, ngón chân. Nhưng thần tình hơn cả là họ nhảy bằng đầu. Đầu họ nhúc nhích 1 cách vô cùng duyên dáng và yếu điệu. Khi gật gù như đầu chim bồ câu đang gáy, khi sang bên trái, khi nghiêng bên phải 1 cách nhịp nhàng như đầu con lân trong cuộc múa lân ở nước nhà. Có khi nó quay từ 1 hồi như các bà lúc lên đồng... Một cuộc vũ kỳ diệu, trước đó tôi chỉ biết qua sách vở hoặc trên màn ảnh khi nói đến các cuộc đại lễ hay các cuộc trưng hoan của các tên lãnh chúa da đen. Anh em cử tôi làm giám khảo. Tôi ngợi khen cả 3 vũ nữ hắc chủng và long trọng phát giải thưởng cho họ trong pháo tay hoan hô của anh em...

Bà vũ nữ mang giải thưởng ra về, đến lượt chúng tôi thì làm thơ. Mục này anh em cử giáo chủ Phạm-Công-Tắc làm giám khảo. Thời thì người nào cũng vô thành thì si "xuất khẩu thành thi". Có 3 bài rất hay và chiếm giải thưởng. Giải nhất 9 điều thuốc, giải nhì 6 và giải 3 thì 3 điều. Rất tiếc tôi không nhớ 3 bài thơ hay, chỉ nhớ bài "dờ ệt" bị cụ giám khảo liệt vào hạng bét. Đó là bài thơ của tôi. Bét rồi thì bị phạt rượu, thế là phải uống 1 ly 19 ly rượu xoài. Phải tuân lệnh cụ giám khảo, tôi uống luôn 19 ly và tiện thể thêm 1 ly để hoàn thành con số chẳng: 20 (en chiffre rond). Cũ trả đều vô tay, nhưng có 1 số kinh ngạc. Trước khi chia tay đi ngủ, Đức giáo chủ Cao đài rì tai tôi: "Bài thơ của quý bạn hay đấy chứ; nhưng tôi chủ ý phạt rượu quý bạn, vì đối với quý bạn phạt tức là thưởng mà!" Ngài liền cho tôi 1 cái "thui" vào sườn rồi cười ha... ha...

Cuộc đời phong trần đầy đủ của tôi đã cho tôi hưởng nhiều cái Tết. Có những cái Tết trong cảnh quí phái sang trọng, có những Tết cơ hàn cực cực, nhưng cái Tết đặc biệt ở hoang đảo lưu đày này không thể nào nhớ trong kỷ ức tôi.

Để chấm dứt thiên hồi ký này, tôi xin phép nhắc lại bài thơ... ngoại hạng bị uống 20 ly rượu Xoài:

Ăn Tết năm nay nghĩ cũng hay
Cùng nhau giải trí lúc đi đây
Ba chìm bảy nổi thì bời lặn
Chín Bắc mười Nam cuộc tỉnh say
Trục đặc xoay vần mong đợi mai
Cơ trời khấp mở muốn về ngay
Xuân này bức sốt Xuân sau mất
Muốn biết mùi đời phải nếm cay.

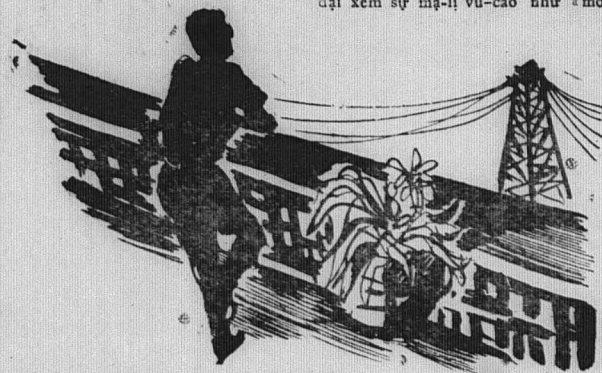
Xuân Ất Tỵ
NGUYỄN-THẾ-TRUYỀN

Tôi Không MẤT EM



NGUYỄN-LIỆU
5 năm Cầm-cờ đây Côn-đảo vì vụ đảo chánh
11-11-60. Được tự do sau 1-11-63.

hướng cho các thủy thủ trên bè cá...
và nhiều nữa, nhưng là gì...? Và sự
thật đó là những ảo ảnh đã làm cho em
ngạc nhiên và tuyệt vọng. Cái thời
đại xem sự mạ-lệ vu-cáo như «môt»



Ghi các em học sinh của tôi
Riêng gửi em Huỳnh-đoàn-Mai.

HỒM nhận được thư, tôi không
dấu được nỗi xúc động khi đọc
những dòng chữ từ biệt của em. Tôi
không muốn cho đó là vĩnh biệt như
em nói, bởi vì, theo tôi, dù phải vĩnh
biệt chúng ta cũng nên tránh bớt hình
ảnh bi thảm ấy. Không biết đọc đến
lần thứ mấy rồi, tôi ngồi lặng lẽ nhìn
ra xa, khỏi cơn chiều nhà ai bắt đầu
cuộn trên các mái ngói... Chiều nay,
buổi chiều buồn, không biết đó là nỗi
buồn thật của trời đất hay buồn riêng
của tôi khi mắt một đứa em?

Em à, nhiều khi tôi chuyện với
tôi các em thoáng buồn, thờ dài... Tôi
hiểu rồi, nỗi băn khoăn đang chất chứa
ở các em, lớp tuổi trẻ trong thời khói
lửa này. Mà làm sao vui được phải
không em, khi chiến tranh vẫn còn dày
xéo trên giang sơn chúng ta ngót 20
năm nay? Vui sao được những em bé
chưa biết sống đã phải gục xác dưới
làn bom đạn? Tôi biết tâm, em đang
nghĩ những gì. Em đã thấy những sự
xảo trộn ngoài xã hội trong tâm hồn
em. Những già là Chân là Thiên cũng bị
đánh lừa. Cái thời đại «vàng thau lẫn
lộn», và mọi giá trị hình như phải tìm
lại một cái ước mới. Định nghĩa của
các danh tự, tính tự lần lượt phân với
nghĩa trong từ điển lâu nay. Em buồn,
em lo — tôi biết lắm và cảm thông em
rất nhiều. Em cảm thấy cô đơn vì em
là kẻ đang đi tìm cái đẹp, mà cuộc đời
này gần như thiếu cái em đi tìm. Em
ngạc nhiên là phải vì thời gian không
là phép mẫu nhiệm làm cho con người
trở nên khôn ngoan. Những người em
tưởng là «người lớn» là «nhiều kinh
nghiệm» là cái «la bàn» chỉ phương

sống, một điều kẻ để tiến thân và để
chối tội lỗi. Làm sao em không chán
được — tuổi em mười tám đây những
mộng đẹp! Kẻ được quyền sống,
không phải do thực tài của họ, và hình
như Thượng Đế bất lực không can
thiệp vào kiếp sống của con người,
hơn thế nữa, em là kẻ không tin ở
Thượng Đế, vì em chỉ tin ở sức của
con người. Em đã bảo con người làm
nên lịch sử, và làm nên tất cả. Tôi gần
giống nhưng lại khác hẳn em điếm đó.
Em đòi hỏi, mong mỏi mọi việc tiến
nhành hơn thực tại đã phôi diễn. Em
đam hoài nghi, dám đổ vỡ và đương
đầu với nguy hiểm để tìm kiếm, và
em ơi, cuộc đời là một chuỗi ngày dài
vô vị để chúng ta kiếm tìm. Em đã
phân vân, như người ta đã phân vân:
rồi về đâu? Ý nghĩa cuộc đời là gì?
thần phận của con người? Tôi cảm
thông các em ở điếm đó và vì vậy
tôi mến em, yêu em nữa. Tôi đã ôm
em vào lòng và hôn lên trán em, vì em
à, trước đây tôi cũng ngỡ ngàng như
em. Tuy ngày nay hoài nghi vẫn còn là
một trạng thái trong tôi, nhưng may
mắn hơn em, tôi không còn ngỡ ngàng
nữa, nghĩa là tôi đã quyết định rồi,
đứt khoát theo một con đường đã vạch
sẵn. Tôi biết kỹ về em, nhưng chưa có
thể nói được vì em đang say mê và
đang yêu. Em say mê lý tưởng và yêu
người đẹp ở quê nhà. Em đang nhìn một
tương lai thơ mộng, những đóa hoa
hồng hăm tiếu, bình minh lóe chói,
làn sao tối can được! Dù là ảo ảnh
đánh lừa ta nhưng cho ta một trạng
thái say mê còn hơn là thực tế đau
buồn vô vị, hờ em? Và như vậy, xin

Thượng Đế hãy luôn luôn cho chúng
ta những ảo ảnh! Hiện em đã rời ghế
nhà trường tìm ảo ảnh? Tôi biết em
sống với tình yêu và em thật trọng
đến nỗi tôi cũng phải nghiêm trang như
bước vào một giáo đường. Cái điều
khó tâm nhất của tôi là đã lần lượt
thấy các em ra đi. Tuy trời vẫn còn u
ám, các cơn gió lốc lăm lăm ở chân trời.
Thuyền non tay lái, lạc mất là bàn,
nhưng tuổi trẻ, tinh khí hiếu động đã
khiến các em rời bến. Và mĩa mai nhất
là bến thuyền luôn luôn phủ phàng các
em. Trong cuộc đời có lẽ phải có nhiều
lần ra đi, và mỗi lần ra đi là một sự
đứt khoát, một sự chuyển mình làm
đau thương và cũng làm lý thú. Điều
cần nhất tôi muốn nói với em là phải
chí thành. Chúng ta phải chối bỏ những
muru mờ, những thú đoạn, vì chúng nó
đã làm xấu xí cuộc đời. Chắc các em
còn nhớ lúc nào tôi cũng nhắc đi nhắc
lại «Dù thất bại, mà thành thật hơn
là thành công bằng xảo trá!». Chắc
em không cho điều ấy quá lý tưởng? Tôi
nghĩ rằng làm thế nào lương tâm
minh không bức rức, một tâm hồn
thanh thản... thì dù ở chỗ nào chúng
ta cũng vui tươi được. Tôi bất bình
nhất là từ lúc người ta đã gán cho
chánh trị những hình ảnh quá xấu.
Mà đó không phải là một sự gán không
bằng chứng. Thực sự đa số chính khách
vì quá chú trọng đến kết quả nên bất kể
các phương tiện, dù là phương tiện dơ
hèn, phi nhân như họ cũng không
chừa. Em còn nhớ không, cách đây
không lâu, một số người đã để linh hồn
và lương tâm đi hoang, vì sự tranh
chấp vụn vặt đã cho ra một số báo nhỏ
phi báng tôi. Trước một hành động
«rất-thời-đại» đó, chúng ta đã làm gì?
Thanh minh ư? Chồng trả lại ư?...
Tất cả đều vô ích vì nếu có ý nghĩ
như vậy là tự dẫn thân vào cái guồng
máy đen tối quay cuồng trong bùn lầy
rối. Bởi vậy, chúng mình xem như
không có gì hết. Sự hiện diện của thứ
người tàn tạ lương tâm, và cả việc
làm của họ xem như không có trên cuộc
sống «có quyết định» của mình; là đủ
lắm rồi.

Tôi biết lắm, vì tôi chưa hoàn toàn
xa cái tâm trạng của em. Nỗi buồn
vui, lo nghĩ của em, phần lớn cũng
chính là của tôi đấy. Chúng mình còn
nhiều khúc mắc, còn nhiều góc cạnh
quá nên đi đến đâu cũng không dễ
dàng suông lợi như thiên hạ. Vì chưa

biết «cái khom xương để đạt được kết
quả» nên lúc nào mình cũng cảm thấy
những phủ phàng, những lạnh nhạt.
Hơn nữa, những thiện chí cô đơn ấy,
lúc nào cũng thấy bị bỏ rơi, bị loại ra
ngoài cuộc đời. Em thờ dài là vì thế, vì,
rồi ngày nào cũng như ngày nào, sáng
lại chiều, lại tối, kim đồng hồ vẫn quay
chậm chậm, vẫn không gì đổi thay,
tiến bộ; trong lúc đó em quá ước ao
sự thay đổi, dù là đồ vỡ, dù là tan
tành! Tôi vẫn biết ở thời khói lửa
này, bốn bức tường vôi của nhà trường,
đám ba cuốn giáo khoa khô khan, và
nữa... cái diện mạo khuôn khổ chết
cứng của phần đông các nhà giáo đã
làm cho em chán nản và kinh tởm.
Em muốn tìm một môi trường rộng
rãi để hoạt động. Hiểu động, rồi để
làm gì, nhiều khi các em cũng không
cần biết, em chỉ cần hoạt động như
loài người cần đường khi đi bộ. Hấp.
Em muốn trong vòng trời đất này phải
đọc ngang ngang dọc như Uy-Viễn
tướng-công ngày xưa. Em chưa bao
giờ để cái tư lợi xâm chiếm phần trong
sạch của tâm hồn. Tuổi trẻ thích làm
việc, ưa ngang tàng và bướng bỉnh.
Em cố cần gì lợi phải không em? Tôi
biết chắc em đang theo đuổi ba mục
tiêu đẹp để nhất của con người (theo ý
em) và theo tôi, điều đó đủ làm cho
em tự hào. Điều đó sẽ làm sự hiệ
diện của em trên cuộc sống không còn
vô vị nữa. Em không phải và cũng
không muốn làm bánh xe thứ năm của
thứ xe bốn bánh! Ba mục tiêu thật là
cao đẹp:

- tình yêu
- tình bạn
- và cách mạng.

Thật là tế nhị, tôi đã cảm thông
em lắm rồi, mục tiêu 1 và 2 mới xem
như một nhưng chính là hai. Và 2
mục ấy có cái giá trị gần như tuyệt
đối hờ em? Thiếu tình yêu, đời của
em xem như chết hết 3 phần 4 rồi!
Và còn hành động gì được nữa khi
trái tim em đã nguội lạnh? Và làm
sao kiểu hãnh được nữa để chấp nhận
mọi đắng cay trên cuộc đời tranh đấu
khi em chỉ còn là một khối lỏng không
lửa ấm? Và làm sao em sống được
khi cuộc sống mất hình bóng đẹp, vì
sống là tìm và tận hưởng nghệ thuật hờ
em? Dù là một hình bóng ảo huyền, một

(Xem tiếp trang 34)

Cung Chúc Tân Xuân

E^{IS} = TAN-KIET Y-OAN

43, Bền chương dương — SAIGON

TỔNG ĐẠI TÝ: THAN ĐÁ NÔNG-SON

TIỆM THAN

MANH-HUNG

SỐ 6, ĐƯỜNG PHU ĐỒNG THIÊN VƯƠNG — CHOLON



THU-DUNG.

Cháu bảo chú giải thích cho Dung hiểu hiện tượng mà người Tây phương gọi là «Tiếng sét ái tình»: Tại sao trong hàng nghìn, vạn đàn ông, đàn bà chúng ta gặp trên đường đời, chúng ta chọn người này mà không chọn người nọ, tâm hồn ta chỉ rung động, chỉ háng khuâng, nhớ nhung người này mà không nhớ nhung người nọ? Tại sao một chiều có gió không mưa nào đó, đôi mắt ta bắt chợt một đôi mắt khác đang nhìn ta, và trong cái khoảnh khắc, chứa đựng cả thiên thu đó, ta có cảm giác, có ấn tượng là từ nay cho đến mãi cuộc đời ta, số kiếp ta, sẽ bị ràng buộc với số kiếp kẻ vừa thoáng gặp và dù muốn dù không, dù chạy đằng trời, ta không thể không thương, không yêu người mà số kiếp dun dũi ta gặp?

Theo chủ, chính thuyết luân hồi, tiền kiếp của người Đông Phương giúp chúng ta giải đáp cái hiện tượng mà người Tây Phương gọi là tiếng sét của ái tình. Người Đông Phương chúng ta, thâm nhuần quan niệm luân hồi, duyên kiếp nên tin rằng những đôi lứa vừa gặp nhau trong khoảnh khắc, mà đã yêu nhau tới thiên thu, là do kiếp trước, họ đã mắc duyên nợ với nhau nên kiếp này họ đầu thai trở lại trên gian, thì họ tìm đến nhau, trả nợ kiếp trước.

Cách giải đáp kể trên có nhẽ làm Dung mỉm cười hoài nghi. Đừng có cười Dung ạ! Khi chú còn trẻ như Dung bây giờ, chú cũng cười, hoài nghi mỗi khi nghe nói đến chuyện duyên kiếp. Duyên kiếp là cái chớ gì? Chỉ nghĩ vậy. Nhưng bây giờ thì chú tin, tin «KINH KHÚNG» theo lời nói của cháu. Để chú kể cháu nghe một «kinh nghiệm bản thân» của chú, một câu chuyện chỉ có thể giải đáp bằng quan niệm luân hồi tiền kiếp.

Có lần, cháu nửa đùa nửa thật hỏi chú:

— Với tuổi của chú, chú sắp trở thành một thứ «khom» rồi, một thứ «croulante» rồi, vậy mà đọc giả ưa chuộng chú, phần đông thuộc lớp trẻ. Chú có hàng trăm «Lolita» chú nhận làm cháu, làm con. Nhưng hỏi thực chú, chú có thành thực coi các Lolita của chú như cháu, như con không? hay chú chỉ miễn cưỡng đóng vai cha hề, chú hão. Có lần nào chú «bị» Lolita của chú quyến rũ, hoặc chú muốn tâm quyến rũ Lolita của chú không?

Trời! Cháu thật quái ác! Câu hỏi của cháu làm chú giật mình, buộc chú phải tự kiểm thảo lương tâm.

Vốn là kẻ thù của những đứa đạo đức giả, chú không ngần ngại thú thực với cháu rằng trước sắc đẹp, tuổi trẻ của những Lolita của chú. Nhất là buồn và cô đơn, buồn và cô đơn vì biết tuổi trẻ, sắc đẹp không phải là của mình nữa, không thuộc về mình nữa! Nhưng bảo rằng chú chỉ miễn cưỡng đóng vai «cha hề» «chú hão» như cháu nói, thì hoàn toàn sai. Chú thần thần thật coi các Lolita của chú như con, như cháu, chú đóng vai cha, vai chú, không những không miễn cưỡng, không giả tạo, mà còn hết lòng, hết dạ. Bởi vì các Lolita của chú không những mang lại niềm an ủi cho chú mà còn khiến chú hãnh diện thấy rằng mình chưa đến nỗi quá tự bản thân, như nhớp! Không phải chú khoe rằng chú cao thượng đâu! Kể ra thì chưa chắc chú đã cao thượng. Nhưng chú ý thức được sự lỗ bịch của những ông già chơi chổng bỏi, những kẻ tóc hoa râm mà còn cay cú thêm khát yêu đương. Ngó một ông già «tàn» một cô gái nhỏ, cháu có thấy tội nghiệp cho các cô bé lần ông già không? Chính vì chú có cái «sens du ridicules» như vậy, cho nên mỗi lần một thiếu nữ tìm đến chú, chú thường gây không khí thân mật bằng cách gọi thiếu nữ là «mày» là cháu... như lần đầu tiên Thu Dung tìm đến gặp chú, chắc chắn không khỏi phật ý thấy chú tự xưng là «tao» và gọi Thu Dung là «mày».

Chú thành khẩn giữ gìn như vậy, mà có lần chú suy tư ngẫm, suy tư một đứa «cháu» đấy, cháu ạ! Nhưng lỗi không phải ở chú, cũng không phải ở thiếu nữ, mà đó là «tiền oan nghiệp chướng», do duyên nợ tiền kiếp nào chưa thanh toán, nên kiếp này phải trả nợ. Câu chuyện thật lạ lùng hơn cả những điều chú bịa đặt trong tiểu thuyết của chú.

Chú kể tóm tắt cháu nghe, tùy cháu nhận xét:

Cách đây hơn một năm chú nhận được một lá thư của một nữ độc giả, một thiếu nữ 22 tuổi học năm thứ nhất Đại Học Văn Khoa. Bắt cứ nhà văn hạng bét nào, cũng có ít nhất là một độc giả coi mình là «thần tượng» cho nên chú không lạ khi thấy thiếu nữ trong thư coi chú như «thần tượng». Nhưng lá thư không phải chỉ có thế, lá thư còn mang cho chú một xúc động khác thường mà chú không cắt nghĩa nổi. Trong thư, thiếu nữ kể cho chú biết tên nàng là Nguyệt nhưng ở nhà vẫn gọi nàng là Huyền. Nàng không hiểu sao hai cái tên của nàng lại trùng với tên hai nhân vật tiểu thuyết của chú. Mẹ Huyền mất từ năm Huyền lên 5 tuổi, Huyền sống với cha cùng lý em con với kẻ của cha: gia đình sung túc mà Huyền vẫn lẻ loi,

in chiếc. Cha Huyền là một thẩm phán sắp về hưu, tính tình khắc khổ, Huyền đã đính hôn với một sinh viên y khoa sắp nộp luận án bác sĩ, chỉ đợi sinh viên ra trường, thì hai người sẽ làm lễ thành hôn. Nhưng trong thư, Huyền thú thực với chú rằng người thanh niên nọ là do cha nàng chọn cho nàng, không phải do nàng tự kén lấy.

Nàng không chê thanh niên nọ điểm gì, nhưng không hiểu sao, nàng vẫn chưa cảm thấy nàng thực lòng yêu thanh niên nọ, Huyền sợ không tìm thấy hạnh phúc nên Huyền viết thư hỏi ý kiến chú. Kể ra trường hợp Huyền nêu trong thư chả lấy gì làm lạ lùng, nhưng chú nhắc lại, cái thư của Huyền gây cho chú một xúc động, bồi hồi, mà lúc đó chú không cắt nghĩa nổi, phải đợi sau này, chú mới tìm ra nguyên do.

Chú biên thư trả lời Huyền bảo Huyền tới tòa soạn thăm chú. Nhưng Huyền không chịu tới. Trong lá thư hai giri cho chú Huyền viết rằng Huyền muốn tới gặp chú lắm, nhưng không hiểu sao, Huyền «sợ» gặp chú, nhất là Huyền sợ tòa soạn của chú đông người, Huyền hoảng không dám tới. Huyền muốn mời chú tới nhà, nhưng cha Huyền nghiêm khắc, mẹ kể Huyền chỉ thương yêu Huyền bề ngoài, lấy lệ, cho nên Huyền không dám mời chú tới nhà. Thăm thoát trong vòng một tháng, Huyền đã gửi cho chú tới mười lá thư. Có thư chú trả lời có thư chú không trả lời.

Nhưng chú — tuy bận rộn — vẫn không ngồi nghỉ, hình dung trong đầu óc, người thiếu nữ có tâm hồn kỳ lạ, mang cho chú những khác khoai mà chú không phân tách nổi. Thế rồi, đột nhiên Huyền gửi thư cho chú, hẹn với chú sẽ gặp chú tại thư viện Saigon, chiều thứ bảy, khoảng 5 giờ để hai người có thể nhận ra nhau, Huyền sẽ đặt trước chỗ ngồi của Huyền một cuốn tiểu thuyết của chú là «đầu hiệu», cuốn tiểu thuyết Huyền mang theo để xin chữ ký của chú. Đọc thư Huyền chú ngán quá vì cuộc gặp gỡ mà Huyền đề nghị trong thư, chẳng khác sự hẹn hò thăm kín của một đôi tình nhân, nhưng «ngắn» là một chuyện, chú vẫn không thể không ra đi, mặc dầu linh tính báo cho chú biết sẽ có chuyện chẳng lành.

Thế là chiều thứ bảy chú tới Thư viện, không phải với tâm trạng một người trên 40 tuổi đã cằn cõi, mệt mỏi, chú đột nhiên sống lại cái tâm trạng xa xưa của một thanh niên lần đầu tiên tới chỗ hẹn với người yêu.

Mỗi xúc động của chú khi gặp Huyền thật kỳ lạ: chú chỉ đảo mắt nhìn quanh phòng một lượt, chú không cần tìm cuốn sách Huyền đặt làm dấu hiệu trước mặt Huyền, chú cũng đã «nhận» ra ngay được Huyền và chú từ từ tiến lại phía Huyền. Hình như Huyền cũng «nhận» ra chú, cho nên chú chưa tới chỗ Huyền, Huyền đã đứng lên, gương mặt nhuộm hồng, ngập ngừng chào chú:

- Chú...
- Huyền phải không?
- Dạ...

Chú vốn là đứa dung dị, hồn nhiên, ít khi mất bình tĩnh trước mặt đàn bà, vậy mà gặp Huyền, chú cũng ngưng ngợp, không kềm gí Huyền...

(Xem tiếp trang 40)

Cung chúc tân xuân

TRẦN MINH-NGỌC

XUẤT SẮC SẢN

Ông hăm thanh và ống đàn thanh

Posts silencieux tuyaux échappements

ĐỦ CÁC LOẠI XE HƠI VÀ GẮN MÁY

329, đường Phố Định Phố Lâm

CHOLON



ĐỜI SỐNG

TÂM TRÍ CỦA CON TRÈ

Bà Đinh Xuân Quảng
 Người đàn bà duy nhất ra tòa án
 "quân sự đặc biệt" vì liên can đến vụ
 đảo chánh 11-11-1963.

• Bà ĐINH XUÂN-QUẢNG

TRONG thời kỳ Không giáo còn thịnh hành, nghĩa là vào đầu thế kỷ hiện tại, xã hội Việt Nam chúng ta sống bình tĩnh dưới lễ nghĩa Không Mạnh. Mọi liên lạc trong gia đình và trong xã hội đều được sắp đặt theo các nguyên tắc cổ truyền: thờ cha, kính mẹ, hầu chồng, nuôi con, trung quân ái quốc, trai thì trung hiếu, gái thì tiết nghĩa v.v... Dưới một chế độ như vậy, đâu có vấn đề đời sống riêng của con cái, đời sống vật chất cho đến đời sống tinh thần, tâm và trí, lý và tình. Phụ mẫu là trọng, con cái là phụ thuộc. Con cái sống để thờ phượng cha mẹ, tổ tiên, đâu có phải sống để cho mình, cho riêng mình, cho nên không có vấn đề bản phận cha mẹ đối với đời sống tâm trí của con, chỉ có vấn đề con cái hiếu thuận, hầu hạ cha mẹ. Chúng ta còn nhớ những gương hiếu để đến va sinh thành đã được nêu ra. Trong Nhị Thập Tứ Hiếu chúng ta còn nhắc nhở gương của ông Lão Lai ngoài bảy mươi tuổi còn tìm cách làm cho cha mẹ cười để quên cái tuổi già của hai cụ, hoặc gương lịch sử của Vua Tư-Đức, đi săn về trễ, làm mẹ là bà Từ Dũ, lo âu, vào quý cáo lỗi và dâng roi xin mẹ đánh.

Với sự sụp đổ của xã hội cổ truyền, đột nhiên chúng ta đứng trước một xã hội tân tiến trong ấy trọng tâm không còn là phụ mẫu, trọng tâm là thanh thiếu niên. Các tài xế hơi sống dưới các chế độ độc tài toàn diện (totalitaires) đều chăm chú vào các thể hệ thanh thiếu niên. Độc tài phát xít quốc xã hoặc độc tài đảng trị Cộng sản, hai thứ xã hội này đều muốn tách thanh thiếu niên ra khỏi gia đình để giám sát vào các tổ chức của các nước độc tài đảng trị chỉ biết Đảng không biết gia đình. Cho nên ngày nay các chế độ Tự do phải chăm chú để cải tạo gia đình mà gây nên một nền tảng vững chắc cho xã hội tự do. Vì vậy cần hiểu biết trẻ em hơn, cần phải nghiên cứu lại các giáo lý lạc của Phụ mẫu với Con cái trong gia đình hầu tìm cách xây dựng một xã hội thiện mỹ hơn.

Và lại "sao đời vật đổi", xã hội cũng như mọi cảnh, mọi vật phải chịu luật tiến hóa. Tiến hóa là Sống còn, biến chuyển là lẽ Thiên nhiên. Muốn đạt căn bản mới cho đời sống cha mẹ con cái, chúng ta hãy cùng nhau nghiên cứu đời sống tâm trí của thanh thiếu niên, hầu cùng nhau tìm ra những thái độ thích nghi đối phó với tình thế luôn thay đổi của các con cái chúng ta. Theo Không Giáo cha mẹ cần ngày nào, con cái vẫn là vị thành niên ngày ấy, phải để cha mẹ quyết định mọi việc, phải nhất luật tuân theo lời chỉ giáo của cha mẹ, con trai thì phải "nội đồng Nghi gia", con gái thì "cha mẹ đặt đâu ngồi đấy". Như thế mới là có hiếu thảo với mẹ cha.

Ngày nay luật đã định rõ giới hạn của tình trạng vị thành niên. Dưới 21 tuổi, con cái hoàn toàn phụ thuộc cha mẹ hoặc gia trưởng, huy hoàng, ngoài 21 tuổi ai ai đều chịu trách nhiệm hành động của mình, không còn phụ thuộc các đảng sinh thành cốt nhục của mình.

Trên thực tế, và trong phạm vi vấn đề chúng ta nghiên cứu, vấn đề đời sống tâm trí của thanh thiếu niên có thể nghiên cứu theo giai đoạn xử trí, giai đoạn thiếu niên và giai đoạn thanh niên. Chúng ta có tìm học hiểu theo giai đoạn cũng chỉ vì để tiện giải bày mà thôi vì trên thực tế rất khó mà định một hạn rõ ràng nhất luật. Có em chống có đủ trí khôn, có em lại chậm lớn hơn, có em mau hiểu biết và hòa mình với vật cảnh gia đình nhưng cũng nhiều em lại tiến theo nhịp, theo đã thông thả hơn vài năm.

Đại khái chúng ta có thể chia là thời kỳ xử trí là thời gian dưới tám tuổi — kể tiếp là giai đoạn thiếu niên, và lúc ra đời, đủ lòng đủ cảnh, là thời kỳ thanh niên; khoảng 15, 16 tuổi trở lên. Điển hình như trên không được dứt khoát làm vì trăm hoa đua nở, có hoa nào giống hết hoa nào, và

định luật thiên nhiên rất là rộng rãi phức tạp. Chúng ta chia ra thời kỳ hoặc giai đoạn cũng chỉ để tiện việc nghiên cứu, tiện việc bàn luận và trình bày, tiện việc học hỏi với nhau mà thôi.

THỜI KỲ ẤU TRÍ

Dưới ba năm, trẻ em chưa có một ý thức rõ rệt về đời sống tâm trí. Thời kỳ này là một giai đoạn bắt đầu học hỏi và vì động chạm với đời mà kinh nghiệm cho trẻ em biết hành động nào có thể làm và hành động nào thì gặp sự phản đối của cha mẹ.

Chúng ta đừng tưởng rằng mới sanh ra, Chúa chỉ ban cho trẻ em biết khóc đòi ăn mà thôi. Cho ăn, săn sóc tắm rửa thay áo quần là công việc của người lớn, nhưng các người này sống theo nếp sống của xã hội xung quanh và truyền cho trẻ em nếp sống ấy. Giờ ăn, giờ giấc ngủ đều do theo lệnh của Bác sĩ hoặc của kinh nghiệm, tập quán của xã hội hoặc của giới cha mẹ trẻ em. Bản phận cha mẹ rõ rệt tóm tắt lại là cho trẻ em hưởng một đời sống, một nhịp sống có phương pháp, hầu tránh khỏi xúc động đến bộ căn não của trẻ em đương vào thời kỳ phối thai.

Ăn no, ngủ kỹ, trẻ em lại của phải hoạt động đúng theo sự đòi hỏi của thân hình trẻ em. Nào là muốn chơi đùa, nằm ngời, muốn bám theo thành giường mà chơi len, muốn sờ mó, muốn liệng đồ chơi, lại còn muốn gần người quen... biết bao nhiêu là cái ham, cái muốn, mà kết quả là mua chân, hoa tay, vườn mình làm cho người lớn được dịp cười tức bụng. Cha mẹ vui thích thấy con mua máy nổ dĩa và trẻ em cũng có kinh nghiệm là muốn cho cha mẹ vui thích thì phải làm việc gì, và không nên làm việc gì. Như em tuổi trên một năm được cầm thìa muỗng tập mức vào bát bột ăn, em muốn sờ tay vào nghịch thì bị mẹ la rầy, đây là em nhận bài học, hiểu cái gì được làm và cái gì không được làm. Cũng như đến giờ trẻ em phải làm gì, phải rửa mặt, phải rửa tay, phải tắm, mọi việc em bắt đầu phải làm, dần dần quen rồi sau này tự ý sẽ làm, làm vui vẻ không vì bị bắt buộc mà làm nữa.

Trẻ em bắt đầu có những ý muốn, ý muốn ấy có được thỏa mãn hay không, thỏa mãn lúc nào, mọi hành động của trẻ em đều dẫn đến khuôn mẫu. Làm sao cho khuôn mẫu được trẻ em vui vẻ chiều theo, ấy là nghệ thuật của người lớn sống với trẻ em và trước nhất là cha mẹ.

Khuôn mẫu, mục thước của cha mẹ đặt ra, trẻ em dần dần tuân theo và tự ý kiểm chế lấy mình, không cần sự can thiệp của người lớn. Đi, đứng, ngồi, chạy, nói năng, mọi cử chỉ trẻ em không cần ai bắt buộc mà tự mình làm lấy một mình. Lúc nào mà trẻ em tự ngồi ăn một mình không để cho cha mẹ giúp đỡ, lúc mà đi chơi không cho cầm tay giắt đi,

lúc mà trẻ em cứ đòi làm một mình, không cho ai giúp đỡ, lúc ấy trẻ đã bắt đầu có một ít tâm trí vào việc mình làm. Cha mẹ cần phải khuyến khích trẻ em theo con đường này, không nên vì sợ hãi quá, sợ em té ngã, sợ em lem luốc, sợ em đau mà luôn luôn cản ngăn mãi mãi, làm thành ra kiềm chế việc trẻ em ý thức việc em làm.

Chính lúc này là lúc trẻ em bắt đầu nhận định một ít tâm lý, và lúc này cha mẹ cần phải thận trọng trong việc thường phạt. La hét, dọa nạt, đánh đòn cho kéo... phải theo một mục thước nhất định mới được. Đừng cho rằng mọi hành động của trẻ em là "caprices" (đòi hỏi chóng chán) là uốn éo, nũng nịu vô cớ, vì biết đâu là cha mẹ có những hành động quá nóng nảy, không muốn hiểu biết trẻ em, nhất là hành động bắt nhất, trước sau không được thuận nhất theo một con đường đã định, lúc thì quá dễ lúc thì quá khó, từ thái quá qua đến bất cập?

Vì rằng trẻ em đã có một quan niệm khá rõ rệt về người thân yêu, cha mẹ, anh em. Trẻ em này làm được và được khen, được thưởng, cái kia không được làm và lại bị rầy la, bị đòn. Trẻ em chỉ biết cha mẹ, lệ luật cha mẹ đặt ra, cũng như là lúc chơi đùa trốn bắt úm tim, trẻ em đã định rõ với bạn chơi thế nào là bị, thế nào là thua, thì đối với người lớn trẻ em cũng cần như thế nào là phải, và thế nào là hư. Dưới 6 hoặc 7 tuổi trẻ em chịu hoàn toàn khuôn khổ gia đình, vui vẻ hòa mình với các người người thân yêu, cha mẹ, anh em. Trẻ em có quan niệm là cha mẹ là kẻ giữ mực phải trái, trọng tâm trí của trẻ em cha mẹ là Thần là Thánh. Và là thần thánh nên cha mẹ có trách nhiệm nặng nề trong việc in vào đầu óc trẻ thơ những nét hay điều dở vì đầu óc trẻ thơ là một trang giấy trắng tinh và Cha mẹ là người thợ in đầu tiên.

Cha mẹ đã là Thần Thánh của trẻ thơ có thể có hai thái độ đều không thích hợp:

Một là người cha hay người mẹ có hai thái độ theo hai thái cực. Hoặc người cha quá nghiêm khắc mà người mẹ quá nể nang chiều chuộng, thì kết quả trẻ em nghiêng về mẹ để đòi hoặc tránh sự găm thét của cha, mọi việc bị cha la rầy là như áo mẹ khóc lóc. Người cha sẽ cho rằng: Con hư tại mẹ! Kết quả trẻ em sống trong một tình cảnh thân thuộc người này, trốn tránh người kia.

Hai là cha cùng mẹ bao giờ cũng có một thái độ duy nhất, làm cho trẻ em không biết nghiêng về đâu nương tựa và coi tất cả người lớn liên kết thành một khối không nhờ vả chi được.

Trên thực tế hai thái độ vừa kể qua rất ít gặp. Và như thế thật là phức tạp cho trẻ em, để trẻ em có một quan niệm cuộc đời không hoặc quá nghiêm khắc hoặc quá dễ dãi. Quan niệm thực tế này sẽ giúp ích trẻ em lúc lớn lên sau này và dần dần hiểu đời sống dân hơn.

(Xem tiếp trang ...)

CÔNG - TY THẦU KIẾN - TRÚC

BƯỞU - PHỦ và HỒ - SÌ - OANH
 89 CÔNG-LÝ SAIGON — Đ. T. 20268

DÂM NHIỆM : Tất cả các công - việc xây cất nhà cửa, dinh thự công và tư.

XIN LƯU Ý

* Các tư nhân đã có đất cần xây cất hoặc có nhà sẵn cần sửa chữa cho được mỹ - quang mà không cần phải lo chi phí xây cất, hãy tìm đến.

Công - Ty BƯỞU - PHỦ và HỒ - SÌ - OANH
 89 Công-Lý Saigon — Đ. T. 20.268

để thương lượng được vừa ý.

MAI-TRUNG HANG

Tết Tân Sửu ...

(Tiếp theo trang 10)

Ngày trưa hôm ấy, bên ngoài rất nhộn nhịp. Người ta hạ giò và mỡ heo, hứa hẹn cho anh em một bữa ngon lành. Thật vậy, chiều hôm ấy, anh em được đãi một bữa cháo lòng, bánh trắng với một đĩa con thịt heo luộc.

Và đây là đêm giao thừa. Hồi chiều khi ăn cơm xong, anh em lấy rất nhiều nước trà để tối nay nhâm nhi với mớ mứt đã chia, chờ giờ đón chào năm mới. Và khi đó chứng bước sang giờ Tý, tôi bên khai mạc đêm văn nghệ bằng bài ca Hát trống quân:

TIỀN ĐUA CHÚ CHUỘT

Này Bác Tý nó ơi! (1)

Nay nghe tin Bác khẩn gọi sắp sửa rút lui,
Nhường quyền cho bác Sửu mà an vui nơi quê người

Cảm tình nhau, đây có mấy lời,
Coi là kỷ niệm cái thời của Bác ra đời
Nghỉ lại hồi nào Bác mới dạo lại,
Nghe tin Bác đến, ai ai cũng vui mừng
Tưởng chừng như đời sẽ thịnh vượng hẳn

Nhà nhà lạc nghiệp tung bưng âu cơ.
Không như thời Heo (Hợi) Chó (Tuất) vừa qua,
Dân tình khốn khổ kêu la rên Trời.
Nào hay đâu đến phiên Bác, hỡi ơi!
Dân còn khốn khổ hơn thời của Chó Heo.
Nào chuột to. Chuột nhỏ Bác bắt theo.
Đầy đường khắp ngõ eo xèo nghiêng ngang.
Thối mặc tình đục khoét phá hoại,
Ruộng vườn tan nát, dân gian khốn cùng
Ngày như đêm sống lo sợ hãi hùng.
Họa đâu đưa đến hành hung dân lành.
Tởn thoe quê cho chí thị thành.
Tiếng oan dậy đất, sâu doanh ngất trời.
Dân cũng từng chịu khổ nhiều đời,
Nhưng không quá khổ như cái thời của Bác đây
Nạn đói đau thất nghiệp đầy đây.
Bác mà còn ở nạn thì dân này ắt phải rứt xương.

Luật tuần hoàn dịch hoá âm dương,
Hết Tý đến Sửu là thường xưa nay.
Nghỉ đến như thần phật Bác đây,
Bấy lâu gặm nhấm đủ đầy phú phê.
Lúa bỏ đục khoét no nê,
Đầu cho lui bước cũng đã xuê cuộc đời.
Phật biệt lý xin có mấy lời,
Xưng người xin Bác tách rời thăng xông.
Lung tung thùng.

(1) Nên nhớ Tổng cộng nhà ta tuổi Tý

Sau bài khai mạc là tiếp đến mục kể chuyện. Mỗi anh em kể lại một chuyện vui. Còn chương trình hát bộ và ca cải lương thì để lại hôm sau.

Sáng đây, anh em thức sớm hơn mọi khi để sửa soạn quần áo cho chúc Tết. Cứ theo chương trình, hôm nay phải ăn mặc chỉnh tề, không như ngày thường: quần đùi áo cụt. Trước hết phải ra mắt xếp nước để mua cảm tình. Về việc này anh em giao phó cho anh Trần Minh vì anh, từ lâu đã gây được cảm tình với anh ta, bởi anh ta là người đồng hương với anh Minh. Cửa phòng vừa mở, anh Minh với bộ đồ mặc khi bị bắt, thay mặt anh em chúc mừng xếp nước và được xếp chúc mừng lại và bắt tay tất cả anh em. Sau đó anh em mới bắt tay và chúc mừng nhau thật là vui vẻ. Ngày lúc ấy, dưới nhà bếp xách lên một thùng nước trái cây, anh em múc một người một ly rồi về ngồi trước cửa phòng lấy bánh mứt ra nhâm nhi và nói chuyện gẫu. Nhiều anh được dịp mang cờ ra đấu đầu năm. Bấy lâu chỉ đấu nhau bằng miệng cho nên nhiều khi sanh ra cãi vã vì sắp lộn nước, nay thì ngồi đầu mặt nhau, lằng lằng mà suy nghĩ nước cao nước thấp.

Trước hôm ấy, ngoài món thịt heo, nhà bếp cho thêm một món thịt bò. Nhưng riêng tôi thì hôm nay trai lạt.

Tối lại, tôi khai mạc buổi văn nghệ bằng bài:

MỪNG NĂM TÂN SỬU

Xin có lời chào quý hữu văn gia.
Nơi biệt phòng không ly rượu chung trà,
Đứng quạt muỗi hể hạ mừng năm mới.
Hết bi cực đến hồi thanh thới,
Mọi người đều khắp khởi vui mừng.
Khắp nơi nơi nào nước tung bừng
Đồng đón tiếp một mùa xuân mong ước.
Đã mẹ đọc tài ra khỏi nước,
Đón anh Dân chủ nước về nhà.
Mừng tới xuân hòa thích ngâm nga,
Chúc trăm họ nhà nhà lạc nghiệp.
Cuộc sinh hoạt phấn hưng nhận nhịp,
Ruộng vườn xanh, rau đầy lúp, lúa đầy kho.
Mọi gia đình vui thú ấm no,
Quyền dân chủ, tự do đồng toại hưởng.
Được sáng khoái tinh thần tư tưởng,
Mừng đời tên hát xướng ca ngâm.
Hoan hô: Dân chủ muôn năm!



Xuân hoài vọng

Thi sĩ Lê Khắc Lý là 1 sĩ quan trẻ tuổi đã từng hướng ứng các phong trào tranh đấu cho Tự do Dân chủ.

Tiếp theo đó là đến phần ca hát. Anh Hồ-Anh là người Quảng-Nam, nói nổi tiếng về hát bội, ai cũng tưởng anh sẽ hát cho anh em nghe một lớp xuất sắc, chẳng dè anh chỉ lơ lớ mấy câu: con ơi là con ơi! làm cho cả phòng cười vỡ bụng:

Hết anh Anh hát bội, đến anh Đồng ca cải lương, nó ẹ lăm sao, nhưng anh em cũng cố khen "cho nước" để cho anh rần thêm mấy câu vọng cổ, nghe muốn điếc con rầy.

Thế cũng chưa hết. Anh Trần-Minh lãnh phần ca Huế cũng kém phần trào lộng, giúp cho anh em một trận cười nốn ruột.

Anh em cũng chưa chịu nghỉ, còn tiếp tục mỗi người kể một chuyện tiêu lâm rồi mới chịu hạ màn, chấm dứt buổi văn nghệ đêm đầu năm.

Qua hôm sau thì đầu hoàn ra đó. Phòng không mở cửa sớm như ngày mồng một, còn, cơm nước thì cũng như thường lệ, trong lúc đó bên ngoài các cuộc vui như diễn tuồng, hòa nhạc, đá banh... van âm ỉ.

Đầu vậy, chương trình vui chơi ba ngày xuân của Biệt phòng 2 cũng không chịu thua. Ban ngày vẫn đấu cờ và ban đêm vẫn văn nghệ.

Đêm mồng hai, để mở màn đêm văn nghệ, tôi ngâm bài:

KHAI BÚT

Đầu năm khai bút,

Bắt khai hoa cầu chúc quốc gia:

Hăm lăm triệu dân vui vẻ thuận hòa.

Nam Trung Bắc một nhà thống nhất.

Sông Bến Hải hết còn cách bức.

Giống Rồng Tiên nở nước vẫy đoàn.

Trợ phù như thức chiết tòi nan,

Dân nhước đa tâm lý giản dị.

Mừng dân nước như đời Trần Lý,

Đồng chung tâm nhất trí thuận hòa.

Hiệp cùng nhau xây dựng quốc gia,

Trên nền tảng tinh thần truyền thống.

Các cường quốc thấy đều trọng vọng,

Rõ ràng thay nói giống Rồng tiên.

Dân Việt ta mở một tân kỳ nguyên,

Nhiều anh kiệt nhân hiền trở mặt,

Nên văn hóa vô cùng kỳ đặc,

Trên hoàn cầu nổi bật giống Rồng Tiên.

Mấy lời khai bút tân niên.

Rồi ghi ca hát, kể chuyện vui cho đến khuya mới mãn.

Qua ngày mồng ba, ban ngày vẫn tiếp tục đấu cờ đến đó chung kết. Đêm nay buổi văn nghệ khai mạc bằng bài:

TRÁCH TẾT

Tết ơi! Tết hời! Tết hời!

Di đầu chẳng thấy ghé chơi Biệt phòng.

Đề người mới mắt ngóng trông,

Bấy lâu nhắc nhớ mà không thấy về.

Đêm xuân sâu giải mộng sông hồ
Ngoảnh lại: mười năm biệt cố đô,
Một kiếp trầm luân duyên bội bạc,
Nửa thân lữ thứ mộng thờ ơ.
Cố nhân lăn lóc mòn năm tháng,
Thế sự đầy vơi cạn ước mơ.
Hoài vọng xuân này, ai nhấp rượu?
Đời còn kia vết máu chưa khô!

○

Xuân lại về đây, xuân đến đây,
Mệnh mang thương nhớ vóc mai gầy
Đêm xuân vàng vô mình ta tỉnh,
Ngày Tết tha hồ mấy kẻ say.
Tri kỷ bốn phương xa vắng nhé!
Phù hoa một hướng ngất ngây thay!
Tình xuân ví biết tình ta đó
Thì trở về trong men rượu cay.

LÊ KHẮC LÝ

Hay là Tết quá chán chể,
Biệt phòng u tối nên ghé chàng vào?
Hay là Tết sợ vào lao,
Muốn ra công chẳng để nào phải không?

Hay là Tết thấy biệt phòng.
Không bày trà rượu, chưng bông kết đèn?
Cho nên chể chớn thấp hèn.
Tìm nơi sang trọng mà chen lẫn vào!

Tìm nơi nhộn nhịp ồn ào,
Quán ăn tiệm nhậu ngọt ngào phấn hương.
Tìm nơi chớp bóng cải lương,
Ngựa xe tấp nập phố phường đẹp xinh.

Tìm nơi yến tiệc linh đình,
Sâm banh có nhạc mặc tình say sưa.
Tìm nơi trình dạ bẩm thưa,
Mâm đầy lễ vật tước đưa nhận hàng.

Tìm nơi có nhánh mai vàng,
Bá hoa, hoàng cúc... cả hàng xinh tươi.
Tìm nơi suốt sáng vui cười,
Cam hồng bánh mứt đến người chán chể.

Tìm nơi có bạc say mê,
Tò tôm, ma chược, cách tê, me, bài.
Tìm nơi... kẻ nỡ thêm dài,
Còn bao nhiêu chỗ ăn xài vui chơi.

Có nơi người chẳng thêm mới,
Thế mà Tết vẫn tìm tòi xen vô.
Cảnh đầu có cảnh, ô hô!
Chỗ mới chẳng đến, nơi xô lại vào.

Không vào đây cũng chẳng sao,
Lựa là ăn uống ồn ào mới Xuân.
Ăn nhiều thêm một xác thân.
Uống nhiều chi khỏi ngu dần trí khôn.

Thú đầu bằng thú tầm hồn,
Văn chương há đời lấy môn chơi xằng.
Biệt phòng chẳng thiếu thi văn,
Thường Xuân như thế mới rằng thanh cao.

Cần chi mời Tết ghé vào!
Và ăn Tết năm Tân-Sửu trong Biệt phòng 2 chấm dứt bằng bài thơ cảm tác sau đây:

CẢM Ồ VỀ TẾT

Năm nay ăn Tết ở trong lao
Nơi Tết, ô hô: quá nhặng ngào!
Một nhúm hạt dưa xem bỏ ngỡ,
Vài ngoe bánh mứt thấy lăm sao!
Mỗi ngày mở cửa như thường lệ,
Hai buổi đồ bỏ có mới nào!
Vui Tết, thì nê vui quá bận!
Vui cho ngày tháng chóng qua mau.
Và cũng đề quên đi nỗi: « Chạnh lòng hồi tưởng
cảnh nhà đơn ».

PHAN BÁ CẦM



TRẦN MINH
Chủ trương chống chính thể
độc tài Ngô-dinh-Diệm, bị bắt
giam giữ 3 năm

ĐẤO chánh ngày 11-11-1960 thất bại
Ngày 12-11-1960, tôi bị Nguyễn-tư-Thái tự
Thái-Đen Mật-vụ Ngô-Triều, bắt cóc.

Đây là lần thứ nhĩ tôi bị họ Ngô bắt.

Lần thứ nhất bị bắt vào khoảng tháng 10-1954
tại Tuy-Hòa, áp giải ra giam tại Huế.

Ngày 12-11-1960, bọn Thái-Đen đưa tôi vào giam
tại số 25 đường Võ-Tánh, Tân-sơn-Nhất, một tháng.
rồi di chuyển đến «Cát-sô» Lê-văn-Duyệt, mà chúng
gọi là «Biệt phòng 2». Giam «phòng tối» 15 tháng mới
giải qua Công-an, rồi đưa đi Biên-Hòa, về lại Công-an,
sau qua Chí-Hòa để ra trước Tòa-án Quân-sự
đặc-biệt.

Đến «Biệt phòng» Lê-văn-Duyệt thì được các anh
chị em Quốc-gia ở đây như chị Trần-thị Kim-Dung
(tức Bà Đình-xuân-Quỳnh) các anh Phan-bá-Cầm,
Nguyễn-đại-Thắng, Hoàng-Hồ, Hồ-đắc-Hồng, Hồ-văn
Anh, v.v... cho biết rằng hai anh Phan-khắc-Sửu và
Phan-quang-Đán cũng giam tại đây, nhưng Mật-vụ
vừa dời đến một địa điểm khác.

Ở «Biệt phòng», tôi ăn hai Tết (tết 1961 và 1962)

Ở đây, tôi không nhắc lại làm gì những cảnh đau
thương mà các chiến-sĩ quốc-gia đã chịu-đựng, chịu
đau-thương nhưng không hề nao-núng, luôn luôn tin
tưởng rằng một ngày rất gần, toàn Dân Quấn sẽ vùng
lên chiến-thắng chế-độ độc-tài, gia-dinh trị.

Ở đây, tôi chỉ xin nói đến một vài khía-cạnh «lở
khóc lở cười» của anh chị em Quốc-gia trong lao tù.
lúc chính bản thân mình cũng khổ đau, để trút bớt mỗi
đủ sức chịu-đựng như thế, khi ngoảnh cổ lại hồi-tu
ởng đến «thời-gian khai-thác» hải-hùng kéo dài trên
5 tháng trời liền, sau ngày bị bắt...!

Ở đây, tôi chỉ nhắc lại một vài bài thơ làm lúc
cao hứng để tả thiếu-thốn khổ đau, để trút bớt mỗi
cảm-hoài quá dào-dạt và cũng đồng thời để chứng tỏ
tinh-thần quốc-gia, luôn luôn bất khuất.

Tôi ăn hai Tết «cát-sô»,

Tết đầu (tháng 2-1961) còn trong «thời-gian khai
thác», tất cả tâm-trí của anh chị em quốc-gia đều tập-
trung vào sự suy-nghĩ, tính toán, để trả lời những «cát
vấn» của Mật-vụ, để đối phó với hành-động bạo tàn
của chúng.

Tết trong «CÁT SÔ»

«Tình nhà xin hẹn cùng Trời đờ
Nợ nước phải đền với núi sông»
T.M.

Ít ai nghĩ đến việc làm thơ, món giải-trí duy nhất
của «biệt phòng». Có chăng, họa-hoàng một ít bài của
anh em quá cảm khích.

Tết «cát sô» thứ hai, vào tháng 2-1962.

«Cát sô» Biệt phòng 2 của chúng tôi ở kẻ nhà bếp
Hôm ấy là 26 tháng chạp âm-lịch.

Cơm tối ăn xong lúc 4 giờ chiều như thường lệ
Nằm nghe nhà bếp sửa soạn cỗ bàn, pháo lói đờ
tối làm lẽ tiền đưa ông Táo, anh em đều liên tưởng
đến gia-dinh, đến vợ con hiện giờ chẳng biết ở đâu,
no đói thế nào. Trong «biệt phòng» đều im-lặng.

Bỗng anh Hồ-đắc-Hồng lên tiếng đề nghị anh em
làm giùm cho Táo quân một số đề châu Trời. «Cát sô»
anh Hồng số 18, gần nhà bếp nhất; hẳn anh Hồng
ngờ thấy mùi thịt, cua, cá chép nên sinh hứng
bất tử ?

Anh em bảo tôi làm

Tôi đến tôi đọc anh em nghe :

«Hôm nay, ông Táo châu Trời,
Thiên đình thượng tâu việc đời trần gian-
Rằng : «Dân hạ giới làm than,
Cửa nhà tan nát muôn vàn thảm thương
Trách Trời mãi rắc tai ương,
Gây chi Sông máu, Núi xương đầy đầy.
Đầu đầu cũng cảnh đọa đày,
Ngục tù nhân nhân râu mày tu mi.
Con trông cha mãi biệt ly,
Vợ trông chồng mãi ra đi chưa về.
Trách Trời gây cảnh nào nề,
Hằng buồn, làm ruộng, nhà nghề chết quèo.
Đến đâu cũng từng với nghèo,
Cũng sầu với thảm, chẳng nghe vui cười.
Vui chăng chỉ một số người,
Nhờn nhờ với Máu, mồ hôi đồng bào.
Sớm trưa xe ngựa ra vào,
Lầu đài, vàng ngọc to hào đến ai.
Mặc ai sống chết đọa đày,
Miễn mình họ được ngày ngày thong dong.
Xin Trời xé lại đục trong,
Lê nào lại để người trung mắc nạn ;
Diệt lũ Chuột lắt lẻo loan,
Đề cho dân Việt thanh nhàn từ đây.

Số đọc xong anh em khoái lắm vì đã tâu lên
Thiên đình tình trạng bị đát đương thời, nhất là vì
đã xin Thiên đình tiêu diệt Ngô gia. Riêng anh Hồng
thì có lẽ khoái hơn ai hết vì bỏ bỏ chữ rửa họ Ngô,
nhưng hình như trong cái khoái của anh Hồng có
đượm một vẻ thêm tiếc, vì Số thiếu môi thịt, cá, cua.

Anh em đang nhao nhao khoái trí thì tiếng giày
của «xếp» đi «rồng» dừng lại trước cửa. Anh em cụt
hứng, im phăng phắc.

Ba mươi Tết.

Bốn giờ chiều, trong bữa cơm tối, anh em ai
cũng trầm ngâm, tư lự. Ai ai cũng nghĩ đến gia đình,
giờ này đang lo cúng «Rước Ông Bà» hẳn bà con
ở nhà đều nhắc nhở đến mình, không rõ mình còn
sống thác nơi nào.

Ai cũng bài ngải :

«Bắt đường tin tức thần nhơn,
«Bấy lâu nắng Sô mưa Tàn ra sao ?
«Nghĩ thân cá chêu mà đau...»

Đêm. Vào khoản 20 giờ.

Trong khi ngoài đời,
vạn vật hân hoan sắp sửa
đón Xuân về, thì trong
«phòng tối», anh em tù
vẫn lạnh lòng giữa bốn
vách tường cao kín.

Ngoài đời, nhiều nhà
pháo đã bắt đầu nổ.

Anh Phan Thông (mới
đưa vào cát sô số 10 ngày
7-12-1961) bảo anh em
mỗi người phải có một
bài thơ «khai bút» đầu
năm.

Tôi xin nói rõ danh từ
«khai bút» ở cát sô.

Ồ ! Hai tiếng «khai bút»
nó mỉa mai không tưởng
tượng được.

Ở cát sô không bút,
không giấy, chỉ có tám hồn
và lòng thương nhớ mà
thôi. «Khai bút» đây chỉ
là «khai khẩu», mà «khai
khẩu» và «khai nhĩ» cũng
là «một công trình vĩ đại».
Cát sô bốn bề tường kín
mít, phía trước một cửa
gỗ lim, chỉ chứa một lỗ
tam giác mỗi góc 7 phân
tây để các «xếp» dò, xét
cát sô. Khi nói thì miệng
kề vào lỗ tam giác, còn
anh em nghe thì kề tai
vào lỗ tam giác của
phòng mình. Khi đang

nghe mà muốn nói gì thì lập tức «rút tai ra mà đề
miệng vào», còn người nghe thì «rút miệng đi mà
kề tai vào».

Trong lúc đàm thoại kỳ khôi ấy, thì hai anh em
ở cát sô 1 và 20 (gần cửa ngoài) phải đưa mắt vào lỗ
(Xem tiếp trang 40)



CUNG - CHÚC TÂN - XUÂN

TIỆM VÀNG **THẾ - TÀI**

190, LÊ THÁNH TÓN - SAIGON

Quý Ông -- Quý Bà

MUỐN MUA VÀNG NỮ TRANG VÀ VÀNG LỬ TỐT MÀ RẺ
KHI BÁN LẠI ĐƯỢC GIÁ CAO XIN GHÉ NGAY TIỆM VÀNG

NGUYỄN-THẾ-TÀI

Trước cửa có **CỌP VÀNG**

CUNG - CHÚC TÂN - XUÂN

Tiệm cầm đồ
THẾ - HÙNG

190A, LÊ THÁNH TÓN - SAIGON

★ CÀM VÀNG VÀ CÁC LOẠI NGỌC GIÁ CAO

★ NHƠN VIÊN VUI VẺ TIẾP KHÁCH ẨM CẦN

★ ĐÃ ĐƯỢC TÍN NHIỆM LÂU NĂM

Xin Quý Khách Chiêu Cờ

Ý - NIỆM HÒA - BÌNH VỚI DÂN VIỆT MIỀN NAM



Hồ-Việt-Điền vì tranh đấu cho Tự do, Dân chủ, bị chế độ cũ bắt giam 5 năm.

Lược qua thế giới cận đại, không có nơi nào trên hoàn vũ mà chiến tranh kéo dài như ở Việt-Nam, miền Nam. 24 năm khói lửa! 24 năm tang tóc! Dân Việt sống trong cảnh hãi hùng suốt một phần tư thế kỷ!

Những kẻ «ưu thời mãn thế», những chánh khách yêu nước, mền dân nghèo ngao lai mở miệng, chắc lưỡi lác đầu khi nhìn lại Non Sông:

Vi...

«Nọ bức dư đồ thử ngắm coi.

Sóng sông núi núi khéo bia cười!

Biết bao lúc mới công vồn vẻ.

Sao đến bây giờ rách tả tơi?..

(Tàn-Đà)

LÀ người dân thành thị, nhiều người trong chúng ta chưa ý thức được rõ ràng cái khổ tâm của dân miền quê suốt 24 năm chiến tranh. Người dân quê đã hưởng gì trong thời bình? Bây giờ, lại gánh đủ tang tóc, nhà tan, chia ly của chiến tranh? Người dân quê hưởng gì trong thời loạn?

Năm 1940, sống gần một thế kỷ dưới chế độ thực dân Pháp, người dân quê quần quai sống trong cảnh thế lương xiềng xích, đã chỗi dậy chống Pháp thực dân. Nhưng, thế cô, lực kém, việc đại nghĩa bất thành. Người dân quê lại gánh chịu tất cả sự khủng bố dã man, bắt bớ, giam cầm, tù đầy, bắn giết! Kế tiếp, máu đào của giếng Lạc nôi Hồng loang đỏ trên vũng đồng lầy nước đọng vì đấu tranh Tự do. Xác chiến sĩ gục ngã anh dũng trên lưng cày vì sự Trường Tồn dân tộc Việt...

Năm 1945, toàn dân Việt không phân biệt đảng phái chính trị nào, không rõ ở phương trời nào, Nam hay Bắc đã vùng lên, sát cánh bên nhau tay nắm tay, đứng lên «đáp lời sông núi» diệt quân thù. Nhưng, ý dân muốn «độc lập, tự do, hạnh phúc», nhưng lòng Trời chưa tựa. Nền, chỉ một tháng, sau khi anh hùng chống ngấn xâm lăng, tất cả các cơ cấu chống Pháp đều bắt buộc phải rút lui về hậu phương, nơi đồng quê, tổ chức du kích kháng chiến. Từ đó, thôn quê miền Nam nước Việt đã biến thành chiến địa. Dân Việt chống xâm lăng. Nhưng, trực tiếp vào là nông dân, suốt 10 năm kháng Pháp thực dân đã trở thành nạn nhân đầu sỏ của *Thần Chiến Tranh* và *quỉ phá hoại*.

Mười năm sau, 1954 và kế tiếp 2 năm 1955 — 1956, dân chúng miền Nam được thở nhẹ nhàng bầu không khí Hòa Bình. Dân quê đã mừng khi gặp lại bạn bè, xóm làng mạc đầu xóm làng điều tàn vì chiến tranh. Họ mừng mừng, tủi tủi «lệ âm tràn mi», tay bắt mặt mừng. Nỗi hân hoan hiện rõ trên các gương mặt mộc mạc, chưa thật nám đen vì phong sương...

Nhưng, vui Hòa Bình chưa thỏa, thì, họa, chiến tranh khai mào! Cộng-sản miền Bắc, năm 1957, đã «chiều cổ» đến miền Nam. Viễn ảnh một cuộc chiến tranh phá hoại tàn khốc, một cuộc sống loạn lạc đến tột lại hiện ra với nông dân miền quê V.N. Lúc đó, ở thành thị, nhất là ở Thủ đô Sài Gòn chúng ta có cảm nghĩ gì về nỗi lo âu, chán nản của đồng bào miền quê, những nông dân mộc mạc cần sống yên lành bên cạnh đồng xanh, đôi trâu cày, trong lũy tre xanh? Họ hưởng gì ở chiến tranh mà chiến tranh cứ tình tang đeo đuổi theo phá hoại đời sống của họ mãi??

Và, chiến tranh trở nên ác liệt từ năm 1960 đến bây giờ. Thôn quê miền Nam nước Việt có thể nói là trận địa chánh. Không ngày nào mà máu nông dân không đổ. Tiếng súng đại bác, liên thanh, bom rơi, đạn nổ, không ngày nào dứt khắp đồng quê. Cảnh điều tàn xóm làng lại hiện ra. Cảnh phá hoại tràn đầy non sông. Tiếng rên than không dứt, nhưng có gây được thối mắc cho ai không? Ai kia có xót thương cho cảnh sống điều tàn của họ không? Ai là thần linh ban phép lành cho sớm cứu nguy cho dân quê, là ân nhân của họ, là Cứu Tinh của họ muốn đời!!

Khi nào chúng ta đứng vào vị trí và hoàn cảnh của dân chúng đồng quê của miền Nam hiện tại, chúng ta mới ý thức được sự lo sợ và điều mơ ước của họ. Họ *hoảng hốt* vì *Chiến tranh*. Họ mơ ước *Hòa Bình*. Họ mơ được trông cánh đồng xanh, tắm mát trên giòng sông lững lờ trôi. Họ mơ được nghe tiếng Sáo mục đồng, khi chiều tà. Họ mơ được ngồi trên đồi cao, ngắm mây bay ngơ ngẩn giữa nền trời xanh, phi phà điều thuốc lá. Họ mơ khói, mây cũng hợp thành mây-khói thanh bình của thuở nào trên đất Việt thân yêu...

Hay, nói cho đúng mà nghe, nhiều người trong chúng ta đã rời bỏ miền quê từ năm 1945 đến nay. Nếu có, trở về cố hương, cũng chỉ trong 2 năm 1955 — 56. Và, đến... không bao giờ dám trở lại... Trái lại, chiến tranh chưa hề bao giờ đến với chúng ta ở tình thành nhất là Sài Gòn, kinh đô hoa lệ này. Nhưng, thử hỏi, có khi nào chúng ta xao lãng chiến tranh: cảnh tàn phá, giết chóc, phá hoại của chiến tranh đã trút lên đầu, lên vai người dân quê, đồng bào của chúng ta.

Chiến tranh do ai gây ra mà người dân quê lãnh đủ sự tai hại gây nên bởi Chiến tranh? Ai đã tạo cho dân miền Nam đau khổ nhất là 10 năm sau này? Phải chăng do sự tham lam ngoan cố của Đế quốc, Cộng-sản??

Gìy chiến tranh để làm gì? Lợi gì? Và, cho ai hưởng? Hay, chỉ đem lại chết chóc và tàn phá về cho muôn dân nghèo khổ, đám dân quê chơ vơ thật chỉ muốn sống thanh bình với lưng cày, thửa đất? Ngoại trừ những cảnh đau thương, dân miền Nam chưa được hưởng cái gì do chiến tranh đem lại cho họ cả.

Hỡi những nhà lãnh đạo V.N. và quốc tế, có thẩm quyền và có trách nhiệm trong vấn đề miền Nam hiện tại có nghĩ gì đến nỗi đau khổ của 14 triệu dân miền Nam không? Và có nghĩ đến một *giải pháp* nào để vấn đề hòa bình trên mảnh đất thân yêu của miền Nam V.N. chưa? Nếu chưa, thì đến bao giờ mới nghĩ đến? Nếu đã có nghĩ đến sao chưa thấy ai hành động để kêu gọi Hòa Bình cả.

Ái gây chiến? Kê đó sẽ là tội phạm chiến tranh của toàn dân miền Nam ở tương lai, trên lịch sử.

Ái đem lại Hòa Bình? Quả đó là một Thánh Sống, một vị nhân đáng để dân Việt tôn thờ muôn đời. Lịch sử nhân loại sẽ không quên ghi tên vào quyển sổ vàng vận động và thành công trong sự xây dựng Hòa Bình.

Ước mong Thần Hòa Bình ghé mắt và nghĩ chơn lâu dài trên giải đất thân yêu của nòi Việt hiếu hòa này.

Cát-Si Hồ-Việt-Điền



TÔI CÒN EM

Riêng gửi KIM-ONH

Tôi đi trong thành phố nhỏ
Sao như đi vào mộng mênh?
Tôi gọi tôi rồi tôi gọi em
Con bướm ngày xuân cánh buồn bay mất
Còn đây: hư ảo cuộc đời

*

Có con chim vàng bé nhỏ
Bay vào bởi rồi lòng tôi
Giờ tháng năm bỗng vô cùng thương nhớ
Tôi còn em hay cũng mất rồi?

*

Có phải em mất sâu sa mạc
Chưa in một dấu lạc đà?
Tôi đứng bên ngoài gọi vào vô vọng
Lời gọi kêu thành bản tình ca —

*

Âm thanh buồn vương lên ánh mắt
Thành phố đêm run rẩy ánh đèn
Tôi tìm hướng em, sao trời vụt tắt
Em đâu rồi? Thành phố bỗng không quen

*

Trong ly rượu đầy bóng em chênh choáng
Tiếng ai nói cười thoang thoảng xa xôi?
Đêm tối mông lung ngàn sao hun hút
Tôi còn em hay cũng mất rồi?

LE-VINH-THIỆU



LÊ - SỬ



Giáo - sư LÊ - SỬ

— 1952 — 1954 bị án tù Việt-Minh
— 1960 — 1964 bị chính-quyền Ngô đình Diệm truy nã và cấm dạy học công và tư trong toàn quốc.

TRẦN HUYNH, một thư sinh nhà nghèo nhưng rất thông minh, tính tình lại phóng đạt, ưa giao du những chốn trà đình tửu thất hay những nơi danh lam thắng cảnh. Chẳng ít ham chuộng khoa danh nên mẹ chàng thường lấy đó làm buồn cho đường tiền thân của chàng về sau. Đã nhiều lần mẹ chàng bắt chàng phải lo dùi mài sách đèn nhưng bà đều thất vọng. Mỗi khi bà nhìn thấy chàng ngồi một mình uống rượu thường trắng hoặc uống trà chờ cho hoa quỳnh nở trong đêm vắng lòng bà buồn vô hạn. Công việc nhà cửa coi một mình bà chăm sóc còn Trần Huỳnh không bao giờ chịu ngó ngang tới. Ngày, tháng cứ liên tiếp trôi qua tuần lạng đã xong. Tính ra bà đã đến 69 lần hoa mai rụng trên mái tóc. Bà nghĩ đến việc lo vợ cho Trần Huỳnh để đỡ phần vất vả cho bà trong công việc hàng ngày và để cho Trần Huỳnh không bẽ tha nữa.

Ngồi vậy bà gọi Trần Huỳnh vào và bàn mọi việc như bà dự tính. Trần Huỳnh không phản đối. Tuy vậy, lấy vợ xong chàng cũng không chịu lo làm ăn mà suốt ngày chỉ vùn xối mấy khóm hoa quỳnh trong vườn hiên nhà. Tính tình chàng lại thay đổi nhanh chóng. Trần Huỳnh càng ngày càng trầm lặng. Người chàng mỗi lúc một gầy hần đi.

Vợ chàng tính lại cộc cằn và thường hay ghen tuông bóng gió, cho nên suốt ngày trong nhà chàng ít khi ngớt tiếng là rầy chửi mắng. Trần

Huỳnh chán nản chỉ biết đọc sách và uống rượu hoặc ngồi ngắm hoa quỳnh để lãng quên.

Một hôm, không chịu đựng được nữa, Trần Huỳnh bỏ nhà ra đi. Chàng nhằm phương Tây thẳng tiến. Đi hết một ngày, đến tối Trần Huỳnh mới ghé vào một quán rượu bên sườn đồi. Từ bảo mời chàng lên lầu uống rượu nhìn phong cảnh. Trông thượng tuần lên cao, ánh sáng vàng vạc trải màu vàng nhạt lên cây cỏ đêm sương đêm làm cho lòng Trần Huỳnh quên hết nỗi bức bối. Càng nhìn Trần Huỳnh càng đắm say trước cảnh sắc êm dịu và mộng lung huyền ảo của đất trời. Khi rượu đã ngà ngà say, Trần Huỳnh gọi từ bảo đến tận tiền và chàng xuống lầu dạo mát quanh đồi. Đi lâu, khi trăng sắp lặn, Trần Huỳnh bắt gặp một vườn hoa nhài. Mùi thơm của hoa xông lên ngào ngạt có sức quyến rũ là thường. Giữa vườn một tòa nhà cổ kính đã được xây cất từ lâu đời song vẫn còn giữ được vẻ kiêu hãnh của một thời đại vàng son. Chàng không ngờ ngày trước lại có những người biết tạo cuộc sống phong lưu đến như thế này. Trần Huỳnh ngỡ rằng đây là cảnh hoang phế nên chàng đẩy cửa bước vào. Men theo vết tích của con đường cũ mà nay có mọc rậm đầy, chàng ngồi xuống trong khu vườn vắng vẻ và khuất sau rừng núi xa. Chàng nghĩ rằng chỗ này có thể giúp chàng trú ngụ đêm nay. Để hành lộ một bên, Trần Huỳnh định tìm một nơi đặt lưng. Nhưng khi vừa đứng dậy, Trần Huỳnh ngạc nhiên sững sờ vì chàng vừa thấy bóng một thiếu phụ tuyệt đẹp, mình mặc đồ trắng đang nhìn chàng qua song cửa sổ. Trần Huỳnh không ngờ nơi đây lại còn có người ở và chàng rất xấu hổ về hành động đường đột của chàng hèn nay. Trần Huỳnh vội vã chấp tay vái chào người đàn bà và xin lỗi.

— Tôi là kẻ tha phương, ngang qua đây thấy cảnh vắng vẻ và hữu tình nên định vào nghỉ đêm một đêm, không ngờ xúc phạm đến trang viên của lệnh bà kính mong lệnh bà thứ lỗi.

Nói xong Trần Huỳnh định quay gót trở lui nhưng thiếu phụ đã gọi lại:

— Quý khách hãy thông thả. Đã vào đây thì cứ ở lại đây không có gì phải ngại! Biết đâu đây không phải là một dịp may mà số trời đã định.

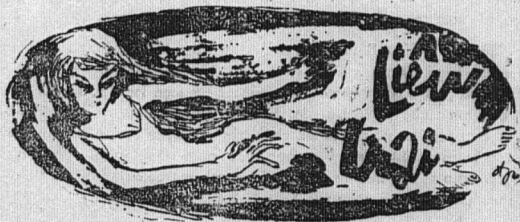
Nghe giọng nói lâng lâng nhưng lại

có vẻ thanh cao. Nhất là tiếng nói trong như ngọc, êm như ru thánh thót gieo vào tai Trần Huỳnh làm chàng mê mẩn cả người không cất bước nổi. Chàng thu hết can đảm để ú ớ trong miệng:

— Xin đa tạ tấm lòng quảng đại của lệnh bà.

Trong khi ấy, thiếu phụ đẩy cửa bước đến chỗ Trần Huỳnh đứng. Tâm thần kiêu diễm của thiếu phụ uốn éo thướt tha trong bộ đồ mỏng như khăn gọi như hồ hện một cuộc tương phùng. Nhất là đôi ngọc nhũ bông bình rung rinh sau làn áo trắng và chiếc môi hồng mềm mại càng làm tăng thêm những đường nét quyến rũ của thân hình nàng.

Thiếu phụ kính cẩn nghiêng mình trước mặt Trần-Huỳnh và đưa tay ra hiệu mời chàng bước vào phòng khách. Trần-Huỳnh như bị thôi miên chỉ còn biết làm theo những cử chỉ mời mọc của thiếu phụ. Trong căn phòng nhỏ bé gọn gàng, Trần-Huỳnh ngồi trên trường kỷ đối diện với người



đẹp đang xếp bằng trên chiếc sạp gỗ bóng, mắt lơ đãng nhìn lên trần nhà. Dưới ánh sáng mờ mờ của ngọn bạch lạp Trần-Huỳnh không còn tự chủ trước sắc đẹp của thiếu phụ quý phái được nữa, chàng bạo dạn tiến gần đến bên thiếu phụ và nắm lấy tay nàng. Thiếu phụ vẫn lặng yên không cự tuyệt. Trần-Huỳnh hỏi về gia cảnh, đôi mắt rướm lệ, nàng thưa:

— Quê thiếp tận miền Thành Dương xứ Bồ Lạc. Vì bị giặc giả cho nên cha mẹ và chồng thiếp lưu lạc từ ngày thiếp mới 17 tuổi. Đưa con gái 10 tháng trên tay thiếp đã bị vất xuống sông, thân thiếp bị dìm cả ở chết. Nay nhà cửa không còn, một thân bơ vơ, thiếp tạm trú trong ngôi nhà hoang phế này để chờ ngày tươi sáng trở về quê. Tường nơi vắng vẻ thêm sơn không bao giờ có ai qua lại, nào ngờ hôm

nay gặp chàng lang thiếp như được sống lại giấc mơ của ngày xưa. Khi chồng thiếp còn là một thư sinh vô tư trong một gia đình giàu có. Xin chàng hôm nay hãy vi thiếp... để thiếp được sống lại những ngày êm đềm xưa đã mất, rồi mai chàng lên đường cũng không muộn.

Nhìn thiếu phụ trẻ, đẹp tuyệt trần, lại được nghe lời tâm sự nào nề cùng với lời van lơn mời mọc đa tình của người đẹp, say đắm như điên dại. Chàng nghĩ đến vợ chàng, chàng rung mình và cho rằng Trời còn thương chàng nên mới cho được gặp thiếu phụ để nên hôm nay. Trần-Huỳnh ôm chàng lấy thiếu phụ. Mùi hoa nhài từ hơi thở của nàng bay ra dịu ngọt và bất ngờ như có thể đưa Trần-Huỳnh lên tận trời cao diệu vợi.

Hai người dầm nhau vào cuộc mây mưa không bao giờ hết lạc thú.

Sáng hôm sau khi mặt trời lên cao, Trần Huỳnh định ra mở cửa nhưng nàng cản lại và bảo:

— Thiếp rất sợ ánh dương, chàng còn thương thiếp thì xin khép cửa lại để chúng ta có thể yêu nhau trong giấc mộng lâu dài như bóng đêm không bao giờ mất.

Nói xong nàng lại thỏ thẻ. Nhìn nàng, Trần-Huỳnh hỏi lo sợ nhưng chàng cũng không có can đảm để rời xa nàng trong lúc này. Hai người lại ôm lấy nhau cho đến khi vùng trăng soi sáng cả khu vườn đầy hoa nhài. Thiếu phụ trở dậy vấn lại mái tóc huyền nhưng và đưa Trần-Huỳnh đi thường trăng ngắm hoa. Nhìn cảnh vật Trần-Huỳnh như nghe tiếng nói thì thào trong lời tâm sự nào nung ai oán. Chàng cúi mặt nhìn xuống một bông hoa nhài, bóng vợ chàng lại in rõ lên trên màu hoa trắng làm chàng hoảng hốt, chàng vội bước lùi trở lại. Hai người đi vòng ra phía sau vườn và ngồi trên một chiếc bàn đá đã đặt sẵn một bình trà còn bốc hơi và hai cái tách bằng ngọc ửng ánh. Nàng ra dấu cho Trần-Huỳnh ngồi và hai cánh

tay ngà với mấy ngọn búp măng thoăn thoắt rót nước nước nâng tận môi chàng. Hương trà tỏa ngát nồng nàn như hơi thở người yêu làm cho Trần Huỳnh không còn phân biệt được đâu là hương trà và đâu là da thịt của nàng. Chàng hợp từng ngụm trà và nuốt vào tới đâu nghe như mát rượi trong từng thớ thịt. Chàng sung sướng nhìn người yêu và nhận nhủ:

— Từ nay chúng ta sẽ ở mãi bên nhau và hãy quên đi những gì phiền muộn của ngày trước.

Nàng lấy tay che mặt và Trần-Huỳnh không biết nàng đang khóc hay cười chỉ thấy một hồi lâu, khi nàng bỏ tay xuống, mắt nàng sáng hẳn lên. Nhìn ánh sáng vào Trần-Huỳnh nàng nói:

— Thiếp đã được tin chồng thiếp sắp tìm gặp ba ngày nữa, sau khi sang

(Xem tiếp trang 50)

tiểu thuyết TRUNG HÒA

★ Nguyên tác : LÂM NGŨ ĐƯỜNG
★ Dịch giả : NGUYỄN XUÂN DĂNG

Tiểu thuyết gia ở Trung quốc thường có 1 loại tâm lý đặc thù, họ cho sáng tác tiểu thuyết là trái với Nho giáo, là thấp kém không đáng kể và sợ các hiền giả đương thời bài bác nữa, cho nên họ thường giấu tên mà không dám lộ cho ai biết. Xin lấy 1 việc gần đây làm tí dụ : Ông Hạ nhĩ Minh về thế kỷ thứ 18 viết quyển « Dã tẩu bộc ngôn ». Văn ông viết theo lối cổ thật hay có nhiều ý kiến trác tuyệt cao rộng cùng những thơ từ điểm lệ, cũng gồm cả lối du ký cùng truyền thuyết, văn chương ông cũng giống như những văn chương điển hình của các văn học gia chính thống hiện còn ghi chép trong bộ Hạ mậu Tu toàn tập. Tuy cuốn « Dã tẩu bộc ngôn » không đề tên họ người soạn, nhưng ta thấy chính ông là soạn giả cuốn « Dã tẩu bộc ngôn » vì cứ đem những văn chương trong thi văn tập của ông mà chứng minh thì rõ. Mùa thu năm 1890 tăng tôn của ông mới in lại bộ « Hạ mậu Tu toàn tập » khiến cho tên của ông được lưu truyền mãi mãi, không biết vị tăng tôn này không dám hay là không muốn đem bộ tiểu thuyết này để vào trong tập đó, kỳ thực bộ tiểu thuyết này là 1 tác phẩm văn học rất hay của Hạ Quân. Lại như bộ « Hồng lâu mộng » mãi đến năm 1917 mới do lời khảo chứng của bác sĩ Hồ Chính xác định tác giả là Tào Tuyết Cần. Ông là 1 trong các trứ tác gia văn rất vĩ đại của Trung quốc và có thể nói ông là 1 Tân văn đại sư duy nhất không tiền tuyệt hậu (nói về lối văn bạch thoại). Đến nay chúng ta cũng chưa hề biết chính xác tác giả Kim Bình Mai là ai. Và đến nay chúng ta cũng chưa thể quyết định trong 2 người Thi nại Am cùng La quán Trung, ai là tác giả chân chính của bộ Thủy Hử ?

Đoạn mở đầu và đoạn kết của bộ « Hồng lâu mộng » đó là 1 thứ đặc trưng trong thái độ đối đãi với tiểu thuyết, ta hãy xem họ nói ra sao :

« Nói chuyện lúc bà Nữ Oa luyện đá vá trời, bà đã luyện thành 36501 khối đá (ngaoan thạch) cao 12 trượng, rộng 24 trượng ở trên « Vô kế nhai » thuộc « Đại hoàng sơn ». Bà Nữ Oa chỉ dùng hết 36500 khối, còn thừa 1 khối bỏ ở dưới Thanh canh phong. Sao khối đá này được 1 tăng 1 đạo mang xuống hồng trần 1 chuyển, lại trải qua không biết mấy đời mây kiếp, nhân có vị Không Không đạo nhân tìm đạo cầu tiên, nên đi qua dưới Thanh canh phong, Vô kế nhai, Đại hoàng sơn này, chợt thấy 1 khối đá lớn, nét chữ trên mặt rất phân minh, biên chép rõ ràng, kể rõ nơi sa xuống, chốn đầu thai cùng những việc vụn vặt trong gia đình, cảnh nhân tình nơi khuê các. Không Không đạo nhân xem qua 1 lượt được biết khối đá này có chút lai lịch nên sa lại từ đầu đến cuối đem về truyền cho người đời. Sau này nhân Tào Tuyết Cần xem xét trong 10 năm ở Diệu hồng biên thêm bớt 5 lần soạn thành mục lục chia ra chương hồi và đề 1 bài thơ tứ tuyệt. Trên đầu tức là duyên do của bộ Thạch đầu ký.

Thơ :

*Đầy giấy lời hoàng đường
Một mớ lệ đau khổ,
Đều bảo tác giả si,
Ai hiểu mùi trong đó.*

Đoạn kết thúc của câu này, chính ngay vào lúc hoạt kịch trong đời diễn tới lúc rất bi thảm, khi mà vai chủ động Giả Bảo Ngọc gót đầu đi tu, cái linh tinh đã tỉnh thiện tâm của Bảo Ngọc đã trở lại nguyên hình khối ngaoan thạch của bà Nữ-Oa luyện khi xưa, mà vị Không-Không đạo nhân vừa nói lại đi qua dưới Thanh canh phong, ông nhìn thấy khối đá luyện đề vá trời nhưng chưa dùng vẫn còn ở đó, mà bài kệ văn ở mặt sau lại có chép bao nhiêu là câu chuyện nhân duyên kết quả, nhân lại sao thành 1 bản, tìm đến Diệu hồng biên trao cho Tào tuyết Cần. Tào tuyết Cần cười nói : « Đã là giả ngữ thôn ngôn (lời nói kẻ mù) nhưng không có chỗ nhầm lẫn trái ngược. Vui được cùng 2, 3 bạn đồng chí, rượu say cơm no, mưa tới đến khuya, cùng tiểu khiến đối chút, thì cần gì những bậc đại nhân hay tiên sinh phẩm đề để truyền cho đời. Cứ như cái lối tìm gốc xét nguồn của người thì có khác gì khác vào thuyền mà tìm kiếm không ? » Không-Không đạo-nhân nghe xong ngửa mặt lên trời cả cười, ném bả sao xuống đó rồi lững thững đi ra. Vừa đi ông vừa nói : « Quả nhiên là phu diễn hoàng đường, không những tác giả không biết, sao giả không biết mà duyệt giả cũng không biết. Chẳng qua là văn chương du hí để mua vui mà thôi ». Lại nghe nói người đời sau thấy bản truyền kỳ này cũng đề 4 câu thơ, để làm lời nói về duyên do cho tác giả :

*Nói đến chỗ đau khổ
Hoàng đường thật đáng bi
Cuộc đời là cảnh mộng
Chớ nên cười người si*

Đây tuy là những câu nói hoàng đường không thể tra xét vào đâu được, nhưng kể ra thật bi ai phần uất, cảm động lòng người, lời văn lại điểm lệ tài tình. Nhân vì văn chương này cứ theo hứng thú và tự tìm vị thích mà tả ra. Sáng tác của ông là hoàn toàn do động cơ sáng tác chân

thành mà ra không phải vì thích vàng bạc hay danh dự. Những người sáng tác tiểu thuyết không những không được đến giả bằng tiền bạc hay danh dự mà còn vì sự sáng tác tiểu thuyết nguy đến sinh mạng nữa.

Giang âm là quê quán của Thi Nại Am, tác giả chuyện Thủy Hử, đến nay vẫn còn lưu truyền một câu chuyện nói về Thi nại Am vì sao đã tránh khỏi sự nguy hiểm đến tính mạng. Cứ lời truyền thuyết thì Thi nại Am quá không hồ là 1 vị trí sĩ đã biết trước những việc xảy ra. Nguyên lai trước đó ông không muốn làm quan với triều nhà Minh nên viết bộ tiểu thuyết này để tiêu khiển trong thời gian ăn cư. Một hôm Chu thái Tồ cùng với Lưu bá Ôn du hành đến Giang âm. Lưu bá Ôn là bạn đồng học với Thi nại Am, khi đó vị giúp nhà Minh có công, nên được triều đình coi vào bậc cột trụ. Băn rập bộ Thủy Hử của Thi nại Am đã ở trên bàn, không may bị Lưu bá Ôn nhìn thấy, Bá Ôn vốn biết Thi nại Am là bậc kỳ tài trời sinh vị thế sinh lòng ghen ghét nên lập tâm làm hại. Khi đó triều đình một dựng, đại cục chưa được ổn định, đối với tư tưởng của nhân dân có nhiều sự nghi kỵ. Bộ tiểu thuyết của Thi nại Am, nội dung thường đề cao tư tưởng bình dân « người trong 4 bề, đều là anh em » luôn cả bọn cường đạo cũng nhập vào đó, không khỏi có hại đến chính thể quân chủ Lưu bá Ôn căn cứ vào lý do này nên dâng sớ xin hạn chế với Thi nại Am vào kinh để tra hỏi. Khi thánh chỉ tới nơi, Thi nại Am mới phát hiện bản thảo bộ Thủy Hử bị mất, nên thăm nghĩ phen này vào kinh dữ nhiều lành ít, nhân vay của người bạn được 1 số tiền là 500 lượng dùng để hối lộ người lái thuyền, bảo y có ý trì hoãn ngày giờ. Nhân đó ông đã cấp tốc viết xong được 1 bộ Tiểu thuyết « Phong thần bảng » cực hoành tráng quá đản, trong khi đi thuyền đến Nam Kinh. Chú ý đề dâng Hoàng đế xem, làm cho ngài sẽ tin là ông mắc bệnh thần kinh, vì sự giả điên cuồng này nên ông mới bảo toàn được tánh mạng.

Từ đó về sau Tiểu thuyết ở vào hoàn cảnh không được công khai nên sự phát triển này nó giống như có nội hóa rừng đối với du khách độc hành chỉ có liếc nhìn chứ không phải để ngắm cho thích. Giống như có hoa mọc ở nơi đất xấu, Tiểu thuyết này nó trong 1 hoàn cảnh không được nâng đỡ khen thưởng. Tiểu thuyết ra đời là do động cơ sáng tác nội tại chứ không phải mang gì sự dè dặt. Có lúc cái loài thực vật sinh ở ngoài nội này cách đi hàng hơn 20 năm mới nở một đóa hoa tươi tốt. Những đóa hoa trong 1 hoàn cảnh khó khăn không nở thì thôi mà đã nở thì thật là mỹ miều rực rỡ !

Thứ hoa tươi này đầu có sinh tồn dễ dàng vì nó đã hút cả nhựa sống trong thân cây mới sản xuất một đóa hoa tươi đẹp một hồi rồi lại bị khô héo mà rụng đi. Đây có thể ví với những tiểu thuyết ưu mỹ cùng nguồn gốc của các loại tiểu thuyết ưu mỹ. Cervantes và pháp thế này Boccaccio và pháp cũng thế này. Bọn họ đều vi hứng thú mà sáng tác. Kim tiền không có dính líu gì vào đó. Ngay như thời đại bây giờ, có bản thuế bản quyền làm để bảo đảm, kim tiền vẫn không phải là mục đích dự kỳ. Không phải kim tiền có thể khiến được người có thiên tài sáng tác viết ra được những tác phẩm hay, sự sinh hoạt nhân rồi có thể làm cho người có thiên tài sáng tác có thể theo đuổi việc sáng tác một cách dễ dàng chứ không phải sinh hoạt nhân rồi trực tiếp sinh sản ra tác phẩm. Kim tiền có thể đem Charees Dickens tới quán trọ Mỹ châu, chứ không thể sinh sản ra David Copperfield. Những đại sáng tác gia, như Defoe như Fielding ; như Tào Tuyết Cần, Thi nại Am. Bọn họ mà sáng tác vì trong lòng họ sẵn có 1 câu chuyện cũ nếu không phát biểu ra không được mà bọn họ là người trời sinh ra để giáng câu chuyện cũ. Hình như trời có ý đem Tào Tuyết Cần đặt vào 1 hoàn cảnh gia đình sa hoa hoang đâm vì lãng phí vô độ đến nỗi sản nghiệp tiêu tan, sau chợt tỉnh ngộ, hiểu rõ trên đời hết thảy đều là hư không. Kịp tới khi già thì đã thành ra một người cùng nhơ lẫn lữa cho qua kiếp sống thừa trong những nếp nhà nát. Mỗi khi nhớ lại những vết tích đã qua hình như vừa tỉnh giấc mơ. Mộng cảnh này, thường sống động trong ảo tưởng làm cho ông cảm thấy có 1 tâm sự cảnh bên lòng nói ra được mới hả và thế mới viết ra sách mà bọn ta gọi là văn học.

Theo lời bình luận của kỳ giả thì Hồng lâu mộng không hề danh là một trong các tác phẩm vĩ đại của thế giới. Sự miêu tả nhân vật trong tác phẩm, nhân tính thần thiết mà phong phú, thể tài cùng có sự đều hoàn mỹ. Có thể xứng đáng với sự suy tôn sùng bái mà không hề thẹn. Nhân vật của tác phẩm rất sống động so với bọn « bè con sống của chúng ta đối với chúng là còn thần cận thực tất khẩn thiết hơn, mà mỗi một nhân vật chỉ cần chúng nghe giọng điệu của lời nói là chúng ta đã có thể hiểu rõ là ai rồi. Tóm lại tác phẩm này đã cho chúng ta một câu chuyện cũ vi đại.

Dao đài, quần quần một tòa Đại-quần-viên huy hoàng tráng lệ phủ quí vinh hoa, một họ nhà quan đời đời trăm anh, bốn chị em gái cùng một

* Tiếu Thuyết Trung Hoa *

cậu con trai lại thêm một người con gái bà có tư-dung diễm lệ cùng sinh trưởng một nơi tóc tai có sát với những cảnh sinh hoạt vui chơi đùa-bỡn; vài chục tỉ nữ rất mực thông minh, có kẻ tinh tình ôn hòa nhã nhặn, có kẻ nóng nảy ngay thẳng, cũng có mấy người đem lòng duyên ái chủ nhân, cũng có mấy người tới vô không trung thành với chủ lại xen vào những vụ đánh ghen đê u xấu. Một vị lão thái gia cả năm chỉ mãi lo việc quan ít khi ở nhà bao nhiêu công việc vật đều giao cho hai ba người con dâu phụng cũng từ xếp đầu vào đây cả. Một người thao c n việc, rất thông minh làm điều, danh thép, là Phượng-Thư. Chủ động Giả-bảo-Ngọc là một cậu bé đang vào thời kỳ xuân tình phát động, vốn tính thông minh, linh lợi, thích len lỏi trong bọn phần sếp. Cứ như trong truyện Giả-bảo-Ngọc ở trên rồi thì lại vào buồng có trần trãi qua kiếp vận đề hiểu rõ tình duyên tức là nghiệp chướng trong cõi hư ảo. Cách sinh hoạt của Giả-bảo-Ngọc cũng giống như những đứa con một của những nhà đại gia ở Trung-Quốc, được săn sóc nuông chiều hết sức, hơn nữa là sự nịch ái của bà nội. Bà nội là một vị lão thái thái uy quyền rất cao trong gia tộc. Nhưng Giả-bảo-Ngọc cũng có sự một người dól à phụ thân của chàng. Bảo-Ngọc một khi nhìn thấy phụ thân thì không dám cự. Bọn chị em trong Đại-quan viên người nào cũng yêu quý Giả-bảo-Ngọc mà sự ăn uống thức ngủ của Giả-bảo-Ngọc đều do mấy người nữ tỉ quản có, thậm chí họ phải hầu hạ chàng tắm rửa, và trông nom cho chàng thức, ngủ thụ đêm. Giả-bảo-Ngọc chung tình với Lâm-dại-Ngọc, Lâm-dại-Ngọc là một vị tiểu cô nương không cha mẹ ở nhờ nhà họ Giả, và là biểu muội của Giả-bảo-Ngọc. Nàng là một cô gái đã sâu hay ốm, nàng phải chứng tiêu hóa không tốt. Cứ phải dùng yến sào nhưng nhan sắc kiểu diễm cũng tài thơ của nàng thì hơn hẳn bọn chị em, nàng yêu Giả-bảo-Ngọc với một tâm tình hoàn toàn thuần khiết chân thật của xứ nữ. Bảo-Ngọc lại có một người chị họ là Tiết-bảo-Thoa cũng yêu Bảo-Ngọc, nhưng nhiệt tình của nàng chỉ ngấm ngấm mà không bộc lộ, tính nàng ưa chuộng thiết thực, theo sự nhận xét của bác già cả thì nàng so với Đại-Ngọc, có thể là người vợ xứng đáng hơn. Nên sau cùng do mấy vị lão thái thái làm chủ, đầu Bảo-Ngọc cùng Đại-Ngọc mà định việc hôn Tiết-bảo-Thoa cho Giả-bảo-Ngọc. Đại-Ngọc mãi đến lúc Bảo-Ngọc cùng Bảo-Thoa sắp thành hôn mới được biết tin này, làm cho nàng quá đau đớn mà phát ra tiếng cười cuồng loạn 1 hồi rồi hôn liả khỏi xác. Thế mà Giả-bảo-Ngọc không hề biết gì cả, mãi đến đêm thành hôn Bảo-Ngọc mới nhận ra mưu mô của cha mẹ, nên cũng chẳng bỏ nhà đi tu.

Những việc kể lại rất rõ ràng kỹ lưỡng trên đây đều là miêu tả sự hưng suy của 1 đại gia tộc. Cái hoàn cảnh bất hạnh trong gia đình có lần lượt diễn tiến cho đến đoạn cuối làm cho người phải ngẹn hơi. Sự hoàn lạc trong thời kỳ toàn thịnh qua đi, hiểm tượng khuyên gia bại sản có phảng phất trên nét mặt mỗi người không còn những bữa tiệc dưới trăng trong tiết Trung thu, mà chỉ nghe những tiếng gọi khóc than gào của những nơi dinh viên tịch liêu; những cô gái mỹ miều xưa kia đều lớn lên và lấy chồng về các gia đình khác; những thị nữ hầu cận Bảo-Ngọc hoặc bị đuổi hoặc theo hồi giá hết, mà không may nhất là Tinh-Vân vì có giữ trinh khiết cũng chán tình thì lại hương tàn ngọc nát. Hết thảy do ảnh hưởng tiền diệt.

Vì như-có người phê bình là Hồng-lâu-Mộng có thể làm hủy diệt 1 quốc gia, nếu như thế thì pố đã hủy diệt Trung-quốc từ lâu rồi. Đại-Ngọc cùng Bảo-Ngọc đã thành người tinh của toàn dân tộc, nhưng cũng có nhiều nhân vật đáng làm gương mẫu để cho người nhận biết: tính nhiệt liệt của Tinh-Vân tình ôn nhu của Tập-Nhân, tính hào sảng của Thi-tương-Vân, tính đoan trang của Thâm-xuân-Tĩnh linh tuệ của Diệu-Ngọc, tính biện bác của Phượng-Thư, mỗi người có 1 tính cách, mỗi người có điểm đáng quý, mỗi người đại biểu 1 khuôn mẫu đặc thù. Muốn tìm tính khí của 1 người Trung-quốc phương pháp rất dễ dàng là hỏi xem họ thích Đại-Ngọc hay là thích Bảo-Thoa. Nếu họ thích Đại-Ngọc tức là họ theo chủ nghĩa lý tưởng; như họ tán thành Bảo-Thoa là họ theo chủ nghĩa hiện thực; như họ thích Tinh-Vân thì họ có thể là 1 sảng tác gia tương lai; như họ thích Thi-tương-Vân thì họ cũng thích thơ Lý-Bạch. Nhưng chính kỹ giả đây thì lại thích Thâm-Xuân vì nàng có cả tính chất nhu hòa của 2 người là Đại-Ngọc cùng Bảo-Thoa, nên sau này nàng được hạnh phúc kết hôn làm một người vợ hiền khuôn mẫu. Cả tính của Bảo-Ngọc rõ ràng là niềm yêu không có 1 chút khí khái hùng nã thật không đáng được thanh niên sùng bái. Nhưng không kể khí khái ra sao, thanh niên nam nữ Trung-quốc đều đọc đi đọc lại 7, 8 lần bộ tiểu thuyết này mà còn thành lập một môn học văn học vẫn gọi là "Hồng học" với cái địa vị tôn sùng cùng những cuốn sách nghiên cứu trước tác rất nhiều, thật không kém gì những sách binh chú về trước tác của Shakespeare cùng Goethe.

Hồng-lâu-Mộng có thể đại biểu cho nghệ thuật tả-tác tiểu thuyết 1 mức độ khá cao của Trung-quốc. Nó tóm lại căn cứ vào nội dung của các tiểu thuyết của Trung-quốc có thể chia ra mấy loại điển hình. Những loại tiểu thuyết rất nổi tiếng có thể làm đại biểu cho các loại xin kể dưới đây:

- | | |
|------------------------------------|--|
| 1 — Hiệp nghĩa tiểu thuyết | «Thủy hử truyện» |
| 2 — Thần quái tiểu thuyết | «Tây du ký» |
| 3 — Lịch sử tiểu thuyết | «Tam quốc chí» |
| 4 — Ái tình tiểu thuyết | «Hồng lư mộng» |
| 5 — Dâm đảng tiểu thuyết | «Kim bình mai» |
| 6 — Xã hội phóng thích tiểu thuyết | «Nho lâm ngoại sử» |
| 7 — Lý tưởng tiểu thuyết | «Kính hoa duyên» |
| 8 — Xã hội tả thực tiểu thuyết | «Nhị thập niên mục đồ quái hiện trạng» |

Chia ra từng loại 1 cách nghiêm chỉnh đầu phải là để. Như Kim bình mai tuy 4 phần năm là những văn tự dâm đảng, nhưng cũng thế cho là 1 bộ tiểu thuyết xã hội tả thực rất hay. Tiểu thuyết này dùng ngòi bút vô tình mà linh hoạt miêu tả những chuyện bình dân phổ thông, bề dánh hạ lưu, thô hào liệt thân, nhất là địa vị của phụ nữ Trung-quốc ở về triều nhà Minh. Trên bộ loại chính qui của các loại tiểu thuyết, nếu theo

nghĩa rộng chúng ta còn phải vào 1 loại «cổ sự bút ký» nữa. Cổ sự này là những truyền thuyết trải qua rất lâu đời. Loại «cổ sự bút ký» này thì nên đem Liêu trai chí dị cùng Kim cổ kỳ quan làm đại biểu. Kim cổ kỳ quan là 1 tác phẩm văn tự nhất trong loại «cổ sự bút ký» lưu hành từ đời xưa, và phần nhiều là cổ sự lưu truyền trải qua bao thời đại.

Trước giả từng đem rất nhiều tiểu thuyết Trung quốc cứ theo thể lực lưu hành cao hay thấp mà chia từng bậc, nếu đem những thứ tiểu thuyết lưu hành trên các đường phố mà biến thành mục lục thời rõ là những tiểu thuyết mạo hiểm, mà người Trung quốc gọi là tiểu thuyết hiệp nghĩa phải đứng đầu mục lục. Đây là 1 hiện tượng kỳ quái, vì những hành vi hiệp nghĩa cùng đứng cam thường bị cha mẹ hoặc giáo sư cấm đoán đe-nẹt tâm lý này thật khó giải thích. Ở Trung-quốc những chàng trai hiệp nghĩa thường hay xung đột với những tuần cảnh hoặc huyện quan, làm liên lụy đến cả gia tộc, những hạng con cháu này thường bị đuổi ra khỏi gia đình mà nhập bọn với xã-hội hạ lưu; những người dân an phận trong xã hội mà hoan nghinh những vị hảo hiệp trong giới lực-lâm cũng vì như một người đàn bà yếu đuối mà hoan nghinh một đại hán, mặt mũi đen thui, râu quai nón, lông bụng sòm sòm. Ta thử nghĩ xem khi có một người nằm khênh trong chăn mà đọc chuyện Thủy Hử thì sự yên vui, vừa ý phần khởi không thể nói xiết được, đọc đến chỗ nói về hình vi dùng cảm nghĩa hiệp của Lý Quí thì tinh thần khích ngang thư thái đến thế nào?

(Xem tiếp trang 20)

GAO THỪA SAY và MỘNG

THƠ



Xuân đã nở trên cành mai chớm nụ
Tết đã về theo tiếng phỏ nhà bên
Gió giao mùa nhẹ nhẹ động chân rèm
Linh non nước lắng trong hồn vô trụ.
Đôi hàng nên chảy dần theo bậc li
Mắt lặng buồn tôi mãi đợi đời lên!
Gió hiền hòa vẫn thổi ở nhà bên
Lòng tôi vẫn một mặt Đông bất tận!

Kể từ buổi đầu xanh sâu lặn dần
Đời tôi tàn theo hương tiếng người vui
Sông cỏ đơn nên tôi phải ngậm ngùi
Tôi than thở nên thơ sâu lại lắng.
Hết tin tưởng một ngày mai quang đáng
Một cuộc đời rộng mở bước thành thang
Một thiên đàng hay một chuyện đồ ngang
Là hư ảo, là những điều huyền hoặc!

Rượu lại chảy nên lòng càng cay đắng
Rồi lại đắng lòng ghen yết hầu tôi
Tôi muốn say cho quên cả cuộc đời
Cho mạch máu cũng ra từng thớ thịt
Rồi đau thương sẽ về theo giấc điệp
Và hồn tôi bay mãi tận Trời xanh
Đề nghị rằng: Lát cả là phù vân
Là vô nghĩa khi nghiêng bầu trong đêm vắng
Rượu cứ chảy mãi đã mềm thân lạnh
Sầu vẫn dâng chịu nặng cả hồn tôi
Bốn phương Trời mãi trắng vẫn còn trôi
Và nhân thế vẫn chìm trong bể khổ...

Tôi lạc lối bước càng lên hoang-lộ
Trên ngai vàng ai cười xé không gian
Một bàn tay máu thấm hầy còn loang
Chia tận cổ bồng hờn tôi ngọt thơ.
Và nâng chén, rú lên trong man rợ!
Đề cười tôi ăn ai thế này đây...
Đừng ngây thơ dệt mãi mộng Trời mây
Đời là thế! Yêu nhau là thế! Tôi
Tôi vâng dạ chấp tay cầu Thượng-Đế
Rằng: Đêm nay tôi biết được yêu thương
Và đêm nay tôi mới đến Thiên Đường
Tôi chẳng dám van nài người chung thủy.

Trời đã sáng bình minh vờ hể mờ
Tôi sịch màn tình dậy đón Xuân sang
Và ngoài kia non nước lòng huy hoàng
Tiếng ai hát trong như mùa Xuân mới.

LÊ-SỬ



TRUYỆN NGÀN CỬA HOÀNG MINH HÙNG

Saigon ngày 20 tháng 1 năm 196...

Diễm Tuyết thân yêu,

Ba mươi bảy ngày chúng mình không trông thấy mặt nhau rồi đấy em à! Tâm ảnh em đứng nghiêng bên gốc hoa đào anh cho phóng to để trên bàn học. Nhìn mái tóc em trải trong nắng vương vào cành hoa, nhìn cặp mắt nói rất nhiều và như mơ ước những gì xa xôi, anh thường thấy em linh động rồi khối chỗ đứng bước ra với anh, nhất là những buổi như sáng nay mây trắng bay gần hơn và trời lạnh lạnh nhuộm về Cao nguyên không phải buổi chiều soi thấy mái tóc như sương mới biết là gần Tết, chỉ do mong nhớ, mong như đã lên đến độ cao sắp tràn bờ và trước khi gặp em chỉ có sống cho qua tám ngày còn lại. Cũng trong sáng nay kỷ niệm là lướt trời về. Con đường dài xuyên ngang viện đại học, con đường từ chợ đồ xuống bờ hồ, con đường từ bờ hồ nghiêng lên nhà thờ, những nơi nào có hoa đào nở là anh thấy thấp thoáng áo len màu tím, áo manteau màu rêu nhạt và nhất là âm thanh của mấy câu em quen thuộc nghe dễ sợ quá! « nghe mà ham » còn rõ rệt như lúc em mới nói với anh. Hình ảnh em đẹp nhất em đi sát bên anh, hai bên đường hoa anh đào rực rỡ. Hình ảnh cô gái cành hoa đào vương trên mái tóc em, anh đứng lại và sẽ đưa tay gỡ, kẻ đi đường trên chạc chúng mình!

— Lâm ly nhĩ!

Anh quên lấy vai em. Mặt em bừng đỏ.

Hai mươi bốn năm, hôm ấy anh mới thấy cuộc đời cô độc. Cuộc đời có gì phi lý đâu, có gì đáng đi thăm đầu những anh chàng như J.P. Sartre hay Clément Rosset chỉ nói nhảm. Ừ, nếu thiên hạ biết yêu nhau đẹp như chúng mình thì dịp này sẽ biến thành thiên đường. Càng nghĩ anh thấy mình đã tiêu phí cả tuổi xuân. Ai lại có người yêu mà còn đi con đường giam mình trong phòng học. Thôi cô bé, cô bé tha thứ cho anh đi, chúng mình phải làm việc để anh có thể dâng hoàng năm tay em trọn đời. Em đừng buồn đấy nhé, cố học lên! Kỳ thi năm nay em sẽ đậu và anh sẽ trao cho em bó hoa vào mùa hè.

Diễm-Tuyết này, em đến đi xem anh gửi cho em bao nhiêu lá thư rồi. Đáng là mỗi tuần hai lá đấy nhé. Còn em tuy thư gần đủ số nhưng lại làm người ta thất mảy hoài. Anh vẫn chưa tưởng tượng được chỗ ngồi trong lớp mới của em. Năm ngoái em học trên gác bàn thứ ba bên trái và ngồi thứ hai kể từ ngoài vào. Em khen anh bonne mémoire đi! Năm nay em bảo ngồi bàn đầu nhưng không hiểu bàn giáo sư kê theo phía nào nhỉ; có quay ra phía đường như trước. Em không không ngồi cạnh em Thủy nữa à, ô cô bé sao đánh tâm giết bạn thế? Anh hơi ghen với anh chàng giáo sư quốc văn trẻ tuổi của em, ai lại dám tặng em bản dịch bài thơ làm cầm của Arvers. Đừng cầm động, cố để cho hẳn ra bờ hồ Xuân Hương tự tử là gọn! Anh yêu em anh bắt gặp mình trẻ trung. Anh sống lại tuổi bất bướm áp hoa, nào viết tên em trên đầu cuốn sách, nào khắc tên chúng mình trên mặt bàn: nhiều lần anh say sưa nói về em trước bạn bè. Anh có từng gái Đà-Lạt mà ứng những tên máu đỏ và môi hồng tự nhiên; còn tâm hồn lãng lãng

như sương mù buổi sớm, và dịu dịu như nắng phớt buổi chiều. Bạn bè biết thế kháo nhau.

— Thảo nào thằng Liêm suốt ngày bắt bài thơ hoa đào và ai lên sức hoa đào. Dậy mấy tháng ở Đà-Lạt kể cũng không uống công.

Diễm-Tuyết ơi, sao anh không gặp em sớm hơn nhỉ? Quay nhìn lại đi vâng anh thấy mình đã biết yêu là gì đâu! Sớm vào đời anh tự phụ kinh nghiệm có thừa, yêu bữa bãi và hạ thấp giá trị của tình yêu. Bây giờ mới thấy mình ngu ngốc. Phải biết yêu mới có tình yêu cao đẹp và mới thấy cuộc đời có ý nghĩa. Diễm-Tuyết là ân nhân của anh, em đã làm cho anh thích sống. Em cho anh nhiều quả anh chỉ nguyện trọn đời không làm em buồn, phải tôn trọng giá trị. Đến em như thế được không?

Diễm-Tuyết bây giờ còn đang làm gì đấy? Em đang ngồi trong lớp học chứ không phải giảng bài hay đang thư thân trên đường vắng như nghe tiếng thông reo? Anh muốn lạc vào xứ ngàn lẻ một đêm, nhìn qua tấm gương trên bàn kia thấy em. Hân cũng chưa của anh vừa gội đầu xong và đang cầm lược tóc dài quay tròn cho khô nước, rồi nâng công chúi đầu xuống e ấp cầm chiếc lược. Mái tóc xòa che kín cả khuôn mặt và khi mái tóc rẽ sang một bên em tươi cười nhìn anh.

Thư chẳng đầu nhưng ghét em rồi chẳng thêm viết nữa. Có biết em phạm lỗi gì không? Nay, sao cứ giọng « buồn rầu sâu thẳm » hoài vậy?

Ngao nhàn, ngủ yên nhé và gặp anh trong giấc mộng đêm nay.

Anh yêu em hơn thiên thần xinh xắn của anh!

NGUYỄN - LIÊM

Diễm-Tuyết đọc xong thư, ép lá thư màu trắng vào ngực, nâng đưa mắt nhìn ra cửa sổ. Tiếng thông reo ào ào như tiếng sóng ngoài biển cả. Trời xanh, trong. Nắng vàng trắng mỏng trên những lá non. Một con chim vút bay và cất tiếng hót vô duyên cớ. Diễm-Tuyết mỉm cười nghĩ tới Liêm, chàng sinh viên có mái tóc bông bông, cặp mắt nâu hơi xéch hay cười và hay mơ mộng.

Năm ngoái Liêm dạy nàng quốc văn ở lớp đệ ngũ A và qua Tết vì có một người bạn mở tờ nhật báo nên Liêm về Saigon cộng tác và để tiện tiếp tục việc học. Cái anh chàng giáo sư trẻ dễ thương ấy trong những giờ giảng những tác phẩm khổ khan đã cố thêm vào những bài thơ mới ướt át. Bạn bè thì thảo thầy mê Diễm-Tuyết.

Một hôm tới giờ quốc văn Liêm đi muộn. Học sinh, một nửa là nữ sinh cũng có nhiều cô nghịch ngợm. Họ rủ nhau vào lớp trước ngồi ngay ngắn và Thu, cô bạn quái ác và hay ghen tỵ của Diễm-Tuyết đã lên bảng viết một câu thơ mà Liêm đã có lần dùng để dẫn chứng:

Nàng là Tuyết hay đa nàng Tuyết diễm.

Liêm đẩy cửa ra bước vào. Không khí có vẻ là khi Liêm đưa mắt nhìn quanh và khi trông lên bảng biết là học trò tru tréo, chàng đỏ mặt. Không hiểu sao chàng không tỉnh giác và chỉ lặng lẽ cầm giẻ lau bảng. Một vài tiếng thì thảo cuối lớp và một giọng cười mỉa mai nổi lên. Liêm vẫn yên lặng, sự yên lặng thú nhận.

Còn Diễm-Tuyết nàng giận quá nước mắt trào ra ngoài. Một nam sinh vốn ghét nàng nói không thương tiếc:

Hồ ly mà còn khóc!

Hồ ly, tại sao lại Hồ ly? Diễm - Tuyết nhìn về đi vãng. Nàng thấy hiện ra những bộ mặt khá ố. Anh chàng giáo sư dạy nhạc năm đệ thất thích tình yêu bay bướm đã đưa nàng vào con đường bỏ học đi trình diễn văn nghệ và ca hát phòng trà. Lên đệ lục Diễm-Tuyết chán thứ tình yêu xuống xã, và chỉ thích màu sắc buồn thảm, đau khổ. Thanh, sinh viên ban triết gặp nàng đúng lúc. Chàng ta luôn bị quan hóa cuộc đời và Diễm-Tuyết đã ngã vào vòng tay hắn. Thanh chỉ muốn lợi dụng nàng, hắn thích những điều mà Diễm-Tuyết đã chán và khi ra trường Thanh đổi về một miền xa ở lục tỉnh và họ cắt đứt liên lạc. Và từ đó Diễm-Tuyết hoa khôi, Diễm-Tuyết bị đời nổi tiếng trong đám nữ sinh. Bạn con gái như con Thu, con Thủy không ưa gì nàng. Tuy cùng một lứa tuổi nhưng chúng nó hiểu sao được Diễm-Tuyết. Những hình bóng chúng đang chạy theo Diễm-Tuyết đã từ lâu kinh tởm. Thế giới riêng biệt của nàng đóng chặt cửa lại và chỉ có một kẻ, một kẻ đã mở được khóa, kẻ đó là Liêm.

Liêm lên Dalat dạy thế giáo sư Quốc văn đi động viên. Liêm không «beau» đến nỗi mọi thiếu nữ phải chú ý ngay phút đầu gặp chàng, nhưng chàng có một vẻ đàn ông đặc biệt nhất là tâm hồn chàng có gì là lạ khiến Tuyết từ bỏ muốn khám phá. Một lần Diễm-Tuyết theo thói cũ học về bối trong giờ quốc văn, Liêm đã tức giận và quát vờ nàng ra ngoài cửa. Diễm-Tuyết khóc, nàng khóc thành thực và xin lỗi Liêm đã Liêm là người con trai đầu tiên không biết chiều nàng. Sau đó có một sức mạnh khiến hai người dễ ý nhau. Diễm-Tuyết đan một chiếc áo len màu xanh nhạt tặng Liêm, chiếc áo mà Liêm vẫn thường mặc mỗi sáng Saigon trở rét và Liêm đã đi cùng một người bạn tới thăm gia đình nàng hai lần. Ba Diễm-Tuyết, một sĩ quan đóng ở Đồn Dương chỉ có mặt trong gia đình những ngày chủ nhật, rất mến Liêm vì thấy chàng là người thẳng thắn và gặp Liêm là ông giết chàng cả buổi để bàn về tổng thống Nasser, nhân vật anh hùng ông kính phục.

Tình yêu này nở có vẻ rồi có vẻ bề sâu và đôi khi Liêm có thắc mắc về những ngày xưa của Diễm-Tuyết. Không phải những lúc ấy Diễm-Tuyết có tình khốc giả vờ, nàng khóc thực và không đáp. Hồi hận đi vãng, lo sợ tương lai, tất cả cũng chỉ vì Diễm-Tuyết yêu. Liêm đại lượng lắm chàng chỉ vuốt tóc Diễm-Tuyết và nói như ru:

— Xin lỗi em, chúng mình đang ở trong mùa xuân mà anh lại làm em buồn.

Diễm-Tuyết muốn quý xuống đất để thú tất cả, nhưng mỗi tình đẹp quá và nàng chưa được yêu như thế bao giờ. Liêm chẳng từng gọi nàng là nàng tiên bé nhỏ, là thiên thần hay sao? Tuyết run lên khi nghĩ đến một ngày kia Liêm sẽ khinh nàng.

Gần một năm nay Diễm-Tuyết học hành chăm chỉ theo lời khuyên của Liêm: « Em học cho anh, em học cho con chúng ta sau này ». Năm nay nàng thi Trung học và trong lớp nàng được xếp vào loại giỏi.

(XEM TIẾP TRANG 28)

★ Tiểu - Thuyết Trung - Hoa ★

(Tiếp theo trang 24)

— Nền nhớ tiểu thuyết Trung quốc thường thường nằm ở giường mà đọc. Tiểu thuyết thần quái thì ghi chép toàn những chuyện yêu ma cùng thần tiên đầy phép thật là đã gom góp được một bộ phận rất lớn những cổ sự lưu truyền trong dân-gian, như: cổ sự này rất gần với tâm tính người Trung quốc. Trong mục Tiểu thuyết Trung quốc nhân đích tâm linh chương bốn trong bản thư, có nói đến tâm lý người Trung quốc có một quan niệm siêu tự nhiên thường thường lẫn lộn với hiện thực. Bộ Tây du ký, tác sĩ Timothy Richards từng đem dịch ra Anh văn gọi là «thiên-quốc cầu kinh ký» (A mission to Heaven) trong đó thuật chuyện mạo hiểm đi cầu kinh ở Ấn-Độ của Hòa-thượng Huyền Trang, nhưng chuyện mạo hiểm này của ông có ba nhân vật, nửa vật nửa người làm bạn. Đó là hầu tử Tôn-Ngô-Không, Trư-bà, Trư Bát Giới cùng một vị Sa Hòa-thượng. Bộ tiểu thuyết này không phải là một sáng tác nguyên thủy mà căn cứ những truyền thuyết trong dân gian về tôn giáo. Trong chuyện này chỗ rất đáng quý đáng hoan nghênh phải là nhân vật Tôn-Ngô-Không, vì Ngô-Không là đại biểu tâm lý ương ngạnh của nhân loại, vì Ngô-Không cứ mãi mãi thử làm những sự nghiệp không thể làm được. Ngô-Không ăn quả cấm ở Thiên cung đó là một quả bần đào cũng như Eve ăn quả cấm trong Ai-đê-lac-viên, mà phải chịu xử phạt trường kỷ là 500 năm khóa bằng giây sắt giam ở dưới chân núi đá, giống như Prometheus ăn trộm thiên quả mà bị giam. May gặp hạn giam vừa hết và do Huyền Trang tới mở khóa buông thả cho, vì thế Ngô-Không liền bắt nhân Huyền Trang làm thầy và đảm nhiệm chức vụ bảo hộ việc đi sang Tây Trúc, trên đường đi Ngô-Không phải cùng bao nhiêu yêu ma quỉ quái có sức chiến đấu để mong lập công chuộc tội, nhưng tính ác độc trước kia vẫn còn tồn tại vì thế nên hiện hình biểu tượng một thứ nhân tính điều ngoan dữ tợn, tranh đấu cùng với hành vi thánh triết. Trên đầu y đội một chiếc mũ Kim cô bất cứ lúc nào hề thủ tính của y phát tác phạm vào qui luật là Huyền Trang sự phụ của y niệm một câu kinh chú, lập tức mũ Kim cô trên đầu y càng bó càng chặt cho tới khi đầu óc rục ròi như mồn nõ tung nên y không muốn phát tác nữa. Đồng thời Trư bát Giới biểu tượng một căn tính nhân loại thủ dục. Cái căn tính thủ dục này về sau trải qua sự cảm hóa của của tôn giáo mà dần dần gột sạch. Những nhân vật kỳ dị này làm một chuyện trường chinh kỳ dị trên-đường đi những đực vọng cùng những cảm dỗ mê hoặc tranh giành không ngờ xuất hiện, tạo thành một chuỗi hoàn cảnh thích thú cùng khiến người hăng hái chiến đấu, hiền thần thông, thi ma lực, đấu bảo pháp. Ở tại Tôn ngô Không có đất cây bồng nhỏ, cây bồng này có thể biến tới một mức độ rất dài, không những thế mà y còn có một bản lĩnh như nhờ một chiếc lông chân có thể biến ra rất nhiều khi con để giúp y công kích kẻ địch mà tự thân y cũng có thể biến hóa, biến thành các khí cụ hay các thực động vật, đủ các kiểu các màu, y có thể biến ra chim loan chim lạc hay biến ra con sê, con cá hoặc biến thành một tòa miếu, con mắt biến thành của, miệng biến thành cái ra vào, lưỡi thì biến ra tương phát nếu yêu ma không để ý mà bước vào trong tòa miếu này thì sẽ bị miếu y ngậm lại và nuốt vào bụng. Sự chiến đấu của Ngô-Không cùng với yeg ma thật là thần diệu, họ đánh đuổi nhau nhưng họ đều biết cỡi mây nương gió chui xuống dưới đất không vướng, xuống nước không chết đuối, cái cách giành nhau như thế làm sao em nhỏ nghe mà không thích cho được, ngay đến những hạng thanh niên trưởng thành, chỉ cần họ chưa tới trình độ «chuột» đã không buồn nhìn gao» thì đều lấy làm hứng thú.

Cái thói quen thích nói chuyện thần quái không chỉ hạn định trong những bộ tiểu thần quái, họ chen vào các thứ tiểu thuyết thậm chí như: Dã Tầu Bộc Ngôn là một tác phẩm hàng nhất cũng không khỏi chịu cái lụy về thói quen này nhân đó mà giảm sắc. Dã Tầu Bộc Ngôn là một bộ tiểu thuyết hiệp nghĩa kiêm luân lý. Cái thói quen thích nói chuyện thần quái lại làm giảm giá tiểu thuyết trình thám cổ sự như bộ «Bao-công-An» và làm cho tiểu thuyết trình thám không thể phát triển hoàn bị được đề cùng so sánh với những kiệt tác Âu Mỹ nhân vì thiếu quan niệm lý luận theo khoa học Bao-Công có thể là một đại trình thám gia trong lịch sử Trung-quốc và ông lại làm phản quan, ông giải quyết những vụ án ẩn sát bị ẩn nhờ những chỉ thị trong giấc mơ chứ không dùng đầu óc luận lý để phân tích như Phức-nhi-ma-ti (?) Sự kết cấu lỏng lẻo của Tiểu-thuyết Trung-quốc gần giống như tác phẩm của D. H. Lawrence mà sự dài dòng thì gần giống những tác phẩm của Tolstoy cùng Dostoivsky trong Tiểu thuyết Nga. Tiểu thuyết Trung-quốc cùng với Tiểu-thuyết Nga giống nhau rất rõ rệt. Vì họ đều có kỹ thuật tả thực chủ nghĩa, mà họ đều thích tả một cách tường tận họ chỉ thích giảng thuật cổ sự mà thiếu đặc tính chủ quan của Tây-Âu. Cũng có tác giả miêu tả tâm lý rất tinh tế nhưng vì sự hiểu biết về tâm lý học chỉ có hạn. Cho nên nhiều việc cứ theo nguyên việc cũ mà thuật lại. Về sự miêu tả bức chân cái xã hội tà-ác thì Kim-binh-mai đầu có chịu

những The Brothers Karamazov. Tác phẩm về loại ái tình tiểu thuyết, kết cấu rất hay, Tiểu thuyết xã hội thịnh hành trong 1 thời từ 60 năm trước đây, kết cấu lan man đi lại giống như một bức gấm hỗn tạp, dệt những chuyện xưa việc lạ bằng đoàn thiên ghép lại. Những đoàn thiên tiểu thuyết chính thức thì mãi đến 20 năm trước đây cũng chưa có một tác phẩm nào hoàn mỹ ra đời. Các tác gia giả hiện đại đang có sức miêu tả những tác phẩm giống như văn học Tây Phương mà họ đã đọc qua không kể là phiên dịch hay là sáng tác.

Trên đại thể, thì sự tiến triển mau chóng của tiểu thuyết Trung quốc, có thể phản chiếu sự tiến triển mau chóng trong cuộc sinh hoạt của nhân dân Trung quốc, sự tiến triển này rất to tát và hỗn tạp nhưng sự tiến triển không cốt ở thái độ nhanh chóng, sự sản sinh tiểu thuyết là chỉ để tiêu ma thời gian, nên có những thời gian nhân hạ đề tiêu ma mà đọc giả cũng không cần chạy theo hòa xa, nên cũng không mong sự kết thúc. Tiểu thuyết Trung quốc cần đọc thông thả, vậy cần phải kiên nhẫn:

Bên đường đã có nhiều hoa nở

Mặc sức ai kia cứ hái hoa.

(Trích ngô quốc ngô dân)



BỎ QUÊN

thần thế

Riêng gửi PHƯỢNG

Anh bỏ quên thần thế

Để trở lại với em —

Nằm xuống đây tuy giường chiếu chẳng êm —

Thịt xương đau như một niềm sầu hận,

Như một niềm tủi cực vô biên —

Lửa cháy tự trời cao

Lửa cháy cả dưới lòng bề thâm,

Đất với trời ngời ngụt lênh đênh,

Nên thế nhân quên mất chứng mình —

Thế nhân quên mất chứng mình

Tuy rằng chứng mình vẫn sống —

Em vẫn ngày ngày cháo chó rau heo,

Anh vẫn ngày ngày làm mùa gieo giống.

Bầy chó lợn em nuôi.

Gào những tiếng điên cuồng lạc lõng.

Và hạt giống anh gieo.

Đến bao giờ sẽ mọc?

Thiếu sinh khí thì giống nào thành thóc,

Mùa mai sau ta thu hoạch được gì?

Nỗi đau hôm nay là tất cả những gì?

— Những sầu xé đã man, những chiến tranh tàn khốc.

— Những nhầm mắt, những rã rời, mệt nhọc,

(và nên kể nữa hay không?)

— Những diễn văn những giọng điệu rất hùng hồn,

— Những khẩu hiệu sơn son, những biểu ngữ thép vàng...

Thôi chúng ta về khép kín cửa trong hòa,

Niềm kỷ lại những thư tình đã cũ.

Quảng Ngãi yên
Là vĩnh Thôn

NHÂN DỊP XUÂN VỀ

Chúng tôi trân-trọng giới thiệu với Quý Vị :

QUINQUINA HIỆP - HÒA

SẼ ĐEM LẠI QUÝ VỊ SỰ BỒ DƯỞNG CẦN THIẾT SAU MỘT NĂM LÀM VIỆC MỆT NHỌC

RHUM VIEUX HIỆP - HÒA

SẼ CỐNG HIẾN QUÝ VỊ MỘT THÍCH THỦ TAO NHÀ TRONG CÁC BUỔI HỌP MẶT BẠN BÈ.

HAI SẢN PHẨM TINH KIỆT CHẾ TẠO CÔNG PHU DO :

CÔNG- TY ĐƯỜNG VIỆT - NAM

34-35, Bến Văn-Dôn — SAIGON

Đ. T. 24.454 — 24.455 — 20.141

hưng tâm trí còn non, không phải đến 18 hoặc 19 tuổi là cha mẹ đã phải cáo lui cho trẻ một mình tiến bước. Không! Bên phần cha mẹ thay đổi nhưng không có bề ngoài đi chất nào đâu.

Chúng ta phải nhớ là tới tuổi này trẻ em hay bắt chước, và bắt chước kẻ nào hơn là cha mẹ bao giờ cũng có sẵn bên cạnh trẻ em: Bắt chước gương cha mẹ ăn rồi cậu đang, sống chung trên kính dưới nhường, cũng như hòa thuận đã con cái trong một không khí đầm ấm. Ngoài sự bắt chước tuy rằng cha mẹ không còn thể thay đổi nhiều tập quán và trí hướng của trẻ em, như trong giai đoạn trước, nhưng tuổi thanh niên rất cần lời chỉ bảo, dạy dỗ, khuyên nhủ của người lớn. Tính cha mẹ phải đổi thành bộ mặt bạn bè, cùng con cái bàn lời ngay, lễ thiệp, luận việc phải quấy. Nhất là người mẹ lại sẵn có nhiều tình hướng thiên nhiên đối với tình cảm trẻ em, trải và gái, rất có thể dùng tình cảm ấy mà an ủi, mà khuyên bảo. Trẻ em có tin tưởng, tin nhiệm hoàn toàn mới dám thổ lộ những tâm tình của tuổi trẻ trong thời cấp kể đôi tám, đôi mươi. Người mẹ ngoài tình cảm còn cần phải giảng dạy cho con trẻ minh giáo lý của đạo mình trong thời kỳ khó khăn này để giúp chúng. Chúng ta hãy nhớ rằng từ 16 đến 20 là thời kỳ mà trẻ em hay tự tử, hủy mình vì gặp trong đời những sự buồn bã mà không biết thổ lộ ra với ai được, như thi hỏng, như thua chúng bạn, như lo nghĩ... Những dịp này là những dịp mà trẻ em cần được cha mẹ giúp đỡ mạnh mẽ nâng cao tinh thần, mà có cách gì làm cho trẻ em tin tưởng và nghe lời hơn là thái độ thân thiện của cha mẹ coi trẻ em như bạn hơn là như tội nhân cần phải rầy la, đánh mắng, trừng trị luôn tay luôn miệng.

Nghĩa là con cái có thể cần được bằng cách nhảy ra chân đường ngựa, mà chỉ có thể chạy theo nít cương kéo lại trong một quãng đường khá dài. Lòng dục vọng của trẻ có khác chi ngựa lồng, nó có lúc như nước lụt vỡ bờ, phải bình tĩnh, điềm đạm mà dỗ phớt, phải luôn luôn kín đáo theo dõi hướng dẫn để lúc thấy cần.

Đây là một thời kỳ thử thách của cha mẹ, một giai đoạn mà cha mẹ phải điều chỉnh hành động, thông thả phân đoán, nhẹ nhàng rầy la, tóm lại: coi con như là một người lớn cần có đời sống riêng của nó, và đã có trí khôn nhưng còn thiếu kinh nghiệm thực tế để hiểu đời hơn nên tuy thái độ ít nhiều nhưng luôn luôn kín đáo theo dõi hướng dẫn.

Trên đây chúng ta cùng nhau duyệt qua đời sống tâm trí của con trẻ chúng ta qua thời kỳ thơ ấu, thời kỳ thiếu niên đến thời kỳ thanh niên trưởng thành.

Chúng ta nhận xét rằng từ hồi mới sinh ra đến thời kỳ lứa lớn, trẻ em biến chuyển theo một định luật tất nhiên, là tâm trí trẻ em hồ đầu hoàn toàn



THUỐC HỒNG NGUYÊN

Trẻ em mắc bệnh Ho Gà, Tia tạt, do một họ ro thật nhiều, Bình minh, đêm tối buổi chiều, Từng cơn rú-rợt bao nhiêu là đốm Hồng Nguyên thuốc ấy sớm sớm, Ngay chứng bệnh nó rớt không sai

Chức Năng Thuốc: **TRỊ HO GÀ - HỒNG NGUYÊN**

Phân Phối: **TRỊ HO GÀ - HỒNG NGUYÊN**

TRỊ HO GÀ - HỒNG NGUYÊN

Phân Phối: **TRỊ HO GÀ - HỒNG NGUYÊN**

• lời ru

Của Mẹ...

... (Lời ca-dao Mẹ sớm lúc nằm nôi)
nay đã biến thành vần thơ thời cuộc.

(Mekung 1960)

Thân gửi anh Nguyễn Liệu đề « gin vàng
giữ ngọc » (cho nhau)

M. K.

1. Thân mẹ đó!

Ốm gầy từng ngọn cỏ
hồn mẹ đây
vàng vọt mọc lên đây...

2. Lịch sử Việt-nam viết bằng lửa đạn

xoáy nát con tim từng ngọn giáo giặc thù
với chiến tích đầy mình làm đi vàng
mẹ sống già trong hoài vọng tương lai
với đôi mắt quê hương chong đèn mỗi mai
lòng chán chường đón đợi một ngày mai
- mẹ cất giọng kêu gào con thất lạc
lời bỗng buồn như tiếng mẹ ru con

— con của mẹ bây giờ hàng triệu đứa
theo chiến trường để chia dâng chia bà
quên lời mẹ tay cứ hoài chém giết
cho máu thân này chảy mãi thành sông
— con sống đó đã trở thành biên giới
để xác cao như núi cả hai bên
chủ nghĩa xoay tròn cờ xí dựng lên

Bên ấy « đại đồng » phải nọ tự do
mà tay ta sao ngoại-quốc mai thay cờ?...
tai của mẹ nghe hoài lời hứa hẹn
mất mỗi mòn nhìn mãi cuộc thay ngôi
sao con mẹ bây giờ hàng triệu đứa
suốt bốn mùa đối rết đứng van xin
sao thân mẹ bây giờ chia bán nửa
(hình hài khổ từng hi vọng niềm tin)
— thôi mẹ chán muốn năm lời hiệu-triệu

2bis. Hãy lấy máu thử từng giòng huỳnh độ

cho Hà-Nội — Sài-gòn — Huế
cùng cất cao bài ca-dao
tay đưa cao thân ái mẹ mừng chào
con làm lỗi hãy dùng gương giáo
con ngày thơ thối xé bỏ tuyên ngôn
mẹ không muốn thân con làm nô lệ
vâng theo lời ngoại-quốc giết anh em
và thân mẹ nát bầm theo chiến trận.
tay buông súng, trở về thăm vú mẹ
con uống no đầy sữa Tự Do

3. Ôi! mắt mẹ bây giờ khô cả lệ

còn trái tim đã ngập máu căm-hờn
còn tất cả gia-tài này giờ lại
làm hành trang để nuôi nấng Việt Nam
lời lẽ này thời gió thổi muôn năm
đương cánh-trắng ca-dao trên vòng trẻ

Mekung
(Quảng Ngãi)

phụ thuộc, tuân tự tiến đến giai đoạn tự lập, càng ngày càng xa cha mẹ.

Sách xưa đã dạy: Nhân chi sơ tánh bản thiện. Người ta sanh ra tốt, nhưng xã hội đã biến người ta từ sự trong trẻo đến hồi dơ đục. Đó là lý thuyết của Thầy Mạnh Tử. Thánh kinh Công giáo dạy: Joai người đã bị dơ xuống trần gian vì Thuyết về Adam và Eva đã không vâng lời chúa phán.

Chúng ta ở đây không cần bàn về vấn đề căn bản trên, chúng ta chỉ ghi rằng tuổi thơ, ấu là tuổi ngây thơ trong trắng, nhưng đến tuổi trưởng thành ra đời thì tâm trí trẻ em đã đi qua bao nhiêu biến chuyển. Bên phần các bậc cha mẹ là tìm hiểu biết con em mà điều chỉnh qua các giai đoạn, từ giai đoạn phục tùng, dần dần nói tay cởi mở đến giai đoạn hướng dẫn đến tự lập. Có lẽ trong công cuộc thi hành bốn phần mình cha mẹ cần nhớ điều chính là cần tránh hai thái độ trái ngược: hoặc quá dễ dãi, nhu nhược để mặc trẻ lớn theo lẽ thiên nhiên, hoặc quá khe khắt nóng nảy luôn luôn kèm chế ước nắn nót theo ý mình. Thái độ trên sẽ đem lại kết quả là trẻ lớn lên như cây ở trong rừng, đâm quàng, đâm xiên, thái độ sau sẽ nẩy sinh ra một thứ cây sống trong khuôn uốn nắn cong queo đẹp

mát nhưng yếu ớt. Không! Can thiệp của cha mẹ phải có mục thước, mục đích là giúp trẻ em chọn lựa theo con đường phải, luyện tập quán hay, biết kính nể gia-tài tinh-thần, và tự suy xét đoán theo con đường chính-trực. Nếu không có mục thước, không phải lúc, hoặc tìm cách lẫn trốn dấu điểm gian lận. Tóm lại là phải dần dần cởi mở, nói đầy liên lạc, tùy khúc, tùy lúc.

Nghệ thuật làm mẹ cha như vậy đâu có phải là dễ. Vấn đề chính là làm sao in vào tâm trí trẻ lúc thơ ấu những tính tốt, thật hay, để lớn lên trẻ em hiểu biết và tự ý làm việc ngay, việc tốt. Tuổi thơ ấu cha mẹ dạy bảo, tuổi trưởng thành cha mẹ khuyên lơn. Mỗi tuổi một cách, một kiểu, không tuổi nào giống tuổi nào, và tuổi nào cha mẹ cũng cần phải tìm hiểu tâm trí con cái.

— Phải hiểu để mà tránh cho xã hội những cảnh cha mẹ chửi bốp, con thì hoang phí, « cha ăn mặn, con khát nước » tục ngữ đã nói:

— Phải hiểu để mà uốn nắn lúc cây còn non nớt, kéo-dội lúc cây đã cứng thì uốn sẽ gãy mất.

— Phải hiểu để mỗi người giúp một tay vào công việc đào tạo các thế hệ mai sau đầy đủ tư cách làm người hơn ngày nay.

Hoa đào năm ngoái

(TIẾP THEO TRANG 25)

Bọn con Thu, con Thủy lại càng ghét nàng, chúng nó sợ cô nâng thiên hạ quên mất chúng. Chỉ có bé Hạnh ngồi đàng sau nàng năm ngoái, năm nay đã đòi cho con Thủy lên ngồi với nàng. Hai đứa chơi thân chẳng bỏ hơi trước Hạnh không ưa Diễm Tuyết. Đêm Noel hai đứa đi nhà thờ xem lễ và khi trở về còn thơ thần quanh hồ tâm sự. Trong sương mù lạnh lẽo Hạnh đi sát vào Diễm Tuyết và hỏi:

— Tại sao thầy không lên hà chị?

Diễm Tuyết đỏ mặt trả lời ấp úng:

— Không biết nữa... có lẽ thầy bận.

Hạnh cười nắm lấy bàn tay người bạn trách nhẹ:

— Tuyết, chị đâu em làm gì? Chị không coi em như em gái chị hay sao?

Trong ánh sáng lung lung Diễm Tuyết tâm sự:

— Anh Liêm bị đau mấy ngày nay Hạnh à. Anh có viết thư cho chị và bảo Tết sẽ lên thăm chúng mình. Gió hồ vùng dậy khoa động, áo manteau dần chặt vào người.

Hạnh bỗng nghẹn ngào:

— Chị Diễm Tuyết em xin lỗi chị, em có một lỗi nặng lắm đối với chị. Năm ngoái... năm ngoái... em lấy trộm ảnh của chị.

Diễm Tuyết giạt mình:

— Ảnh nào? Chết rồi có phải tấm ảnh chụp trên giường không?

Hạnh cúi đầu:

— Đừng lấy chị à!

Diễm Tuyết mừng rỡ:

— Thảo này chị tìm mãi không thấy, con tiểu yêu lấy của chị làm sao vậy? Em chớ chích xin lại hay đốt đi cho chị nhé!

— Khờ quá, hôm ấy chị đương làm bài thi phải lấy hai chiếc bút chì nguyên từ luôn vào túi áo manteau của chị định ăn trộm đồ chơi. Được một bao ảnh con Thu nó giằng ngay lấy. Em định đợi lại thì Giáo sư đi xuống nên sợ quá đành thôi. Hôm sau con Thu nó có cho em xem tấm ảnh ấy, em lo quá vì biết con Thu chỉ tra đi nói xấu người. Em lừa nó xé được một tấm và tới nhà nó đòi nó. Nó bảo còn một tấm nữa nó gấp trong sách và mẹ nó bắt được xé luôn rồi.

Diễm Tuyết thở dài:

— Lại con Thu, không hiểu mình làm phiền gì nó mà nó cứ ghét mình hoài.

Nghĩ đến tấm ảnh Diễm Tuyết hơi tái mặt. Tấm ảnh đó Huê, một chị bạn làm « Cavalière » trước ở cạnh nhà nàng chụp. Có một hôm Diễm Tuyết sang bên chị báo thứ bộ đồ Jeans chị mới may xem có đẹp không. Diễm Tuyết thân với chị Huê, Huê tuy là vũ nữ nhưng rất đàng hoàng và tài hoa. Lúc nàng đương lúi húi thay đồ ở sau màn thì chị Huê để nghị chụp một tấm hình nàng mặc bộ đồ đó để kỷ niệm. Diễm Tuyết biết chị Huê còn là một nhiếp ảnh gia tài tử, sẵn máy có thể rửa ảnh ngay trong nhà và chị Huê đồng ý để Diễm Tuyết giữ cả phim lẫn ảnh nên nàng ngần ngại một chút rồi nhận lời. Diễm Tuyết còn nhớ hôm ấy nàng quỳ trên nệm, hai tay che lấy ngực đáng dấp rất khuê gợi.

Chị Huê rửa cho Diễm-Tuyết hai tấm và Tuyết xé phim liền. Hình rất đẹp Diễm-Tuyết bỏ cẩn thận vào túi áo manteau và định khi đi học về sẽ cất xuống đáy valise. Nhưng lúc tìm đến thì cả bao hình đã biến mất. Diễm-Tuyết cố công tìm kiếm, nàng lo sợ và bức mình háng thẳng. Dần dần nổi lo lắng của nàng cũng giảm vì không có sự gì xảy ra phiền phức cho nàng. Đến nay đã gần một năm, nghe Hạnh nhắc lại Diễm-Tuyết mới giật mình. Nàng mong rằng bà mẹ của Thu đã xé tấm hình tại hại đó rồi.

Nàng không giận Hạnh, giận Thu, nàng chỉ trách mình đại.

★

Trên con đường tới trường Diễm-Tuyết vui vẻ. Chúng cô mở năm ngoái hoa đào đã rụng hóm nay xuân đã lại về rồi. Bây giờ đào nhiều quá chắc tết tới thì nó đẹp. Diễm-Tuyết thầm nghĩ: « còn hơn một tuần nữa mình lại được đi với Liêm. Kỳ này mình phải hết cho Liêm nghe và cái đầu xin lỗi anh. »

Tới lớp Diễm-Tuyết cười luôn miệng. Giờ viết văn của ông giáo sư cận thị này buồn tẻ ghê. Nàng nhớ tới Liêm có động nói chuyện rủ và thao thao bất tuyệt. Diễm-Tuyết nhăm mắt lại cũng tưởng được Liêm đứng quay mặt vào học trò vừa giảng vừa viết.

Chàng hay dùng chữ « cực tả », nào « cực tả nỗi buồn », nào « cực tả niềm vui » đến nỗi học sinh hề có dịp là dùng chữ « cực tả » để trừu chứng.

Một giọng trêu chọc ngay sau lưng Diễm-Tuyết:

— Nghĩ đến trai thứ đời nhĩ!

Biết là Thu, Diễm-Tuyết cố nhin và nàng quay sang phía Hạnh mượn cây thước.

Thu đánh dá:

— Con này cứ rung bần hoài, ngựa vửa chứ!

Diễm Tuyết nhỏ giọng quay xuống:

— Xin lỗi Thu tôi vô ý.

Được thể Thu càng làm già:

— Thưa thầy chị này cứ quay lại nói chuyện trai gái à!

Cả lớp cười ầm. Diễm Tuyết cúi quàng:

— Đồ khốn nạn!

Thu cũng không vừa.

— Khốn nạn à? Còn hơn đồ làm tiền!

Bốp một cái, Diễm Tuyết không nhịn được nữa giáng tay tát mạnh vào má Thu:

— Làm tiền này!

Thu yếu hơn chị biết khóc to và giọng đe dọa:

— Được rồi mày sẽ biết tao!

Diễm Tuyết phải ra Hội đồng kỷ luật nàng không phân trần được và chỉ nắc nỏ khóc. Ba Diễm Tuyết được một tội. Ông đã gần tới tuổi về hưu, tóc lốm đốm bạc, ông ngồi trên van phòng đợi người giám thị gọi Diễm Tuyết lên. Trước mặt thầy giám học người cha rút súng toán bắn Diễm Tuyết. Diễm Tuyết nước mắt vòng quanh, đứng bất động. Nàng đã làm buồn, làm nhục cha già, Diễm Tuyết muốn bỏ học, nàng không muốn sống nữa. Diễm Tuyết mong mau mau gặp Liêm, khóc với chàng và được chàng an ủi.

Ba nàng về rồi thầy giám học gọi nàng đến bên cạnh nghiêm giọng:

— Diễm Tuyết, em đã biết lỗi chưa? Thôi lần này thầy xin ông Hiệu trưởng tha cho con. Con phải cam đoan ngoan ngoãn hơn.

Diễm Tuyết rất xúc động. Nàng không vào lớp, nàng xuống thư viện khóc liết giờ.

Buổi chiều hôm đó nàng ở nhà Hạnh. Diễm Tuyết nghĩ đến Liêm và Liêm là lẽ sống của đời nàng.

★

Các báo vừa đăng Tết năm nay các trường đóng cửa từ 28-11. Có thể Liêm sẽ sớm hơn chăng? Ở Đại học thường được nghỉ sớm hơn ở Trung học. Là thư mới nhất của Liêm tới tay Diễm Tuyết vào ngày 25. Diễm Tuyết bắt đầu mong đợi Liêm sau khi nhận được thư.

Hai mươi tám.

Diễm Tuyết mừng lắm, hết phải đi học khỏi phải trông thấy khuôn mặt căm thù của Thu và buổi sáng Diễm Tuyết đi gọi đầu rồi về sắp sửa nhà cửa cho gọn gàng. Nàng ra ngoài vườn hái một bó pensée cắm vào trong bình. Diễm Tuyết khéo léo lắm nàng đã từng được khen ngợi hồi năm ngoái khi theo học lớp cắm hoa. Nàng thầm nghĩ « chắc anh sẽ khen mình ».

Diễm Tuyết không quen ngủ trưa nên mới hơn 12 giờ nàng đã tới nhà Hạnh. Hạnh bờ ngõ:

— Đi đâu mà sớm vậy chị?

Diễm Tuyết cười:

— Ra bên xe đón một người.

Vừa phải thôi chứ đâu em hoài, đón thầy phải không?

— Diễm Tuyết thất vọng. Hạnh lại hỏi:

— Nhưng thầy viết thư hôm nay lên à?

— Không đâu, nhưng hôm nay bắt đầu nghĩ và thầy thường đi chuyển Minh Trung buổi sáng.

Hai người đi bộ ra bên xe. Dọc đường Diễm

Tuyết đi ý đến những người tới bên xe đổ về chợ. Tết năm nay dân Saigon kéo nhau lên Đalat nhiều quá. Những chiếc áo mới nhất, đất tiền nhất được phô ra đủ đầy giờ trời áp áp. Đợi đến 3 giờ không thấy bóng dáng Liêm, hai người đi ngược về phía chợ leo lên một quán kem.

Cầm chiếc muỗng gỗ nhẹ vào miệng ly Hạnh bảo:

— Ở đây ngắm thiên hạ sướng nhĩ? Nếu thầy đi qua chúng ta gọi cũng vừa.

Diễm Tuyết có vẻ nóng ruột:

— Biết đâu mai thầy mới lên!

Hạnh nhớ ra điều gì quay sang hỏi Diễm Tuyết:

— À chị có gửi Carte chúc tết nhiều không?

— Có ai mà gửi ngoài Hạnh.

Hạnh mỉm cười:

— Con Thu gửi carte lung tung, em thấy nó tìm cả địa chỉ thầy nữa. Con nhỏ đó trước kia hận thầy lắm sao năm nay lại quay ra từ tế ghê?

Diễm Tuyết hơi ngạc nhiên nhưng nàng vẫn nói:

— Ừ mặc kệ nó. Để thầy lên mình thử hỏi xem nó chúc thầy ra sao.

Mấy ngày nối tiếp ngày nào Diễm Tuyết cũng lang thang ngoài chợ. Nàng hết lấy có đi sắm thứ này lại xin má đi mua thứ khác. Liêm vẫn chưa thấy lên và cũng không một giọng chữ gửi cho nàng. Nhiều bận ở chợ về, Diễm Tuyết hồi hộp biết đầu Liêm đã ở trong nhà rồi. Biết bao giờ thuyết trong đầu nàng. « Hay anh đi Nha Trang chơi rồi mua về mấy bay về Đalat, Ừ, có thể làm chứ vì Liêm có một người bạn thân dạy ở Nha Trang. Cũng có thể anh bị đau, lạy trời ngày mai mình gặp anh. »

Chiều ba mươi Tết, Diễm Tuyết vẫn còn chút hy vọng và nàng khoác áo manteau ra đi. Trời bữa nay trở rét, phố phường trai gái từng cặp tay trong tay cười nói vui vẻ. Văng vẳng từ quán La Tulip Rouge giọng ca của Françoise Hardy triu mến với bài « Tous les garçons et les filles », tự nhiên Diễm Tuyết cảm thấy mình cô độc và nàng muốn khóc to.

Một giọng trêu đùa đuổi theo nàng:

— Diễm Tuyết đi bụi đời đó à?

Diễm Tuyết phớt tỉnh, nàng đi coi như phở xá văng vẳng. Nàng thoáng nghe thấy tiếng ai nói:

— Bỏ quên từ từ à?

— Tự mình đi thôi, em có về thất tình, tôi nghiệp!

Diễm Tuyết còn hy vọng ở những chuyến xe chó. Bất đầu Liêm chẳng bận gì và giành cho mình ngạc nhiên vào phút cuối cùng.

Bến xe chiều 30 vẫn còn đông. Nhiều người đi làm xa 28, 29 mới lãnh tiền và 30 Tết vội vã ra xe trở về quê. Những khuôn mặt lúng, những khuôn mặt vui vẻ kéo qua trước mặt nàng. Bến xe vắng dần. Một người lái xe taxi mời mọc:

— Có về đâu?

Diễm Tuyết nói hi hi mấy câu cảm ơn và đi lại gần chỗ máy tài xế trò chuyện trong phòng bán vé. Nàng hỏi một người tóc đã hoa râm, giọng mau qua hơi thờ:

— Thưa ông còn chuyến xe chó nào không ạ?

Ông ta nhìn nàng hơi ngạc nhiên:

— Xe Saigon lên à? Hết rồi có ạ! Chuyến xe

Minh Trung cuối cùng là chiếc 403 về rồi đây thôi.

Diễm Tuyết bấm mỗi có ngàn giọt lệ nàng không dám thốt một lời nàng sợ mình sẽ óe lên khóc.

Diễm-Tuyết rời bến xe nàng thở tay vào áo manteau cúi đầu bước. Sương mờ dần dần lóng lánh bóng dáng hoa đào lung linh trong một nền khói sương màu trắng. Diễm-Tuyết tìm những con đường vắng và hình như nàng đã đi vòng quanh bờ hồ. Diễm-Tuyết không thấy môi chân. Gió lạnh thổi từng cơn, mặt Diễm-Tuyết tái mét, nàng nghĩ đến Liêm, nghĩ đến vị ngọt ngào của tình yêu và nghĩ đến vị đắng của tình yêu. Sao Liêm thất hẹn? Liêm phụ mình, Liêm có người yêu mới? Đột nhiên Diễm Tuyết nhớ lại lời đe dọa của Thu hôm nào, nhớ tới việc Thu tìm địa chỉ Liêm và nàng cố linh tính tấm ảnh tại hại ấy đã đến tay Liêm.

Tiếng pháo giao thừa văng lại từ khu Hồ Bình. Kỷ niệm như những bóng ma chấp chờn trước mắt nàng. Dưới gốc cây đào nào cũng có một cặp tình nhân, người con trai nhẹ nhàng đưa tay nhặt những cánh hoa vương vào tóc người yêu. Sương mỏng mảnh mờ kín mặt nước. Diễm Tuyết cảm thấy hai chân mình như rời khỏi mặt đất hai vai mình như mọc thêm đôi cánh và nàng đi tuốt vào trong khoảng mây trắng thấp thoáng bóng một người con trai có mái tóc bồng bồng, cặp mắt nâu hơi xếch hơi cười và hay mơ mộng.

Năm nay hoa đào nở đúng dịp Tết. Con đường dài xuyên ngang viện đại học, con đường từ chợ đồ xuống bờ hồ và con đường từ bờ hồ nghiêng lên nhà thờ hoa đào phơi phới nở.

HOÀNG MINH HƯNG
(Tim lại tủi thơ)

THANH KIẾM TRÚC-LÂU

của PHAN-VỸ

Diệp Ngô-Quốc, thôi rồi công hạnh-mã,
Đề ngày mai mua lấy những sầu đau...

NHÂN VẬT

- PHẠM-LÃI** : Tướng nước Việt (đã càn cõi sau bao ngày chinh chiến).
- VÂN-CHỪNG** : Một lão-thần, bạn đồng-tiểu của Phạm-Lãi.
- CÁU-TIỀN** : Vua nước Việt (Tướng người tiều nhơn).
- VÂN TIÊU-THƠ** : Con gái Vân-chùng.
- MỘT TÙY TƯỚNG**
- ĐOÀN VŨ NỮ**
- IT TÊN QUÂN**
- HÓN NGŨ TỬ-TU**



PHAN-VỸ
Một đảng viên VNQDD vì chống chính thể độc tài Ngô đình Diệm và liên can đến vụ đảo chánh 11-11-60 nên bị giam giữ mãi sau ngày 1-11-63 mới được tự-do.

Chớ lẽ nào Bệ hạ nhớ quên sao ?
Ai ngày xưa từng chịu cảnh lao đao ?
Thờ Việt chúa nơi Hạ-Đài khổ nhục.
Trước Ngô vương giàu sang không chịu khuất
Trọn chung tình cùng vua Việt hàn vi.
Ngày mai Phạm Lãi ra đi
Sống than, núi thẹn, sống chi nhờ ngang...

PHẠM LÃI (thấy Vân-Chùng chưa hiểu mình thấu đáo)
Xin hiền huynh dẹp qua câu chuyện cũ
Vi đề đã đoán tường trên sắc diện.
Ta gạt đi, hãy vào xem cung điện
Soát xét qua, chuẩn bị đã xong chưa.

LỚP 3

(Thêm tùy tướng)

TÙY TƯỚNG :

Bẩm thượng quan, cho tiểu tử xin thưa...
Hạ-đài đã sẵn sàng nghinh Thánh chúa
Nhưng...

VÂN CHỪNG (hiếu ý)

... Ừ, hãy truyền cho vũ nữ múa
Khúc nghệ thường và hát bản « phạt Ngô »

TÙY TƯỚNG (cúi đầu)

Tuân lệnh.
(Vừa định quay ra)

PHẠM LÃI (ra dấu báo)

Hát làm sao, nhắc lại chuyện cơ đồ
Ngày Chùng, Lãi quỳ tâu xin quyết đánh

VÂN CHỪNG (cười to)

Hát làm sao quá ý Thánh
Hát làm sao Phạm Lãi hết buồn đau...
Hai người càng cười to, đất nhào vào trước đài,
qua một phút im lặng, rồi linh hầu đến. Tiếng hô vang,
tiếng chúc tụng. **CÁU-TIỀN** ra ngồi trên đài, theo sau là
vốn vô bá quan).

LỚP 4

CÁU TIỀN (nhìn thấy vừa ý)

Trần ban lهن, công trạng hoàng lهن lẫy.
Đề vui chơi, nhớ lại phút vong nô...
Phải chăng đây... nơi mưu dựng cơ đồ...
Truyền chúng tướng, dùng rượu ngon chung
hương.

VÂN-CHỪNG (bước ra cúi đầu)

Thần mạo phép xin tâu lên Thánh-Thượng;
Cho nhạc-công trời khúc hát, ca xang
Hiện sau, vũ-nữ chuẩn bị sẵn sàng
Chờ lهن Thánh, cho múa lên thường thức.

CÁU-TIỀN Ta cho phép :

(Vân-Chùng quay lại ra dấu nhạc trời. Một đoàn
vũ-nữ ra múa, xong một nàng tiếp theo ra uyển chuyển
đang bài hát theo điệu **Đông dân cung**).

Vui mừng được ngày nay
Ngày trả thù xong
Cùng nhớ cảnh diệt nước Ngô tàn
Chuyện càng nhắc ra không cùng
Công trình hồi lại những là ai
Ngoài Vân-Chùng, Phạm-Lãi hai thần
Đã quý xin cùng « quyết đánh »
Nay công đã thành
Họ sẽ được những gì đây
Ta chờ đợi xem ?

Công khai khi đây công tập luyện
Điệu múa kia... xem đẹp đấy... ban khen.
Những lời ca, sao câu chuyện quen quen...
Nghe buồn lắm, truyền cho lui khuất mắt.
(Phạm-Lãi thấy vậy biết không muốn ai nhắc đến
chuyện cũ nên quyết định bước ra cúi đầu)

PHẠM-LÃI

Tâu Chúa công, nhân tiệc vui dắc thẳng
Thần nghiêng mình xin Thánh-Thượng lهن suy

CÁU-TIỀN (ngạc nhiên)

Phạm-Lãi kia, người tâu rồi việc chi ?

PHẠM-LÃI (cúi đầu trong khi mọi người ngạc nhiên)

Thần trộm nghĩ
Khi Vua nhục thì bầy tôi phải chết
Đất Côi-Kê, thù Ngô-Vương đầu hết,
Nhưng nhớ rằng Chúa đã chịu nhục nhằn,
Phận Thần đây đành ngậm miệng nghiêng ránh
Chờ cơ hội ; chính ngày nay đã đến.
Xét tội ấy, dập đầu xin chịu chết
Cho tuổi già trở lại chốn thảo-lư
(cúi mào ra nộp)
Lạy Chúa công, hạnh phúc vẫn muốn dư
Xin bãi biệt để lui về thôn dã.

CÁU-TIỀN (vô cùng ngạc nhiên)

Hãy chậm chậm, hỏi hiền thần : khoan đã...
Cho Trẫm lời, phân-giải trước ba quân...
(về một dau khố)
Công-trang kia Trẫm hết dạ vui mừng
Định ban thưởng đề bù ngày lao lý
Hiện-khankhỏi ! trêu chi tình sĩ-khi
Ở lại đây cùng Trẫm hưởng vinh-hoa
Đây non, đây nước, đây nhà...
Lương-thần, Tể-Tướng xông pha đã nhiều.
Công kia, tình ấy mến yêu
Bỏ đi khiến Trẫm một chiều đau thương.

PHẠM-LÃI (vẫn cúi đầu)

Xin Chúa-công,
Thương cho tuổi già nua hoan-phí
Đừng cản ngăn...
Thần lo, hồ minh... bất-trí ngày mai...
Xưa bôn-phận
Công gì đâu dăm kẻ một, hai.

CÁU-TIỀN (thấy khó giữ lại, hơi bực tức)

Đừng mĩa mại, đau lòng Trẫm khang vi ;
Ở lại đi, đừng buộc Trẫm hết lời...
Ở lại nhé ; Trẫm trao cho quyền-chánh.

PHẠM-LÃI (giọng cương quyết)

Không, không thể, ngưỡng tâu xin lهن Thánh.

CÁU-TIỀN (giận hờn)

Nếu nhà ngươi cương lهن Trẫm rồi đây...
Vợ con ngươi đành chịu kiếp tù đầy
Ta giam giữ (danh sĩ) hỏi rằng ai có khang ?
(dụ) Ở lại nhé !

PHẠM-LÃI (đứng lên)

Ý thần luôn giữ vững
Xin Chúa-công đừng ngăn cản nặng tình.

CÁU-TIỀN (như điên đại)

Gã cuồng si ? Khiến Trẫm nổi lهن đình,
Đi ! Đi khuất ! kẻo lòng ta bốc cháy.
(Phạm-Lãi từ từ lui ra).

LỚP 5

(Bớt Phạm-Lãi)

CÁU-TIỀN (như điên cuồng)

Đầu vũ-nữ, nhạc trời lên, cứ nhảy !
Cho ta vui, quên hết phút ưu tư.
(Vũ-nữ ra múa hát một điệu khác, nhưng tâm-hồn
CÁU-TIỀN đang đề tậ đầu đầu, bỗng **CÁU-TIỀN** ra dấu
cho nghỉ, quay lại **Vân-Chùng**)

CÁU-TIỀN

Này Tể-Tướng ta nghĩ ra ân hận
Vi ngày mai Phạm-Lãi sẽ về đâu ?
Chim khôn lẽ bạn kêu sầu
Hay là... cho kẻ quân hầu đuổi theo.

VÂN-CHỪNG (tỏ vẻ không tán thành)

Xin Chúa công chớ nhọc lòng hoài-vọng
Vi Phạm-huynh tức-trí lại đa mưu
Đừng mong gì, một dấu vết còn lưu
Ta theo đuổi chỉ hoài công, vô ích.

(Xem tiếp trang 31)

Thờ-gian : Kịch xây ra thời Chiến-quốc. Sau khi
Việt-Cầu-Tiền diệt được nước Ngô trẻ xong mới thờ
truyền-kiếp, trở về đến Côi-Kê, nơi trước kia mình đã
chịu lắm điều khổ nhục, nghỉ lại nhục này nên truyền cho
bá quan đình-quân nơi Hạ-Đài để bày yến-tiệc chung vui,
bỏ qua những ngày đen tối.
Cảnh-vật : Một sáng huy-hoàng, Hạ-Đài đã được
tinh-bày lهن lهن. Hoa cảnh tươi thắm muôn màu đề rồi
chốc nữa, nơi đây lại chứng-minh một tình đời đen bạc.

LỚP 1

Trước đài vắng lهن. Tiếng sáo từ xa thổi vọng
lại của một tên quân nạo, càng khiến cảnh buồn buồn
chua chát. Tiếng Phạm Lãi ngậm từ trong vọng ra :
Vớ Chúa phôi gan, nại nổi gì ?
Bao ngày chung chịu, nhục mằn chi ?

PHẠM LÃI (vừa bước ra ngậm tiếp) :

Gian nan bao quân công thần từ
Đặc thẳng, ngày mai... tội lại ghi !
(Nhìn cảnh vật cười chua chát) :
Đời là thế, sao trần ai lắm kẻ
Than thở nhiều khi gặp phải chua cay ?
Ngậm tình đời, men rượu nhấm thêm say
... Chua chát bấy trở, đời đen bạc quá !
Diệt Ngô quốc, thôi rồi công hạnh mã,
Đề ngày mai, mua lấy những sầu đau.

LỚP 2

VÂN CHỪNG (như đã nghe cả lời than thở của bạn)

Phạm hiền huynh ! hoa nở đủ trăm màu...
Hương sắc ấy phải chăng chờ lهن tướng ?

PHẠM LÃI (quay lại mỉm cười)

Hử, thôi, xin hiền huynh đừng mơ tưởng
Công càng nhiều, càng tạo lắm hiểm ughì.

VÂN CHỪNG (ngạc nhiên)

Huynh nói gì ?

PHẠM LÃI (thần nhiên)

... tôi muốn nhắc những gì...
Đời đen bạc thường gặp nhau, trong một điểm
(giọng hơi giận)
Ngại không biết Chúa công (nhỏ) người nham
hiềm

Chỉ chung cùng chia sẻ lúc đau thương.
Rồi ngày mai dắc thẳng, cảnh quân vương
Sẽ không trọn tình xưa, khi vong quốc.

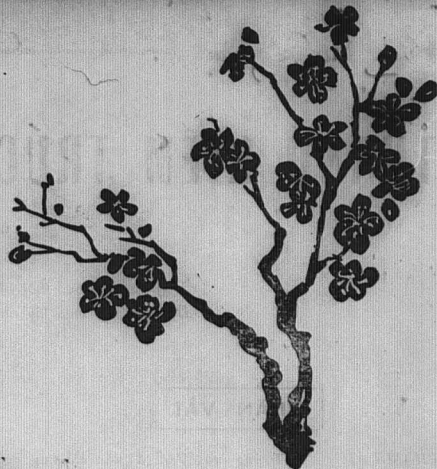
VÂN CHỪNG (lo ngại)

Ngại quá giận, e khi lời sơ thất, ~

L.T.G. Mãi tới ngày nay đã báo si Nhật bản tận tâm cứu chữa nhưng hai bên chân súng và "máu" củ
ay Phan-Khắc-Sửu vẫn chưa khô hẳn, đó là kết quả của sự tra tấn dã man của bọn mật vụ chế độ Nôu Diêm đối với
ay. Tuy sắp hết tuổi già và bị nhốt hàng năm trong cánh tối tăm đơn độc, ay Phan-Khắc-Sửu vẫn giờ được ánh
phân của một người suốt cuộc đời hiến thân cho công cuộc tranh đấu vì Tự do, Dân chủ, Nghề nghiệp
Tất cả cuộc đời ngoài "xà-lim" ay vẫn hân hoan chờ đón:

Người người vui hưởng niềm tự vọng
Áo ấm cơm no đủ mọi nhà.

Sau đây là một "đoạn" trong cuốn Hồi-ký về cuộc đời tranh đấu của ay Nhân dịp Xuân Ất-Tý và ay
không sao khỏi nhớ đến Xuân Canh-Tý (1960) trước, nên công hiến để ghi đoạn này và ay cũng mong muốn chỉ
đó lao tù không còn là một địa ngục dã man nữa.



N H Ở P. 4 2

PHAN-KHẮC-SỬU ■

THẬT là một cơn ác mộng. Tôi bị bắt mất đưa vào P.42 trong một
đêm trời lạnh và đêm trắng xuống phòng r: dội nước suốt đêm mấy
lần liên tiếp.

Bọn mật vụ cứ lạnh quanh hỏi tôi về việc dự bị ra tranh cử Tổng
Thống chứ không đã được vụ đảo chánh 11-11-1960 mà có lẽ chúng biết
tôi không tham dự vào.

Gà gáy thì mật vụ đem tôi nhốt vào một xà-lim nhỏ xíu. Trời vừa
sáng, có lẽ thế, vì kin quá nên khó phân biệt, tôi vừa ho xong một cơn thì
từ một xà-lim khác có tiếng hỏi ai đó. Tôi nhận ra là bác sĩ Phan quang
Đán, rồi ông ta cho biết là đêm trước cũng trải qua kinh nghiệm như tôi
và cũng bị hỏi về vụ chuẩn bị tranh cử. Kể đó lại gặp một người khác
lên tiếng mà mãi về sau tôi mới biết là ông Bùi Lương. Tối hôm ấy
ông Bùi Lương bị một trận đòn như tử, vì ở P42 cấm tuyệt không được
nói chuyện. Từ đó về sau chúng tôi bị đem giam ở 3 xà-lim cách biệt
hẳn nhau, không thể nào thấy mặt nhau hoặc được trao đổi với nhau
h: ~~chưa~~ lời. Tôi bị nhốt riêng rẽ như thế lâu qua, không nói chuyện được
với ai, đến nỗi tiếng nói của tôi ngập ngừng và âm thanh khác hẳn lúc
trước. Hàng ngày hai bữa cơm với một khúc cá hoặc một đầu tôm bằng
đầu ngón tay. Chỉ có khúc bánh mì người bữa trưa là dễ ăn hơn cả. Cơm
cá tanh hôi về sau tôi không ăn được, chỉ còn miếng bánh mì, nhưng
lắm lúc cũng nuốt không trôi!

Đêm đến « đoàn thể ma » mật vụ bắt mất tôi đem vào phòng tra
quý điện, dội nước, đánh đập. Một hôm có đĩa đánh vào đầu tôi làm
cho tôi nổi khùng đánh trả lại, từ đó về sau chúng cứ bảo tôi giỏi võ,
và chúng cần thận đề phòng hơn khi gần tôi.

Sức khoẻ tôi ngày càng suy yếu, đêm đêm dường như nghe tiếng
vợ con than khóc ở buồng bên cạnh. Và tôi cứ nghĩ rằng bọn mật vụ
khéo dân cảnh để khùng bố tinh thần tôi. Về sau tôi cứ nằm li-bi, mặc
cạo ngay ngang trời quá và mặc cho bọn mật vụ hành hạ thế nào tùy ý.
Có lần khi giữa ban ngày tôi mở mắt mà thấy những bằng hữu đã qua
có và cứ tưởng mình ở quê quán lục tỉnh giữa những cánh vườn...

Vài tháng sau người ta đem ông Đán đi mất và đem một số phạm

nhân khác đến, trong đó có một thiếu phụ mãi đến nay tôi cũng không
biết tên. Lúc bấy giờ quần áo tôi rách tả tơi, thiếu phụ nhân từ nọ có
nhờ mấy ông gác đem cho tôi một cái áo và một cái khăn. Thật là bát
com Xiêu Mẩu tôi còn nhớ mãi.

Tuy cảnh giam cầm rất là khổ sở đôi khi tôi cũng thấy tràn trề
hy vọng và tôi có làm một bài thơ mà tôi còn nhớ như sau:

*Hy vọng mùa Xuân trở đủ hoa
Khắp cùng thế giới đang nhân hòa
Người người vui hưởng niềm hy vọng
Áo ấm cơm no đủ mọi nhà.*

Sở dĩ có bài thơ này vì đó là dịp Tết nhưng kin quá tôi không
hay biết, nhờ có nghe tiếng pháo người ta đốt bên ngoài tôi mới giật
mình: thì ra Xuân đã về. Tôi cầu chúc nhân loại hưởng thái bình nhất là
đồng bào chúng ta sao cho được no cơm ấm áo:

Ở P.42 ông Đán cũng có làm thơ tặng tôi, nhưng mãi đến khi
sang Chi-hòa ông mới chép lại trao cho tôi.

*Cách-mạng họ Phan ngoại lục tuần
Đa môi tóc bạc vẫn gian truân
Nông dân lam lũ khu trừ mặt
Nghị sĩ hiền ngang chốn viện đàn
Còn đảo đọa đầy vì độc lập
Thảo cầm lao lý bởi quyền dân
Một đời tranh đấu đầy gian khổ
Chiến hữu xin cùng hãy nhớ ân.*

★

Nhớ đến P.42, thật là một cơn ác mộng và tôi mong rằng những
hình ảnh giam cầm mọi rợ như thế từ nay không còn nữa.

PHAN - KHẮC - SỬU

XUÂN VÊ, QUA CHÂN SÔNG TRE



VŨ KỶ
Giáo sư Petrus Kỳ, chủ án 20 năm khổ
sai dưới chế độ Cộng sản. Bị chính
quyền Diệm giam giữ 5 năm đầy ra
đảo Phú Quốc...

AI đã nằm co ro như hai con tôm nường trong một cái xà lim nhỏ, lợp tranh, vách trát đất sét vàng lờm mà bọn giám thị nhà lao trang trí bằng một danh từ tuyệt đẹp: «Biệt phòng».

«Năm biệt phòng» kỷ luật này đối với phạm nhân trại liên khu V là một sự rùng rợn, tề diêng cá xương sống, nếu may ra xương sống còn đủ các đốt để tề diêng. Khánh thử xoay bộ giò dút vừa vặn trong hai cái lỗ khoét giữa thanh gỗ nặng trĩu có đóng nêm cứng ở hai đầu. Chàng nằm uốn thẳng mình nhìn lên trần nhà thấp. Sườn tre một gập thỉnh thoảng làm rơi xuống một trăn mưa bụi vàng. Chàng nghĩ rằng đây không phải là thứ thiên thông vàng ái tình của một tác giả nào thời tiền chiến mà rõ là một chất hơi độc nghệt thờ của một thứ chính trị giả dối, độc tài trong sự vâng lên trả thù của chế độ vô sản. Cặp «mắt cá» Khánh đã bắt đầu thấy có ngán và hình như thấy muốn lơ rôi vì chàng và bạn đồng cảnh nằm trong cái thế thể dục miễn cưỡng này từ bốn ngày rồi. Nghĩa là từ 26 tết niên âm lịch. Chàng nhìn vào cái «cùm» gỗ, một hiện tượng lạ kỳ giữa thời đại nguyên tử này, thô sơ, man rợ như thách thức những phát minh to lớn của khoa học.

Chàng nhớ hồi còn bé, ở đình làng, hình như cũng có một vật giống thế này mà dân làng xem như một hình phạt nặng nề tội đồ. Ai bẻ bẻ, bắt gà, tur bòn, bắt quả tạt phải chịu ra trước làng phạt vạ và rồi đưa chân vào cùm. Trẻ con, đàn bà được dịp đến trố mắt nhìn người đồng loại của mình như một quái thai của xã-hội. Khánh nhìn sang người bạn, ngủ mê từ lúc nào không biết, nằm ngửa ra trên sạp tre, hai chân vắn ngoan ngoãn dút vào hai lỗ tròn trong cái thế bất động đến buồn cười.

Ngoài kia, có lẽ sương xuống nhiều trên sườn đồi. Những tiếng kiêng gác của tên cảnh vệ giám thị buồng chậm rãi đánh dấu cho bước đi một nhọc của thời gian các tên tù. Những ngày cuối năm lịch mặt trăng trên một miền rừng núi buồn khổ quá. Ba mươi Tết rồi! Khánh cảm thấy lạnh nhiều qua chiếc áo ba ba đen bạc màu mà vợ mới gọi lên tiếp tế từ tháng trước. Ngoài sân trại, có tiếng chạy huỳnh-huỳnh, thô hồn hồn và thả một vật gì nặng trĩu đánh chất xuống nền đất. «À, bạn đồng trại

đi núi về, cho củ củ để kịp ăn Tết». Khánh thăm nghi - Họ đang xây dựng tư tưởng, cái tạo lập trường bằng công tác lao động đấy! Chàng biết tư tưởng để quốc có biến thành tư tưởng vô sản được không nhưng điều chắc chắn rằng, với công việc nặng nhọc thường xuyên ấy, những con người mập mạp ngày hôm trước chỉ một vài tháng sau, vào trại đã gãy dẹt vì thiếu ăn, thiếu ngủ, lại chịu đựng vật trong giếng sâu của tiềm thức bởi những cuộc kiểm thảo tư tưởng đầy xoi bói, bươi móc, bởi những cuộc tự phê và phê bình vu khống đến trắng trợn.

«À! Thế mà hay! Chịu nằm biệt phòng thì khỏi công tác lao động. Ăn Tết với hai chân khờ hạnh như thế này với nửa phần cơm, nhưng được cái rồi rảnh để suy nghiệm về lẽ đời».

Chàng nhớ rõ, sau một cuộc kiểm thảo gay gắt vào đêm 26 tháng chạp, rằm đông đủ gồm có hơn 200 trại viên, mổ xẻ, phân tích, phóng đại, vu cáo chàng và Đồng, phân nhiều hồi những tù phạm kinh tế để rồi mới cùng hai tháng lại được vào đây;

— Tôi đề nghị bỏ biệt phòng 2 anh một tháng từ từ đẩy đến cuối tháng giêng vì tội nói phản động và trong số tự tu 2 anh phải phản ánh lỗi lầm của mình suốt một năm. Một trại viên vừa dứt lời thì phòng hẹp như nghệt thờ.

— Còn tôi, tôi xin đề nghị - Phương, một trại viên đứng lên dâng đũa tuyên bố - 2 anh phải tích cực lao động (đi tăng gia, vác củi và gạo) để thấy rõ sự quý giá của mồ hôi nước mắt của giai cấp công nông, dứt bỏ tư tưởng phản dân hại nước của mình. Anh Khánh không được phụ trách tờ báo trại nữa và anh Đồng thì nghỉ công tác bán quán. Cần tìm người thay thế gấp.

— Không được, các ngón tay nhao nhao lên phản đối, công tác lao động là một vinh dự. Đừng trừng phạt bằng lời ấy. Tôi đề nghị bớt nửa khẩu phần và bỏ biệt phòng một tháng.

Khánh và Đồng ngồi chồm hổm trước bàn chủ tọa, cuối mặt xuống, chịu si và và nghe các bạn đồng cảnh luận tội, kết án mình. Ý kiến càng xây dựng thì lời lầm cộng bị phóng đại và đề nghị trừng phạt càng rợn rợn hai phạm nhân tội nhân - phạm nhân 2 lần! - ngồi nghe rớt vào tai tất cả nhưng cảm thấy đứng đưng vì tâm hồn đã tề diêng và ù lì nhiều, nhiều rồi bởi lời phê bình ngụy biện, giạt ngược chân lý của cái thế giới này! Ôn ào, náo nhiệt suốt đến 11 giờ đêm và kết cuộc, 2 chàng đành về văn phòng minh xác 2 gói áo quần bẩn thỉu làm chiếu gối đầu, lên nằm biệt phòng 1 tháng từ đêm 26 cuối năm.

Khánh nằm nhor lại, cười thầm cho cái thân khầu buộc xác phạm của mình. Bên cạnh, Đồng có lẽ đang ngủ mê, nhưng cặp chân bỗng nhiên dút một cái mạnh vì chủ nô chịu trừng phạt thì chủ nô biết, còn phần nô sấm ra để đi, nó đâu có tội lỗi gì. Cho nên phải phản ứng đánh cốp một cái mạnh vào khối gỗ nặng trĩu dưới chân sạp.

— Đây! Đây! Đây! Chừa Ba mươi Tết rồi. Ngoài kia, người ta chuẩn bị ăn Tết tưng bừng rồi đấy mấy ă. Cnăc là có bánh, có thị, có văn nghệ, vui lắm nhĩ. Vợ mày ở nhà chắc đang chuẩn bị quang gánh lên thăm mấy vào cuối tháng đó.

— Mấy tướng thế à? - Đồng nói rất nhỏ, như một hơi thở - Tết thì Tết chứ. Chắc gì ngoài kia nhân dân ăn tết vui sướng. Năm nay là cái Tết luyện quân chuẩn bị Tổng phản công mà! Đối thấy mẹ!

Mấy tướng họ sướng hơn mình hả? Theo tao, cả nước Việt-Nam này hiện nay, hề chỗ nào có bọn nó thống trị, thì cũng chỉ là một cái biệt phòng to tướng có hơn gì cái ổ này của tao và mày.

— Ủ! Lại còn nói phản động nữa! Có nhớ không? Hai tháng, giữa 26 Tết lại vào đây nằm. Khoèo, mặt kẻ mặt, ẩm cứng và rồi rã quá nhĩ. Bọn đi làm ở ngoài chẳng hiểu có xin được của đồng bác và có nhớ đến mình không nhĩ?

— Ngờ thì nhớ, chứ chúng nó có dám la. văng đầy mang thức ăn cho mình đâu! kỷ luật biệt phòng mà! Nhưng ăn gì, có làm, ăn một phần; không làm, ăn nửa, phần cũng được. Chỉ có thằng Ngọc nằm bên la nhớ mình.

Ngọc! Đó là một phạm nhân kinh tế, thân lĩnh gãy còm, dáng điệu lẻo - nhèo đến tức cười, quen tay bẻ cày, cấp bị, bắt gà, khi đi ra ngoài làm công tác lao động. Suốt năm thì đã có mười tháng nằm biệt phòng rồi! Vào biệt phòng rồi vẫn còn có những thủ đoạn tinh vi để có khi quật một con gà của viên giám thị ngay trong biệt phòng, có khi lên ra nhanh tay cạy vài quả trứng vào nuốt sống. Nhưng mặt thì lúc nào cũng tỉnh rụi. Một mẫu người đáng thương hại nhất của tất cả trại.

Có tiếng dăng hăng từ biệt phòng bên cạnh.

— Ngọc! Ngọc!

— Các anh chưa ngủ à? Tết đến rồi. Anh em mình ăn Tết trong biệt phòng này, im lìm quá nhĩ? Qua một lỗ hở khoét ở chiếc vách trát đất, Ngọc dòm qua, cười hi hửng với Khánh và Đồng.

— Các anh có thấy khờ không? Tôi được cõm cùm từ sáng nay và đối với tôi, nằm mãi trong biệt phòng này đến mãn hạn tù cũng không sao cả. Năm nay, tôi cho các anh ăn giao thừa với cháo gà nhĩ!

— Gà đâu mà ăn nhĩ Ngọc?

— Vây mà có mới giới chứ! Tôi đề ý đến con gà mập tròn của ông giám thị trưởng rồi. Chỉ một tích tắc là xong chuyện... Cũng có gà, cũng có cháo như ai.

Khánh nhớ lại, giữa một buổi văn nghệ của trại, đã có lần văn chàng Ngọc này, quá thém thuốc lá mà không có tiền mua, đành cúi xuống nhặt một mẫu tàn thuốc mà lão giám thị trưởng trại, chủ tịch buổi họp, vừa vắt xuống nền nhà. Thế là lão vục mấy cái tát tai này lửa vào mặt Ngọc, và thuận chân bồi thêm cho Ngọc mấy cái đá nên thân. Báu không khi tươi vui của buổi văn nghệ bỗng nặng trĩu khùng khịu và sát khí. Lương tâm con người nổi loạn và khởi nghĩa. Trước hành vi tàn nhẫn của lão giám thị trưởng, không ai dám hé mồm.

Giới nhĩ! - Khánh hỏi tiếp - làm sao bị nhốt ở đây mà anh còn bắt được gà?

Ngọc nhe răng cười qua kẽ hở của phen, lom khom đứng tiếp câu chuyện.

— Anh có nhìn thấy lỗ hồng sát chẹn phen đất ở biệt phòng tôi đó? Tôi chỉ có việc bỏ vài hạt gạo xuống đấy là một vài con gà xấu số mắc bẫy. A! lể húp! Chup cồ. Nện hợc! không một tiếng oác nhỏ. Rồi cò-quẹt lểra đấy! Lấy lon sữa bò đổ đầy nước, nấu sôi và vớt lông! Điều cần là làm sao nấu đừng cho khói bay ra khỏi phòng, dù là một ngọn nhỏ. Muốn thế có cái nôi dít: bẻ úp lên là xong chuyện. Rồi xé gà sống, bỏ ruột, lòng, xé từng miếng nhỏ lại bỏ vào lon ấy nấu chín là thụ hợc... Ngọc cười nho, nhỏ khoái trá... Nó đề thương thiệt - Đồng nói tiếp - Tôi tưởng bạn nhiều cái đáng thương hại và hồn nhiên của con người nguyên thủy phải tìm thấy ở nó. Bọn giám thị cốt lột những hạng người ấy ở trại mình để rinh mồi, kiếm soát bọn mình rồi báo cáo lên ban giám thị. Nhưng nó tốt, nó không thêm làm.

(Xem tiếp trang 50)

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

CENTRAL GARAGE

Sửa các loại xe hơi, chuyên môn máy dầu cặn, Rửa xe vô dầu mỡ, bán phụ tùng xe hơi

HILLMAN, COMMER, HUMBER

Số 224, Đại lộ Nhân-Vị - CHOLON

- Tel. 36.891 -

Gin vàng giữ ngọc



Gin vàng giữ ngọc cho hay

NGUYỄN - DU

L.T.S.

Đoàn-quốc-Sỹ nói với chúng tôi: «Bên quố anh ợ, tôi đang chuẩn bị đi Hoa-kỳ, vậy anh lấy truyện tôi thích nhất tức là truyện «Gin Vàng Giữ Ngọc». Đoàn-quốc-Sỹ là nhà văn có tiếng được nhiều người hâm mộ, vậy truyện thích nhất của anh đáng đứng vào trong Giai Phẩm Xuân Việt-Nam này!»

TÔI và Huân mến nhau nhiều và tinh thần của chúng tôi bền bỉ!

Huân lấy cô em họ tôi và hơn tôi tới mười tuổi, nhưng chúng tôi không coi nhau như anh - vợ em rể mà như hai anh em ruột. Trong những năm sa sút chỉ với Huân là tôi có thể đáng hoàng kể cảnh nghèo của gia đình mình. Trong những ngày đen tối nhất của sa sút - vụ đời tháng ba năm Dậu - tôi chỉ có thể điếm nhiên ngạo vào mâm cơm với gia đình Huân mà không một chút mặc cảm và chỉ với Huân tôi mới có thái độ rất buồn cười: nhận mà không hề lo việc gì. Sở dĩ vốn tính hay thắc mắc mà với Huân tôi dám vậy vì căn bản tinh thần của chúng tôi hoàn toàn xây dựng trên sự thành thực. Giá trị không ợ vật trao hay người trao, chúng tôi chỉ thấy cả hai chúng tôi đều xứng với nhau vì kẻ trao người nhận đều rất thành thực.

Tôi nghĩ: thành thực là một chuyện dễ, có được hoàn cảnh cho mình thành thực một cách thoải mái - như trường hợp tôi với Huân - đó mới là chuyện khó.

Ấy thế mà đã có lần tôi không thành thật với Huân. Những khoan, các bạn hãy nghe chuyện những ngày tôi mới hồi cư gặp Huân đó:

Huân vào thành trước tôi hai năm, đúng vào dịp buồn buồn đó, nên khi tôi gặp lại Huân tại phố Chợ Hóm Hà Nội thì Huân đã có tổ có nhà và vừa gửi mùa tự Pháp về cho có «trường nữ» Thu - Hương - con cháu lớn của tôi năm đó vừa lên mười bốn - một chiếc piano à queue tuyệt đẹp.

Huân nói:

— May quý anh về thật đúng lúc. Tôi không sành nhạc cho lắm nên từng chẳng hiểu nên chọn cho cháu học thầy nào? Tôi cho cháu học một nhạc sư người Ý ở gần chùa Quan-Thành có nên không? Tôi rất thành thực mà bảo Huân:

— Tôi chơi piano không cử, nhưng trước đây tôi được may mắn học một bà người Pháp rất giỏi về khoa sư phạm dạy dương cầm. Bà đó bỏ Hà-Nội về Pháp ngay sau cuộc cách mạng tháng tám năm 1945. Bây giờ cho cháu học người Ý cũng được nhưng giới làm cũng chỉ đến hai giờ một tuần Học đơn, bước đầu là bước từ quan trọng phải hết sức chuyên cần mới được. Vậy không gì hơn là tôi đi thăm nhà hàng ngày trông nom cho cháu trong mấy tháng đầu.

Huân hỏi có vẻ ngán ngại nói:

— Anh tự trong quê, ngày ngày lóc cóc đạp xe vượt năm cây số ra đây để dạy cháu thì vất vả quá. Tôi bảo Huân, giọng nóng nảy:

— Cầu đừng ngại việc đó. Lễ nào cầu vào thành trước tôi hai năm mà đã mất lòng tin ở sự thành thực của nhau rồi sao?

Huân vội và gạt đầu:

— Được rồi, thế anh nhất định vào giờ nào để tôi đánh xe về chờ ở quãng đường rẽ vào làng.

Tôi gạt đi:

— Thôi về! người có phải là máy đầu mà ngày nào cũng như ngày nào đúng giờ đó thì có mặt ở đó. Xin cậu cứ yên trí về công việc nhà, mặc tôi!

Chỉ thoáng một giây suy nghĩ, rồi Huân gạt đầu liền:

— Thôi được tùy anh.

Tôi vào phòng trong xét lại đàn, lên lại mấy giây sai rồi giao hẹn Huân:

— Tôi dạy cháu bắt đầu từ sáng mai, khoảng bảy, tám giờ đi.

— Vâng - Huân đáp - lát nữa cháu ợ quê ra, tôi sẽ bảo cháu.

Vì tôi thuộc loại «Việt Minh qui thuận» nên Nha Công An Bắc Việt chỉ cấp giấy thông hành tạm thời, hàng tháng phải tới ban giấy thông hành Tổng thư ký trình diện (Tuy tôi về quê, nhưng vẫn khai ở nhà Huân để lấy căn cước Hà-Nội cho dễ đi lại sau này). Công vì tôi chưa có thể căn cước nên việc xin bổ nhiệm giáo sư tại một trường công không thành. Trong khi đó sáng sủa tôi vẫn đến dạy piano đều cho cháu Hương và chiều chiều đi dạy lớp riêng cho một tư gia. Sở tiện kiếm ít tiền hầu như có thể coi là không có gì.

Có những buổi trưa tôi ợ lại ăn cơm với Huân, có những buổi chiều tôi bị Huân giữ lại để ăn cơm xong là đi xi nê toàn gia, nhất là khi có phim về âm nhạc như Passion immortelle tả đời Schuman, Chanson du souvenir tả đời Chopin, Casta Diva phim cổ chiếu lại - tả đời Bellini v.v...

Nhân, với Huân, rất tình trong việc thông nhận điều gì khác thường. Ngày bữa cơm thứ hai tôi ăn với gia đình Huân, Nhân đã nói:

— Quái anh Sơn có điều gì suy nghĩ mà làm khi giữa bữa ăn anh bỗng thần người ra.

Tôi chối:

Có chỉ nói vậy, tôi thì còn có chuyện gì nữa.

Từ đây nhiều khi giữa bữa ăn tôi có chột thần người thì với làm ra vẻ tinh táo ngay nhưng chẳng lần nào thoát

lỗi sự quan sát của cô em gái Huân thường gạt lời ợ.

— Em nên nhớ anh Sơn bỏ ngoài kia vào đây cũng để tránh những thái độ soi mói vào đời tư một cách bất lịch sự, vô chính trị và vô... giáo dục như vậy.

Sự thực mỗi khi ăn cơm với Huân tôi thần người như vậy vì tôi nghĩ đến một bữa cơm ợ hậu phương, gần ba năm trước, tôi đã không thành thật với vợ chồng Huân.

Cuối tháng chạp năm 1945 gia đình tôi và gia đình Huân cùng tản cư một ngày nhưng về hai nhà khác nhau: Huân đưa vợ về quê mẹ ở Ninh Bình thì theo thầy mẹ tôi lên Bô Hạ (Bắc giang). Hồi ở Bô-Hạ tôi vào công tác ngay ở Sở Thông Tin khu 2, sau sát nhập vào Liên khu 1. Rồi thầy mẹ tôi cùng toàn thể gia đình rời Vĩnh-Yên chỉ còn một mình tôi, ợ lại-Bắc giang để tiếp tục công tác tại chỗ cũ.

Bốn tháng sau tôi nhận được thư nhà báo tin gia đình một lần nữa chuyển đến làng N.H. ngay bên kia hữu ngạn sông Đáy, gần chân dãy núi Tam Đảo. Tôi biết như vậy vậy vốn liếng gia đình lại một phen hao hụt để sa sút thêm. Nhưng cũng trong thư đó tôi được cô em gái họ tôi là gia đình Huân đã bỏ Ninh Bình chuyển đến một làng nào đó, gần một cái chợ nào đó, thuộc Phúc Yên.

Tôi vừa nhâm ợn đoán thư vừa nghĩ thầm: «một làng nào đó, ợ gần một cái chợ nào đó, thuộc Phúc Yên» địa chỉ tuy mơ hồ thật nhưng mình quyết tìm cho ra.

Tôi viết thư cho một ông cùng làng tản cư ở Phú Lễ và thường buôn bán hàng ngoại hoa trên con đường Phúc Yên - Sơn Tây, để nhờ ông chủ ý tìm giúp gia đình Huân. Ba tháng sau tôi nhận được hồi âm của ông báo sẽ cho hay - thực may mắn - chỗ ở của Huân: đó là một thôn nhỏ ngay gần chợ Sắt và ở về phía tây phải con đường mòn từ chợ đi huyện Yên Lãng. Vừa đúng dịp tôi xin thôi tại sở, những mong sẽ công tác ở Ty Thông tin Vĩnh Yên cho gần gia đình. Tôi có ý về thăm thăm nhà đã, rồi nửa tháng sau nếu thuận tiện sẽ đến nhận công tác tại cơ quan mới.

Hành trình của tôi được phân chia rất hợp lý. Từ Đa Phúc tôi sẽ đi đến Phố Ni bên kia sông Cầu, đường dài mười hai cây số. Từ Phố Ni tôi sẽ vượt qua Kẽm, Dòm để gặp con đường nhựa nối liền Phố Yên - Vĩnh Yên quãng đường này cũng khoảng mười hai cây số. Tôi sẽ theo đường nhựa mấy cây số rồi rẽ vào con đường đất lớn đi đến chợ Sắt. Đến chợ Sắt rồi, thì thôn nhỏ gia đình Huân ở, tôi đã «cắm lòng» trong tay. Đường đi tình ngọt bòn mười cây số, có bờ ngõ làm trong việc hỏi thăm thì cũng chỉ vừa nhập tôi là cũng tới đã nằm trên giường của Huân. ợi một mồm cơm nóng sốt, thơm tạt. Sau khi đã kể cho nghe hết mọi chuyện tản cư, tôi ngồi uống rượu với Huân. Tôi biết làm gì mà Huân chẳng mua được rượu ngay (1), chỉ cần một chút thôi, từ lượng của tôi và Huân cùng kém cả mà, nhưng chúng tôi sẽ khế khà uống thật lâu cho thực hết tác phong của bậc tưu độ ngày xưa.

Chà! như vậy cho bố một ngày bai gần vượt một bốn mươi cây số. Ngày hôm sau tôi có thể hoặc đi về sớm, hoặc ợ lại ăn sáng với Huân cũng nên rồi mới lên đường vì quãng đường còn lại chỉ chừng ba mươi hay ba mươi một cây là cũng. Vừa đi vừa hình dung trước cảnh hội đủ cả tôi thấy hơi lạ, tưởng có thể đi hết ngày mà không biết mỏi chán. Ấy tình thần tuy có phần khởi, nhưng trí tưởng khéo thù đố, nhưng thực tế vẫn giữ được cái uy tín cuối cùng của thực tế. Kể từ sau lúc mặt trời đứng bóng tôi đã thấy hai đầu gối mỏi và hai bắp chân từng tức. Tôi tìm một quán nước nghỉ chân, mua kẹo vừng và để năm cơm nếp ra ăn trưa. Cũng do việc toán tính trước, tôi tìm cơm nếp thật nát để nửa năm còn lại có thể sang trưa ngày hôm sau ăn còn đỡ.

Lúc mặt trời chênh bóng, bước đi thêm lết bết, đầu gối đau, bắp chân và đùi tôi thấy nặng nề nhau: tôi lúc mặt trời chênh bóng thì hai bắp đùi đứng thì bưng bưng, trước mặt tôi có những hoa cà, hoa cải tựa hồ trong đám cỏ ai đặt một cây bông thì hoa và những hoa ánh sáng tóe ra từ hai con mắt. Tôi có cảm tưởng phần thân thể từ háng trở xuống là mình mượn của ai lập ợ. Tôi bước lảo đảo hình như đi được là nhờ sức gió thổi xuôi nhiều hơn là nhờ ý chí và sức lực của chính mình. Đến năm cây số cuối cùng thì tôi phải lượn một cái gậy bên ợi đường để chống và cứ đi được một cây số lại ngồi phệt xuống bên ợi để năn, bóp, chà sát suốt từ đùi đến bắp chân. Mặt trời vừa khuất bóng thì tôi vào đến con đường hẹp do người trong thôn chỉ để tôi nhà Huân tản cư. Và cũng đến lúc đó thực tế mới tạm lùi nhường bước cho sức mạnh của niềm vui tinh thần một chút: tôi ợn ngược nhìn thẳng, bước chừng chặc.

Cảnh ợ chồng Huân cùng đàn con khi nhàn ra thì thật với câu Kiều «Nỗi mừng biết lấy chi cần» hay - để cho vui - nếu cần được thì cũng đến nặng bằng bộ giò của tôi lúc đó là cũng.

Tôi thở phào sung sướng quãng ba lợ vào tay Huân ngồi phệt xuống cái chông tre ợ giữa sân rồi thức khấn năn xuống ngựa mặt nhìn mây con diều, hầu đương lướt lợ mãi trên cao với trông chỉ còn nhỏ như nhện mây con diều. Lúc bấy giờ tôi mới ợn lại những hình ảnh vừa nhìn và xét rằng ợ chồng Huân cùng cháu tôi đều gầy và đen đi nhiều. Có tiếng chông kẻ ngay cổ gần đây tôi tiếng Nhị, ợ Huân:

— Anh Sơn ra năm đây, chông ợy để già ông cháu.

Tôi ngồi nhồm đay mấy sợi tóc khá dài bị nạn chông cắn đứt mất. Kẽ ra cũng khá đau, nhưng cái mặt lăm lăm cái đầu, hơn nữa tôi muốn ợi chông thật nhanh để tiếp tục cho các bắp thịt nghỉ. Ông chủ ợ trong nhà vừa đi ra tôi chỉ kịp cái chào thật lễ phép và một mặt cầu ợ giao thật ngắn.

(Xem tiếp trang 48)

(1) Tắc là rượu ba-si-đê (xin giải thích thêm để đọc giả miền Nam hiểu).

Vì sao người Việt Nam yêu qui tết, xuân ?

(TIẾP THEO TRANG 12)

phải ngày ngắn đêm dài như mùa đông hay ngày dài đêm ngắn như mùa hạ. Và chính nhờ sự luân biến, lễ trung hòa mới có được sự sinh sống phồn thịnh của vạn vật, và cái đức «sinh» của trời đất mới có thể có hiệu lực đầy đủ.

Theo kinh không, một năm 12 tháng, tháng Hợi quẻ Khôn là quẻ 6 hào đều là âm, là quẻ thuần âm, nên là tháng âm u, lạnh lẽo nhất trong năm. Âm cực thì dương sanh, nên sau tháng Hợi, đến tiết đông chí quẻ Khôn đã mất một hào âm, mà có một hào dương thế vào, bấy giờ là 5 hào âm, 1 hào dương (đông chí nhất dương sinh) ấy là tháng Tý, quẻ Phục. Sau tháng Tý, đến tháng Sửu, lại thêm vào một hào dương nữa, mà còn có 4 hào âm, ấy là quẻ Lâm. Sau tháng Sửu, đến tháng Dần, lại thêm một hào dương nữa là 3 hào dương, mà chỉ còn 3 hào âm, ấy là quẻ Thái là quẻ rất tốt, gọi là Tam dương khai thái. Ba âm, ba dương là sự quân bình rất mực. Số hào dương cứ tăng dần lên như thế đến tháng Tỵ quẻ Kiền, 6 hào đều là dương cả, là quẻ thuần dương nên là tháng nóng nực nhất trong năm. Nhưng dương cực thì âm sinh, từ đây, số hào âm dần dần sinh ra, trong khi số hào dương dần dần giảm đi. Sau tháng Tỵ, đến tháng Ngọ, có 1 hào âm, 5 hào dương, ấy là quẻ Cấn, sau tháng Ngọ đến tháng Mùi có 2 hào âm, 4 hào dương, ấy là quẻ Độn; âm cứ tăng lên như thế cho đến tháng Hợi, quẻ Khôn,

6 hào đều âm. Rồi dương lại sinh ra và thành quẻ Phục, cứ tuần hoàn như thế.

Ở Trung quốc xưa kia, nhà Hạ lấy tháng Dần (quẻ Thái) làm tháng giêng của năm, gọi là Kiến Dần. Lấy tháng Dần làm tháng giêng thì tháng Hợi là tháng 10, tháng Tý là tháng 11, tháng Sửu là tháng 12. Đến nhà Thương thì lấy tháng Sửu (tức tháng chạp ngày nay) làm tháng giêng gọi là Kiến Sửu, nhà Chu lấy tháng Tý (tức tháng 11 ngày nay) làm tháng giêng, gọi là Kiến Tý. Sau đó, người Trung Hoa không theo lịch Kiến-Tý của nhà Chu, mà trở lại theo lịch Kiến-Dần của nhà Hạ, là lấy tháng Dần làm tháng giêng, và nước Việt-Nam ta cũng theo lịch pháp ấy. Xét lại, nhà Chu Kiến Tý cũng có một lý: tháng bắt đầu có một hào dương làm tháng đầu của năm. Nhưng nếu theo lịch nhà Chu thì ngày Tết còn âm u, lạnh lẽo, trong tháng giêng, tháng hai, khí âm còn thắng khí dương, làm sao có được trạng thái khí hậu ôn hòa, cảnh tượng «vạn vật đắc y, người thanh xuân, trẻ bé đùa vui, già hưởng phúc...» như Kiến Dần?

Tóm lại, thái độ vui sướng, hoan nghênh mùa Xuân một cách đặc biệt của người Việt-Nam bày tỏ một tâm lý sâu xa của dân tộc trong cuộc sinh hoạt: ấy là cái lòng qui chuộng sự sinh sống, qui chuộng lễ trung hòa trong mọi việc.

Nghĩ kỹ lại, nếu hai mối tâm tình ấy được tự nhiên phát huy, không bị những lý thuyết bạc ác hoặc bạo lực gì tóa chiết, uốn nắn đi thì nó phải làm cho dân tộc Việt-Nam là một dân tộc rất ưa muốn hòa bình, và trở nên một phần tử rất hữu ích trong công cuộc gìn giữ, xây dựng hòa bình cho nhân loại.

Qui chuộng sự sinh sống thì ắt ghét những cảnh tượng giết hại, chết chóc. Qui chuộng lễ Trung hòa thì thực hiện được sự quân bình giữa vật chất và tinh thần, giữa lý trí và tình cảm, giữa nội tâm và ngoại giới, sự điều hòa một cách quân bình quyền lợi giữa cá nhân và đoàn thể, giữa đoàn thể và quốc gia; giữa quốc gia và quốc tế. Mà phải chăng việc trên thế gian này tuy phồn tạp trăm nghìn mối, nhưng rút lại cũng chỉ cần một lễ quân bình là duy trì ổn thỏa được mà thôi; người xưa đã nói: «Thiên hạ sự, thế nhi dĩ hĩ» (Việc trong thiên hạ, chỉ là thế quân bình mà thôi), và lịch sử nhân loại chỉ là lịch sử cuộc điều hòa giữa cá nhân và đoàn thể?

Trong những giai đoạn lịch sử thế giới mà thế quân bình đã mất hẳn, làm cho ai nấy luôn luôn nơm nớp lo sợ những biến cố phủ phàng như giai đoạn này, dân tộc Việt-Nam với tâm lý truyền thống ưa chuộng quân bình thật đáng tự hào mình có một cái gì mà thiên hạ đương thời kiếm. Trộm nghĩ rằng nếu cái tâm lý kia được san sẻ giữa các quốc gia, các dân tộc, khiến quốc gia nào, dân tộc nào cũng biết quý cái tình lý, ví y của Xuân như người Việt-Nam thì trên thế gian này, «Xuân sắc» đã hiển hiện nhiều hơn, lâu hơn như đã trông thấy trong lịch sử.

Phan-Khoang

CHÍNH SÁCH ĐẢNG LAO ĐỘNG VÀ NHÀ NƯỚC HỒ CHÍ MINH CHÍNH SÁCH ĐẢNG LAO

(TIẾP THEO TRANG 5)

trấn áp bên phần các mạng lợi dụng tôn giáo là hoàn toàn cần thiết. Thậm chí tùy nơi và tùy lúc, nhiệm vụ này phải được đặt lên hàng đầu».

★

Trên mặt trận đấu tranh chống tôn giáo và tiêu diệt ảnh hưởng của các giáo phái trong nhân dân miền Bắc Việt Nam hiện nay, lý luận gia Vũ Lạc của trung ương đảng Lao Động đã hồ hào toàn thể cán bộ và đảng viên không được dè dặt xa chính sách của đảng. Chính sách này của đảng Lao Động, vẫn theo lời của lý luận gia Vũ Lạc, đã được vạch rõ trong Nghị quyết của Đại hội toàn đảng lần thứ 3, trích dẫn như sau đây: «Mục tiêu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng là làm cho tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống tinh thần của nước ta và trở thành hệ tư tưởng của toàn dân, trên cơ sở đó mà xây dựng đạo đức mới của nhân dân ta». Và lý luận gia này của trung ương đảng Lao Động đã quả quyết rằng: nhà nước Hồ Chí Minh «không thể lãnh đạo quần chúng xây dựng một cuộc sống tươi đẹp nếu không kiên quyết đập tan những xiềng xích trói buộc họ về mặt tinh thần», nó là giáo pháp của Phật giáo và Thiên Chúa giáo.

Kêu gọi cán bộ và đảng viên phải hết sức đề cao cảnh giác đối với ảnh hưởng vẫn còn mạnh mẽ của các tu sĩ Phật giáo và Thiên Chúa giáo ở Bắc Việt cộng sản ngày nay, là thành phần mà đảng nhà nước Hồ Chí Minh đã chính thức gọi là những kẻ địch, lý luận gia Vũ Lạc của trung ương đảng Lao Động đã viết rằng:

«Kinh nghiệm những năm qua chỉ rõ kẻ địch rất nguy hiểm: chúng thường lợi dụng tình cảm tôn giáo để lung lạc quần chúng, hòng chống một bức màn giá tạo

ngăn cách tin đồ với đảng và nhà nước. Thủ đoạn thông thường của chúng ta là: kích thích lòng cuồng tín tôn giáo, bám chặt lấy mình đất tôn giáo, rồi từ đó lái quần chúng sang vấn đề chính trị, chống lại cách mạng (vô sản)».

NHƯNG BIỆN PHÁP TRẦN ÁP VÀ TIÊU DIỆT

Trong các biện pháp mà đảng Lao Động và nhà nước Hồ Chí Minh đã áp dụng nhằm trấn áp tu sĩ và đánh đổ tổ chức cơ sở của Nhà Chùa và Nhà Thờ, thì trước hết phải kể đến việc tịch thu tài sản của các giáo hội, cụ thể là tịch thu ruộng đất trước, rồi tịch thu đền chùa và nhà ở sau. Những biện pháp tịch thu tài sản của Nhà Chùa và Nhà Thờ cũng được nhà nước Hồ Chí Minh quy định bằng pháp luật.

Trước hết là việc tịch thu ruộng đất. Hai văn kiện chính yếu quy định việc tịch thu ruộng đất của Nhà Chùa và Nhà Thờ là Sắc lệnh số 149 SL do Hồ Chí Minh ban hành ngày 12 tháng 4 năm 1953 và Nghị định số 253 TT. Tg ban hành cùng ngày, với nhiều văn kiện bổ túc khác nối tiếp theo. Điều 35 của Nghị định số 253-TTg, nói về các loại ruộng bị tịch thu để chia cho đảng viên và cốt cán của đảng đã quy định rõ rệt như sau đây:

«ĐIỀU 35. — Những ruộng đất công trước đây trích ra làm ruộng của chúng, ruộng chùa, nay cũng lấy để chia».

Điều 37 của Nghị Định số 253-TTg lại quy định thêm rằng:

«ĐIỀU 37. — Ruộng hậu sẽ trả lại cho bản thân người hậu hoặc người thừa kế, nếu họ không có ruộng hay là có ít ruộng, để họ tự cày cấy mà sinh sống. Số còn lại sẽ nhập vào ruộng đất công để chia».

✱

Áp dụng hai điều 35 và 37 của Nghị Định số 253-TTg, nhà nước Hồ Chí Minh đã tịch thu tất cả các loại điền thổ nào mà trước đây các triều vua Việt cũng các chế độ trước, đã ra Sắc Chỉ hoặc Nghị Định cấp hẳn quyền sở hữu cho Nhà Chùa hoặc Nhà Thờ, cũng như tịch thu tất cả các loại điền thổ nào do tín đồ dâng cúng vào Chùa hoặc Nhà Thờ. Tuy vậy, sau khi áp dụng hai điều khoản đó của Nghị Định 253-TTg, các Chùa và Nhà Thờ vẫn còn lại một số ruộng và đất, mà nhà nước Hồ-Chí-Minh muốn tịch thu cho bằng hết. Đó là những ruộng đất mà Chùa hoặc Nhà Thờ đã mua được bằng cách đánh đục từng chút ít một trong những năm các môn tiền do tín đồ thập phương dâng cúng, và việc mua bán này hoàn toàn không dựa vào một thế lực nào cả. Để tịch thu nốt những loại ruộng đất này, nhà nước Hồ-Chí-Minh đặt ra luật đánh thuế riêng, rất nặng, vào các loại ruộng đất mà họ gọi là ruộng Phật và ruộng đất của Giáo hội. Nguyên tắc đánh thuế thật nặng vào «ruộng Phật và ruộng của Giáo hội» này được quy định bởi điều thứ 17 của bản Điều lệ Thuế Nông Nghiệp do Hồ-Chí-Minh ban hành từ tháng 4 năm 1953. Điều này quy định như sau đây:

ĐIỀU 17. — Những ruộng thần từ, ruộng Phật, ruộng đất của Giáo hội, coi như một bộ phận riêng một nhân khẩu và chịu thuế như chung, nhưng thuế suất tối đa tính đến 20 phần 100 nếu trực tiếp canh tác, và tính đến 35 phần 100 nếu số hoa lợi nếu cho phát canh.

Điều lệ Thuế Nông Nghiệp của đảng Lao Động và nhà nước Hồ chí Minh đã là gian ác, nhưng quy định điều thứ 17 này, nhà nước Hồ chí Minh đã tỏ ra đại gian đại ác đến cùng tột. Thật vậy, điều này đã quy định rằng ruộng Phật, ruộng đất của giáo hội coi như một bộ phận riêng một nhân khẩu. Ba chữ một nhân khẩu phải chịu

thuế mà nhà nước Hồ chí Minh nói đây, chính là vị tăng già trụ trì một chùa, hoặc vị linh mục cai quản một họ đạo, hoặc vị giám mục cai quản một địa phận đạo, hoặc vị pháp chủ đứng đầu một giáo hội. Dĩ nhiên là một nhân khẩu không thể nào tự mình cày cấy ruộng đất của Chùa hoặc của Nhà thờ được, dù rằng tất cả số ruộng đất ấy chỉ có năm sáu là diện tích tối đa mà nhà nước Hồ chí Minh cho phép mỗi nhân khẩu được giữ để tự cày cấy mà sinh sống. Lý do là nếu canh tác số 5 sào ruộng đất ấy thì vị tăng già trụ trì một chùa hoặc linh mục cai quản một họ đạo còn lại đủ ra ngày giờ để mà đi đầu đất tin đồ trên đường giáo pháp. Nếu có các tu sĩ khác hoặc tín đồ tình nguyện đến cày cấy đó, thì lập tức nhà chùa hoặc nhà thờ bị coi như phát canh để cho «một nhân khẩu» thu hoa lợi, và như vậy phải chịu thuế 35 phần trăm tổng số hoa lợi thu được.

Trong trường hợp chùa hoặc nhà thờ phải chịu đóng thuế đến 35 phần trăm tổng số hoa lợi, thì chùa hoặc nhà thờ chỉ còn có cách hiến không ruộng đất cho nhà nước Hồ chí Minh. Lý do là điều 3 của Sắc Lệnh số 149-SL do Hồ chí Minh ban hành ngày 12 tháng 4 năm 1953 đã quy định rằng số địa tô còn được thu không được quá 1 phần 3 số thu hoạch. So sánh điều 17 của bản Điều lệ Thuế Nông nghiệp với điều 3 của sắc lệnh số 149-SL, ta thấy ngay rằng địa tô chỉ được thu nhiều nhất là 33 1/3 phần trăm, mà nhà chùa hoặc nhà thờ phải chịu thuế tới 35 phần trăm, như vậy là thuế nặng hơn tột, làm sao mà nhà chùa hoặc nhà thờ có thóc để nộp thuế!

Đánh vọt tổ chức cơ sở của tôn giáo bằng cách tịch thu cho bằng hết ruộng đất của nhà chùa và nhà thờ, đảng Lao động và nhà nước Hồ chí Minh cho là chưa đủ, mà còn tịch thu cả những nơi phụng tự, thậm chí phá

(Xếp tiếp trang 45)

TÔI KHÔNG MẤT EM

(TIẾP THEO TRANG...)

nụ cười, một cặp mắt ngây thơ, một tà áo v.v... và nữa... đủ làm cho em cảm thấy được cái ý nghĩa của cuộc đời.

Tôi biết em muốn bước ra ngoài ngưỡng cửa gia đình cho nên em rất cần đến bạn bè. Mà chính bạn bè thân mến của em là một động cơ thúc đẩy em tạo một sự nghiệp, tạo một cuộc sống lý tưởng. Nhiều khi xã hội phủ phàng em quá, em lui về sống với đám bà người bạn chí tình, và đó là một cuộc sống âm cúng an ủi em; rồi nó sẽ thúc đẩy em lập lại một chuyển hành động. Thật đúng như lời ai đó:

- Điều thiết thực nhất là những kẻ chưa dám hành động. Nhưng chắc chắn em phải hành động theo một phương hướng nào, đến một cứu cánh nào. Em không thể dờ dẫm như người đi đêm và liêu mang như kẻ lộn nhào trong đêm tối! Tôi biết em muốn chối bỏ tất cả xã hội hiện tại, hơn nữa, em dám đoạn tuyệt quá khứ để nhìn thẳng vào tương lai. Em muốn đập phá để xây dựng một cái mới. Tôi muốn nói em « làm cách mạng », đó là mục tiêu thứ ba trong cuộc đời của em. Em là người giàu tình thương nên làm sao lòng lại được trước cái cảnh bất công trong xã hội. Sự chênh lệch mức sống của người dân nước nhược tiểu quá lớn. Nhiều cuộc sống quá bị dằn dặt ra trước mắt em. Trong xã hội chúng ta biết bao người phải già trước tuổi, phải già ốm, bệnh tật vì thiếu ăn! Làm người phải từ bỏ cuộc đời đáng lẽ có thể sống thêm được nữa. Con số người thất học, người lam lũ quanh năm lên rất cao. Một cuộc sống thêm khác, một cuộc sống nhục nhằn. Và, em thấy chán rồi, biết bao người khi bước vào giường ngủ họ chưa được: ăn no? Nhiều lắm, có lẽ tôi cũng không cần phải kể lại cái cảnh các cụ già, em bé nằm đói lả lết bên vệ đường thành phố để nhìn những chiếc xe hơi bóng loáng chạy qua lại, nhìn những con người thừa tiền đem phung phí vào cuộc truy hoan!

Những con người da bọc xương, cặp mắt lơ lơ mất hết sinh khí, nằm co rúc trong manh chiếu rách bên cạnh những tòa buđing 10 tầng! Vui làm sao được trước cảnh đó hở em? Những thiếu phụ vùi vủ ru con ngủ rồi lặng lẽ khép cửa ra đi trong đêm tối trên các nẻo đường thành phố để đón chờ những khách không hẹn gặp. Những thiếu nữ chưa biết yêu đi phải bán trinh tiết cho các kẻ thừa tiền, dăm dặt để nuôi sống trong cảnh khó khăn này! Còn nữa em à? Người chồng sẽ nghĩ gì, các con họ làm sao quên được, khi người vợ, người mẹ của họ bị bọn cường quyền đang đem đến ham hiếp nơi nông thôn? Rồi đến phiên em con gái thân yêu của họ phải chịu đựng hàng chục tên quỷ dâm dục đi xông vào người đàn ra đi... Người chồng ấy, người con trai ấy, người em trai ấy, họ làm gì? Họ phải ra đi để tìm cách rửa hận, rửa nhục! Đó là những bị kịch 10 năm nay liên tiếp diễn ra ở nông thôn chúng mình đây em! Từ những cường bạo này đến cường bạo khác, sinh ra tội lỗi này đến tội lỗi khác, tạo biết bao căm hờn và rối loạn

trong xã hội của chúng ta. Tất cả những bị cảnh ấy là động cơ thúc đẩy những người nông dân, vốn hiền lành, phải ra đi! Nhưng họ đi đâu? May mắn cho họ và cũng tại hại cho họ là có một số người dung túng họ. Tôi muốn nói số cán bộ cuồng tín từ phương Bắc đưa vào đây em à! Họ không cần biết chủ nghĩa Mác-Lê là gì, họ chỉ cần trả thù, cần đập phá cái xã hội đã áp bức ruồng rẫy phủ phàng họ. Tôi có thể quả quyết một số lớn những con người hiện đang phá rối miền Nam này, những con người ở trong cái gọi là « Giải Phóng miền Nam » là những người vì cuộc đời quá bội bạc họ, cuộc đời đã đẩy họ vào một thế bị nên họ phải ra đi để hành động. Họ thương con, nhớ vợ, họ mến con trâu, mảnh vườn, dân ruộng thân yêu của họ, nhưng đành phải cắn răng nuốt nhục ra đi. Nhưng từ cái lúc họ rời nhà ra



đi, là lúc họ bước vào một thế giới tội lỗi rồi! Từ đó họ bị cuốn trong guồng máy kinh khủng mà chính họ không tài nào thoát ra ngoài được. Rồi tỷ lệ với thời gian và tội lỗi dần dần họ xa hẳn chúng ta và trở thành kẻ thù của chúng ta. Tội lỗi ấy về ai? Em à, phải nói thẳng một phần lớn do những người cầm vận mệnh tổ quốc của chúng ta không có tinh thần cách mệnh, hoặc họ chỉ có tinh thần cách mệnh giả tạo mà thôi. (Tôi đã từng tâm niệm: « nếu nói cách mạng, chính trị mà không vì lớp người nghèo khổ, vô-sân, thì đó chính là cách mạng, chính trị của hạng lưu manh »).

Nói như thế không có nghĩa là dung túng lớp người đồng bọn kém suy nghĩ trong khi tìm một con đường chính đáng.

Thế thì chúng ta phải làm gì? Có nhiên chúng ta không thể phó mặc cho định mệnh quyết định tương lai của dân tộc chúng ta.

Việc sống còn của dân tộc, chúng ta phải tự quyết định, truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt-Nam đã thể

hiện minh bạch trên các trang sử vàng son. Chúng ta phải đập tan tất cả những mặc cảm tự ty; hãy vươn lên, vùng lên tự định đoạt lấy số phận của mình với tất cả những gì độc đáo của dân tộc chúng ta. Hãy chối từ ảnh hưởng lố bịch của Mác-tư-khoa, Bắc-kinh đô hay Ba-lê, Luân đôn, Nữu - Uớc. Chúng ta phải phát triển và duy trì nền văn-hóa truyền thống của chúng ta.

Nhân đây tôi kể cho em một câu chuyện, đúng hơn là một cuộc đối thoại giữa tôi và một cán bộ cao cấp Cộng sản tại Côn-đảo. Số là khi tôi bị đẩy đi Côn-đảo, tôi được đi dạy toán cho mấy người con của ông đại-ủy quản ngục. Một hôm rảnh rỗi, tôi gặp cụ già sừng sừng của nhà đại ủy. Khó mà đoán được tuổi cụ già này, có lẽ vì cuộc đời gian khổ đã sớm tạo cho cụ một vẻ cân cỏi hết mực. Qua câu chuyện người tù có tuổi này, tôi được biết ông ta bị kết án 20 năm khổ sai về chính trị. Nói như thế chúng ta biết họ thuộc loại Cộng sản rồi. Thấy tôi chân thật và ưa nói chuyện, người tù già cả này cho biết ông ta là một cán bộ xứ ủy Nam-Việt. Thế là chiều hôm đó ông son không rời một thanh cửa, còn tôi thì nghĩ dạy để nói chuyện. Tuy bị gian lao gần hết cuộc đời, ông già này vẫn tin tưởng tuyệt đối vào chủ nghĩa Cộng-sản. Thứ thật tôi không có ý tìm cách lôi kéo ông già này rời bỏ hàng ngũ Cộng sản vì tôi biết họ nhiều lắm nên không bao giờ hoài công về việc đó. Hơn nữa, ông là một cán bộ cao cấp, tuổi lại già thì làm sao còn đủ sáng suốt để nhận định một chân lý khác. Thấy tôi tán đồng trên việc đập tan những bất công vô lý trong xã hội, ông ta vui lên và có lẽ tưởng tôi đồng chí hướng. Rồi ông bàn qua những nguyên lý chủ-nghĩa Lenine để đưa đến kết luận một thế giới đại đồng của chủ nghĩa cộng sản. Lý luận có vẻ thuộc lòng nhập tâm của một cán bộ từng học tập chính trị. Sau đó tôi trình bày một xã hội khác, cái xã hội gọi là « Đại Đồng » của ông ta. Tôi bảo: « chủ nghĩa Cộng-sản là chủ nghĩa tranh đấu quyền lợi cho giai cấp vô sản, và tôi tạm coi như đó là một sự thật. Và giả sử chủ nghĩa cộng sản thực hiện được: quyền lợi cho con người vô sản, tạo cho họ một đời sống ấm no. Nhưng nhất định trong chủ nghĩa đó, con người mất hết cá tính, mất hết những ý muốn riêng tư và nhất là mất hết cái tự-do cá nhân vì những thứ đó người Cộng Sản cho là cái « bệnh » đáng tiêu diệt. Muốn thực hiện ý định đó, người Cộng-sản chủ trương giai cấp đấu tranh. Họ gây những căm hờn, giáo-dục cho con người biết căm hờn, dù đó là những căm hờn giả tạo không xuất phát từ con tim v.v...

Trong khi đó chúng ta không gây sự tranh đấu giai cấp, trái lại các tầng lớp trong xã hội hỗ tương nhau. Bằng tình thương, bằng những phương pháp rất khoa học và cụ thể, chúng ta có thể xóa bỏ giai cấp vô sản đưa họ lên giai tầng hữu sản để họ sống cuộc sống ấm no. Chúng ta bảo vệ quyền tự hữu vì nó rất nhân bản và cũng chính nó làm cho con người nỗ lực không ngừng trên việc sản xuất. Hơn nữa, chính quyền tự hữu đã đưa con người vào trật tự và bắt họ phải chú trọng đến nhân cách họ. Bằng mọi cách làm cho không còn những người nghèo khổ, đói khát nữa. Phải giải phóng toàn

diện con người. Tạo cho lớp người nghèo khổ những tài sản và họ sẽ yếu mến say sưa với ngôi nhà xinh xắn, vườn ruộng riêng tư của họ. Làm thế nào mọi người đều có quyền đi học, quyền giải trí và có quyền sống cuộc sống riêng tư của mình. Người này tự do đến nhà thờ, người kia đến nhà chùa. Muốn làm việc nhiều hay ít hoặc những buổi chiều đẹp, những đêm trăng gió mát, con người có quyền cùng với người yêu tận hưởng những cảnh đẹp của thiên nhiên đó, mà không bị dè nghị hoặc một thứ kỷ luật nào hết. Tóm lại, tất cả những gì riêng tư, độc đáo của mỗi cá nhân đều được tự do phát triển, dù đại đa số không ham thích. Nói một cách khác, xã hội lý tưởng của chúng ta là một xã hội không còn hạng nghèo khổ, không còn bị áp bức và độ bất công chính lịch không còn nữa. Luật pháp phải công minh báo về quyền sống cho mọi người. Cuộc đời quá ngắn ngủi phải để cho họ tự do càng nhiều càng rồi. Đó là một điều tối kỵ của chế độ Cộng sản. Sau khi tôi trình bày cặn kẽ, cụ già tù nhân ấy cười có vẻ suy tư. Tôi chắc rồi trong nhiều đêm không ngủ cụ sẽ suy nghĩ đến những điều tôi trình bày...

Đó là những nét quá đại cương về cái cách một xã hội cốt để em có một khái niệm về cái xã hội mà tôi đang theo đuổi, khác hẳn cái xã hội không tưởng của thuyết Cộng sản. Em à, tôi tin tưởng rằng những ai đã từng có lòng thương đến lớp người vô-sân, những ai thực sự tranh đấu vì quyền lợi của tầng lớp cùng cực này, tất phải đồng ý với tôi, và dù bây giờ họ ở trên tuyến bên nào, cũng là đồng chí hướng với tôi đây. Không cần phải kêu gọi suông, hãy hành động, quyết làm sao cho giai tầng nghèo đói bớt nghèo đói thì chắc chắn cái số người gọi là phiến loạn sẽ quay về với chúng ta, nếu họ có mục đích tranh đấu cho công bình xã hội. Tôi tin như thế em à! Em cứ xem một nước Tây Đức dù nổi lên điều tôi muốn nói. Tuy vậy Tây Đức chỉ hướng về việc phát triển kỹ nghệ để nâng cao mức sống con người chứ ở đó không thực hiện được sự công bình. Thế mà chính quyền Đông Đức đã dùng mọi biện pháp vẫn không ngăn chặn được làn sóng người ở trốn sang Tây Đức tìm tự do. Tôi dám chắc rằng nếu trong chín năm nay nhà cầm quyền miền Nam quyết tâm thực hiện những điều tôi nói thì ngày nay



không còn «anh giới 17 vĩ tuyến» nữa! Và ngày nay chúng ta được hưởng những cảnh thanh bình thịnh trị, xã hội chúng ta người cày có ruộng cày, có ngôi nhà xinh xắn, có máy vô tuyến, con cái tha hồ đi học lên bậc trung học, đại học... Trong cái xã hội đó người đều được luật pháp và lòng thương bảo đảm. Điều tôi nói với em không phải những điều cao siêu quá mức của con người, trái lại nó rất thực tế. Chính những điều Marx, Lénine nói mới là những điều xa thực tế và trái với tự nhiên. Ngày nay, có lẽ tôi không cần phải dùng dài để chứng tỏ thuyết Mác-Lê là thuyết lỗi thời. Chúng ta phải sát thực tế em ạ, chỉ làm những việc mà con người «có đủ bầy tính» có thể làm. Chúng ta không phải là những nhân vật trong truyện Phong thần. Chúng ta là những người sống trong cuộc đời ngắn ngủi khá bi đát này, đành chấp nhận cái bi đát ấy mà tạm giải quyết công việc cho được tương đối công bình, nhân đạo.

Muốn thực hiện những điều tôi đề cập trên, trước hết phải có nhiều người thiện chí thật sự, có tình thương đồng loại, và sau đó theo một đường lối, một tập thể chỉ huy. Nói một cách khác cần phải có Đảng phái chính trị đây em. Nói đến Đảng phái chúng ta hết sức đau lòng nhìn thấy sự tan nát chia rẽ một cách bi đát của nó hiện tại. Em tính làm sao không tan nát được vì nhà cầm quyền suốt 10 năm nay luôn luôn tìm mọi cách đập tan nó, tiêu diệt nó. Không chia rẽ sao được, một số người gọi là lãnh đạo nó, phần nhiều thiếu năng lực, thiếu tu dưỡng, thiếu trình độ hiểu biết, v.v... Do đó luôn luôn va chạm với lớp người trẻ trung, hăng say, có khả năng và liêu lĩnh. Không chia rẽ sao được vì tham vọng cá nhân của các cấp lãnh đạo vượt quá xa tài năng và ý chí của họ! Tuy thực tế chưa chất như vậy, nhưng không vì thế mà phủ nhận ý nghĩa và giá trị của một chính Đảng. Kẻ thiên cận, ăn xổi ắt thì, ngày nay thường lên án Đảng phái và mạt lý Đảng phái quá nhiều, số đi có điều đó vì họ là những người lười biếng ý lại mà Đảng thì tan nát yếu đuối không cho phép họ lười và kỷ sinh được; hơn nữa, họ bị một mặc cảm của người «mới vào Đảng» e không được nhiều quyền hạn... Nếu họ là người thiện chí một cách vô tư, và là kẻ có tự trọng thì hãy đương đầu lúc Đảng còn ốm yếu như hiện nay để phục hưng Đảng. Ngày nào đó Đảng mạnh mẽ, theo một nề nếp vững vàng thì sự tham gia của họ có khác nào đem muối đổ xuống biển! Em nghĩ, nếu bọn Cộng sản không có Đảng, hay chỉ có «phong trào» thôi, thì có lẽ chúng đã tan nát từ lâu rồi, chứ có đâu làm cho chúng ta ngày nay mất ăn mất ngủ để lo đối phó? Tóm lại, nói về Đảng chúng ta đồng ý hiện nay nó còn tan nát quá, nhưng mọi thiện chí hợp lại thì nó sẽ vững vàng và sẽ đóng một vai trò rất quan trọng về việc cứu quốc và kiến quốc. Những bậc tài hoa nếu cứ rời rạc làm bốn phần của một công dân thì sao bằng các tài hoa ấy tập hợp chung, theo một đường lối chung, góp sức để thực hiện một xã hội đẹp đẽ công bình nhân đạo. Đó tức là Đảng đây em ạ!

Trở lại vấn đề, nếu có những Đảng phái đúng với ý nghĩa chân chính của nó thì mới có thể thực hiện được những điều tôi trình bày. Phải quét cho sạch cái lớp người hủ bại ăn cướp

máu xương của nhân dân từ lâu nay đã tạo một cuộc sống phong phú sang trọng. Phải tiêu diệt cho hết cái hạng người dơ bẩn qua các triều đại luôn luôn đóng vai trò lãnh đạo quốc gia. Phải tận diệt thứ người đó để tạo một lớp người mới đầy đủ tác phong và tinh thần cách mệnh để phục vụ thực sự cho đồng bào, cho quốc gia. Như thế chúng ta làm cách mạng đây, chứ không phải gây những cảnh máu đổ, chém giết và rồi chịu làm chủ hầu của bọn Tàu đồ như miền Bắc đã ngập lặn trong cái guồng máy lần quần không lối thoát.

Đấy, tôi đã trình bày những nét đại cương để em suy xét. Tôi mến em ở chỗ dám chịu gian khổ để phục vụ một mục đích, nhưng tôi chề em ở chỗ sao không đọc-sáng một con đường để theo, lại cuồng tín một chủ nghĩa cũ rích từ một nước xa xôi nào? Và nữa, sao lại không xét vấn đề dựa trên thực tế, trên công bình và nhân đạo? Tuy thế tôi vẫn hy vọng, như tôi từng hy vọng, không những em mà cả những người ở trận tuyến em, nếu quyết tâm phục vụ cho lớp vô sản để thực hiện một xã hội công bình, nhân đạo, thì điều đó gặp rồi rồi, tức là em có xa tôi đâu. Nhưng em phải coi chừng cái thứ người ngồi ở tháp ngà Hà-Nội Bắc-kinh và Mạc-tư-Khoa, họ nhiều cuồng vọng và muốn cho nhiều thể hệ phải hy sinh để thí nghiệm cuồng vọng đó. Vì vậy họ phải gây ra cảnh chiến tranh. Nếu em và cả phe em chống chính quyền miền Nam thì điều đó không khác chúng tôi. Chính chúng tôi đã phải chịu cảnh tù đầy cũng vì có đập đổ cái chính quyền đó.

Nhưng em chống chính quyền để lấy giang sơn này làm thí điểm cho chủ nghĩa vô vụ của Mác-Lê thì là một đại tội ác! Em phải phân biệt hai điểm căn bản quan trọng đó. Tôi đã nói rồi, tôi là một vô sản, đứng hẳn trong giai cấp vô sản để tranh đấu cho họ được một cuộc sống đáng sống, nhưng nào tôi có phải là một tín đồ của Karl Marx, trái lại tôi oán thù Marx. Em thấy chưa, đừng tưởng ai đứng vào hàng ngũ vô sản là con người cộng sản! Em thấy chưa, chủ nghĩa cộng sản không thể đem lại quyền sống cho giới vô sản, chỉ có chủ nghĩa Tư-hữu công-bằng, nhân-đạo mới thực sự đem đến giải phóng cho sản một cuộc sống hết vô sản! Tôi quá quyết như vậy, và chính chúng tôi, lớp người phục vụ cho cách mạng dân tộc, quyết thực hiện điều đó. Nhiều cán bộ Cộng sản cổ xuyên tạc cho chúng tôi là kẻ bết với đế quốc, với tư bản. Đó là một điều nhầm lẫn lớn nếu không phải là ngu xuẩn! Chúng tôi oán thù đế-quốc, tư-bản tài-phệ hơn cả thứ người cộng sản nữa. Vì hai thứ người đó đã làm cho xã hội bá: công, vô nhân đạo, đã sáng tạo nên một lớp vô sản cùng cực. Tôi biết chắc sẽ có lúc em hoài nghi và chần chừ con đường không đưa đến mục đích, ngoài mục đích chém giết, oán thù. Dù em có tránh một sự thực đau lòng, tôi vẫn nói cho em rõ: ai gây ra cảnh chém giết hàng 8, 9 năm nay ở miền Nam này? Chính quyền miền Nam ư? Không, họ chỉ muốn cho yên tĩnh để họ tận hưởng những thứ cướp được của dân chúng cũng như của công quy. Ai, nếu không phải là người cộng sản ở miền Bắc xúi dục một số người miền Nam này? Đấy, người cộng sản có thí nghiệm, một cuộc thí nghiệm trên miền nguy hiểm, bất kể các phương tiện đã mượn để hèn nhất! Ngày nay biết bao người chết,



NÔI BUỒN SÔNG MÙI

Ta đến nhân gian lạ cõi bờ
Này sông lưu lạc núi bơ vơ
Nỗi buồn sông nói ai người biết
Máu công như hã rõ phấp phơ

Non khóc mùa xuân nước đợi thuyền
Ơi non tản cuộc nước vô duyên!
Sóng bao giờ nhĩ chiều thì bả?
Rừng trơ đời thời lệ đồ quyền!

Vút sáng đêm nao lối thế nguyên
Hồn say thông cảm ý sơn xuyên
Hương xưa khuôn khắc vẽ tươi ngon
Nhạc mới vang giồng một kỷ nguyên

Cho ngọn núi giồng sông từ đó
Hương ngàn xưa bán nhạc ngàn sau,
Riêng ta người ngôn thơ còn đó
Lòng trích tiễn còn vạt kiếp đau.

VŨ-HOÀNG-QUƯƠNG

nhà cửa tan nát, gia đình ly tán đối khổ v.v... điều ấy hoàn toàn do người cộng sản Bắc-Việt.

Tôi biết rồi đây những người cảm sung chiến đấu theo lệnh Hà-Nội sẽ tuyệt vọng và oán hơn ai hết cái thứ người vô nhân miền Bắc. Cho nên công cuộc chiến đấu của chúng tôi knoug có đơn, dần dần sẽ có những người trước đây là thù sẽ trở thành bạn, khi họ nhận ra sự thật, lẽ phải và tình thương.



Em ạ, tôi tin rằng tôi không mất em, tôi không mất những con người có một lý tưởng vì dân tộc. Dù em ra đi nhưng tôi vẫn thấy còn em, vì tôi tin rằng thực tế công việc sẽ chỉ về em và tạo cho em một đường lối chánh đáng.

Một lần nữa, tôi phải quả quyết với em là thắng lợi sẽ về chúng tôi, những con người quyết xả thân vào công cuộc cách mạng cho dân tộc để tạo lập một xã hội công bình nhân đạo. Một ngày nào đây, xã hội thanh bình, chủ nghĩa cộng sản không còn đặt đứng nữa, và nó chỉ trở thành cái «hội» của những người có ý tưởng lập dị mà thôi, có nhiều nó trở thành một trở tiêu khiển» cho những kẻ trí óc bất thường. Lúc đó là lúc mọi thủ đoạn, mưu mô, mọi lối trá hình xảo quyết không thể che giấu được Sự Thật và không thể bề được nhân bản được. Chiến thắng ở nơi đó em ạ.

Tôi cầu nguyện cho em được mạnh khỏe và có nhiều thì giờ để suy tư.

Xuân Ất-ty
NGUYỄN-LIỆU

VU ÁN 11-11-1960



Những người này đang chờ đợi cuộc vui?

— Không, họ đang chờ nghe Ủy viên chánh phủ tòa án quân sự đặc biệt gọt gao buộc họ tội phản-nghịch!

Từ trái: bà Đinh Xuân Quế — ông Đinh Xuân Quế, ký giả Hoàng Hồ, bác sĩ Phan-quang-Dân, cụ Phan-khắc-Sử, giáo sư Nguyễn-thành-Vinh.

doan nhảy dù dưới quyền của Đại tá Nguyễn chánh Thi (hiện nay là Thiếu Tướng chỉ huy vùng I chiến thuật) chủ xướng, có một phân lực lượng thủy quân lục chiến tham gia. Nhưng chuẩn bị từ lâu do Trung tá Vương văn Đông và Nguyễn triệu Hồng (người đã bị tử thương trong lúc bao vây dinh Độc lập) chính Đại-tá Thi đã đọc bản tuyên cáo của Hội Đồng Cách mạng, và Trung tá Đông chủ trì các cuộc họp báo. Sau khi thất bại, chiều 12-11-0 một số sĩ quan lãnh đạo dùng máy bay sang Nam-vang tỵ nạn. Còn ở lại một số sĩ quan bị bắt, trong đó có Thiếu-tá Phan trọng Chinh (nay là trung tá) là người quan trọng nhất vì chính Thiếu tá đã cầm quân đánh dinh Độc-lập.

Về phía chính-trị, thật là phức tạp. Tuy nhiên ai cũng biết chính luật-sư Hoàng Cơ Thụy cùng với trung-tá Vương văn-Đông có chuẩn bị từ trước. Người ta còn nhớ trước đảo chánh độ 10 ngày đồng bào ở Saigon bàn tán xôn-xao về tin sắp đảo chánh. Chính vì bàn tán nhiều quá làm cho tin tức xác thực hóa thành tin vịt, do đó chính quyền không biết đầu mà dò.



PHẠM-LỢI

Giáo-sư Như-Đạo, thủ lãnh đoàn Thanh niên Tiền đạo. Bị 5 năm cấm cố đây Cần-đảo vì vụ 11-11-60 — Được Tự do sau ngày 1-11-63.

SAU khi cố Hòa thượng Thích-quảng-Đức tự thiêu để phản đối chính sách bạo tàn và kỳ thị tôn giáo của chính quyền, thì anh em Ngô đình-Diệm đâm ra lúng túng. Rồi từ đó mọi hành động của chính phủ chỉ làm cho thêm lúng túng khác nào con chim vườn lưới càng dẫy dụa càng vướng thêm. Một vấn đề nan giải từ lâu bấy giờ càng khó khăn hơn; đó là vụ 11-11-60. Thả những người đã tham gia vào cuộc đảo chánh 11-11-60? Anh em Ngô đình Diệm không đủ cái đức của bậc đại lượng dám buông tha kẻ đối lập. Không đủ sáng suốt của kẻ biết làm chính trị, hiểu được lòng dân. Giết những người trong vụ 11-11? Không thể được, vì sợ cái phản ứng của dân chúng nhất là đảng phái và cả dư luận quốc tế luôn luôn đề cập tới tình hình không ngớt ở Việt-Nam. Đó là một bài toán khó, mà cậu học trò dưới mực trung bình kia không đặt được phương trình để tìm đáp số.

Nhưng cuối cùng tập đoàn Ngô-dinh quyết định dùng tòa án sát nhân « quân sự đặc biệt » để xử vụ đảo chánh thất bại 11-11-60.

Mặc cho các bị can quân quại trong trại giam gần 3 năm, người ta tưởng nỗi căm phẫn của chính quyền đã lắng dịu rồi, nhưng không ngờ vụ án lại định vào thượng tuần tháng 7-1963.

Lúc bấy giờ có hai luồng dư luận. Một cho rằng vì muốn tận diệt Phật giáo và những người đối lập, chính quyền Ngô đình Diệm sẽ mượn dụ số 10-5) để sát hại những người liên can tới vụ 11-60. Có như thế mới đàn áp được các phong trào chống đối hoặc công khai hoặc ngầm ngấm.

Luồng dư luận khác cho rằng chính quyền sẽ ăn xát tất cả, cốt lấy lòng dân chúng để gỡ tai tiếng về việc độc tài, tàn ác. Mỗi bên đều có lý vững chãi để biện luận. Nhưng sự thật khác hẳn hai luồng dư luận trên. Không giết mà cũng chẳng ăn xát tất cả, (chỉ một số ít vì không có gì hết nên được miễn tội) chỉ kêu án người nặng nhất 18 năm (quân nhân) 8 năm (dân sự) và ít nhất 5 năm. Điều đó chứng tỏ sự lúng túng đến buồn cười của chính quyền vì sự việc giải quyết như thế không đem đến cho họ một thắng lợi nhỏ nào.

Tôi cần phải nhắc lại rằng vì lúc bấy giờ báo chí bị kiểm duyệt gắt gao nên phần lớn đồng-bào có thể hiểu nhầm vụ án 11-60. Một số báo viết về bài tường thuật của cơ quan nghiên cứu của trùm mật vụ Trần kim Tuyền, một số báo bị chứa trắng cột báo đó.

Sau khi được trả tự-do (sau 1-11-63). Chúng tôi có vào thư viện xem các số báo tường thuật phiên tòa vụ 11-60, thật là buồn cười, nhưng chúng tôi không ngạc nhiên chút nào.

Trước hết tôi xin nói qua về các nhân-vật có liên quan đến vụ 11-60.

Như chúng ta đã biết, vụ đảo chánh này do 13

Trong số những người bị bắt (không phải là quân nhân) thật sự chỉ người có những hành động cụ thể trong vụ đảo-chiến, người thứ nhất là cố Nguyễn-tường-Tam. Mặt trận quốc gia đoàn kết thành hình được là do cố Nguyễn-tường-Tam. Ông đã thảo truyền đơn kêu gọi dân chúng tích cực ủng hộ quân đội đã anh dũng lật đổ chế độ Ngô đình Diệm. Trong truyền đơn ghi đủ hầu hết tên các



Thiếu-Tướng NGUYỄN-CHÁNH-THI

(lúc đó là Đại-tá) người chủ xướng cuộc đảo chánh 11-11-60 để nhân mạng trong tuyên cáo của Ủy ban Quân-Dân Cách-Mạng : ... «phải dẹp bỏ chế độ độc-tai, tàn bạo Ngô-dinh-Diệm»

chính khách có danh trong nước, nhất là nhóm Caravelle. Ông Phan khắc-Sử và Trần văn-Văn đề xướng ra nhóm «Caravelle» (họ họp báo tại nhà hàng này nên người ta lấy tên nhà hàng để gọi nhóm người đó, một lối gọi hay hay những không kém phần mỉa mai). Ông Phan khắc-Sử lại cùng với Ô. Nguyễn tường Tam lập Mặt trận quốc dân đoàn kết. Bởi lẽ đó nên những người nhóm Caravelle đều ký tên trong truyền đơn của Mặt trận này. Có lẽ vì quá gấp cần phải tranh thủ thời gian nên Mặt trận quốc gia đoàn kết chỉ tin cho một số người biết, còn phần nhiều ghi đại tên vào truyền đơn (?). Nhưng căn cứ vào những bản cáo trạng của nhóm Caravelle thì hầu hết đều phủ nhận không hay biết ai truyền đơn của Mặt trận quốc dân đoàn kết, thậm chí một số có ít tìm

cách thanh minh rằng mình không ký và không tán đồng truyền đơn ấy! Có lẽ vì nhờ sự học hành « uyên bác » và « kinh nghiệm đời sống » nên các ông trí thức ấy mới khai trí như vậy cho nhẹ án ?!

Căn cứ vào các bằng-cung của các can phạm thuộc nhóm ông Nguyễn tường Tam thì chính ông Nguyễn tường Tam cho họ biết trước ngày đảo chánh. Như thế ông Nguyễn tường Tam có chuẩn bị từ trước và có đứng trong việc « mưu đồ » đảo chánh.

Người thứ hai có đủ bằng cứ để tiếp tay ủng hộ cuộc đảo chánh là Bác sĩ Phan quang Dân. Số là từ ngày về nước bác sĩ Dân thành lập đảng Dân-chủ công khai (và cả bí mật nữa) đối lập chính quyền Diệm. Bác sĩ Dân đã bị cơ quan an ninh đòi hỏi nhiều lần, và chánh quyền tìm mọi cách gạt tên ông ra ngoài danh sách quốc hội. Tờ Thời Luận của ông Nguyễn xuân Thiện là tờ báo duy nhất mà bác sĩ Dân đã đăng tải nhiều bài dè dặt kích thích phủ Diệm.

Theo bản cung của bác sĩ Dân, chính Đại tá Nguyễn Chánh Thi mời bác sĩ tham gia. Có lẽ Đại tá Thi biết mình có thừa sức cầm quân đập phá một chế độ tàn bạo, nhưng việc chính-trị, việc kêu gọi dân chúng ủng hộ thì không phải việc mình làm? Bởi vậy bác sĩ Dân tự xưng là Ủy viên chánh trị của H.Đ.Đ.Đ. C.M. lên đài phát thanh đọc một bài dài một sát thậm tệ gia đình họ Ngô và kêu gọi nhân dân đứng lên đập phá chế độ tàn bạo. Bác sĩ hô hào hạ ảnh T.T. Ngô đình Diệm và xóa các khẩu hiệu suy tôn. Dân chúng hưởng ứng và cũng vì hưởng ứng nên sau đó nhiều người bị bắt bớ hoặc bị làm khó khăn.

Sau truyền đơn của Mặt trận quốc gia đoàn kết còn có các thứ truyền đơn của đảng Dân chủ (bác sĩ Dân) Dân xã (của Hoàng cơ Thụy, Phan bá Cầm...)

Chỉ có hai người có bằng cứ cụ thể tham gia ủng hộ cuộc đảo chánh, nhưng chính quyền Diệm bắt hầu hết các chính khách có tên tuổi. Và có lẽ sẵn dĩ Chánh quyền ra tay đàn áp các phong trào chống đối, trong đó có nhóm Caravelle. Kết quả luật sư Trần văn Tuyền, Lê ngọc Chấn và ông Trần bá Nhật bị giam gần ba năm mới đến ngày xét xử mới được về. Ông Trần văn Văn, Trần văn Hương, Tạ Chương Phú, Lê quang Luật, Trần văn Lý... bị giam giữ từ một tháng đến bốn tháng và được về sau khi phải bị làm tờ « kết sẽ không chống đối chánh phủ; Bác sĩ Nguyễn xuân Chữ và Hồ văn Nhật chỉ bị giữ vài ngày khi hỏi cung. Duy có ông Nguyễn Tường Tam từ chối hành động cụ thể nhưng chánh quyền không bắt giữ, có lẽ người ta nghĩ rằng bất tất cả căn cứ của ông ta là đủ làm rồi?

Trong số các người bị bắt có cụ Phan Khắc Sử và bác sĩ Dân bị ngược đãi nhất. Hàm răng bị hư (Xem tiếp trang 46)

SẮM TRẠNG TRÌNH ỨNG VÀO THỜI CUỘC HIỆN TẠI ?

Vệ Nam NGUYỄN KINH

L.T.S. : Đề cho đủ màu sắc Sắm kỳ Tây phương và Đông phương, chúng tôi đang bài « Sắm Trang Trình ứng vào thời cuộc ? » của cụ Vệ Nam Nguyễn Kinh, 1 nhà học ở Đức Phụng, tỉnh Quảng Ngãi. Sự thật tuy khoa học tiên bộ rất nhanh nhưng có lẽ cũng chưa thấm vào đâu đối với cái huyền bí của vũ trụ và con người. Bởi thế cái mà gọi là « huyền bí » nó vẫn còn « dật dưng » của nó mà vẫn còn « kiểu hành trước khoa học ? » (L.T.S.)

Cuộc tranh đấu của dân tộc đang ở vào giai đoạn cực kỳ quyết liệt. Có thể nói chúng ta đang ở trong cảnh dầu sôi lửa bỏng, việc sống còn nằm trong gang tấc. Một năm qua và gần đây xảy ra biết bao biến cố ở quốc nội cũng như quốc ngoại. Thế mà chúng tôi tuổi lại già, sức lại yếu, lại sống nơi đồng quê heo lánh khó mà biết được các « biến cố » hình như xảy ra hàng tuần ! Thời cuộc sẽ ra sao ? Tương lai của Nước Nhà đi về đâu ? Thật là khổ tâm, ây này cho những ai sớm chiều hàng lo lắng nhưng đành chịu bất lực ! Tôi quay về đọc sách cụ Trọng Trình. Sắm thì nhiều, khổ hiểu, người bình giảng cũng không ít, nhưng đúng hay sai đó là việc tùy độc giả đối chiếu với thời cuộc, với lịch sử...

Tết Ất Tỵ này có những sắc thái đặc biệt về thời cuộc nghiêm trọng của nước nhà, tôi xin cống hiến độc giả vài ý kiến về đời đoạn sấm của cụ Trọng Trình gọi là góp vui trong dịp Xuân về...

Tôi nhớ lại trong tập Sắm Trang Trình do Ngự Phò Giác sư tâm, Phạm Văn Thệ xuất bản năm 1955, cũng như Phạm Văn Giác sưu tầm Phạm Văn Tươi xuất bản 1956, đều có bài thơ bát cú « Ô hô thế sự tỵ bình bồng... » Theo ý tôi bài thơ này có thể ám chỉ vào giai đoạn đất nước chia đôi hiện tại, vì có hai chữ « Thiết lộ ». Mặc dù sau khi Cụ Trọng Trình (1494-1585, viết bài này, có lần Trần Nguyên Chấn dời đất nước (1672) lấy sông Gianh làm giới hạn mà lúc bấy giờ chưa có Thiết Lộ. Tôi đọc đi đọc lại bài Sắm ý không biết mấy lần để cố khám phá cho rõ nghĩa lời tiên tri của Cụ Trọng Trình. Luôn tiện tôi xin trình bày thêm vài đoạn Sắm của Cụ Trọng Trình với sự việc đã qua.

— Một đoạn ứng vào thời gian Gia Long phục quốc
— Một đoạn ứng vào giai đoạn Pháp đô hộ Việt Nam, (để tôi thêm ý nghĩa bài trên).

— Một đoạn ứng vào việc Ông Phan Khắc Sửu ra gánh vác việc nước, làm chủ tịch Thượng Hội đồng và làm Quốc Trưởng.

A) BÀI THƠ BÁT CÚ NÓI TRÊN

ỨNG VÀO HIỆN TẠI

... Ô hô ! Thế sự tỵ bình bồng,
Nam Bắc hà thời thiết lộ không.
Hồ ẩn sơn trung nao tín bạch,
Kính cư hải ngoại huyết lưu hồng.
Kẻ mệnh ngọc thọ thuyền khaynh bắc,
Ngưu xuất lam điền nhật cánh đồng.
Nhược đãi Ung lai sự tỵ thượng,
Tứ phương thiên hạ thái bình phong.

TẠM DỊCH

Tham ô ! Thế sự thiết lộ không,
Nam Bắc chứng non thiết lộ thông.
Cáo núp trong rừng lông rạp trắng,
Kính cư ngoài biển huyết loan hồng.
Trên cây gà gáy trời yên tĩnh,
Ngôi ruộng trâu ra ánh rạng đông.
Chờ lúc Ung lai sự tỵ thượng,
Thái bình sẽ khắp cả non sông.

Ý NGHĨA

CÂU 1 : « Tham ô ! thế sự Thiết lộ không » : Việc đời lộn lạo, bấp bênh tới giọt như mưa.

CÂU 2 : « Nam bắc chứng non thiết lộ thông » : Đất nước chia rẽ làm cho thiết lộ đứt đoạn, không biết chừng nào giao thông trở lại.

CÂU 3 : « Cáo núp trong rừng lông rạp trắng » : Ám chỉ cho Ho chi Minh núp trong khối Cộng sản âm mưu xích hòa Việt Nam, nhưng không nuôi được trọn vẹn cái tham vọng, mà tuổi già yếu, đầu râu tóc bạc.

CÂU 4 : « Kính cư ngoài biển huyết loan hồng » : Ám chỉ Bảo Đại bị thoái vị, bỏ ra hải ngoại để vẫy vùng, rồi cuộc lưu vong vẫn hoàn lưu vong, lại thêm hao tổn tâm huyết.

CÂU 5 : « Trên cây gà gáy trời yên tĩnh » : Ám chỉ mùa Thu năm Mậu Dần (1945) Hồ Chí Minh thừa dịp Nhật đầu hàng Đồng Minh, dùng dây cườp chèn quân tại Hà Nội. Sai người vào kinh cầu Huế buộc Bảo Đại thoái vị hiệp với câu : « Đầu Thu gà gáy xôn xao, Mặt trăng xưa sáng tỏ vào Thăng Long ».

CÂU 6 : « Ngôi ruộng trâu ra ánh sáng rạng đông » : Ám chỉ năm Sửu (1949) Bảo Đại lại ký hiệp định Elysée với Tổng Thống Pháp

AURIOL trở về Việt Nam lập chính phủ để đối lập với Hồ chí Minh hiệp với câu : Trâu chày ngốc lại chào đời bước ra.

CÂU 7 : « Chờ lúc Ung lai sự tỵ thượng » : Ung là loài cầm có kỳ tài. Lại là người đến. UNG LAI ám chỉ Hoa kỳ đến giúp Việt Nam tự do, vì Hoa Kỳ lãnh đạo khối tự do thế giới, lấy chim Ung làm uy hiệu, tượng trưng anh tuấn kỳ tài. Trong khối tự do nếu có nước nào bị xâm lăng Hoa Kỳ ra tay cứu vớt. Sự tỵ là loài thú có đuôi cùn, Thượng là vùng đất. Sự tỵ Thượng ám chỉ Trung Hoa vùng vậy tiêu diệt Cộng sản trong nước. Vì Trung Hoa vẫn minh thủ cổ, người đồng đất rộng mà bị ngoại xâm chia rẽ, kế tiếp vạn Cộng sản lan tràn, cảnh vật âu sầu, người ta thường gọi Trung Hoa là Sự tỵ ngũ. Đến khi gặp cơ hội Sự tỵ thực địa dùng cam uy vệ khác thường. Tóm lại : Việt Nam là nước tiêu, địa thế liên tiếp với đại lục địa Trung Hoa, không có thể nào Trung Hoa có loạn mà Việt Nam bình được. Và lại Việt Nam là một vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng ở Đông Nam Á cũng là theo chốt hòa bình ở khu vực này, mà miền Bắc Việt Nam cũng lúc địa Trung Hoa bị xích hóa về dĩ nhiên có ngày (Nhược đãi) Hoa kỳ phải đem hết năng lực kinh tế, quân sự giúp Việt Nam tự do, phá tan ranh giới vĩ tuyến 17, thống nhất Nam Bắc (Ung lai) Đồng thời nhơn nhập thuận tiện Trung Hoa vùng đất của cộng Cộng sản, phục hồi giang sơn (Sự tỵ thượng) Việt, Hoa tương quan bởi về hòa bình cho thế giới.

CÂU 8 : « Thái bình sẽ khắp cả non sông » : Sau khi Ung lai, Sự tỵ vùng đất, thái bình khắp cả thiên hạ.

(1) Hai chữ « Nhược đãi » trong câu 2 rộng nghĩa quá, không chỉ ở thời gian Nam Bắc thống nhất. Vậy muốn biết thời gian phải xem thêm một đoạn trong bài Bạch vân Ca của cụ Trọng Trình mới rõ.
(2) Trăng là chữ NGUYỆT (月) ; xưa là chữ CỐ (古) hiệp lại thành chữ HỒ (胡).
(3) Chữ BẢO (保) bỏ nhân đứng (丁) là chữ NGỐC (呆) ngầm ý của cụ Trọng vì Bảo Đại bị phế để nên bỏ bớt một bên.

B) ĐOẠN SẮM ỨNG VÀO THỜI GIAN GIA LONG PHỤC QUỐC

« Long vị, xã dân khởi chiến tranh
Can qua xứ xứ khê đao binh
Mũi dáo dương trước anh hùng tận
Thần đạo men tại kiến thời bình »

TẠM DỊCH

Sang tỵ cuối Tân khởi chiến tranh
Khập nơi quốc gia khê đao binh
Ngôi mũi trước anh hùng tận
Thần đạo năm sau dựng thời bình

Câu 1 : « Sang tỵ cuối Tân khởi chiến tranh » : Ám chỉ năm Giáp Thìn (1784) Nguyễn Ánh đem quân Xiêm về đánh Tây-Son. Tuy thua nhưng bắt đầu khởi chiến tranh từ năm ấy.

Câu 2 : « Khập nơi giặc già khê đao binh » : Ám chỉ năm sau khởi chiến tranh trong toàn quốc nơi nào cũng có giặc già như : Sa-Đéc, Vĩnh-Long, Mỹ-Tho (1787), Gia-Định (1788) Bình-Thuận, Khánh-Hòa, Phú-Nhơn (1782) v.v... đều chịu khổ về nạn chiến tranh.

Câu 3 : « Ngồi mũi trước anh hùng tận » : Anh hùng là ám chỉ cho ba anh em Tây-Son đến năm Ngọ (1798) Mùi (1799) đều đã chết hết : Nguyễn-Lữ chết năm 1788, Nguyễn-Huê chết năm 1792, Nguyễn-Phước chỉ năm 1793, chỉ còn một mình Nguyễn-quang-Toàn mới còn mười tuổi con của vua Quang-Trung. Năm ấy (Mùi) 1799 Nguyễn-Anh bắt anh hùng Tây-Son đã tận, bằng đem toàn lực hạ thành Phú-Nhơn là nơi sao huyết chính của Tây-Son.

Câu 4 : « Thần đạo năm sau dựng thời bình » : Thần đạo năm sau tức là năm Tuất (1802) Nguyễn-Anh, xưng đế rồi đem quân ra đánh Bắc-Hà bắt Nguyễn-quang-Toàn diệt Tây-Son, thống nhất Nam Bắc từ An-Xuyên đến Lạng-Son.

C) ĐOẠN SẮM ỨNG VÀO THỜI GIAN PHÁP ĐÓ HỘ VIỆT NAM

« Cầu cứu kiến khôn dĩ định
Thanh minh thời tiết ba tàn
Trực đầu đường đầu mã vĩ
Hỗ binh bất vận nhập Trường An »

TẠM DỊCH

Hơn tám mươi năm số rõ ràng,
Thanh minh thời tiết ba hoa tàn
Cuối Ngọ sang Mùi đang lúc ấy
Quân Hồ tam vận trấn Trường An

Ý NGHĨA

Câu 1 : « Hơn tám mươi năm số rõ ràng » : Ám chỉ năm Tân Dậu (1861) Pháp chiếm ba tỉnh : Định-Tướng, Biên-Hòa, Vĩnh-Long, đến năm Ngọ (1942) được 81 năm vừa bị Nhật-Bản tranh thủ Đông dương.

Câu 2 : « Thanh minh thời tiết ba hoa tàn » : Tiếp theo câu trên lấy thời tiết ba tàn trong mùa Xuân ám chỉ thời gian sự nhược của Pháp tại Việt-Nam. Mùa xuân có sáu (6) tiết, mỗi tiết 15 ngày. Thanh minh là tiết thứ 5 là lúc hoa tàn, còn lại đợt trong 15 ngày của tiết thứ sáu nữa mới hết mùa Xuân, hoa rui cũng như Pháp đô hộ Việt-Nam đến năm Ngọ (1942) Mùi (1943) Nhật tranh thủ Đông dương Pháp bắt đầu sự nhược đến 15 năm sau là năm 1950 hoàn toàn diệt toàn quân viễn chinh về nước.

Câu 3 và 4 : « Cuối Ngọ sang Mùi đang lúc ấy » : Quân Hồ tam vận trấn Trường An.

Tiếp theo câu trên, Hồ binh là quân đầu Nhật-Bản, năm 1940 đến 1943 Nhật bản thắng trận đánh bại trong Thái-bình-Dương, đem tám (8) vạn quân trấn thủ tại Việt-Nam cùng các khu vực khác trong xứ Đông Dương. Phối hợp với « Thế giới sự đại chiến lần thứ hai » có chép : Đường thời Nhật thắng trận trong Thái bình Dương có trên tám (8) vạn quân chuyển ra trấn thủ Đông Dương.

D) ĐOẠN SẮM ỨNG VÀO VIỆC ÔNG PHAN KHẮC SỬ RA GÁNH VÁC TRỌNG TRÁCH QUỐC GIA

1) Ai để cứu con thơ sa giềng
Đau nhàu lòng chiến chiến đau nhàu.
2) Vạn dân chịu ách chiến tranh ôi đau
Kẻ dư đời ngủ một hũ máu cho.
3) Cây cây thu mãi thời mưa
Bây giờ phá ruộng là chờ mưa ai.
4) Nhìn ra cội diệt viễn lai
Chứng phần binh nhọc, chứng nư lương tai.

PHÂN TÁCH Ý NGHĨA

1) Ý nói người lãnh đạo làm sai đường lối, không đúng theo chiến nghĩa, tranh giành chia rẽ đất nước sát hại lẫn nhau :

« Ai để cứu con thơ sa giềng,
Đau nhàu lòng chiến chiến đau nhàu ».

2) Nhân dân chịu ách chiến tranh ôi đau ôi đau, năm Giáp Thìn, tinh thế năm âm lịch là 11 năm, miền Nam Việt Nam mới có THƯỢNG HỘI ĐỒNG QUỐC GIA ra đời.

« Vạn dân chịu ách chiến chiến đau nhàu »

Kẻ dư đời ngủ một hũ máu cho ».

3) Ý nói làm nông phải cần đến cây, đến mùa cây đem ra mà dùng, cũng như nước nhà có việc, trách nhiệm người có tài có đức phải ra đảm đương không cho nhưỡng cho ai nữa. Câu này dùng chữ rất dụng ý, thành ra nghĩa hơi trừu tượng. như chữ *Phá ruộng* chẳng hạn, nhưng lại đó là chữ cốt yếu của bài này. *Phá ruộng* tức là *Phá điền*, cắt tự ra thành chữ *SỬ T*. Sự này ám chỉ cho Ông Phan Khắc Sửu là kỹ sư. Canh nông, là nhà cách mạng lão thành, hiện nay ông đã ra đảm nhiệm THƯỢNG HỘI ĐỒNG QUỐC GIA và làm Quốc Trưởng.

« Cây cây thu mãi thời mưa,
Bây giờ phá ruộng là chờ mưa ai ».

4) Trước đây Trung tướng chủ tịch HUYỀN VĂN MINH mở cuộc thăm dò ý kiến, để thành lập Thượng hội đồng quốc gia rất có nhiều đoàn thể và nhân dân đề nghị, lại cũng có tham thư bèn Pháp gọi về, yêu cầu ông Phan Khắc Sửu ra đảm nhiệm. Naur vậy đủ tượng trưng sự đồng ý của toàn dân.

« Nhìn ra cội diệt viễn lai,
Chứng phần binh nhọc, chứng nư lương tai »

Như vậy năm Ngọ (1954) đất nước chia đôi, đến năm Thìn tinh thế âm lịch 11 năm, miền Nam Việt Nam mới có Thượng hội đồng quốc gia do ông Phan Khắc Sửu làm Chủ tịch làm « cội bản pháp lý cho nền dân chủ », sau đó ông được cử làm Quốc Trưởng.

(Xem tiếp trang 47)

Thơ

NGHĨA VÀNG SON

PHAN-BÁ-PHỤNG

Tôi viết cho em thơ nồng,
Em rót cho tôi rượu ngọt,
Vị tình duyên tẻ tái chiếc hôn đầu ?

★

Trời nặng mây mù trên mây dăm thương
đau,

Là biếc hoa hồng tháng năm hôn tui.
Tôi đi giũ về mưa trên giòng đời phong vũ,
Bước chân trên sỏi đá xót xa.

Roi vùi tâm hồn cho hết kiếp tái hoa.
Câu hò hẹn đỏ chường không viết nữa,
Thơ « Huyết lệ » từng trang được buồn
đôi lứa;

Đôi vào ngõ cũ, tự mình thương.

★

Nhưng rồi tôi bỗng gặp em...

Mi xanh rớm ướt màu sương,

Lênh đênh mái tóc rối tình duyên,

Áo trắng đơn sơ chiều thu gió lòng :

Tôi bắt gặp em ngược nhìn bốn hướng

Em bắt gặp tôi cúi lưng để băng khuâng.

Vội va quay về con bướm mùa xuân,

Cánh mỏng còn nguyên màu lá biếc hoa
hồng.

Lời xưa hò hẹn, giờ viết thành thơ

« Huyết lệ » đáng em cho vẹn niềm đôi lứa.

★

Em nhận tình tôi

Khi cuộc đời chênh vênh trắc trở

Khi ánh đèn khuya, phố nhỏ, lạc loài

Mơ dáng em đi, bóng ngã đường dài

Hun hắt gió thu, về trên xứ lạ

★

Từng giọt mưa buồn,

Rơi trên mái lá.

Tôi viết thơ tình chịu chất nghĩa vàng son.

PHAN-BÁ-PHỤNG



CUNG CHÚC TÂN XUÂN

SALON

TRẦN - QUANG - KHẢI

Phòng trưng bày Sĩ cút to lớn nhất Thủ-Đô

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Tiệm vàng

KIM HOÀN

VÀNG TỐT, GIÁ RẺ, KIỂU HỢP THỜI

26, đường Ông bà Nguyễn trung Long

MỸ THO

KÍNH MỪNG NĂM MỚI

Bác sỹ

TRẦN VĂN DU

Phòng Thí - Nghiệm Y - Khoa

58D Cao Tường

SAIGON

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Trường huấn luyện cắt, may chuyên nghiệp
HOA PHƯỢNG

46, Phan-dinh-Phùng — Saigon

● Trường HOA PHƯỢNG đã chiếm kỷ-lục về ngành dạy Cắt May liên tiếp trong 7 năm qua đã đào tạo 10.215 học viên trở thành chủ nhà may danh tiếng ở Thủ đô và thợ tại ba loi lạc khắp miền Nam V.N.C.H.

● Chuyên dạy Âu, Việt phục, thời trang phụ nữ và áo đầm trẻ em. Bảo đảm thành tài trong thời hạn ngắn.

● Trường rộng rãi mát mẻ, nội trú đủ tiện nghi, kỷ luật nghiêm minh, học phí nhẹ.

● Nữ hiệu trưởng trẻ trung vui vẻ có Cấp bằng cắt may khéo nhưt V.N. sáng chế nhiều kiểu mới nhưt 1965 để chỉ dẫn cho học viên.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

PHONG NGŨA

GHÉ CHÓC LỜ LỎI, GÃI TỚT ĐÀU

AN LẠN TỚT ĐỒ

Không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà hết, uống :
GIẢI PHONG

SÁT ĐỘC HOÀN

ÔNG TIÊN

30 NĂM SÁNG LẬP

Hải các tiệm thuốc Hoa - Việt

Nhà thuốc **ÔNG TIÊN** Phú lâm — Chợ lớn
KNBYT số 3 — 9-5-63

Cung Chúc Tân Xuân

VISYFASA

VIETNAM SYNTHETIC FABRICS S. A.

14E, Tôn - thất - Đạm — SAIGON

Đ. T. 92.605

Chuyên sản xuất các loại hàng

TETORON và NYLON

BỀN BÌ — ĐẸP ĐẸ — GIÁ RẺ

không thua hàng ngoại quốc

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Xin giới-thiệu với bạn đọc báo ĐỜI MỚI Xuân đạt
quan có xuất bản và phát hành từ
ngày 25 tháng chạp Giáp Thìn.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

ĐẠI LA THIÊN TỬU LÂU

— ĐỦ CÁC MÓN ĂN TÂY, TRUNG-HOA, VIỆT

— NHẬN ĐẶT TIỆC CƯỚI HỎI, HỌP BẠN.

Món ăn ngon, giá nhẹ, chiêu đãi viên lịch thiệp
sẽ làm vừa lòng quý vị.

TRẦN TRỌNG KÍNH MỜI

大羅天酒樓

地址：堤岸波蘭街（即牛角街）卅一至卅三號

自動電話：三六八九三

RESTAURANT

ĐẠI-LA-THIÊN

TỬU LÂU

Điện thoại : 36893

31 - 33, Đường Lân - Ông (Thiền cũ)

CHOLON

Thời cuộc và Sấm ký

(Tiếp theo trang 15)

nhau một ván cờ đã khởi đầu từ tuần thứ nhất (đầu thế kỷ 20) vua Ngà, vua Mun, vua Vàng. Vua Ngà, nếu không lưu ý đề phòng, sẽ bị hai vua kia chơi cho những đòn khéo léo làm suy giảm rất nhiều lực lượng. Vua Mun và vua Vàng sẽ tranh đấu với nhau bởi vì chỉ có hai vua mới là đối thủ thực sự. 2 tuần sau (20 năm sau) Vua Vàng đánh bại hẳn hai vua kia.

Có phải 3 vua của Ulrich de Mayence tương trưng cho 3 sắc dân da trắng, da đen, da vàng không?

Theo ý nhà bác học Ebénézer Holz thì cách kiến giải này đúng và sự diễn biến thời cuộc thế giới cho phép chúng ta suy luận như vậy.

Trên đất nước Việt-Nam, từ lâu đã lưu truyền bài thơ Sấm sau đây:

*Ngọc điệp, kim ngôn phó thế nhân
Minh minh chỉ giáo bút sinh thần!
Thiên Nga Đắc Mạc không hoài nộ,
Sư tử Nam Hoa mặc động sân.
Mỹ Lợi nan bốn song diện hỏa,
Pháp Lan nguy trở lưỡng đầu cần
Anh hùng thử hội đa điên đảo
Thế giới như hà đại cù phần.*

Tạm dịch:

*Lời vàng, tiếng ngọc đưa ra,
Minh minh truyền dạy gần xa to tường
Đội hươu sa mạc bắc phương
Thiên nga lưỡng giác không đường tung bay
Nam Hoa lặng lẽ chờ đây,
Mãnh sư nổi giận có ngày hiềm nguy
Mắt công cường quốc Hoa kỳ,
Hại bên lửa cháy cách gì đẹp tan?
Cuộc cờ sắc rồi gian nan.
Hai đầu cân nặng Pháp Lan ưu sầu.
Anh hùng rồi trí lo âu,
Mấy phe thế giới tranh nhau bá quyền.*

Bài thơ Sấm này tương truyền là của một vị tiên giáng bút. Giả tỷ, ông tiên này xuống làm thủ tướng một nước thì có lẽ cũng xứng tài. Ông nhận định tình thế giới như một nhà chính trị lão luyện.

Chim Thiên Nga ở sa mạc phương bắc là nước Nga. Giận phe Tây Minh, giận Trung Cộng thì có giận thật đấy, nhưng nhứt định Nga không dám gây chiến.

Con sư tử ở Nam Hoa là Trung Cộng. Trung Cộng đương âm ập cái mộng làm bá chủ hoàn cầu hay ít ra là nắm quyền chỉ huy khối Cộng sản. Mặc dầu chưa có lực lượng nguyên tử đáng kể, Trung Cộng mới thật là hiểm họa cho thế giới và đầu tiên là cho Nga. Đầu năm 1963, Bắc Kinh đã ấn hành sách « Trung Hoa cận đại lịch sử » liệt kê hai vùng đất mà Trung Cộng tuyên bố thế nào cũng đòi lại cho kỳ được.

Vùng Đại tây Bắc bị Nga chiếm năm 1864. Trung Cộng đòi Nga trả lại phần lớn các tiểu bang số viết Kazakhstan, Kirghizistan, Turkestan.

Vùng Đại Đông Bắc gồm miền Khaborowsk, trong đó có quân cảng Hải Sâm Uy (Wladiwostock) của Nga hiện thời.

Đó là mới kể sơ sơ vậy thôi, chưa nói đến Ngoại Mông và cao nguyên Pamir.

Xung đột Nga xô — Trung Cộng là xung đột trầm trọng. Trung Cộng phải rửa cái nhục thua quân mất đất của tiền triều.

Về phía Mỹ, năm 1965 là một năm khó nhọc. Lửa cháy ba bên bốn bề. Tình hình Congo, tình

hình Đông Nam Á trong đó Việt Nam, bắt buộc Mỹ phải bỏ tàu cứu ứng rất mệt. Đó là chưa kể Cuba, hiềm họa Cộng sản nằm sát nách và những sự rối loạn có thể sẽ xảy ra ở Trung Mỹ và Nam Mỹ (Mỹ Châu La Tinh).

Pháp với tướng De Gaulle có ước vọng đứng trung gian giữa Nga và Mỹ để thủ lợi. Hai đầu cân đều nặng, Pháp phải tốn nhiều tâm cơ trí lực mà chưa chắc đã có gì lợi. Chia ba thiên hạ đúng trung gian, xúc xiêm cho Mỹ Nga hục hặc nhau, Pháp chưa đủ sức chơi nước cờ cao thâm và nguy hiểm này. Đã vậy mà Nga Mỹ đều biết đến tâm can, tỷ phé của Pháp thì Pháp khó lòng làm được chuyện gì có lợi. Lợi đâu chưa thấy, chỉ thấy hại mà thôi.

Và đây là một bài thơ Sấm khác có liên quan đến vận mệnh Việt Nam nhiều hơn:

*Hoàng Hải phong triều hữu kỳ tri
Nam viên kẻ xướng chính đương thì.
Tây Âu trực đảo Trung thiên lĩnh
Đông Á trường khu Bắc địa ly
Nhật xuất sơn đầu hoa thảo chuyển
Nguyệt quy hải ngoại, đầu tinh đi
Sau vãn kếm kích phù nguy chủ
Khả đãi huyền cơ tối diệu kỳ!*

TAM DỊCH

*Biển vàng sóng gió đổ ai hay?
Gà gáy vườn Nam chuih lúc này
Đến núi giữa trời, Âu đứng lại
Về rào phương bắc, Á xa bay
Đầu non nhứt hiện hoa rung động,
Ngoài biển trắng về, sao dời thay
Gươm giáo ai phò vua khôn khở
Huyền cơ chờ đợi họa rằng may*

Sóng gió biển vàng (Hoàng Hải Phong triều) là những biến cố về thời cuộc ở Á Đông. Gà gáy vườn Nam tức là việc Pháp hưng binh chiếm lại Nam-Kỳ vào tháng 9 năm 1945.

Hai câu 3-4 nói về cuộc kháng chiến của dân tộc Việt-Nam. Quân kháng chiến rút lui vào núi rừng, nương dựa địa hình, địa thế, đối địch với quân xâm lăng có đầy đủ vũ khí tối tân.

Câu thứ 5 chưa biết ứng nghiệm vào sự việc gì. Câu thứ 6 (nguyệt quy hải ngoại) có thể chỉ vào việc phân bội chính nghĩa Dân tộc mà Việt Minh là thủ phạm. Vầng trăng khi còn khuyết có tượng lưỡi liềm và búa liềm là huy hiệu Cộng sản.

Câu thứ 7 chỉ vào việc những chính quyền bạo ngược không thể tồn tại lâu dài. Phàm gọi là chính quyền thì phải có chính nghĩa. Chữ nếu chỉ trông vào võ lực mà bỏ mất nhân tâm thì trước sau gì cũng vong gia táng mạng. Ngô Nam, Hồ bắc, Ngô mất, Hồ tiêu. Ngô đã tiêu rồi, Hồ bao giờ đến lượt phải đến tội đấy?

Câu thứ 8 nói về sự diệu kỳ của huyền cơ, tương lai có nhiều biến đổi lạ lùng mà không ai đoán trước nổi. Lịch sử có nhiều cuộc biến đổi thoát ly hẳn viễn kiến dự đoán của loài người. Tuy nhiên, cứ theo giọng thơ thì tương lai Việt-Nam hẳn có phần sáng sủa.

Đã từ bao nhiêu lâu, người Việt truyền tụng bài thơ Sấm sau đây, tương truyền là của Trương Trinh, dự đoán về thời cuộc Việt-Nam.

*Ta hồ, thế sự tận bình bình,
Nam Bắc hà thời thiết lộ thông
Cà đản Trung sơn mao tận bạch,
Kinh thôn Lan hải huyết lưu hồng.*

*Trư bốn ngọc thờ thiên khuyh bắc,
Ngưu xuất lam điền nhứt chính đông
Bất đãi ô minh sư tử thượng,
Thái bình thiên hạ hiệu xuân phong*

Tạm dịch

*Việc đời rắc rối vô cùng,
Chừng nào đường sắt hai vùng nối thông?
Ở hang cà trắng mầu lông,
Kinh xoi Lan Hải máu hồng liên miên
Heo về ngọc thờ trời nghiêng
Ruộng xanh chói nắng trâu liền bước ra
Quạ kêu sư tử nào xa,
Gió xuân thiên hạ ư ca thái bình.*

Cái khó của bài thơ Sấm là có những địa danh không viết hoa. Chữ Nho thì viết hoa thế nào được. Trung Sơn là đất Trung Sơn hay là trong núi, giữa núi? Lam Hải là biển Lam hay biển nổi sóng? Ngọc thờ và Lam Điền có thể là địa danh và cũng có thể chỉ là đất ngọc và ruộng xanh.

Cứ theo hai câu đầu thì tình hình Đại Hàn cũng có thể ứng hợp được.

Nam Bắc hà thời thiết lộ thông?

Có lẽ còn lâu lắm. Chiến tranh sẽ ác liệt. Cờ, một thứ rừng chưa mọc sừng, ăn ở Trung-Sơn, tầm gọi mưa gió tuyết sương nên lòng trắng toát. Có lẽ chữ cà này ám chỉ quân du kích Việt Cộng chăng?

Kinh thôn Lan Hải? Kinh ngọc ám chỉ về những chiến hạm tấn thời chẳng? Sẽ có nhiều trận thủy chiến ở ngoài khơi Bắc Việt như đã xảy ra chăng? Trận thủy chiến tương lai chắc kinh khủng hơn. Trời sẽ nghiêng ở phương Bắc: Thiên biến hay nhân biến đấy?

Quạ và sư tử tượng trưng cho cái gì?

Rất nhiều bậc cổ lão người Việt còn tin theo câu:

PHÁ DIỄN, THIÊN TỬ GIẢNG TRẦN

Phá diễn, chữ diễn, sớ dài xuống là chữ giáp (𠂔). Giáp gì đây? Giáp Thìn chăng? Có người nói phá diễn là chữ sừ (𠂔). Nhưng mà năm sừ nào mới được chứ?

Dù là có anh hùng dân tộc xuất hiện đi nữa thì những người Việt yêu nước cũng phải hoạt động cho thật hăng say. Công cuộc kiến tạo hòa bình và thống nhất cho xứ sở đòi hỏi sự tham gia tận lực của nhiều nhân tài chính trị và quân sự, vì hiểu rõ lẽ ấy, cho nên cụ Trương Trinh bảo rằng:

*Phá diễn thiên tử giảng trần,
Vũ sĩ nhục nãi, mưu thần như lâm.
Trần Công nãi thị phúc tâm,
Giang hồ xử sĩ Đào Tâm xuất du.
Tướng thần hệ xuất Y Chu
Thử thời phục kiến Đường Ngụ thị thành
Hiệu xưng thiên hạ thái bình!*

Ai là Y Doãn, Chu Công của thời đại mới? Nếu có anh hùng dân tộc xuất hiện thì vũ sĩ theo về như nước, mưu thần quy tụ như mây. Cơ hội ngàn năm một thuở, vị anh hùng dân tộc có được hạn tuần của nhân dân sẽ đẹp yên bốn cõi.

Thái bình trong chiến thắng và vinh dự. Việt-Nam đương khắc khoải chờ đợi một Trần-hưng-Đạo, một Nguyễn-quang-Trung.

Khi thiêng sông núi vẫn còn, có lẽ nào sử Việt ở thế kỷ thứ hai mươi này lại tiêu điều, vắng vẻ?...
LAM - GIANG

TIẾNG SÉT

(tiếp theo trang 17)

Chú ngồi xuống ghế còn bỏ trống bên cạnh Huyền. Chú lặng lẽ nhìn Huyền. Chú chăm chú ngó đôi mắt Huyền, vầng trán Huyền, cái cổ Huyền. Và đột nhiên, tim chú thất lại. Chú tưởng mình là nạn nhân một ảo giác, miệng lầm bầm

— Vô lý quá!

Huyền quay lại ngo ngắc hỏi:

— Chú bảo cái gì vô lý...a?

Chú nhìn người ra nghĩ ngợi ngó Huyền một lần nữa, khiến Huyền càng bẽn lèn:

— Là quá!

Huyền ngước mắt ngó chú:

— Chú bảo cái gì lạ a?

Không thể dừng được, chú nói với Huyền:

— Là một điều lạ gặp Huyền lần đầu tiên... cảm giác, chú đã gặp cháu nhiều lần, các lần này, ba mươi năm...

Huyền phì cười:

— Cách đây hai ba mươi năm, thì mẹ cháu chưa để cháu làm sao chú gặp cháu nổi??..

Chú ngo ngắc trả lời:

— Ủi nhỉ?

Nhưng đột nhiên Huyền cũng trở nên dăm chiêu, Huyền ngập ngừng bảo chú:

— Mà là thật! Chú vừa bước vào phòng đọc sách, cháu đã «nhận» ra chú. Đúng như chú nói cháu đã gặp chú ở đâu, đọc thư chú, đọc sách của chú cũng vậy. Cháu không thấy xa lạ gì với chú. Sao thế, hở chú?

Chú không biết giải thích thế nào. Chú định nhìn mình không lầm, nhưng không biết ở đâu. Trong suốt buổi gặp gỡ, chú và Huyền sung sướng ngượng-ngượng ngó nhau, hết một đôi tim nhàn sau bao năm xa cách tại ngộ nhau cho nên vẫn còn ngỡ ngỡ xưng-sùng. Chú có tạo một không khí «chú cháu» nhưng không tạo nổi.

Một tuần sau buổi gặp gỡ ở thư viện, chú nhận được thư của Huyền báo tin chú biết cả gia đình Huyền đi Balat nghỉ mát, chỉ có một

minh Huyền ở nhà. Huyền mời chú lại thăm Huyền vào chiều thứ bảy. Huyền có nhiều điều quan trọng muốn nói với chú. Chiều thứ bảy chú y hẹn tới nhà Huyền... Chỉ có một mình Huyền và người đầy tớ gái ở nhà, Huyền được tự do tiếp chú nên Huyền sung sướng lộ ra nét mặt. Huyền chạy lẩn-xăng pha nước cho chú uống, lấy thuốc lá cho chú hút, Huyền dẫn chú vào buồng học của Huyền. Đột nhiên Huyền nói với chú:

— À, để cháu lấy cuốn «anbum» riêng của cháu, có hình mẹ cháu cho chú coi...

Rồi Huyền loay hoay lấy chìa khóa mở tủ, lấy ra một cuốn «anbum». Chú ngồi trước cái bàn học của Huyền, Huyền đặt quyển ảnh lên bàn, đứng sát bên chú, mở cuốn «anbum» cho chú coi. Huyền vừa mở trang đầu cuốn ảnh, thì mắt chú rơi đúng hình một thiếu nữ.

— Mẹ Huyền đấy, cũng tên là Huyền như Huyền...

Chú lặng người, ngó bức hình, tìm muốn ngừng đập: cái hình dưới mắt chú chính là hình ảnh của Huyền, người yêu đầu tiên của chú, đến chết. Trong thoáng giây, chú chợt hiểu tại sao chú xúc động khi lần đầu tiên đọc thư Huyền, khi lần đầu tiên gặp Huyền mà có ảo tưởng như đã gặp cách đây 2, 30 năm. Chú bàng-hoàng chưa thốt nên lời, thì Huyền đã nói:

— Chú thấy sao, mẹ cháu có giống cháu không?

Mãi một lúc sau, chú mới ngắc ngoại hỏi Huyền:

— Đây là mẹ cháu?

— Dạ...

Bất giác, tay chú quàng lên vai Huyền, chú vuốt đầu Huyền xuống lấy tay ngửa mặt Huyền về phía chú, định hôn lên vầng trán Huyền. Không hiểu Huyền vô tình hay cố ý, Huyền ngửa mặt lên cho chú ngó, và trong lúc tâm hồn bất loạn, tưởng Huyền trước mắt là Huyền cách đây hai ba mươi năm của chú, mới chú khẽ chạm vào môi Huyền.

Chú như người bị động, vội buông tay rời khỏi Huyền, và chú từ nước mắt ập ừng:

— Chú xin lỗi cháu, không phải chú mạnh tàm.

Anh em rất phấn khởi, nhao nhao lên, người thế này, kẻ thế nọ, chung quy đều là họ Ngô sắp mặt vậy.

Hai anh Phan-Thông và Huỳnh, có nghiêng cứu tử vi, lại chắc rằng «Giáp Ất Bình Đỉnh... Phục binh Tang Khố...»? gì gì đó. Nội năm nay họ Ngô sẽ chết hết. Làm cho anh em càng háng, mỗi người mỗi câu, ồn ào không bao giờ dứt. May mà các «xếp» đang bận đánh chén, đánh bài.

Sau bài thơ của tôi, anh em lần lượt đọc mỗi người một bài, tiếc rằng lâu ngày tôi không nhớ hết. Đến nỗi hai anh Hồng và Tung, chưa bao giờ biết làm thơ, cũng làm, cũng đọc «trời hột sen». Mặc dầu là thơ «trật đường rầy», nhưng ý thì háng hề làm. Đọc xong thơ và chuyện vãn, đến 4, 5 giờ sáng mới ngủ.

Mồng 1, mồng 2, mồng 3 Tết, đời sống vẫn trôi như thường lệ. Sáng, 10 giờ mở cửa ăn trưa, chiều 16 giờ mở cửa ăn tối.

Trong ba ngày Tết, anh em đã phân công nhau mỗi người kể một chuyện vui, hoặc làm thơ, hoặc ca hát, để gọi là ăn Tết như ai vậy.

Mồng 2 Tết, 5 giờ chiều, nằm trong phòng kín, nghĩ đến «nỗi buồn đường xa», thì nghe sau nhà bộp, các «xếp» nhậu nhết say sưa, đem pháo ra đốt chúc mừng nhau, rồi say quá, «xài xè» nhau.

Nghĩ người ta ngoài đời, Tết đến, thì đủ thứ, còn chúng tôi thì trà không, rượu chẳng có, bánh mứt, thật cả vắng teo, co ro trong «phòng tôi» không đi đâu được.

Cảm hứng, làm bài thơ, gọi anh em đứng đây kể tai vào lò tam giác nghe:

Tết này một Tết nữa, là hai,
Cũng Tết «biệt phòng» cũng tại đây,
Mức bánh không xong, vì lạ miệng,
Thịt tôm chẳng thiết, một công nhai,
Rượu trà, không uống, đau bao tử,
Pháo nổ, chẳng xé, điếc tai tai,
Chẳng viếng thăm ai cho nhọc xác,
Biệt phòng tình đường, đợi ngày mai.

Rồi, cuộc đời im lặng trôi. Các «xếp» vui thì một vài tuần cho tam giác một lần. Khi nào «xếp»,

Sự xúc-dộng quá tròn của chú làm cho Huyền không hiểu, ngo ngắc ngó chú. Chú biết nếu không tự ngăn cản nỗi chú sẽ kể tất cả sự thật cho Huyền nghe, thì thật tai hại... Chú bèn kiểm soát cáo biệt Huyền, khiến Huyền càng ngạc nhiên không hiểu...

Trên đường trở về, chú ngồi trên xe như kẻ mất hồn. Chú chợt nhớ tới bức thư cuối cùng của Huyền — mẹ đẻ Nguyệt-Huyền — gửi cho chú cách đây hơn hai mươi năm, trước khi Huyền về nhà chồng.

«Nếu em để con đầu lòng là con gái, thì con gái em nó sẽ thay em yêu anh. Đó là cách trả nợ duy nhất của em. Anh ráng đừng vội lấy vợ, đợi con gái đầu lòng của em nó lớn nhé.»

Huyền lấy chồng được ít lâu chú cũng lấy vợ. Ai ngờ hai mươi năm sau, lời nguyện của Huyền thì khiến chú gặp Nguyệt-Huyền.

Sau buổi coi «anbum» ở nhà Huyền, chú lại càng lạnh mặt Huyền, thì Huyền lại đi lúng chú, như chú nợ lòng khách nợ. Cuối cùng Nguyệt-Huyền tóm được chú, chú đành kể tất cả cái bí mật tình duyên ngang trái giữa mẹ Nguyệt-Huyền và chú cho Nguyệt-Huyền nghe, Nguyệt-Huyền lắc đầu khò, hôn lên trán chú rồi bỏ về. Cách đây sáu tháng, Nguyệt-Huyền làm lễ thành-hôn với người bác-sĩ vừa ra trường, và trước khi về nhà chồng, Huyền gửi cho chú lá thư cuối cùng:

«Cháu đã mang trong huyết quản, tình yêu của mẹ cháu đối với chú, nên chưa gặp chú, chỉ đọc sách chú, cháu đã «yêu» rồi. Giá cháu chưa có gia-đình, cháu «dám» lấy chú.»

Thôi chú ráng sống tới năm 70 tuổi, cháu để đưa con gái đầu lòng, con gái cháu nó sẽ yêu chú, để trả nợ dùm cho cháu. Chú đừng bảo cháu ngạo chú. Thì hào Đức Goethe năm 80 tuổi, chẳng yêu một nữ sinh 17 tuổi là gì?

Thu-Dung ơi! cháu cầu Trời khấn Phật cho chú sống tới năm 70 tuổi đi. Buồn chết được cháu nhỉ? Cháu đã hiểu thế nào là tiếng sét của tình yêu chưa.

CHU-TU

Tết trong «Cát-Sô»

(tiếp theo trang 20)

rao giắc của phòng mình, canh chừng ngoài cửa sát-kai có «xếp» đến là ra ám hiệu để anh em im lặng. Liệt liệt trong «cát sô» là phải ngậm câm, không ai được nói một tiếng nào, nếu «xếp» nghe tiếng nói là mự cưa vào đánh ngay, có khi vui tay «xếp» đánh luôn tất cả, những người không vi phạm!

Đấy, «khai bút» gia chúng tôi là thế đấy.

Đề nghị của anh Phan Thông được tán thành nhiệt liệt: và anh em cứ tôi, liệt đứng giao thừa, đọc bài thơ «khai bút» đầu tiên vì tôi là niên trưởng (sau khi các anh lớn tuổi Cẩm, Thông, v.v... dời đi nơi khác, tôi là người nhiều tuổi nhất trong đám anh em còn lại).

Tôi nhận lời và đưa thêm ý kiến rằng từ bây giờ (20 giờ) đến giao thừa, anh em không ai được nói một tiếng nào để mỗi người được yên tĩnh mà chuẩn bị bài thơ «khai khẩu» và hướng về gia đình mình. Rồi, từ giao thừa trở lui, ai ai cũng phải vui vẻ, háng hái, không một ai động tư lự và nhắc nhở đến gia đình nữa.

Ý kiến được tán đồng. Và trong «biệt phòng» lại im phăng phắc.

12 giờ đêm. Giao thừa.

Ngoài đời, tiếng chuông chùa ngân, tiếng chuông nhà thờ đổ, mọi nơi pháo nổ đi dưng đón Xuân về.

Anh em chúng tôi, nghĩ xa rồi, lại nghĩ gần, vô cùng bồi hồi, cảm động. Tất cả anh em ai còn ở quán nào chính thì nhất đều mặc vào, mặc đầu ai ở phòng kín này, không thể thấy nhau, rồi đưa miếng rạ lá tam giác lần lượt chúc mừng nhau năm mới.

Xong, tôi đọc bài thơ «khai khẩu», thất ngôn, bát cú:

Làm trai quyết trả nợ tang bồng
Giàn khải nào lay nổi chí hùng
Lở vắn sa gì thân cá chậu
Thú cơ chi kẻ phàm chim lồng
Tinh nhà xin hẹn cầm trịch đất,
Ng nước phải đến với Núi sông
Chiến bại nay rồi, mai chiến thắng
Làm sao khỏi hổ giồng Tiên Rồng.

quên hoặc bức mình, thì hai, ba tháng một lần. Lúc nào tình hình ở ngoài rắc rối cho họ Ngô, thì các «xếp» mở cửa vào «đánh chơi»!

Cũng vì thế mà vào tháng 10-1962, neron một việc không đâu, các «xếp» do «xếp» Chép chỉ huy mở «chiến dịch đánh chơi» trong một tháng 6 ngày trời. Hai ba ngày đánh một lần, có khi một ngày đánh hai lần, ba lần.

Kết quả của «chiến dịch» này anh Hà-đắc-Hồng bị gãy và thành tật tay trái và tôi bị gãy và thành tật xương sườn trái.

Đầu năm 1963, tôi được đưa qua Công an với tất cả anh em chính trị phạm quốc gia để ra Tòa án quân sự đặc biệt.

Tết thứ ba ở tù (tháng 2/1963), tôi ăn Tết ở trại B cầu lưu xá Nha Tổng giám đốc Cảnh sát Quốc gia, cùng các anh Phan-khắc-Sử, Phan-quang-Đán, Vũ-hồng-Khanh, Đinh-xuân-Quang, Lê-ngọc-Chấn, Trần-văn-Tuyên, Phan-bá-Cầm, Nguyễn-thành-Vinh, Trần-Tương v.v., và các chị Trần-thị-Kim-Dung, Lương-thị-Thanh-Lan.

Tết này, hẳn nhiều anh em sẽ nhắc đến, tôi xin miễn nói vậy.

Có một điều là tôi không có thân nhân tiếp tế, mà Tết này tôi lại là người sang nhất trong các anh chị em được gia đình tiếp tế, nào dưa hấu, bánh chưng, mứt, bánh ngọt, nào thịt gà, thịt vịt, v.v... tha hồ đủ thứ.

Vì, biết tôi không ai tiếp tế, anh chị em khi được tiếp tế, đều chia bớt cho tôi, thành thử tôi «giàu» nhất.

Chiều mồng 4 Tết, tất cả anh chị em trong vụ đặc chính ngày 11-11-1960 đều đưa qua khám Chí-Hòa để ra Tòa án quân sự đặc biệt.

Đấy, tình thân quốc gia chúng ta là thế đấy.

Chúng tôi luôn luôn chắc chắn rằng với truyền thống bất khuất của dân tộc Việt-Nam chúng ta, không một chế độ Cộng-Sản hay Độc tài nào, đi ngược lại quyền lợi của đất nước, có thể ngự trị trên mảnh giang san gấm vóc này.

TRẦN MINH
Xuân Ất Tỵ

Tiếp theo trang 18

THỜI KỲ NIÊN THIẾU

Qua thời kỳ thơ ấu sống dưới trường cha mẹ, chịu ảnh hưởng độc nhất của gia đình, ngày nay trẻ em đã bước sang giai đoạn học đường. Mỗi ngày trẻ em thoát khỏi ảnh hưởng gia đình liên tiếp mấy giờ, mỗi ngày hai buổi, và chịu một ảnh hưởng mới: ảnh hưởng của các ông bà giáo và ảnh hưởng của chúng bạn, nói chung là ảnh hưởng của học đường, của lần bang, của bạn bè.

Ảnh hưởng của học đường không theo một khuôn mẫu với ảnh hưởng của gia đình. Bài học, bài làm, cách thức giữ gìn sách vở sạch sẽ, bút viết, cặp luôn luôn đầy đủ, vân vân, trẻ em thấy có một thứ bốn phần đối với thầy mà cha mẹ không có quyền xen vào sửa đổi, trẻ em thấy mình ra khỏi sự kiểm chế của cha mẹ một phần nào và thấy rằng gia đình phải nhường quyền ưu tiên cho học đường, cha mẹ phải để mình tuân theo lời chỉ bảo của thầy dạy mình.

Có cha mẹ không chịu nhân nhượng trong việc này và tìm cách chỉ trích thầy giáo và các lời dạy bảo ở lớp học. Họ cho rằng bài làm nhiều quá hoặc ít quá, cách dạy không được rõ ràng hoặc quá sơ sài, học đường không nghiêm khắc về kỷ luật hoặc là phạt không công, thường không đáng, v.v... tóm lại là cha mẹ có thái độ không thuận với học đường. Trẻ em sẽ là nạn nhân của nghịch cảnh này, đứng giữa hai phe luôn luôn kịch bác nhau trẻ em sẽ có tâm lý của kẻ lưỡng lự bên Tào bên Ngô. Trái lại có cha mẹ lại một mực nhất luật theo về phe thầy giáo, nào là xin thầy phạt thêm, nào là yêu cầu ra thêm bài làm ở nhà để trẻ em khỏi có thời giờ chơi giỡn đùa nghịch, v.v... Trong trường hợp này trẻ em không gì một can phạm đi đâu cũng chẳng thoát lưới Pháp luật, không còn chỗ ẩn trốn,

Trong cả hai trường hợp, chẳng qua là học đường cũng gia đình đều quen nghĩ đến là trẻ em cũng có một tâm trí cần phải biết kính nể vì trẻ em đã đến một giai đoạn hiểu rằng giữa biết bao ảnh hưởng muốn chiếm độc quyền tâm trí mình thì mình cũng cần có một chỗ đứng riêng biệt. Chỗ đứng ấy là lãnh vực trong ấy mình phải có tự do suy xét, tự do định đoạt cho thân mình.

Hơn nữa, trong lúc gia đình và thầy giáo đua nhau mà tranh giành ảnh hưởng tâm và trí của trẻ em thì còn có chúng bạn của em cùng chịu một cảnh. Tự nhiên trong lúc cùng học, cùng chơi, cùng đua tranh, giữa đám trẻ em này có một ý thức mới nảy ra: ý thức đua ganh, ý thức công bằng. Trong gia đình, đối với anh chị em, trẻ em mỗi đứa đều được cha mẹ thương yêu, trù mến. Tại trường thầy giáo, chúng bạn không có cái óc công bằng đồng đều ấy và vì nghịch cảnh ấy đã nảy ra trong trí óc trẻ em quan niệm công bằng giữa một đám trẻ cùng chung một lớp, một trường.

Nói quan niệm cần phải ganh đua với chúng bạn và phải đòi hỏi cho được sự công bằng, học đường lại còn gieo rắc vào tâm trí các trẻ nhiều ý thức và quan niệm khác, như là kỷ luật, như là luật liên đới chịu hoặc chung hưởng, và nhiều tâm tính khác nữa. Thi cử trong lớp chẳng hạn, bắt buộc trẻ em cố gắng giành giật với chúng bạn, nhưng đầu tranh giữa hai lớp đem lại trẻ em tâm lý của kẻ đồng thắng hoặc cùng chung thất bại với cả lớp học của mình. Biết bao nhiêu là dịp cho trẻ em hiểu nghĩa đời trong thời kỳ cấp sách đi học. Thiệt là một thời kỳ để áp dụng tục ngữ: « gần mực thì đen.

gần đèn thì sáng ». Mẹ thầy Mạnh Tử vì vậy đã dời nhà đến gần học đường để cho con hưởng một không khí tinh thần thanh cao hơn là gần nhà người giết heo, làm thịt lợn.

Phải tự liệu lấy thái độ trong nhiều trường hợp khác, và có lúc đối chiếu với nhau, trẻ em tự tìm lấy con đường riêng của mình, lẽ sống riêng của mình. Phải tự đương đầu với thử thách, phải kết bè hoặc chống phe, phải liệu tránh roi vọt, sấm sét của cha mẹ và thầy giáo liệu chống lại phá phách gây gổ của trẻ khác, trẻ em dần dần hiểu đời với cặp mắt khác lúc còn thơ ấu, và biết rằng ai ai, cha mẹ, thầy giáo, bạn bè, mỗi người đều có cái hay, cái ít hay, và có lẽ cái dở nữa.

Cha mẹ đứng trước tình trạng này của trẻ em thường có thái độ khó chịu. Thấy rằng trẻ em ở trường học, ngồi đường, đi nghỉ hè chung, đi cắm trại hướng đạo, dần dần không còn hoàn toàn phục tùng mình, cha mẹ thường phản ứng bằng nhiều cách. Có người thì bắt buộc trẻ em phải chịu sống theo nếp sống của thời còn ấu trĩ và chưa biết chi. Có người thì thịnh nộ vì trẻ em không còn ngoan ngoãn lễ phép như trước, có lúc làm cái lại, giám không tuân lệnh. Phía các thầy giáo, cô giáo cũng có một vài thái độ trẻ em khó hiểu; như thầy cứ dạy phải ngay ngày để dành tiền trong lúc học trò thuộc về các gia đình không đủ ăn, như cô khuyến khích sạch sẽ giữ vệ sinh ngày ngày hai buổi đánh răng trong lúc học trò ở rúp rầu tranh không điện, không nước...

Chúng ta có thể cho rằng giai đoạn học đường hoặc thời kỳ thiếu niên này là một thời kỳ chuyển tiếp giữa thời thơ ấu còn ngoan ngoãn vâng lời mẹ cha và thời kỳ sắp tới là thời bất kham khó bảo... Các trẻ em đã hiểu biết ít nhiều, và đã có một thái độ tự trị, tự lập rõ rệt. Hoặc tìm cách dựa vào học đường để trốn mẹ cha, hoặc dựa vào bạn bè lần thầy giáo, trẻ em đã thấy rằng có thân phải tự liệu lấy thân, không còn luôn luôn mong ở cha mẹ. Cha mẹ dạy phải nói sự thật luôn luôn, thầy cô giáo dạy phải tránh lời nói dối, nhưng tình thế đầu có dễ mà thực hành luôn luôn đúng lời dạy, lời ngăn. Nay bạn học bắt phải đầu thầy cô việc này hoặc lối kia, có lúc cha mẹ dặn nói với thầy « đau mà phải nghĩ » mà sự thực là nghĩ vì « ở nhà có giờ, có kỷ » hoặc xin nghĩ vì có giờ có kỷ, nhưng kỳ thực muốn đi câu cá, đi đá banh... xem biết bao nhiêu trường hợp khó khăn mà trẻ em thấy khó xử. Tuy vậy trẻ em vẫn còn chịu nghe lời Cha mẹ, và vẫn hiểu phải tránh điều quấy điều ác và tìm hết cách làm điều phải, điều thiện.

Thật là thời kỳ khó xử cho trẻ em và khó khăn cho cha mẹ; trẻ chưa là « biết điều » nhưng đầu còn là « con nít » nữa. Uy quyền Cha mẹ bắt đầu nứt rạn, nhưng uy quyền vẫn còn là Uy quyền của Thần, của Thánh.

THỜI KỲ THANH NIÊN

Lúc còn thơ ấu, lúc mới lớn lên, trẻ em vẫn sống dưới trường cha mẹ, trẻ em tiếp tục thay đổi nhưng trong tâm trí vẫn phục tòng cha mẹ, vẫn chịu phép gia đình, ngày nay đã đến giai đoạn trẻ em thành người, thoát ly mọi sự kềm chế của bề trên. Giải thoát hoặc thoát ly, đây là tuổi trẻ bất kham, tuổi mà Cha Mẹ có lúc tự bào chữa rằng: « Cha mẹ sanh con, Trời sanh tánh ».

Giai đoạn này khó khăn cho các bậc cha mẹ biết bao. Có biết bao nhiêu bà mẹ đã khóc nói: « Con

oi, trước kia con ngoan bao nhiêu thì bây giờ con hư bấy nhiêu. Con giấu Ba mề, con giấu hai thân mọi sự. Con không còn thương cha, thương mẹ. Lòng Măng se lại mỗi lúc con như vậy! » v.v... Có nhiều người cha đã chau mày mà thốt ra lời: « Con tôi càng lớn hư hỏng, Biết bao công nuôi lớn lên, dạy bảo kỹ càng mà con tôi theo bè bạn về nhà dám cãi lại cha mẹ, hồi còn nhỏ ngoan ngoãn như thế mà nay cứng đầu khó bảo quá đi mất! » v.v... Và trên báo chí cũng đã thấy nhiều báo cáo « từ con » vì hư hỏng, vì bỏ nhà ra đi v.v...

Tuổi thanh niên là tuổi chống đối. Tuổi thanh niên chỉ muốn đập đổ mọi uy quyền, bắt đầu là uy quyền cha mẹ. Tuổi thanh niên không kiêng, không nể, tuổi muốn đập tan mọi xiềng xích, đầu cho là xiềng xích của sự luyến ái gia đình. Tại sao có thể như vậy được? Chúng ta hãy bình tĩnh mà tìm lý lẽ của sự thay đổi thái độ và tâm trí của trẻ em.

Trước hết trẻ lớn lên thấy nhiều sự thay đổi trong thế xác mình. Trai gái thấy khác trong người. Chân tay cứng rắn, tiếng nói cũng khan khan ồ ồ. Ra đường thấy người nhìn đã khó chịu. Đã biết làm dáng, biết trau dồi... nhưng diện, đã biết thẹn, đã biết giữ gìn lời nói, bước đi, nét na... Tóm lại trong tất cả con người, trẻ em thấy khác và khó chịu, trai thì muốn thử sức đánh đấm, gái thì học điệu dáng, đoan trang. Trí óc cũng biến chuyển như thế xác thân bình. Tinh thần mới mang, trí óc đã lý luận tìm hiểu theo ý mình. Thích cãi, thích chống đối, thích nói về bất cứ chuyện gì, nhất là những chuyện mới biết mập mờ, từ ẩn ẩn ẩn, từ đến hòa tiền, xe hơi, tàu ngầm; thích nhiều chuyện rồi lại ghét. Bất cứ cái gì cũng chống, cũng phản tác, cũng chỉ trích.

Tâm lý thay đổi theo trí óc và thể chất. Trẻ em đã thích kết bạn, thích học, động thể thao, thích đi xem chiếu bóng, thích đi xe đạp mau hết tốc lực, đùa giỡn cùng chúng bạn. Tại học đường hay chỉ trích thầy giáo và hát biểu ý kiến riêng. Ở nhà thích bàn về tương lai, nói về mọi vấn đề và mỗi vấn đề đều có ý kiến nhất định khác với cha mẹ.

Thanh niên thấy đủ lông đủ cánh mà tự mình bay nhảy ngoài gia đình, và thanh niên muốn tự do vươn mình trong mọi việc, nhỏ hoặc lớn. Cho nên thanh niên không còn thủ thủ với cha mẹ, mà lại đi bàn với chúng bạn, mà viết nhật ký riêng, mà trao đổi thơ từ phương xa. Đối với thanh niên, cha mẹ là lạc hậu, là ông già, bà già, là người của thời kỳ đã qua, trái lại thanh niên tự cho là hiểu biết thời thế, đúng dịp với trào lưu tiến bộ. Hình như là muốn thành người thanh niên cần phải khác với cha mẹ, cần phải một mực chống đối, chống đối với các thế hệ đã già quen nói một đằng làm một nẻo, quen đối với đời đời với mình, miệng thì đạo đức mà làm thì khác hẳn. Thanh niên muốn tách ra tự lập và tin rằng sẽ hơn các thế hệ trước.

Thêm vào tâm trí đó, đời sống ngày nay càng ngày càng khó, nhà ở, thiếu tiện nghi, thiếu việc làm, thiếu tương lai. Không có cách nào ra khỏi vòng lẩn quẩn của thanh niên nên thanh niên suy nghĩ, thanh niên coi mình vào trong vỏ ốc để tránh cảnh vật không hợp với lòng mong muốn, hoặc trái lại muốn có những hành động lố lăng, cử chỉ khác lạ, ăn mặc kiểu cowboys, v.v... để bắt thiên hạ để ý đến cái thế mình bằng cách hay hoặc cái dở lố bịch, cách gì cũng được miễn là để ý đến sự có mặt của tuổi trẻ.

Cha mẹ đối xử làm sao bây giờ? Con, đã lớn

Thanh kiêm Trúc.lâu

(Tiếp theo trang 29)

CÂU-TIỀN (cương quyết)

Nhưng không được,
Truyền ba quân xông lược,
Đuổi theo người, và mời lại cho ta.
(tiếng ngựa dãn dần xa...)
Có Phạm-tướng-quân mới giữ vững sơn-hà...
T ong một phút
Không Phạm-quân, lòng ta đánh chết mất.
Truyền đuổi theo !
(Một vài tên quân lại lướt qua dưới đất, màn từ từ kéo lại trong khi có tiếng vang hò rồi im dần...)

Tiếng ngâm :

- Ai đi sông núi buồn than !
- Ai đi để lại tiếng oan muôn đời...
- Còn đây ! giọng sử ai ơi,
- Nhắc người nghĩa khí thức thời đáng khen... *

MÀN 2

Cảnh-vật : Nhà quan Tể-tướng Văn-Chúng, một sập gu, một án-thư và bển ngoài, một bộ bàn ghế nạm bạc. Trên tường vài bức tranh cò, một thanh-nhiêm.

LỚP 1

(Giữa đêm khuya, Văn-Chúng ngồi tựa án-thư, đèn còn chong yêu ớt).

Tiếng vang :

« Đêm nay đất Việt sâu rung chuyển,
Nhớ kẻ ra đi chẳng ngậm ngùi...
Thương người ở lại, ngàn tai biến,
Khôn đại thời rồi, tạm giả vui... »
Cảnh-vật : lại im lặng. Xa xa tiếng mõ cùm canh, tiếng sao từ xa vọng lại).

VĂN-CHỪNG (Một mình buồn bực).

Uất hận thay, mây nguồn trời đâu nhỉ ?
Phải chăng, theo cùng Phạm-Lãi tiên sanh ?
Đời đen tối để ngày mai bừng dậy.
Mở mắt nhìn cả một sớm bình minh.
(Nhớ đến Phạm-Lãi).

Công phạt Ngô để chiều nay bên gió
Lung quai bầu, tìm bạn với Lưu-linh
Đời đen bạc, vu cho người tiếng xấu
Mang Tây-Thị (cười) rồi đất Việt thân yêu
Miệng thế-gian, kẻ cũng lắm điều
Nhưng thử hỏi : ích chi tuổi già đây ?
Và, hơn nữa, vợ con người còn đây
Không đem theo, lạ là phải Tây-Thị.

— Ai biết đâu, vì thế-sự ra đi
Nơi đất khách, một mình thân lữ-thứ.
... Còn Tây-Thị, chẳng gì ngờ gặp dữ,
Vị ghen tuông mà Hoàng-Hậu vong-ân,
Giết chết đi, ai giúp nước bao lần
Mới diệt nổi Ngô-phù-Sai khát máu.
Chết, họ vẫn chết, soi cho đời bao gương báu,
Nhưng nào ai đã thấy thế mà kinh ?
(tiếng tiêu sâu)

Tiêu sâu ai thổi chỉ tình ?

Nhắc : ngày bữa bạn, có mình có ta,

LỚP 2

(Thêm Văn-tiểu-thơ)

VĂN-TIỂU-THƠ (vừa lắng nghe cha than thở)

Đêm khuya khoát, thưa cha,
Còn ngồi chi, than thở ?
Thời dành cho số phận
Cha đừng nghĩ vẩn vơ.

VĂN-CHỪNG (quay lại ngạc nhiên)

Ừ kìa, con, sao giờ này còn thức ?
Mà đến đây nghe câu chuyện cha than,
Đành phận cha, đâu còn tiếng kêu oan,
Nhưng chỉ tiếc bao công lao hạng mã.

Xa hiền thân, tan nát... cảnh quân-vương..

VĂN-TIỂU-THƠ

Chuyện đã rồi, than làm cũng không phương
Cứu vãn nỗi, khi trời sinh bạo Chúa,
Cúi lạy Cha, kho tàng còn gấm lụa
Cáo lạy đi ! rồi vui thú điền-viên.
(tiếng gà gáy sáng)
Gà trở canh, vạn vật mãi triển miên,
Xin Cha hãy, tạm nghỉ mình chốc lát.
Than cho lắm, càng nhiều đều bị đất,
Trắng mờ rồi, đâu ánh sáng xưa kia ?
Vị vu gió thổi xa lìa,
Ngò-đồng lá rụng, buồn chia ly này

VĂN-CHỪNG : Thời con vào,

VĂN-TIỂU-THƠ..... con xin hầu trà sáng

(Văn Tiểu-thơ vào)

VĂN-CHỪNG (qua lại, buồn rầu)

Đêm nay gió thổi hiền ngoài,
Đầu đây, như thể ai hoài khóc thán,
Khóc cho kẻ từng say sưa máu giặc
Những ngày qua, giúp Chúa diệt Ngò bang
Trách ai từng đã sang ngang
Dim đờ chẳng kẻ công sang thuở nào.
(Buồn rầu ngồi gục bên án thư, thủ thủ nghĩ)

LỚP 3

(Hồn Ngũ-tử-Tur)

HỒN N.T.T. (chậm rãi đi ngang chỗ Văn-Chúng ngồi)

Kìa Văn-Chúng ! sao còn ngồi than thở ?
Chẳng quên mình tự phụ biết hơn ai.
Kiếp phù sinh tan tác ở ngày mai,
Đề thử thách anh hùng trong bốn bề.
Ai công lắm rồi ngày mai đời kẻ
Cho mà nghe những khúc nhạc bi thương...
Bao nhiêu công là cả bấy đoạn trường,
Đời gan ghét và mua thêm oán hận.
Thời thôi nhé ! Chớ than mình lận đận
Xem gương ta, ta là Ngũ-Viên đây.
Cười ai sống đại, sống ngày,
Cười ai ngờ ngù cho khuấy khỏa lòng.
(cười to rồi đi khuất vào).

VĂN-CHỪNG (vòng lĩnh dậy chồm theo hướng ấy).

Kìa, đầu đây, hồn Ngũ-tử-Tur trên ghẹo,
Đã cười ta, than thở (gật đầu...) ịch gì đâu ?
(trống sang canh tàn).
Thoát tan canh, trống đã điểm bên lầu
(gà gáy sáng)
Gà gáy sáng, kìa bình minh trở lại.

LỚP 4

(Thêm Văn-tiểu-thơ)

VĂN TIỂU THƠ

Thưa phụ thân; có người từ xa đến,
Đưa lá thư, xin trình lại phụ thân.
(đưa trình lá thư).

VĂN-CHỪNG (ngạc nhiên)

Người ở xa, hay ở gần ?

VĂN TIỂU-THƠ

Con quên hỏi, và người ra tức khác.

VĂN-CHỪNG (xem thư gột gút)

Thơ Phạm-Lãi, đây ý thơ khúc mắc
Khuyến nhủ ta hãy rời bỏ đi.
Nhưng trẻ rồi, còn lo được những gì ?
Thời đành vậy, chỉ chờ xem số phận.

VĂN TIỂU-THƠ

Thưa phụ thân, thơ người viện có gì ?
Mà giục giả cha ra đi, xin dạy !

VĂN-CHỪNG

VĂN-CHỪNG Người nhắc lại tướng Việt-Vương thế này,

Môi dài... mỏ quạ... thiết không sai.
Lúc giàu sang, thù ghét kẻ có tài.
Chỉ chung-hưởng khi đau thương hoạn-nạn.
Không lo trước, rồi đến khi hết hoàn,
Vạ vào thân, còn kêu cứu nơi đâu ?

VĂN-TIỂU-THƠ Cảnh tang-thương sao chịu lấy
đãi dầu ?

Xin lo trước, đề về quê cho sớm.

Cha nhé ? con thu xếp...

VĂN-CHỪNG (vừa ý, khẽ gật đầu)

..... Cha vào triều mai sớm.

(Văn Tiểu-thơ cúi đầu lui vào)

LỚP 5 (Thêm Duệ Dung)

DUỆ DUNG (Bước vào)

Chào Tể-Tướng ! Sáng nay không triều bái,
Sao chưa lo áo-mào đề ra đi ?
Từ mấy lâu, người bận bịu những chi ?
Không gặp mặt, đề luận bàn cơ-sự ?

VĂN-CHỪNG (Ra đầu mời ngồi)

Chào Duệ-Huynh, tôi vì đau nên phải,
Xa quý Ngài, và, chẳng thấy nghe chi.
Nhưng sáng nay lại vừa định sẽ ra đi...
Vào triều bái đề xin về cáo-báo.

DUỆ DUNG (hốt hoảng)

Không, không được, Ngài chớ vào mà phải
Mắc vạ mình, vì đề rõ đầu đuôi.
Từ bao lâu, trào-sĩ mất nguồn vui
Vị Chúa-Thượng đổ-hiến... tham lam quá.
Ngài có nghe, Kế-Nghệ vị sao đã
Giả điên-cường để thoát cảnh cần dai ?
Riêng phần Ngài... tại biến sẽ hơn ai
Y Chúa-Thượng trăm quan đều rõ thái.

VĂN-CHỪNG (Nóng ruột)

Xin kể nghe ! Và mong Ngài đừng dẫu !

HUỆ-DUNG Có lẽ nào, xin đó chớ nghi nan.

Từ Chúa-Công, nghe sàm tấu bởi tham-quan,
Nghị Tể-Tướng đã đem lòng oán-hận.
Vua Lỗ-Ban vì nội-triều lận-đận
Sang nước ta cầu binh-viện giúp người.
Nhưng, Chúa-Công sắc-diện kém màu tươi

Cung

Chúc

Tân

Xuân

TIỆM VÀNG

(BIJOUTERIE)

Mỹ-Quang

Chuyên môn nữ trang vàng 18K. và vàng lá 24K.

美光金飾

專營最新款式18K西金及千足赤金首飾

西貢新街市海味街門牌四十五號

(45, Phan-châu-Trinh (Chợ mới)

SAIGON

Vì, lo ngại, ra đi... Ngại sẽ phẫn.
Thái độ ấy xét theo tình... quá đáng!
... Lỗ-Ái-Công, đành chịu chết tại đây.
Y Việt-Vương, thâm ý kẻ cuồng say,
Đã biểu-hiện lòng tham-lam ích-ký.
« Nay hết giấc » - đây là Vua hân nghĩ
— Còn cạy gì, mà lo phẫn mai sau.
Chắc rồi đây, Người lấy có thâm đau,
Đề dõ lại quan-huynh, phòng đối-phó.

VĂN-CHUNG (cười chua chát)
Nực cười thay, ai được dâng quên đó
Nhưng thế đành... chịu vậy chớ lo sao.

DƯỠI-DUNG
Chào Hiền-huynh, tôi còn phải làm-trào
Đề cáo-lão, về quê an sẽ phẫn
(Dưỡ-Dung quay ra, Văn-Chung buồn rầu nhìn theo).

VĂN-CHUNG
Thế là hết, trào-dình nay đã hết
Hỏi còn đâu lương-tướng để phò nguy ?
Bao anh-hùng đánh dứt áo ra đi,
Ừ, còn lại, chắc chỉ phường đua-nịnh.
Gương Bái-Công hỏi ai không toan tính.
Khí Quốc-gia hữu sự, cạy nhờ ai ?
Hỏi ai là kẻ hiền tài,
Nói gương Phạm-Lãi, mựa nài kêu than.

LỚP 2

(Thèm Văn-Tiêu-Thơ)

VĂN-TIÊU-THƠ
Thưa Phụ-thân, có lệnh Vua thăm-viếng,
Con vào trình.

VĂN-CHUNG (hốt hoảng)
..... con đề đây mặc cha.
(Văn-Tiêu-Thơ cúi chào, đi vào Văn-Chung giữ bộ dau chưa dứt).

LỚP 7

(Bớt Văn-Tiêu-Thơ, thêm Câu-Tiền)

VĂN-CHUNG (Khúm núm ra đón rước)
Tâu lệnh Thánh, vì bệnh tình trầm trọng
Trở tiếp nghinh, xin Chúa-Thượng lượng đong
Nghĩêng mình là bất-cửc-cung... »

CÂU-TIỀN (ra dẫu cho đứng dậy)

Thời miên lễ ! Trăm truyền cho miên lễ
VĂN-CHUNG (đưa tay chỉ vào trong)
Nhà bần-bạc, xin cung-nghinh Thánh-Chúa...
CÂU-TIỀN (Đi vào, vừa ra dẫu cho nằm)
Đề mặc ta, Người nằm nghỉ cho yên.
VĂN-CHUNG (nghe tiếng dẫu, về mệt nhọc)
..... Lạy Thánh Chúa

CÂU-TIỀN

Kề khá lâu, Triều-trung hàng vắng mặt
(cười gằn)
Chắc lo nhiều... có phải thế chăng ?

VĂN-CHUNG (lo ngại)

Tâu, vì bệnh nặng, có gì dẫu lo nghĩ
Mong Thánh-Hoàng không đem dạ hoải-nghĩ.

CÂU-TIỀN (cười)

Ta lại nghĩ... chắc từ lâu tâm bệnh
Nên đến thăm, và nhân thế hỏi vài câu.
Còn nhớ chăng, bảy thuật lúc đầu
Ta chỉ mới dùng ba . . .

VĂN-CHUNG

..... vắng, còn bốn.
Đã diệt xong Ngô quốc trả thù xưa.

CÂU-TIỀN

Nay hỏi xem, còn bốn thuật chưa ra
Định thì thế ngày nào ? cho ai nhỉ ?

VĂN-CHUNG

Tâu Thánh tượng, sao còn lo phải nghĩ
Khi quân Ngô đã diệt hết còn dẫu.
(Câu-Tiền se sẽ lật lười kiểm Trắc-lâu bên mình đề lại, đứng dậy).

CÂU-TIỀN

Nếu xét căn người nên nghĩ kỹ,
Đề vì Ngô lo rửa hận cho Ngô
Ta nghĩ rằng ơn ấy kẻ dưới mờ
Sẽ không phụ mưu cao người đã giúp
(cười) Thôi nghĩ đi, ta lui gót về trao.
(Câu-Tiền quay ra).

LỚP 8

(Bớt Câu-Tiền)

VĂN-CHUNG (nhìn theo vua dẫu đơn, vừa như cũm hờn).

Trời, vì tiền-đồ Ngô-chúa...

Thật rõ rồi, ơn kia Người đã lựa
Ba thước gươm đến ơn lão rồi đây !
(Quay lại vừa thấy lười kiểm Trắc-lâu vua Việt lại ngượng bực Văn-Chung hãy tự xử cho rồi).

Ừ ! gươm đây !

Mà chính thật . . . lười Trắc-lâu thuở trước
Ngũ-tử-Tư, vì chính mảy ! ba thước...
Ngô-Phù-Sai đã đến đáp công thân.
Nay Chúa công, người chẳng chút phân vân
Nỡ dùng nó để giao ta tự sát.
Trời ! . . . đau đớn quá, thôi thần giả tan nát
Kiếp trung thần, công hạng-mã đành cam.
Nhớ xưa kia, Phạm-Lãi đã bao lần...
Nhắc nhớ mãi « Thò sào rồi, thật chó ! ».
Nhưng ta chết, hỏi rồi đây... ai đó
Lấy dẫu người nâng đỡ lúc lâm nguy ?

(Tiếng vang) :

« Tiếc gì còn phải khóc than,
Thế tình là vậy, kêu van nỗi gì ? »

VĂN-CHUNG (cương quyết, cầm hờn)

Ta không tiếc, chỉ cười thay thế sự
Kẻ bội tình, phản phúc lúc thành công.
Hồn Ngũ-Viên ! chờ đợi tỏ sáng sông
Cho nhệ kiếp, nếu lại đời gương sáng !
(Rút gươm từ tư chết)

Tiếng Vang :

« Ngày mai ai kẻ qua đường,
Hương tàn một: nên khóc thương công thân ! »

LỚP 9

(Thèm Văn-tiêu-thơ)

VĂN-TIÊU-THƠ (chạy ra thấy cha chết)

Cha, cha chết, rồi từ nay đã hết
Tình cha con, tình yêu nước họ Văn !
(Gục đầu xuống thấy cha, trong khi ấy mặt từ từ kéo lại, khi tiếng vang lại ngâm dài đo nỗi).

Tiếng Vang :

« Xong pha khói lửa đời phen
Chàng cao chịu cảnh trời đến từ nay ! »

— HẾT —

Thuốc Thơm

Golden Club



Cung Chúc Tân Xuân

THỰC-KHỔ TRINH MINH THÈ

292 - 298A Đường Trinh minh Thè - SAIGON
Điện-thoại số 21.345.

GỞI HÀNG TẠI THỰC KHỔ:

- BẢO-ĐẢM CHẮC CHẴN
- CÔNG VIỆC MAU CHÓNG
- GIÁ HẠ HƠN HẾT

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

NEW
idéalsein
Breast developing superactive cream

Làm săn chắc, nở nang nhũ bộ
của quý bà quý cô theo ý muốn.

3v này quý bà quý cô
không còn
sợ mập nữa đâu có kem

Cellulinol
Đánh tan các lớp mỡ dư thừa
muốn đem lại thân hình gọn
phần, nhẹ nhàng

Acnéol
Trị tuyệt các thứ mụn,
bảo vệ mặt hoa đo phấn

Trước và sau khi thoa phấn
bụng có giấm rửa sạch rửa
xoa tan vết nhũ u nhũ, da
đẹp

Vergénol
SẢN PHẨM CỦA
Central Cosmetic Corporation
Có bán tại các nhà thuốc tây, hiệu mỹ phẩm, hiệu văn hóa

đường này, Rém



TIỀNG CHUÔNG CHIỀU



NGUYỄN-THÀNH-VINH
5 năm cầm cố đầy Côn-đảo vì tư-đạo
chính 11-11-60, được tự-do sau 1-11-65

ANH nghe chẳng, tiếng chuông chiều đồng vọng
Chiều tàn,

chiều điều, chiều bằng khuông

Tiếng chuông trôi về chốn xa xăm,
Trăng run rẩy trong chiều vàng run rẩy...
Nhạc đồ, muôn lòng đều hướng đây:
Đền nhớ sao, buồn tan thành gió,
Sắc ngả màu vô biên, sông chờ thác đổ
Đề trở về quê rộng ngàn khơi.
Tiếng chuông trôi, trôi mãi tiếng đời.
Sống dở lời than
Vọng hồn Do-thái,
Đội bước phong trần,
Nặng nợ non sông,
Lut thanh âm ngập lụt bờ lòng.
Mây giải nhẹ trên khung trời bát ngát.
Nhân loại kêu than, lòng tham chưa dịu bớt,
Lửa chiến tranh đã ben mờ rồi!
Chuông liên hồi hay máu hận trào rơi,
Chuông đồ gập hay tiếng người thồn thức?
Hỡi Thượng-đế! Ngài xa đời mấy bức,
Tiếng chuông dâng cổ vọng đến Thiên-đường?
Tiếng đau buồn thiếu sửa tình thương,
Tiếng nức nở dưới dầm trong biển gió...
Khấp tâm hướng chuông đời rung máy độ.

Mà ước ao nhân loại vẫn chưa thành
Và đường về, xa lắm, lớp không gian,
Hồn mơ tưởng ngỡ chân trời gặp đất!
Chiều hôm nay sương rơi trên cánh vật,
Xông hương lòng tôi cầu nguyện non sông,
Trong tiếng chuông run rẩy điệu tư lòng,
Trong suối nhạc cảm nghe tình thương mến!
Nghe chẳng anh, chuông đời lên tiếng,
Tiếng chuông của tình thương,
Vương buồn của quê hương,
Tiếng chuông của hồn tôi,
Ngân đội vào lòng người,
Tiếng chuông khoan thai,
Đi vào bóng tối,
Tôi lẻ hồn Do-thái,
Lại đời bước lên đường...
Chiều lan dần, sương gió nhuộm biên cương...

NGUYỄN-THÀNH-VINH

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Nhà in **DÂN-TÍN**

民信印刷廠

堤岸孔子大道九十四之四至五號

Nhà in **DÂN-TÍN**
OFFSET — LITHO — TYPO

94/4-5, đại-hệ Không-TĐ CHOLON

電提諸起中美電精
話岸君貨西術版印
三慶光快越七字版
六大道顧捷棉彩版
九道請取價文商
五三移玉從文商
七二玉從文商
號號步廉件標版版

Bốn hiệu nhận làm các
các món đồ in đủ loại, in
bằng máy tối tân!

OFFSET—LITHO
TYPO—RELIEF

Nhận in các thứ quảng cáo,
nhãn hiệu, hộp, bao, in nhiều
màu, và các thứ giấy tờ, văn
kiện bằng đủ thứ tiếng Việt,
Hoa và Tây phương.
Đồ làm kỹ lưỡng, giao hàng
nhanh chóng, tính giá thật rẻ.
Quý khách chiếu cố, vô hạn
hoan nghinh.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Tiệm vàng **KIM-THÀNH**

39, (lầu 1) Phan-Châu-Trinh, 39

(Chợ Bến Thành)

SAIGON

☆

Muốn mua vàng lá tốt và rẻ
xin ghé lại ngay tiệm vàng

KIM-THÀNH

Được tin nhiệm lâu năm

Cảm ơn và cáo lỗi

Sở dĩ Giai phẩm Xuân Việt-Nam hoàn thành được là nhờ bởi :

- Sự vui vẻ góp bài của quý vị tác giả.
- Sự tích cực phê thường của ông chủ và ban công nhà in Đặng-Dương. (258 Pasteur) đã làm việc suốt ngày đêm.
- Nhờ sự giúp đỡ nhiệt thành của phòng in để duyệt báo chí.

Đặc biệt chúng tôi vô cùng cảm động trước sự tích cực góp bài của cụ Phan-khắc-Sửu, bác sĩ Phan-quang-Dán, ông Hồ-hữu-Tường... vì các vị này quá bận công việc.

Tuy thế Giai phẩm này vấp nhiều khuyết điểm :

— In không kịp phụ bản của một họa sĩ danh tiếng vì tranh nhiều màu phức tạp lại in offset.

— Việc trình bày và sửa bài còn nhiều thiếu sót.

— Vì thời giờ quá cấp bách nên không thể cho lên khuôn kịp các bài gửi đến muộn (chúng tôi quá tiếc nhưng không biết làm sao).

— Vì những biến cố chính trị nên thiếu một số bài có giá trị. Chúng tôi rất tiếc vì bận công vụ nên ký giả Hoàng-Hồ không thể gửi bài đến kịp!

Chúng tôi xin kính cảm ơn Quý Vị và kính mong Quý Vị (tác giả cũng độc giả) vui lòng thứ cho những thiếu sót.

Nhân dịp Xuân về xin chân thành cầu chúc Quý Vị gặp nhiều may mắn và vui tươi.

Kính,

Bộ Biên Tập Giai Phẩm Xuân V.N

Cung Chúc Tân Xuân



Ta chỉ nhận thấy :

một bảo-hiểm ở "LE-SECOURS" là rẻ,
khi rùi ro xe ta bị sứt mẻ.

Chinh sách Đảng Lao động...

(TIẾP THEO TRANG 33)

hủy cả những di tích của tôn giáo do tiền nhân để lại đã từ rất lâu đời. Phải thành thật mà nói rằng ở Bắc Việt trong mười năm vừa qua, về phương diện này Phật giáo đã phải chịu những biện pháp đàn áp trắng trợn gấp bội Thiên Chúa Giáo. Bằng chứng là cho đến nay trong khi chưa có một nhà thờ nào của Thiên Chúa giáo bị tịch thu, nhưng toàn thể các chùa ở miền Bắc đã bị nhà nước Hồ Chí Minh ra thông cáo chính thức tịch thu kể từ tháng 10 năm 1961.

Tháng 9 năm 1961, nhà nước Hồ Chí Minh đã ra một thông tư gửi cho tất cả các Ủy ban Hành chính các Tỉnh và thành phố, ra lệnh cho các Ủy ban ấy phải trực tiếp quản lý các chùa và đền lớn hoặc nhỏ trên toàn lãnh thổ miền Bắc. Riêng về các chùa và đền trong nội và ngoại thành phố Hà Nội việc thi hành Thông Tư này đã được công bố trong tờ báo chính thức của nhà nước Hồ Chí Minh là tờ báo Thời-Mới. số báo 2.758 ra ngày 21 tháng 9 năm 1961. Theo bản Thông Cáo đăng trong số báo Thời Mới này, thi kể từ ngày đó việc quản lý tất cả các chùa và đền trong phạm vi nội và ngoại thành Hà Nội đều do cơ quan nhà nước đảm nhiệm. Cơ quan đã được chỉ định để quản lý tất cả các chùa và đền trong nội ngoại thành phố Hà Nội là Sở Văn hóa Tuyên truyền Hà Nội. Thông Cáo đã nhấn mạnh rằng : tất cả những tổ chức, hội đoàn tôn giáo, tín ngưỡng hoặc từ thiện cũng

như tư nhân nào (nghĩa là các tu sĩ) đang giữ các chùa và đền, đều phải lập tức trao quyền quản lý cho Sở Văn hóa Tuyên truyền Hà Nội trước ngày 15 tháng 10 năm 1961 là thời hạn chót. « Thông cáo này không quên nhắc thêm rằng : « mọi vi phạm sẽ bị trừng trị theo pháp luật ».

Thông cáo vừa kể của nhà nước Hồ Chí Minh đăng trên báo Thời Mới chỉ có tác dụng hợp thức hóa việc nhà nước chiếm đoạt các chùa trên toàn miền Bắc, và nhất là chiếm đoạt nốt những chùa còn sót lại trong thành phố Hà Nội, chứ sự thật thì tại các tỉnh và các địa phương thì toàn thể chùa chiền đều đã bị đảng và nhà nước quản lý từ nhiều năm trước. Từ năm 1961 trở về trước, đã có rất nhiều chùa lớn nhỏ, có những chùa xây dựng từ mấy thế kỷ trước, đã bị các cơ quan nhà nước Hồ Chí Minh ở địa phương phá hủy đi, lấy gỗ để dọn đất trồng mô công trường và lấy vật liệu như gỗ, đá, gạch, ngói để xây dựng những kiến trúc mới cần dùng cho nhà nước và cho đảng. Đã có rất nhiều bằng chứng do chính các cán bộ của các cơ quan nhà nước Hồ Chí Minh vô tình trưng ra. Tỉ dụ như một cán bộ ngành khảo cổ của Viện Bảo Tàng Hà Nội, tên là Nguyễn Thịnh đã than phiền trên báo Thời Mới rằng vì có nhiều ngôi chùa rất cổ đã bị các cơ quan nhà nước ở địa phương cho phá hủy, cho nên công tác khảo cổ hiện nay rất là khó khăn. Cán bộ Nguyễn

Thịnh còn tiết lộ thêm rằng tuy có một số các ngôi chùa danh tiếng còn sót lại, nhưng trong chùa đã rỗng hết, chẳng những chuông khánh không còn mà cả đến các kinh sách cổ rất quý giá cũng bị cơ quan nhà nước đem bán cho hàng chợ chai đồng nát dùng làm giấy vụn.

Trong báo Thời Mới, số báo 2.669 ra ngày mùng 2 tháng 6 năm 1961, cán bộ Nguyễn Thịnh viết nguyên văn như sau đây : « Cơ quan địa phương đã có những việc làm như rở các chùa chiền công trình kiến trúc cổ đại để lấy nguyên liệu sử dụng làm việc khác như trụ sở ủy ban, làm kho chứa lương thực, v.v... v.v.; chặt những cây cổ thụ lấy gỗ làm bàn ghế, lấy bia đá nung vôi. Có nơi bán

chuông khánh đồng, bán kinh sách cổ cho đồng nát ».

Phạm vi bài này là chỉ căn cứ vào những văn kiện có tính chất pháp lý của nhà nước Hồ Chí Minh để tìm hiểu chính sách của Bắc Việt cộng sản đối với Phật giáo và Thiên Chúa giáo. Vì vậy, còn rất nhiều biện pháp của đảng và nhà nước Hồ Chí Minh áp dụng để triệt hạ uy tín của tôn giáo, chia rẽ tăng giả và tu sĩ với tín đồ, phản truyền đạo pháp, nhưng đó là những biện pháp áp dụng ngoài luật, chúng tôi sẽ đề cập đến trong một dịp khác.

THANH PHONG

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

**A - ĐONG
TƯU LAU**

Điện thoại : 36.205

亞東大酒樓

58 22, Đường Trần-thanh-Cần — CHOLON

hắn của bác sĩ Đán, hai bàn chân vắt vãi lăm vãi chĩa không khỏi của cụ Sửu, đã nổi lên điều ngược đãi ấy!

Tuy bắt bớ nhiều song qua gần ba năm khi đưa ra tòa quân sự đặc biệt còn độ gần năm chục người và một cuộc còn ba mươi sáu người phải chịu án từ năm năm cấm cố đến mười tám năm khổ sai.

Phiên tòa bắt đầu ngày 5-7 kết thúc ngày 11-7-63, và xử quân nhân trước, dân sự sau.

Trong phiên tòa xử các quân nhân người ta nhận thấy các bị-cán đều vui vẻ không có gì sợ sệt. Tuy thế, các sĩ quan này luôn luôn lấy có vì tuân theo cấp trên và các cấp trên đã đảo-tàu rồi. Cũng chính vì tinh thần tuân mệnh lệnh cấp trên gần như tuyệt đối của nhà binh làm cho Chánh thẩm và Ủy viên-chánh phủ bối rối khi buộc tội.



Với truyền thống hiên-ngang của quân-đội Việt-Nam, các sĩ-quan tại tòa xử những nghiêm trang nghiêm Ủy viên chánh phủ nỗ-lực buộc tội và lên án.

Từ trái: Trung-tá Phan-trọng-Chính - người chủ trương đánh anh đánh nhanh đánh mạnh - Đệ-tứ Thước, Thượng sĩ Nhỏ, Trung-sĩ Tống, Thiếu-tá Thưa và Lưu-văn-Hiến.

Nữ xon quân nhân, phiên tòa tiếp tục xử các dân sự. Cũng như các quân nhân, các can phạm trong phiên tòa tiếp theo này đều bình tĩnh vui tươi. Người ta có cảm tưởng như các « giáo sư đi dự một cuộc họp » hơn là ra tòa, nhất là « tòa giết » (theo sự nhận xét của báo chí lúc bấy giờ). Tuy biết cổ vấn Ngô đình Nhu đã định đoạt bản án rồi nhưng các can phạm vẫn biện bác với tòa. Người ta không quên được hai nhân vật quan trọng: Phan khắc Sửu và Phan quang Đán. Trước khi nói đến hai nhân vật này, tôi xin đề cập đến một bị can đặc biệt: Ông Nguyễn tường Tam.

Trong lúc các bị can khác chuẩn bị ra tòa thì ông Nguyễn tường Tam mượn một loại thuốc độc



Xuống xe bị bắt bồng của nhà lao Chí-Hòa, họ vui vẻ tiến vào pháp-đình.

Từ trái: Cụ Vũ-hồng-Khanh, Ông Phan-bá-Cầm (kiến trắng), Ông Bùi Lương, Ông Trương Bảo-Sơn (đề tang cho cố Nguyễn-Tường-Tam) Ông Nguyễn-hữu-Văn...

ngay. Theo di-chức, ông báo chỉ có lịch sử mới phân xét ông, ông phủ nhận « luật pháp không pháp luật » của chính quyền, ông cho cái chết của ông cũng như sự tự thiêu của cố hòa thượng Thích-Quảng-Đức cốt để phản đối một chế độ độc tài tàn bạo. Ông Nguyễn tường Tam chấp nhận một cái chết đẹp để đã làm xúc động trong quần chúng và nhất là các bị can trong vụ này. Một số bị can mang băng đen đề tang cho một vị anh hùng đã tuần tiết.

Trở lại hai ông Phan khắc Sửu và Phan quang Đán.

Ông Phan khắc Sửu đã đồng đặc cái lại những lời buộc tội lần quân và thấp kém của Ủy viên chính phủ (Trung tá đồng hóa Lê nguyên Phu, thật bất đắc dĩ phải nhắc lại cái tên này!). Người ta không thể quên được câu nói hùng mạnh của cụ Sửu: « Tôi chỉ có một « tội » nếu các ông gọi nó là tội, là tội đui địt Pháp để cướp» Saigon, tội vì dân tộc mà thôi! »

Tuy nhiên ông Phan khắc Sửu không đóng vai trò quan trọng trong cuộc đảo chính và chính ông cũng bảo không có chân trong Mặt trận Quốc dân Đoàn kết của ông Nguyễn tường Tam?

Nói nhiều nhất phải dành cho bác sĩ Đán. Với giọng hùng hồn nhưng gợi cảm và tha thiết, trước hết ông nhận tất cả việc đã làm và ông bảo những người liên-can với ông là do lệnh ông thế thì trách nhiệm về ông. Với lời khéo léo bác sĩ Đán nhắc lại chánh sách của Ngô đình Diệm :

- Không có tự do dân chủ
- Không công nhận đối lập
- Bấu cựa gian lận
- Quốc hội bù nhìn
- Tư pháp là công cụ của chính quyền.
- Đàn áp đối lập.

Sau khi đưa các khuyết điểm của chính phủ bác sĩ Đán đề cập đến vấn đề Cộng-sản. Theo bác sĩ hiện tình Cộng-sản đánh mạnh và chiếm gần hết nông thôn, vậy nếu là thực sự yêu nước thì phải dẹp mọi hiểm khích oán thù để chung sức diệt Cộng. Bởi đặt quyền lợi của dân tộc trên hết bác sĩ sẵn sàng chịu hy-sinh, dù là phải hy-sinh đến danh dự, để đạt cho được mục đích tối hậu: đoàn kết để diệt Cộng. Rồi bác sĩ nêu ra các gương lịch-sử như đời nhà Trần ở nước ta, việc Mỹ Nhật, Đức-Pháp tuy là cái dân tộc đã có phen là thù nhưng lại phải sát cánh để đạt một mục đích trong đại hơn.

Tuy biện luận gãy gọn, có vẻ thiên-chí nhưng kết quả bác sĩ vẫn lãnh đủ án 7 năm cấm cố và đi Côn-đảo. Người ta cho rằng, và có lẽ đúng, bác sĩ Đán không phải nhắm mục đích đoàn kết với chính quyền Diệm để diệt Cộng, vì thừa biết Diệm Nhu không thực tâm chủ trương đoàn kết, bác sĩ muốn « giả đại qua ai » để mưu đồ đại sự. Người ta nói, và chính kẻ cầm bút này hơn một lần nghe bác sĩ Đán bảo: « Bằng cách nào cũng được phải ra ngoài mới hoạt động, hiện bày giờ hoàn cảnh bên ngoài rất thuận tiện cho việc hoạt động. Các anh còn trẻ, khỏe, ra khỏi tù thì chúng mình lập chiến khu... » Không biết các lời khuyên ấy có lọt tai chính quyền không mà bác sĩ luôn luôn bị giam cầm, dù ở Côn-đảo, vì sự liên lạc với người ngoại quốc để vượt ngục. (Các thông tư mật của bộ Nội-vụ gửi ra Côn-sơn nói về bác sĩ Đán, có đăng trong báo Dân Quyền).

can tại - đảo. Và kết quả những người ấy bị tiêu án tối đa : tử hình.

Trong số ấy có đại tá Nguyễn chánh Thi (nay lên Thiếu tướng) thiếu tá Liễu, thiếu tá Đỗ, thiếu tá Lộc v.v... và luật sư Hoàng cơ Thụy.

Tiếp theo các phiên tòa đó là phiên tòa xử vụ Vũ đình Lý. Vụ này là một vụ âm mưu đảo chánh (theo bản cáo trạng) lãnh đạo là Vũ đình Lý, một



Vào tòa « quân sự giết người theo dự 10-59 » nhưng họ vẫn hiên ngang tiến bước như đi vào một đại hội.

Từ trái: Giáo-sư Nguyễn-Liêu (đề tang cố Nguyễn-tường-Tam) ông Nguyễn-thành-Chu, Phan-văn-Chân, bác sĩ Đán, ông Đình Xuân-Quảng v.v...

đảng viên Đại-Việt. Trong đó có : Đặng vũ Ước, Bùi ngọc Lợi, Phạm đình Nghị, Khuất duy Hải, Vương Phú, Nguyễn Hiền.

Sau đó không lâu tòa án quân sự thường xử vụ Caravelle (Bác sĩ Nguyễn xuân Chữ không chịu ra tòa). Kết quả tha bổng tất cả.

Trở lên trên, tôi đã trình bày những điểm đại cương và xác thực của vụ 11-11-60. Sở dĩ tôi không kể tỉ mỉ vì đã có nhiều hồi ký viết cần thận rồi. Tôi chỉ nhằm thể hiện sự thật của phiên tòa vụ



Hiện binh kềm sát bên, khung cảnh đàng đàng sát khí, tuy nhiên họ vẫn tươi cười thẳng bước vào pháp-đình.

Từ trái : Ông Trần-Minh, Ông Nguyễn-dực-Toàn, Phan-bá-Phụng (cười như hoa), Ông Trần-văn-Ngay (kiến đen), bà Đình-Xuân-Quảng, Ông Phạm-Lợi (cờ-vết và đề tang cố Nguyễn-Tường-Tam).

11-11-60, vì tôi là một bị can biết rõ chi tiết nội vụ. Tôi muốn đưa ra một sự thật tránh tất cả những gì « màu mỡ » để độc giả nhận chân sự việc đã xảy ra, rất khác với luận điệu xuyên tạc của báo chí Nhu-Diệm lúc bấy giờ vậy.

Cuối năm Giáp Thìn
PHẠM LỢI

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

XUỐNG KEO HÓA HỌC

QUANG-HUÊ

CHUYÊN MÔN LÀM CÁC LOẠI HÓA HỌC

127/16, Đường Mai-Xuân-Thượng
Giấy nối tự động 37-154

Bình tây CHỢ LỚN

Xuân ẤT-TY

TỈNH ĐẢNG BỘ VIỆT-NAM QUỐC-DÂN-ĐẢNG
QUẢNG-NGÃI KÍNH CHÚC:

- Toàn thể Đảng bộ an vui hạnh phúc
- Các chiến sĩ Quân đội Việt-Nam Cộng - Hòa lập nhiều chiến công
- Các đoàn thể bạn thành công trên con đường Cách-mạng.

Ban chấp-hành Tỉnh Quảng-Ngãi
Bí thư
LÊ-MỸ-ĐẠI

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

HĂNG THÀU

DƯƠNG VĂN SỰ

LÃNH XÂY CÁT NHÀ CỬA
KHAI THÁC LÂM SÂN

Văn phòng: 70 Công-Lý
Điện-thoại: 21 842

Tư gia: 1058 Trần-quang-Khải
SAIGON

Sấm trạng... (Tiếp theo trang 37)

Giải thêm cho rõ chữ **Phá ruộng** tức là chữ **Sửu**. Ruộng là nghĩa của chữ **điền**, phá ruộng theo chữ **Hán** là **Phá điền** trước đời cụ **Trạng Trình** người cổ **Trung Hoa** đã dùng chữ **Phá điền** làm biệt hiệu cho chữ **Sửu**. Sách «**Địa mẫu kinh lục thập niên ca**» có chép: «**Tuế danh tị phá điền**» nghĩa là năm **Sửu** gọi năm phá điền như vậy phá ruộng tức là phá điền, tức là **Sửu** như trên đã nói.

Trên tôi đã thưa, tin ở sấm hay không tin, đúng hay sai là tùy ở độc giả. Nhân tiện tôi xin trình bày vài câu sấm ứng với việc **Nguyễn-Nhạc** lên ngôi. Vua **Gia-Long**, **Hồ-chí-Minh** và **Ngô-dinh-Diệm**.

1) Câu «**Hà thời biến lại vì vương**»

Thử thời bắc tận, nam trường xuất bốn

Chữ «**biến lại**» ám chỉ ông **Ngô** ở **Nhạc** vì ông có làm **Biện** lại huyện **Văn Đền** (**Qui Nhơn**)....

2) Câu «**Phụ nguyên chính thống hân hời**»

Từ đề lại phải mắc mòi dân đề

Chữ «**phụ nguyên**» chỉ triều **Nguyễn Gia-Long** vì chữ **phụ** tức là bổ liệu leo hiệp với chữ «**nguyên**» thành chữ **Nguyễn** (阮).

3) Câu «**Đầu thu gà gáy xôn xao**»

Mặt trắng xưa sáng tỏ vào **Thăng Long**

Chữ «**Trắng xưa**» chỉ cho **Hồ-Chí-Minh** vì **trắng** tức là **Nguyệt**, xưa là cổ, hai chữ **nguyệt** cổ hợp lại thành chữ **Hồ**, tức là **Hồ-Chí-Minh**.

Sáng tỏ vào **Thăng Long** tức **Hồ-Chí-Minh** về **Hà-Nội**...

4) Câu «**Có thầy nhân thập đi về**»

Tả phụ, hữu tri, cây cỏ làm binh

Chữ «**Thầy nhân thập**» ám chỉ **Ngô-dinh-Diệm** vì ông **Diệm** là người có **Đạo Thiên Chúa** và hình như thuộc nhỏ ông có theo học trường tu nhưng không thành. Nhân thập là **Thánh Giá**. Lúc **Ngô-dinh-Diệm** mới về nước được rất nhiều người ủng hộ.

✱

Tên đây tôi dẫn chứng vài câu với mục đích nhận định rằng chỉ vài chữ quan trọng trong câu sấm mang cái ý nghĩa muốn nói của nó như chữ «**biến lại**», «**phụ nguyên**», «**Trắng xưa**»... Và «**phá điền**» (tức là chữ **Sửu**) như đã dẫn chứng ở trên.

Tuy **Sấm** không phải là một khoa học như khoa thực nghiệm, toán pháp, nhưng có lẽ nó không phải là những lời nói vu vơ?

XUÂN ẤT TÝ (1965)

VỆ NAM NGUYỄN-KINH



Chúng tôi:

Những kẻ sinh ra chưa biết nụ cười

Đã thêm khóc trong bao năm khổ lửa

Mười tám tuổi, vài thô thay nhúng lụa

Giày vỏ xe hơi mòn gót liền khu

Một dải miền Trung rừng rậm sương mờ

Vui kháng chiến, tình non sông mãi mặn

Chúng tôi lớn trong tiếng rền lựu đạn

Ba-lô đa nặng trĩu cả vai gầy

Những bà mẹ già run rẩy đôi tay,

Rót từng bát nước chè trưa nắng gắt

— «**Lũ chúng nó mới công đồn, giết giặc**».

Chúng tôi, thế hệ bốn năm,

Vui chưa bao nhiêu, nhiều lúc khóc thầm

Một phần tư thế kỷ

Lừa lọc, gian ngoan một bấy ác quỷ

Tuổi thanh xuân tàn tạ như một giấc mơ

Hoảng hốt, điên cuồng, nhẵn nhụi, bơ vơ

Vám tay nhỏ đưa lên trời phẫn đối

Và tự hỏi: «**Mình làm gì nên tội?**»

Bồn lắm! Bồn lắm!

Tiếng vọng xa xưa,

Nắng cháy, mưa dầm

Lòng đất Mẹ lại một phen chua xót

Chúng tôi yêu núi **B-Vi** chót vót

Sông **Cửu-Long** cuộn cuộn chảy ra khơi

«**Quê hương mình nghèo lắm ai ơi!**»

Mùa đông thiếu áo, hè thời thiếu ăn!

Thời gian qua, đã hai chục mùa xuân

Trại mười tám tóc ngả màu sương gió

Những đêm đô thành thấy bóng mình xưa

Giác trọ buồn thiu, năm khềnh nghe mưa

Xót, thân phận, nhớ từng thằng bạn học

Ngâm thơ người xưa, đau mình cô độc

Rồi áo cơm thay thế chuyện giang hồ

Đôi lúc buồn tình làm một bài thơ!

Bồn lắm. Bồn lắm

Những kẻ ra đi, những kẻ đang nằm.

Những kẻ chết, những kẻ còn vắt vẻo

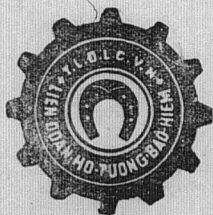
Chúng ta làm gì?

Thuyền con trong cơn gió cuồng!



TA-KY - 1965

Giáo-sư triết-học hiện dạy tại trường
Vũ-bí Quốc-gia Đà-lạt. Thi sĩ suốt đời
chịu tất cả những cái phí lý, nhất là cái
phí lý của trận bão lụt miền Trung!



BA MỐI LỢI CẦN BIẾT

KHI QUÝ VỊ BẢO-KÊ CÁC LOẠI XE TỰ-ĐỘNG TẠI

LIÊN-ĐOÀN HỒ-TƯỚNG BẢO-HIỂM

GÓC ĐƯỜNG HUỖNH-QUANG-TIẾN, TRẦN-HUNG-DẠO — ✱ — SỐ D.T. 24.504

✱ BẢO HIỂM PHÍ RẤT HẠ, ĐÓNG RẤT DỄ-DÀNG,

✱ SẴN SÓC CHU ĐÁO KHI XE CỦA HỘI VIÊN RỦI RO BỊ TAI NẠN.

✱ CUỐI NĂM THANH TOÁN CÁC KINH PHÍ, BỒI THƯỜNG TAI NẠN, CÒN DƯ LẬP QUỸ DỰ TRÙ
LUẬT ĐỊNH VÀ TIỀN THẶNG DƯ SẼ HOÀN LẠI CHO HỘI VIÊN.

XIN LƯU Ý: Có Văn Phòng chi nhánh tại các Tỉnh

Gìn vàng giữ ngọc

(Tiếp theo trang 32)

rồi nằm yên ngay sang chông bên. Khi lưng và đầu áp xuống rồi, xúc giác mới báo cho tôi biết là cái chông này hẹp hơn, ngắn hơn và nan thưa hơn cái chông kia.

Tiêng Huân hỏi :

— Anh Sơn mệt lắm hả ?

Tôi chắc lưỡi :

— Gọi là thôi !

— Anh đi bao nhiêu cây số đến đây ?

Nhân thấy tôi thật thì không tiện và nói dối thì không nổi tôi vờ như không nghe thấy. May sao Huân nói sang câu khác :

— Tôi bảo thôi còn thêm xuất anh đây nhé.

Tôi đáp gọn :

— A, có nhiên ! Các câu ăn cơm tôi nhĩ, tưởng mình đến giờ này thì các cậu đã ăn xong tám hoành và phải đi thôi rồi cho mình mới khác.

Tôi vui câu chuyện tôi mới tiếp :

— Nếu có gà nhà thì cứ giả vờ thịt đi cho vui.

Huân đáp ngay, nhưng giọng nghe ra hơi ngượng ngập :

— Ờ, thịt gà... vâng có chứ !

Năm ruồi đã được một phút hưởng gió mát buổi chiều phe phẩy, tôi thấy lại sức nhiều do đây có sự « phân tỉnh » ngay để nghĩ thầm :

— Bỏ sự, nói vờ vờ nhà Huân không nuôi gà, Huân phải đi lung quanh xóm thì mình cũng hơi khi.

Tôi vờ toan hỏi lại Huân xem nhà có gà thực không thì Huân đã đứng dậy đi vào nhà. Không hiểu Huân nói gì chỉ biết sau đó con cháu lớn Thu-Hương, tất tưởi đi ra ngõ. Khi Huân tới bên, tôi cũng vừa vỗ lên túi con áo sơ mi để sức nhớ ra rằng mình có một điều Cốt-bà của bạn cho mà chưa trả.

Vừa rút điều thuốc ra khỏi túi, tiếng Huân reo vui :

Tôi nhớ ngay Huân vốn nghiện nặng thuốc lá thơm nên lạnh trí đi liền :

— Gặp một thằng bạn giữa đường cho đây, tôi vờ đứng dựng vờ thuốc lá nên để dành cho cậu.

Tôi vẫn nằm ngửa trên chông, ruồi thàng chân cho máu chảy đều và khe đưa mắt để khuôn mặt lọt vào trong nhãn giới ; vì lần này trông nghiêng nên khuôn mặt Huân có những nét gầy hốc hác, mà lúc này có lẽ vì trông thẳng, có lẽ vì nhắm mắt hoa nữa nên tôi không nhận thấy. Châm xong đầu thuốc lá, mỗi Huân dẫu ra để hít lấy khói thuốc, này sợi râu mép và râu cằm được dịp nổi bật lên trong ánh chiếu bằng khuôn khi khuôn mặt Huân càng được một vẻ xanh xao sâu thẳm. Tôi đặt thăm nghĩ vẩn : hay là ngày nay Huân cũng hoàn toàn khinh tẩn, và gia đình Huân cũng hoàn toàn sùng kiêu do nhất như gia đình tôi hiện giờ bên bờ sông Đáy, dưới chân Tam-Đảo ? Huân không biết là đương bị tôi ngắm, vừa hút thuốc lá vừa tuôn từ đôi mắt về môi khi tiết tẩn cư của gia đình tôi. Tôi vẫn đáp lời và vẫn tiếp tục quan sát. Cách Huân hút thuốc quá là cách hút thuốc của người nghèo đã lâu lắm nay mới được một đầu.

Tôi hốt hoảng ớn lạnh nửa lời vừa nói khi này : « nếu có gà nhà thì cứ giả vờ thịt đi cho vui » và tự thấy mình vô duyên biết mấy.

Đến lượt tôi hỏi lúc vẩn về cách chạy loạn của gia đình Huân. Tôi được biết hồi còn ở Ninh-bình vợ chồng Huân buôn bán khá. Sau vợ quân Pháp nhảy dù ở Đông-gang, vợ chồng Huân sợ chúng sẽ tàn công toán thì Liên-khu Tự-ben mang cả con cái theo đường Hòa-Bình-Vũ-Bân — đường số 6 — rồi vượt sông Hồng sang Vinh-Yên. Bị bom napalm nhiều rui hết đờm, một lần nữa Huân chuyển gia đình xuống Phúc-Vĩnh, ở đây.

Hỏi về cách sinh sống hiện tại thì Huân cho biết Nhân cũng đưa con gái lớn lên mười hai — Thu-Hương — vẫn đem gánh đi bộ hàng sắn ra chợ Sặt-bán, chiều gánh về.

Tôi hỏi thêm :

— Thế hàng xen của Nhân có những thứ gì ?

Huân trả lời hoàn toàn ngoài đề :

— Đường từ chợ Sặt về nhà ruộng, nên việc sớm gánh đi tới gánh về không có gì là vất vả lắm.

Thấy tôi ngó dỗi, Huân cười hỏi — tôi biết — để lắng câu chuyện :

— Anh khỏi mệt rồi chứ ?

Tôi gât đầu và đáp với giọng có làm cho trong sáng để chứng tỏ tôi không có gì thắc mắc :

— Khỏi mệt rồi ! Cậu ở đây rộng và thoáng thật đấy.

Sự thực tôi ngó nhòm dấy vì thấy Nhân đương vơ gáo ở đúng góc bề Cờ trông cái gì vơ gáo và cách sóc gáo tôi cũng thấy rõ ràng rồi, cơm sắp thôi không thể là nói cơm đó cho ba người lớn và ba đứa trẻ. Hai đứa cháu nhỏ của tôi — một trai, một gái quàng tuổi lên năm và lên bảy cũng gầy gò và xanh xao như nhau — lúc đó vẫn quần lầy bên Nhàn.

Cũng cảnh đó, một năm trước đây, đã diễn ra trong gia đình tôi, hồi chúng tôi còn ở Bồ-Hà (Bắc-giang). Tôi còn nhớ hôm đó ông bác tôi tên Bền Tuân Lục Liễn sang chơi, Nguyễn nửa tháng trước đây, thấy tôi và tôi có tới Lục Liễn thăm người, được người thết cơm rượu thịt gà, trình trong lăm. Lần này lẽ dĩ nhiên thấy tôi cũng phải nghĩ cách giả nọ mức dẫu nhà đương rất nghèo túng. Dưới chuồng còn một con gà mái đang đẻ : lăm thì ! Trong thùng còn hai đũa gạo định để thời độ này, nay bỏ ngô để thời cơm trắng. Bữa rượu thết hôm đó ngồi tiếp Bác, ở thấy tôi và thặng em thứ hai.

Đến đây nói của Bác : « Thăm Hai vào ăn một thề cho vui », me tôi cười ròn và rất tự nhiên :

— Mỗi bữa tôi rượu với thầy cháu, em phải trông cho mấy cháu bé ăn ở dưới này.

Kỷ thực các em bé tôi có gì mà ăn !

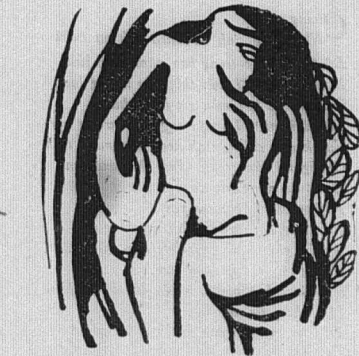
Khi bác tôi về, cơm thừa trong nồi còn chừng hai bát. Lẽ dĩ nhiên là thầy tôi, tôi và thặng em thứ hai đã phải hết sức ăn cầm chừng mới được vậy. Me tôi đem một bát cho thặng em út và bát kia cho đứa em gái thứ tư của tôi, năm đó lên tám. Me tôi ăn chấy. Đứa em gái lên tám của tôi đó bắt cơm rồi cúi mặt xuống khóc lằng lè. Nó biết là cảnh nhà bần bách quá rồi. Me tôi thấy vậy thì vờ vai nó rồi vừa cười vừa khóc, cả nụ cười và hai dòng nước mắt cùng chần thành như nhau, hân các bạn thừa hiểu vì sao. Tôi cũng với quay đi để kịp đi để kịp dẫu hai giọt nước mắt nóng hổi vừa tràn khỏi bờ mi. Ngồi nói chuyện hân huyền với Huân, tôi giữ bề ngoài bình thản nhưng bên trong lòng tràn ứ kỷ niệm chua chát.

Lẽ nào ngày tôi để Nhàn và các cháu tôi tái diễn phần dưới tần bị kịch năm xưa ?

Tôi thoáng thấy cháu Hương hai tay áp vào ngực, đi quanh tường vào thặng trong bếp. Nhưng khi bé Hương vừa nhảy xuống thì tay hai bên tay bé nhỏ của nó tuột ra cái mé gả sông có một quãng lông ngắn dính ở đầu. Tôi vờ ngẩng nhìn ngọn tre lác lác trong gió chiều như thể mình không biết gì. Huân bảo vớ.

— Em lừa thức nhằm trước rồi thôi cơm sau.

Nhân đáp « vâng » rồi cười — giọng cười ròn tan y như tiếng cười của me tôi ngày nào, hay nói cho đúng đó là tiếng cười đặc biệt của bất cứ người dân bà Việt Nam nào trong những cảnh nhàn nhàn kín đáo. Tiếng cười tôi nghe mà xót xa, và tự nhiên có ý nghĩ ngờ ngĩnh : giả sử sau này có quyền hành nhất định ở mỗi công trường chính của mỗi thành phố tôi sẽ có đem tượng bôn thần một người dân bà Việt Nam để tượng trưng cho tinh-mẫu tử, đức hy sinh đáng được kính mền vào bậc nhất thế giới của dân tộc nhà.



Vừa kịp có một ý định, tôi thấy cần phải hành động nhanh chóng nên đứng dậy đứng định ra ngõ :

Huân hỏi :

— Anh đi đâu đó ?

— À — tôi đáp — đi xem qua phong cảnh thôn này một chút.

Rồi tôi ra đến thôn trên con đường dẫn tôi chợ. Ánh chiếu vừa tắt, vừng trăng rằm tròn vành vạnh lên ngôi, ánh như tinh cảm một người con gái đến tuổi về biệt rằng mình đẹp. Nhìn trăng càng thấy vừng tâm trên quãng đường trường mà tôi sắp phải đi nốt.

Đợi mười lăm phút qua, tôi quay về lăm đáng hết hoảng báo Huân.

— Hôm nay của Huân à ! Như lúc này tôi nói là sau nửa tháng nghỉ phép để sống với gia đình, rất có thể tôi sẽ trở lại làm việc trong Ty Thông tin Vinh-Yên. Tôi vừa gặp Ông Trưởng Ty ngoài chợ, ông ta nhất định kêu mình đi dự hội nghị thông tin liên ty Vinh Phúc (Vinh Yên — Phúc Yên) ngay bây giờ.

Huân rầy này người, chỉ mồm thức ăn ứ lổn bàn trên chông.

— Sao, ngay bây giờ là thế nào ?

Nhân nghe rõ câu chuyện cũng nhò ra khỏi bếp, tay cầm dĩa dưa xoài, rồi nói :

— Ăn cơm đã anh à, em đương lăm món cánh gà xào chua ngọt mà anh thết.

Tôi tiếp tục buột lại ba lá và đáp :

— Thôi được chẳng lần này thì lần khác, có nên nhớ giữ nay tôi công tác ngay tỉnh bên chứ có dẫu xa xôi như trước.

Huân mở lổn bàn cho tôi thấy đĩa miến xào me gà

LỜI TOA SOAN.

Chúng tôi đến xin bài Cụ Nguyễn-Thiệu-Lầu, giáo sư Sư-Địa trường Đại-học Văn-hóa Saigon nhưng vì mấy hôm nay tiết trời trời rét, Cụ không được, khờnên Cụ chỉ đọc cho chúng tôi bài « BÍ KỶ » của Cụ và đản thêm rằng : « Mai kia các anh nhớ khác vào mộ phần của tôi cho tôi được ngắm cười nơi chín suối ». Chúng tôi gục đầu và lặng lẽ cáo từ, trong lòng ngùi ngùi một niềm cảm xúc cho cuộc sống xế chiều của một học giả tài hoa.

Bi Ký

悲記

Bác-hà nhân-sĩ thị tinh-hoa

北河人士是精華

北亞兼聽好 hợp hòa

歐亞兼聽好 hợp hòa

Bình nhựt tâm-tư hưng quốc-vận

平日心思興國運

Lâm thời trí khởi phục phong-ba

臨時智起復風波

Thiên-văn, địa-lý suy nhân sự

天文地理推人事

Đạo đức, cương-thường thiêu thể gia

道德綱常紹世家

Khảo cổ suy tân, tâm bất toại

考古推新心不遂

Ai tại ! thiên đoạt Việt kỳ hoa

哀哉天奪越奇花

NGUYỄN-THIỆU-LẦU

Tạm dịch :

Bi Ký (khắc vào mộ)

Bác-hà nhân-sĩ là ông

Văn-chương Ấu Á tinh thông nhà

Thường này lo đặng quốc-gia

Hưng cường văn nước, phong ba an-bình

Xét trời đất, suy nhân tình

Cương-thường đạo-đức gia-đình nghiêm-

minh

Xưa nay lòng vờ bất bình

Trời già vờ cướp nước mình một ông

LÊ-SỬ dịch

còn bốc khói và đũa thịt gà luộc tuy không được đầy dĩa nhưng cũng khá thơm, tôi báo tôi :

— Đấy anh hãy ngồi đây, chúng ta nâng chén lăm

cơm mang lên sau là vừa.

— Tiếng Nhàn họa theo lập tức :

— Phải đấy.

Ôc tôi thoáng nhớ lại một kỷ niệm ăn giỗ năm đó — 50 xin kể rõ chi tiết sau đây — và cương quyết khoác ba lổ lên vai :

— Ô hay — (tôi vừa cười vừa nói, tiếng cười, lạ thế, cũng trong và ròn như tiếng cười của me tôi năm xưa và cũng cười của Nhàn khi này) — các cậu lăm như thế tôi là khách hàng không bằng.

Vừa lúc đó thặng bé cháu út ngủ và khóc. Dịp may hiếm có, tôi báo Huân :

— Kia cậu ra dỗ cháu ngay đi, thôi tôi đi, cậu đừng phải phiền.

Nhân nhò ra khỏi bếp :

— Khó sao anh vội thế ? Đâu phải là khách, nhưng anh em đã lâu chưa mới gặp nhau.

Tôi giờ tay chào đũa tiền quần sự :

— Ôi chà, chuyện này còn nhiều dịp gặp nhau lo gì A ! Me sử Huân ra dỗ cháu đi kia. Thôi nhè chào cả nhà.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

TỔNG PHÁT HÀNH NHÀ THUỐC

VƯƠNG HỮU LÊ

144 B Lê - Thánh - Tôn

SAIGON

K. N. Số 1053 - BYT / QGDP

Buvacalcium

QUẢNG THAI
BỔ PHOSPHORUS
TRẺ EM MẠNH MẼN

CHỈ CÓ TẠI CÁC NHÀ THUỐC

Vợ chồng Huân buồn thiu không chớ lại được tới trong khi tiếng hát của cháu lớn lạnh lạnh :

— Lay bác a...

Tôi mỉm cười nhìn chúng một lần nữa, đứa nào cũng gầy và đen. Chúng vẫn còn giữ được lối chào kiểu cách Hà Nội hồi chưa tác chiến.

Tôi vội vã ra khỏi xóm, sợ Huân theo tiễn. Ra tới đầu làng, nhìn bóng mình in dưới chân, tôi mới biết là chiều đã thật hết, trăng bắt đầu tỏ. Mùi hoa ngải ngợ ngất từ trong xóm tỏa ra thơm nhẹ như hồn tôi. Ngẩn nhìn trăng tôi nghĩ thầm :

Quảng đường còn lại chẳng còn gì là khổ, chỉ việc theo sông mang con đến vùng Yên-Lạc, đi một quãng đường thưa rồi theo sông mang lớn ngược lên ; tôi chờ Phú Vinh thì rẽ xuống tay trái theo đường đá qua chợ Me, qua một con đê, qua một cánh đồng, sang sông Dáy, thì lại đến nhà ; khi trăng rằm đi hết đường thì Đổng sang tay trái vào cao, chác ở dưới này tôi cũng vừa đi hết quãng đường từ Nam lên Bắc. Phải, tôi sẽ đi suốt đêm nay để gặp gia đình bên bờ sông. Dáy vào buổi hoàng hôn ngày mai. Tôi biết sức lực tôi vừa hồi lại đối chọi sẽ tan rã ngay như đoàn quân khởi nghĩa non ngày, nhưng tôi đã có bi quyết khả dĩ đánh lừa nỗi phẫn náo cái mệt : tôi sẽ ổn lại những chuyện cảm động trong đời, rồi tôi mới đi từ an ủi hay từ khuyến khích. Trong khi tâm trí chìm trong suy tư, hai cặp giò tôi cứ nhích nhích cứ động đều như máy. Tôi ổn chuyện anh người làm tên là Trung đến ăn giờ ông tôi, năm đó 1945. Gia đình tôi bắt đầu sa sút từ năm 1942. Sáng 1943

mẹ tôi phải thái hết các dây tơ trại gái lớn chỉ giữ lại một cái bèn lên mười để sai bồi bạn. Giữa năm 1945 tôi mới bán nốt chiếc piano, người bạn và niềm an ủi cuối cùng để mẹ tôi có tiền cấy vụ chiêm ở trong quê. Giỗ ông tôi vào hạ tuần tháng hai âm lịch. Đứng ngày giỗ thì Trung từ trong quê anh, làng So (Cũng tây), ra tới làng tôi. Đường đi qua các cánh đồng, dài chừng hai mươi cây số. Chính tôi phải chú mục đến một phút sau mới nhìn ra Trung. Năm năm trước đây anh ta lớn, vạm vờ bao nhiêu mà lúc đó mặt anh béc bạch, tiêu tụy, râu mọc xồm xồm trên má, trên cằm, trên cằm tang thương như cỏ dại mọc trên đất hoang ; mắt thao láo có vẻ hơn đũa, có ngấn, quầng đỏ da và mẩn và dục, còn rách miệng không chỗ nào được kín hoàn toàn kể cả khoảng khe hạ bộ. Anh quả là một thần của đói và rách.

Trung nói với thầy mẹ tôi :

— Thưa cậu mẹ, con nhớ hôm nay là ngày kỷ con là tôi tới có ở trong nhà nên ra để hỏi ha.

Mẹ tôi gật đầu cảm ơn và nói cho Trung hay là năm nay làm giỗ chỉ còn canh xoang chẳng có gì là háu ha, nhưng anh đã từ trong quê ra thì cũng cứ ở đây cho hết ngày. Trung đã ở hết ngày hôm đó và cả ngày hôm sau nữa. Bữa chiều gia đình tôi ăn cháo, mẹ tôi và tôi cùng thoáng thấy Trung mỉm cười híp mắt rất lâu ở dưới bếp, nhưng không sờ mắng. Bữa chập đó các em tôi bị thiếu.

Tôi biết mẹ tôi vốn hiền đức hiền có, hẳn người cũng đã khổ tâm lắm khi sớm hôm sa người nói với Trung :

— Anh nhớ ngày giỗ ông ra giúp cậu mẹ thực đáng quý lắm, nhưng anh thấy đây, gia đình cậu mẹ độ này cũng chẳng còn gì. Bây giờ anh hãy về để đỡ gia đình tuấn tu anh lại giúp mẹ gặt lúa chiêm, lúc đó hẳn mẹ con mình được bụng đất con đầy. Chắc Trung cũng thừa hiểu nỗi khổ tâm của mẹ tôi nên anh chỉ « vâng » được một tiếng rồi cúi mặt xuống, mắt me rơm. Một lúc sau, mặt còn đỏ hoe anh lên nhà chào thầy mẹ rồi quay ra ngõ bước hơi hấp tấp càng làm những mụn và xô chí thêm tội tã. Ra tới ngõ anh mới dừng lại chụp cái nón rách lên đầu, ngơ ngác nhìn về hai phía. Sau cùng anh rẽ sang phía không phải là phía đưa anh về làng.

Tôi đưa mắt thấy mẹ tôi ngồi trên ghế ngứa, tôi biết người vẫn hàng nhìn và vui lòng tiếp tục nhìn cho bắt chớ ai, nhưng thấy đàn con đói người không nỡ. Một lát sau người tôi dài nói :

— Tôi biết cậu có ! Gia đình nhà ta sở dĩ sa sút mà không bị nhích em bà con làng nước ở : bù chi vì khi đi bắt ăn, mẹ chi biết cứu giúp mà không biết khinh ai. Ngày xưa lúc giờ làm đôi khó phải đuổi nó đi thực vụn bắt đi.

Một tháng sau tôi được mẹ tôi cho hay tin Trung đã chết, anh chết đói, gục mặt xuống về ở trên quãng đường Đường Cẩn. Chỗ này còn cách quê anh chừng hơn chục cây số nữa, chắc là biết mình sắp chết anh tìm đường quay về quê mà không kịp.

Cái chết của Trung đã làm tôi ăn hận và suy nghĩ trong mấy tháng liền. Tôi nghĩ rằng gia đình Trung đứng đến ăn giờ ông tôi ; hay có đến nhưng anh về ngay sớm hôm sau. Rồi tôi lần lần nghĩ ra giá mẹ tôi đứng bảo anh đi, cứ mặc anh ở lại đến ngày nào thì ở. Hẳn khi thấy gia đình tôi cũng ăn cháo, anh chẳng dám ở lâu nào. Tào Tháo nói : « Thà ta phụ người còn hơn để người phụ ta », lời nói bi đát của gian hùng, của vị bá kỷ. Tôi muốn mình thực hiện được tiếng nói của vị tha bác ái : « Thà chịu để người phụ ta còn hơn ta đánh tâm phụ người », và cái khôn ngoan thật là khôn ngoan, theo ý tôi, chỉ là cách mà người giáo dục trực tiếp hoặc gián tiếp cho người khác biết tự giác tự trọng tránh không hại ai.

Tin Trung chết để chịu tâm hồn tôi như vậy, nhiều lần tôi tưởng như gia đình tôi có chịu một phần trách nhiệm về cái chết đó.

Kiểm soát lại kỷ ức, tôi thấy rằng những câu chuyện đau thương tuy, tôi đã gặp rất nhiều trong đời. Đình cho rằng « đó cũng là tại số » chứ còn biết nói sao ?

Trăng đã lên cao và sáng lắm nhưng tôi cảm thấy một là người và ánh nước của sông mang loang loang hoa lên như làm run rẩy cả cảnh vật xung quanh. Thì ra tôi đói

Không sao, tôi còn một nửa năm cơm nếp. Chợt khoảng có sặc bên bờ sông tôi ngồi xuống, gió ba lờ ra.

Tôi vừa ăn vừa tiếp tục nghĩ (vừa đi vừa nghĩ để quên mọi ; vừa ăn vừa nghĩ để quên hương vị nhạt nhẽo của nửa năm xôi xoàng).

Chuyện cái chết của Trung với việc tôi khóc ba lờ vội và rồi khỏi gia đình nghèo của Huân, một người em, một người bạn, thoát xét tưởng không có liên lạc gì, kỳ thực liên lạc rất rõ rệt. Tôi ra đi để tránh cho gia đình Huân một điểm ăn hận có thể có — nhờ họ và khác hơn điểm ăn hận của gia đình tôi đối với Trung — nhưng đâu sao thì cũng là ăn hận. Hay thử tưởng tượng cảnh trong nỗi cơm chỉ còn hai lưng bát mà Nhân sẽ chia cho hai con nỡ... Nghề thuật sống với nhau — nếu quá sống với nhau là một nghệ thuật — chính là — những điểm đó.

Hay đứng lại nơi thiên chỉ chân thành của nhau !

Hay giữ cho nhau khỏi sa ngã !

Đại gì mà đoán nhau vào thì cũng để rồi cãi lộn phê bình bi quan : tình người vụ lợi ?

Hay giúp nhau thôi thêm ánh sáng vào những lúc hôn chợt loé bóng mình để cùng chia giây phút thiên thần. Như thế mới là thái độ trân trọng, thái độ gìn giữ giữ ngọc cho nhau, vàng ngọc của tâm hồn !

Khi ăn xong đứng dậy tôi nhận thấy rằng trăng đêm đó sáng thực, chiếu vàng vác trên những người trẻ là giỗ.

Sáng trăng suông cả đêm rằm

Nửa đêm về sáng trăng nằm ngọn tre

Về sau này ôn lại ánh trăng đêm ấy tôi hơi lầy lầm là lòng về một chuyện. Nguyên khi còn ở Sở Thông Tin tôi có một đam mê mãnh liệt. Tôi yêu một nữ cán bộ người Bắc Ninh và là cựu huấn luyện viên thể dục, có một thân hình nở nang, cân đối tuyệt mỹ, tôi thường gọi đùa nàng là Vệ nữ thần. Ngay tháng trước cũng vào ngày rằm có trăng sáng là lời trên ngọn tre, tôi đã nửa đùa nửa thật ôm nàng trên đôi sim và đọc câu ca dao :

Nửa đêm về sáng trăng nằm ngọn tre

Em có yêu anh cho trọn một bề...

Thực là kỳ dị khi tôi ngồi ăn cơm nếp trên bờ sông mắng, rồi khi đứng dậy đi, tiếp tục ngắm trăng rằm trước mặt với ngọn tre là gió mà người đẹp « Vệ nữ thần » tháng trước hoàn toàn chìm trong quên lãng. Tôi chỉ thấy trăng rất sáng và rất lạnh. Sáng có lẽ vì tôi nghĩ rằng các cháu tôi đã bắt gặp mà được hưởng một bữa cơm tương đối thịnh soạn có thịt gà luộc, canh gà sốt chua ngọt, lòng gà xào với miến..., lạnh có lẽ vì tôi nghĩ đến cái chết của Trung và biết bao kỷ niệm buồn rầu khác của chính đời tôi. Rồi hồn tôi như băng bạc hòa vào sương khuya, và trong cùng thâm côi lòng tôi cảm thấy một nỗi niềm man mác, tê tái như một người đàn bà nghèo gánh gạo về trên quãng đường xa heo hút chợt nhiên thấy thương chạnh, thương con, thương mình.



Lẽ có nhiên là đêm đó tôi đi vấp và lấm, nhất là kẻ từ khoảng nửa đêm về sáng trở đi, lấm khi đầu choáng váng, mắt hoa, chân lảo đảo muốn quy hẳn xuống. Mệt đã đành, còn buồn ngủ và đói nữa, cũng may phần lớn đường đi ngay trên bờ sông mang nên mỗi khi mệt quá hay nôn nao quá tôi lại lội ra xuống sông, vốc nước lên mặt cho tỉnh. Tỉnh sượng vượng rang thì tôi đến bờ sông Dáy. Ngồi trên con đê ngang thì trăng lằng nhằng sông Dáy lấp lánh gợn từng đợt lượn nhịp mái chèo. Khi đó sang thì bờ bên kia thì cả mặt sông Dáy đã chan hòa ánh hồng của buổi bình minh chói hạp. Vững đứng vào ló, tôi tìm thấy gia đình C3 nhà reo vui, Thấy tôi hỏi :

— Con đi suốt đêm sao ?

Tôi đáp :

— Dạ vâng, con đi suốt đêm để tránh mây bay.

Em gái lớn tôi cười, nói đùa : Rầu rìa ông anh mọc tròng có gớm không ?

Mẹ tôi cười thương hại :

Thằng em thứ hai tôi :

— Sở huynh trưởng đó. Hôm nay mẹ có nấu cháo đậu đen buổi sáng, vừa mức lên xong kia.

Mẹ tôi hỏi :

— Con có mệt lắm không ?

Tôi đáp :

— Mệt thì con cũng phải ăn cháo đó.

Húp liền mấy bát xong, tôi giải chiều vào một góc nhà lần quay ra ngủ ; mùi mồ hôi, mùi quần áo xông lên sức nực, nhưng tôi cho đó khác gì mùi hương tràn trên trẻ sức sống của một khu rừng nhiều lá mục ?

Đó là câu chuyện tôi đã không thành thật với Huân về một bữa ăn.

Hai tháng sau tôi được tin Huân đưa gia đình qua sông Đường về thành. Chú tôi — ông nhạc Huân — làm việc lĩnh định đồn con rể, con gái và các cháu ngoại. Vợ Huân bán hết ruộng đất ở nhà quê để hùn vốn với một người bạn mở xưởng xuất nhập cảng. Công việc buôn bán phát đạt, một năm sau vợ chồng Huân thành lập hãng xuất nhập cảng riêng của mình. Khi tôi theo gia đình về, vừa hai năm qua, thì Huân đã tái hôn, sắm ô tô, vừa mua piano à queue cho con gái. Cách Huân đã biệt sản sức bắt tôi ăn uống, đi xi nê, đi xem hát... khiến tôi ngỡ ngàng là Huân đã đoán biết sự thực hôm tôi khoác ba lô đi vội vã. Một hôm tôi báo Huân :

— Hôm nay tôi thiết cậu một chầu miến gà chọi Đổng Xuân.

Huân gật đầu vui vẻ :

— Được lắm !

Rồi đánh xe đưa tôi đi liền.

Vào chợ Đổng Xuân, đến ngôi hàng miến, mới đưa chúng tôi gọi một tô lớn. Thầy Huân ăn xong trước, để « hẳn » trả tiền thì bảo :

— Cậu Huân lấy một điều Cotab châm lửa trước cho mình.

Huân điềm nhiên đáp :

— Anh lại dùng « hoàn bình chi kè » với tôi phỏng ? Rồi Huân điềm nhiên mở ví trả tiền. Tôi chỉ còn biết lắc đầu mà không phản đối. Chuyện tuy nhỏ nhưng thái độ tệ nhị của Huân làm tôi cảm động thâm thía. Tôi ở lại Hà Nội với Huân cả ngày hôm đó để tịnh toán sổ sách giúp.

Sau bữa cơm tôi, Huân ngắm một câu Kiều :

« Quyết lời dứt áo ra đi

Gió đưa bằng tiện đã lia dặm khơi »

Cháu Thu-Hương hỏi tôi :

— Thưa bác « bằng tiện » nghĩa là gì ?

Tôi đáp :

— « Bằng » là một giống chim rất lớn, bay rất xa, hay ở ngoài biển cả.

Thằng bé thứ ba hỏi :

— Lớn như thế nào hả bác ?

Tôi vượt tốc nó rồi đáp :

— Lớn lắm, lớn đến nỗi khi nó đương về cánh bay người ta tưởng là một đám mây lướt tới, lớn đến nỗi nó thường phải chờ một cơn gió lớn thổi tới để nương vào đấy mà vấp cánh vút lên chín tầng mây rồi bay luôn chín vạn dặm.

Tôi đưa mắt nhìn Huân giẫy lảo rồi mỉm cười.

Tiếng Nhân :

— Kia, anh ấy vừa thần người rồi lại mỉm cười.

Tôi gật đầu đáp :

— Tôi mỉm cười và nghĩ rằng tình cảm của con người muốn lên cao như cánh chim bằng cũng cần cơn gió lớn thổi tới, thì nguyên sẽ là cơn gió đó cho các cậu.

Sợ còn ngại đó lại thần người ra, tôi bèn bảo cháu Thu-Hương :

— Thôi cháu gái theo bác vào tập đàn đi, sáng này chưa học.

Rồi trong khi bắt nó tập lại các gammes và arpegges, tôi để mặc cho trí tưởng tượng ôn lại cảnh mầm con chiếu nắng, cảnh đi dưới đêm trăng bên bờ sông mắng, cảnh mặt sông đầy lấp lánh hồng ánh bình minh, cảnh tôi húp cháo rồi ngủ trong mùi mồ hôi và quần áo ẩm...

Có tiếng đàn trôi tai, tôi thấy con cháu thế lười, so vai. Biết là nó đánh hồng tôi nói chận :

— Sai rồi !

Nó quay lại nhìn tôi cười :

— Mọii bạn cháu đánh hồng bác mắng cháu này.

DOÀN-QUỐC-SỸ

Cung Chúc Tân Xuân

TRẦN VĂN THỂ

Vận tài đường bộ

380, Trịnh Minh Thế — SAIGON

MIẾU HOA NHÀI

(Tiếp theo trang 22)

được nơi đây để đưa thiếp về quê cùng vui với cha mẹ và con thiếp...

Nghe xong, Trần-Huỳnh thất sắc ngã lộn xộn. Thiếp phụ đỡ chàng dậy và đưa chàng vào phòng. Hai người lại tiếp tục đàm say trong hương vị của men tình. Mãi đến ngày thứ ba, sau khi ngủ một giấc say nồng, Trần-Huỳnh thức dậy không thấy nàng đâu bên lưc lưc kiểm xung quanh nhưng vô vọng. Chàng chỉ bắt được một bức thư:

«Trần-Huỳnh nhá giám.

Chồng thiếp đã đến. Lời hẹn ước với chàng không thể kéo dài được nữa, cha mẹ và con thiếp chờ thiếp từ lâu thiếp phải về. Thiếp rằng chúng ta không được ở bên nhau suốt đời nhưng đó cũng là số Trời cả, chàng

chớ nên tiếc thương mà uống phí một đời tài danh. Thiếp ra đi, thiếp mong chàng ở lại trang viện này để đợi người đương gian qua đây trong một mùa hoa không hạn trước».

Vinh biệt Trần-Huỳnh

Nửa tháng sau, do tên tưu bão bên đời mách, mẹ và vợ Trần-Huỳnh đã tìm đến ngôi miếu đồ nát bên đường và nhìn thấy Trần-Huỳnh, một tay ôm cứng cột miếu, một tay nắm chặt bó hoa nhài, chết tự bạo giờ và mùi hôi thối xông ra ngạt thở. Mẹ và vợ chàng trước cảnh đau thương đó đã gục xuống và thiếp đi. May nhờ người qua đường thấy thế lo chạy cứu chữa nên hai người mới thoát khỏi tay tử thần đang chờ sẵn bên miếu. Người đời, sau thương cho Trần Huỳnh và đặt tên ngôi miếu ấy là «Miếu Hoa nhài».

LÊ SỬ



Chiều Phú Quốc của Họa sĩ Vũ Hội

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

GIỮA SAIGON HOA LỆ

khó tìm ra những cảnh nên thơ để dưỡng tinh thần, nhưng... QUÝ KHÁCH CÓ THỂ ĐẾN

Nhà hàng «BLUE-SKIES»

Nghe nhạc hay, ca sĩ đẹp, giữa cảnh trời rộng, gió thoáng, hoa thơm kèm theo thức ăn V.N. nổi tiếng.

118 bis Đại-lộ CÁCH-MẠNG 1-11



XUÂN VỀ SAU LIẾP SONG TRE * XUÂN VỀ SAU LIẾP SONG TRE

(TIẾP THEO TRANG 31)

Ngoài kia trời tối hẳn, Khánh nghe lạnh lắm. Chàng cảm thấy nhứt nhối khắp thân mình và đã bao lần chịu đựng những cực hình từ thể xác đến tinh thần suốt hai năm trong trại, chàng không dám bình tĩnh mà tin theo sách vở rằng từ lực nào trong cuộc sống cũng là điểm tựa cho vinh quang cả.

— Nghĩ cũng kỳ thực — Khánh nói nhỏ bên tai Đồng — bọn chúng cứ tưởng tội chánh trị phạm mình, mang tiếng là phản dân hại nước vào đây rèn luyện tư tưởng theo ý muốn của chúng, nhưng sự thực càng phản động và ư lý thêm.

Chúng mình cũng tại cái «Bảo hại» báo đời này mà hai đứa được cùng chung ăn Tết ở đây. Không biết tháng nào đã báo cáo mặt với Tán, cảnh vệ giám thị ấy về câu chuyện mà mình chỉ nói vừa đủ cho nhau nghe thôi.

— Kề ra câu chuyện ấy cũng lý thú đấy chứ!

— Ừ! Nói chuyện cái miệng thì bây giờ rần rục cái thân cũng không sao!

Hai chàng nằm im lặng nhớ lại một buổi chiều nọ. Khánh bỗng kể cho Đồng nghe mẩu chuyện qua tiếng thì thầm rất nhỏ: «Đồng này, lý luận Cộng sản thường chứng minh rằng trời mưa khi trời nắng và ngược lại kết án chủ nghĩa Mác-xít để rồi liên minh với nó, lên án những sự bóc lột quá độ để rồi bày ra lời thì đưa bóc lột công sức, bóc lột giết phóng các nước thuộc địa, ngược lại nhưng chính Cộng sản lại từ chối nên tự chủ của các nước Bắc cực do mình đó họ. Rồi là nói chàng đi với làm. Để chứng minh lối lý luận duy vật biện chứng ngược đời ấy, mình nhớ lập luận vô sản:

«Ngày kia có một vị linh mục hỏi các tín đồ của mình: Người ta để nghị tẩm cho hai người, một người sạch, một người bẩn. Ai sẽ đi tẩm?

Tất cả đồng thanh trả lời: Người ở bẩn phải đi tẩm.

— Không đúng, — vị linh mục trả lời — người

ấy quen ở bẩn. Người sạch mới nên tẩm vì họ thích được ở sạch.

Các con hãy lưu ý đề trả lời lại. Ai sẽ tẩm?

— Người ở sạch. Mọi người ngoan ngoãn trả lời.

— Không! Các con nói sai rồi! Nhất định phải là người ở bẩn vì họ cần tẩm.

Các tín đồ nhìn nhau tung hứng. Cứ cái lối duy vật sử quan này kéo dài thì chẳng biết nó sẽ đưa trái đất đi đến đâu.

Vị linh mục nói tiếp: «Đây này giả thử người ta mời một trong hai người đó đi tẩm. Ai sẽ nhận lời?

Đồng loạt, mọi người nhao nhao: «Cả hai! Vị linh mục đưa tay lên trời và nói một cách thất vọng:

— Rõ ràng và nhất định các con không hiểu một tí gì cả, không một ai trong hai người chịu đi tẩm cả, vì một người hiện còn đang sạch, một người thì không thích ở sạch. Các con hãy suy nghĩ và rồi trả lời lại: Ai đi tẩm?

Các tín đồ lầm bầm: — Không ai cả!

— Ôi thôi! Các con điên rồi! Vị linh mục kết luận một cách buồn bã:

— Cả hai người đều đi tẩm vì người ở bẩn đang cần tẩm mà người ở sạch tất nhiên cũng muốn được sạch sẽ.

Cái thuật nói ngược nói xuôi biện chứng đời này là tất cả lý do để hai phạm nhân — một chủ bút tờ báo Trại Liên khu V và một anh chàng phụ trách bán quần trong trại — vào đây năm giữa từ 26 Tết và qua chẵn song tre, nhìn trời Xuân đỏ xuống, một vùng rừng núi miền Trung nguyên nước Việt.

Ở biệt phòng bên cạnh, có tiếng loảng xoảng lon chán.

A! Ngạc chuẩn bị ăn giao thừa rồi!

VŨ KÝ

Tiếng khau trong từ-ngữ...

(Xem tiếp trang 13)

«Tiếng tiêu khua như đứt buồm gan» (chính phụ)

«Giờ cây khua phách, nước khe dạo đàn» (Phượng Hoa) thì tiếng khua này chuyên nơi chữ tiếng khau 𪛗 là «gõ», «khô», là «khảy» hoặc «gảy» đàn. Hán-Việt tự điển Thiều Chửu nơi khau, nghĩa thứ 4, ghi: khau môn: gõ cửa; nghĩa thứ 6: «gảy, lấy tay gảy đàn gọi là khau huyền».

Căn-cứ vào âm và nghĩa mà truy nguyên, ta thấy tiếng khau 𪛗 cho ra tiếng khô (gỗ), khua và khảy (gảy), hay nói ngược trở lại, các tiếng Việt «khảy (gảy) đàn, khô (gỗ), «khua động» chuyên nơi tiếng khau 𪛗 của Hán-Việt.

Và tiếng khoa 𪛗 cho ra các tiếng Việt: khoa, khua cử động và khau, nếu khau 𪛗 cho ra «khua động» thì khoa cho ra Khua (cử động) và khau, có thể hiểu được lắm. Sự liên-quan suy-luận này giúp chúng tôi vững tin rằng tiếng khau trong từ-ngữ «sân-khau» chuyên gốc nơi từ-ngữ Hán-Việt: khoa bạch.

Đây và một thí-dụ trong muôn vàn để chứng minh khả-năng đồng-hoà tiếng mượn trong ngôn ngữ ta, là sức biến-hóa phát-triển của tiếng Việt nó tiêu-biểu sức sống mãnh-liệt trường-tồn và tinh-thần bất-khuất tự-chức, vương-tiếng của dân tộc Việt-Nam.

Với chủ trương «xây dựng quốc-học» của Chánh-phủ và Bộ Văn-hóa giáo-dục, chúng tôi hy-vọng và tha-thiết được thấy thực-hiện một Viện Ngữ học để don-độc khảo-cứu tiếng mẹ đẻ thâu-thập và diễn-chế ngôn-ngữ, hầu soạn nên bộ từ-vị Việt-Nam.

Có hiệu-thửu được tinh-thần ngôn-ngữ, hồn thiêng của đất nước, mới ý-thức sâu-xa tình-thần quốc-gia, nghĩa đồng-bào, mới cảm-thông lẽ sống của dân-tộc mà thương yêu đoàn kết với nhau.

TRẦN-TRUY KHUÂN

NGÀY XUÂN BÀN VỀ NỤ CƯỜI

o B. S. NGUYỄN-HỮU-THƯỜNG

BẠN có thể nhìn thấy loài vật khóc (như cá sấu) hoặc nhàn (như khi phải ớt) hoặc nói (như vệt) nhưng chắc bạn chưa thấy một con vật nào cười bao giờ. Vì cười là một lối diễn tả tình cảm độc quyền của loài người, tức là giống khôn nhất trong tất cả các sinh vật. Đôi khi trong những sách bình dành cho trẻ con hay trong những hình quảng cáo, người ta nhân cách hóa một vài con vật bằng cách vẽ thêm cho chúng một nụ cười, thí dụ bạn thấy hình con bò cười trên hộp phở mát « la vache qui rit », nhưng đây chỉ là hình vẽ, chứ thực ra bò là con vật ngu nhất (ngu như bò) thì làm sao mà cười được.

Nụ cười trên phương diện y học :

Nụ cười được tạo nên do sự co giãn của các bắp thịt ở mặt. Các bắp thịt này do thần kinh mặt (nerf facial) điều khiển. Thần kinh này còn được gọi là thần kinh biểu lộ tình cảm, thần kinh diện mạo, hay thần kinh bộ điệu (nerf de l'expression, nerf de la physiologie, nerf de la mimique). Thần kinh mặt không những cho phép ta cười, mà nó chính là một nhạc trưởng điều khiển tất cả các bắp thịt trên mặt và giúp ta diễn tả sự buồn bực (mặt dài ra) sự khinh bỉ (biu môi) sự giận dữ (phồng mang trợn mắt) sự ngạc nhiên hay ngỡ ngàng (mặt thộn ra). Trong những tình cảm kể trên thì một số bắp thịt kéo mép môi và đuôi mắt xuống dưới, còn lúc ta cười thì các bắp thịt quanh mắt, quanh môi và trên mép môi (muscle orbiculaire des lèvres, muscle grand zygomatique) kéo đuôi mắt và hai mép môi lên trên. Vì thế muốn có một bộ mặt vui ta chỉ cần vẽ một cái miệng hình chữ V đứng và bộ mặt buồn thì trái lại (hình chữ V ngược). Nụ cười có ba mức độ :

— Ở mức độ thứ nhất : thì chỉ có bắp thịt vòng quanh môi dần ra làm cho mép môi bị kéo lên trên và ra đằng sau một chút.

— Ở mức độ hai : sự co giãn lan rộng đến tận những bắp thịt ở cổ.

— Ở mức độ ba : nụ cười sẽ làm rung chuyển cả cơ thể, hoành cách cơ (tức là bắp

thịt ở giữa ngực và bụng, ngăn cách khối tim phổi ở tầng trên và khối ruột gan tỳ tạng ở tầng dưới) sẽ co bóp mạnh và dồn ép khối cơ quan ở bụng làm cho ruột gan lộn tung phèo lên (ta thường bảo cười lộn ruột hay cười đau cả ruột là thế). Nếu câu chuyện quá vui thì ta phải ôm bụng mà cười hoặc bò lăn, bò cang ra mà cười. Sự co bóp của hoành cách cơ (diaphragme) đôi khi làm cho người đàn bà chảy nước tiểu vì cười nhiều quá. Trong nụ cười ở mức độ tối đa này sự thở ra (expiration) cũng bị gián đoạn từng lúc, nhiều người còn nấc trẻ con lâu quá cỡ thì làm nó chết giấc. Đây cũng là một lối tra tấn của bọn cướp, một lối tra tấn rất « tử tế », rất nhẹ nhàng, rất khôi hài, nhưng cũng rất nham hiểm : bọn chúng trói chặt nạn nhân vào giường, không cho nạn nhân nhúc nhích cựa quậy được một tý nào cả, đoạn chúng chọc chỗ nạn nhân cười ngặt (bằng cách lấy lông gà cọ vào gan bàn chân). Bạn thử tưởng tượng cười đến mức ấy mà không được ôm bụng, không được bò lăn ra, thậm chí không được nhúc nhích nửa thì chịu sao nổi ?

Phân tích và xem tướng cười

Cười không phải chỉ dành riêng cho sự khoái chí, mà nó còn diễn tả nhiều tình cảm khác.

Có kẻ tức cười, có kẻ nực cười, thậm chí có kẻ buồn cũng cười (do đó mới có chữ buồn cười).

Cũng như giọng nói, chữ có giọng cười nào giống giọng cười nào, vì mỗi người có một giọng cười đặc biệt. Có kẻ cười ọc ọc như tiếng súc chai (hay xóc lo cươc thế), có kẻ cười lặc bực như hút thuốc lảo, có kẻ cười như tiếng rủa bả, có kẻ cười như con chuột kêu, có kẻ cười như heo bị chọc huyết, có kẻ cười như ngựa hí v.v...

Kẻ ra thì có rất nhiều giọng cười, nhưng về phương diện toán tính người ta chỉ kể được tám ba loại :

— Kẻ nào chưa nói đã cười thì tính tình tất vô duyên.

— Kẻ nào cười hở môi, để lộ nguyên hình răng thì tính tình côi mờ, thật thà.

— Kẻ nào chỉ cười bằng mắt nhưng môi vẫn khép chặt thì

tính tình nham hiểm, giết người không dao.

— Kẻ nào có tiếng cười như khóc thì số vất vả suốt đời.

— Kẻ nào cười như chuột kêu thì tính tình bủn xỉn, bần tiện.

— Kẻ nào cười như heo kêu thì ở đời, làm biếng.

Người nào có hàm răng đẹp thì nụ cười rất duyên. Nếu hàm răng « vô hàng lồi », và tổ chức « thì nụ cười kém mỹ thuật, và mỗi lần cười lại phải vội vàng lấy tay che giấu cái răng.

Người có nhiều răng vàng óng ánh thì thường cười ra lửa (nhất là dưới ánh mặt trời).

Cái lợi và cái hại của nụ cười :

Về phương diện sinh lý và tâm lý, nụ cười mang lại cho ta rất nhiều lợi ích. Nụ cười kích thích sự hô hấp, làm cho máu dễ lưu thông và làm cho các cơ quan trong cơ thể ta hoạt động mạnh hơn. Có nhiều trường hợp cười có tác dụng như một thứ thuốc tiên đánh tan tất cả các thứ bệnh. Có nhiều người ốm gần chết, suốt ngày nằm liệt giường, chẳng ăn uống gì, bỗng nghe một tin mừng, vụt nhảy xuống giường, đi đứng như thường, cười nói tươi tỉnh, và cơn bệnh biến mất lúc nào không hay. Xem như thế, khi ta không còn buồn cười được nữa, thì mệnh ta cũng chẳng buồn cử động, các bộ phận trong người ta cũng ta « lẳng công », thần thể ta sẽ tiêu tụy dần mòn và từ thân chờ chờ chờ để rước ta đi.

Trong việc xã giao hàng ngày cũng như việc việc thường mại, nụ cười không có không được. Tục ngữ Trung-Hoa có câu : « kẻ nào không biết cười thì đứng mở tiệm buôn ». Có lẽ chú Ba nào cũng biết như thế nên họ làm giàu rất mau. Nếu bạn muốn một cô đứng bán hàng xinh đẹp mà lại thích cười nữa thì dù hàng bán có xấu hay bạn có bán mắc gấp đôi các « đề cù » cũng mò lại mua như điên, có khi nụ cười của cô bán hàng làm họ quên cả việc lấy tiền còn thừa lại. Nhưng nếu cô bán hàng của bạn lại chẳng biết cười bao giờ thì chẳng chóng thì chầy bạn cũng phải dẹp cửa tiệm.

Trong việc giáo dục, nụ cười cũng là một vật kích thích rất

VUI CƯỜI

Trẻ em làm việc nghĩa

Buổi chiều, một huynh trưởng hướng đạo sinh kiểm điểm thành tích trong ngày của ba chú sói con.

— Nào, xem hôm nay các chú làm được việc gì tốt không ?

Đoạn chỉ vào một chú, huynh trưởng hỏi :

— Nào, em Bi ?

— Thưa anh, em Bi trả lời — hôm nay em giúp một bà cụ già qua đường.

— Tốt lắm, phải luôn luôn giúp đỡ người già cả.

Đoạn quay sang chú thứ nhì :

— Thế còn em Bô ?

— Em thì ở nhà ở em cũng giúp bạn Bi một tay để đưa bà cụ ấy qua đường.

— Tốt, tốt lắm, em có lý : không những phải giúp đỡ người già cả mà các em còn phải trợ giúp lẫn nhau nữa...

— Còn em, em thứ ba hí hửng ngắt lời, em cũng giúp hai bạn Bi và Bô một tay để đưa bà cụ qua đường.

— Ủa, làm việc ấy mà cũng cần tới ba người sao ?

Ba em đồng trả lời một loạt :

— Thưa anh cần chứ ợ, vì bà cụ đau có muốn qua đường, tụi em phải hùng hục kéo như điên mới đưa bà ấy qua được.

hiệu nghiệm : con của bạn ghét môn toán ư ? bạn thử tìm cách làm cho những con số biết cười, bạn sẽ thấy « ép phở » ngay.

Trong các bệnh viện cũng thế, nụ cười của cô y tá có tác dụng mãnh liệt hơn bất cứ thứ thuốc « can măng » nào, mỗi buổi sáng cô chỉ cần tặng anh thương binh một nụ cười là anh sẽ cảm thấy bệnh của mình thuyên giảm rất nhiều. Trái lại gặp một cô y tá suốt ngày cằn nhằn, mặt lúc nào cũng hầm hầm, thì chắc bác sĩ sẽ gặp nhiều khó khăn với con bệnh.

Trong gia đình cũng thế, có nhiều cặp vợ chồng ít nói, chỉ nhìn nhau cười chum chim cho qua ngày, ấy thế mà vẫn hạnh phúc chán. Còn nếu bà vợ lúc nào cũng lăm lăm lý lý, thì ông chồng sẽ trốn nhà đi đâu, chắt : các bạn cũng biết. Nếu bạn chưa tìm được người yêu thì xin bạn nhớ rằng : nụ cười là con đường ngắn nhất để đi vào một người đàn bà.

Dale Carnegie kể lại câu chuyện sau đây : một hôm ông đến Bru điện để gửi một cái thư, nhưng chờ mãi vẫn chưa gửi được, vì mọi người đứng chờ rất đông mà ông già bán tem vẫn cứ làm việc một cách chậm chạp lờ đờ, lăm lăm nóng cả ruột. Dale bèn nhìn đầu tóc ông già và khen tóc ông rất đẹp. Thế là anh già sướng điên lên, cười toe toét và cầm đầu làm việc rất nhanh.

Nụ cười đáng giá là vậy nên xưa Quách-Thạch-Phủ đã lãnh một ngàn vàng như chơi cũng nhờ bày kế cho U Vương chọc cười Bao-Tự — Do tích này về sau có

câu thơ :

« Ngàn vàng đổi lấy trận cười như không ».

Nụ cười quả thực đáng giá ngàn vàng thật, nhưng nếu bạn lợi dụng nó nhiều quá, thì không những bạn đâm ra vô duyên mà đôi khi còn rước họa vào thân nữa. Nếu bạn gặp người nào đang có chuyện cay cú (thua bạc, hay bị bỏ đá, hay bị ông già bà trẻ mắng oan) thì xin bạn đừng trêu người ta bằng nụ cười, nếu không bạn sẽ lãnh vài cái bộp tai. Nếu bạn đi lượn Bô-Na có thấy vợ người khác đẹp thì cũng chỉ nên nhìn trộm một cái rồi quay đi, chứ nếu cứ nhí nhảnh cười duyên với người đẹp thì cả mỗi lần mắt bạn sẽ sưng ngay. Bạn đánh có tương với một người nóng tính ư ? nếu anh ta thua thì xin bạn hãy nghiêm nét mặt một chút, chứ đừng dặt dặt trêu người ta bằng nụ cười nham nhở, vì anh ta có thể « câu sừng » và vác bạn cõng đập lên đầu bạn.

Đây chỉ là những « tại nạn » tương đối nhẹ. Có những « tai nạn chết người » do nụ cười người đẹp mang lại kẻ cũng không hiếm. Ví dụ có một chàng trai tự gọi vừa được người đẹp tặng cho một nụ cười, anh ta sướng quá nhảy lên xe xích ba phông như điên và dùng một cái dăm đầu vào xe vào tãi, thế là vĩnh biệt nụ cười.

Thế nên ngày xuân xin Bạn hãy biết cười để cho tâm hồn được cởi mở và người chung quanh cũng được « vui vẻ cả làng ».

Cười lên đi các Bạn !

XUÂN VIỆT-NAM

Chủ-trương biên-tập
PHAN-BÁ-CÀM



TÒA SOẠN
480, Hồng Thập Tự, 480
SAIGON
Đ. T. 24.569



MỤC LỤC

1 — Trần-văn Ân	: Trong lúc Xuân về, mấy vần thơ Xuân của người chú án lữ-hình (thơ)	4
2 — Phan-bá Cầm	: Tết Tân-Sửu trong trại giam Lê-văn-Duyệt (hồi ký)	10
3 — Phan-quang Dân	: Lưỡng Đàng hay đa Đàng ? (xã-thuyết)	6
4 — Nguyễn-xuân Đăng	: Tiểu-thuyết Trưng-Hoa (dịch của Lâm-ngữ-Đường)	23
5 — Hồ Việt-Điêu	: Ý-niệm hòa-bình với dân Việt miền Nam (xã-thuyết)	21
4 — Lâm-Giang	: — Kim Thê Xuân (thơ) — Thời-cuộc và Sấm-ký (khảo-luận)	15
7 — Hoàng-Hồ	:	
8 — Hoàng-minh Hùng	: Hoa đào năm ngoái (truyện ngắn)	25
9 — Nguyễn Kính	: Sấm Trạng Trình ứng vào thời-cuộc hiện tại ?	37
10 — Vũ-Ký	: Xuân về qua chốn sông tre (truyện ngắn)	51
11 — Tạ-Ký	: — Thê-hệ 45 (thơ) — Nhập vô cùng (thơ)	14
12 — Phan-Khoang	: Vì sao người Việt-Nam yêu quý Tết, Xuân ? (khảo-cứu)	12
13 — Mê-Kung	: Đất Mạ (thơ)	
14 — Nguyễn-thiệu-Lâu	: Bi-Ký	48
15 — Nguyễn-Liệu	: Tôi không mất em (lập trường)	16
16 — Tường-Linh	: Mùa Xuân thứ nhất (thơ)	9
17 — Phạm-Lợi	: Vụ án 11-11-60	36
18 — Lê-khắc Lý	: Xuân hoài vọng (thơ)	19
19 — Trần Minh	: Tết Cát-sô (hồi-ký)	20
20 — Như Phong	: Chính sách của Đảng Lao-Động và nhà nước Hồ-chí-Minh đối với Phật-giáo và Thiên-chúa giáo (khảo-luận)	34
21 — Phan-bá Phụng	: Nghĩa Vàng son (thơ)	44
22 — Bà Đình-xuân-Quảng	: Đời sống và tâm trí con trẻ (khảo-cứu)	18
23 — Lê-Sử	: — Miếu hoa nhài (Liều-trai tân truyện) : — Giao thừa Say và Mộng (thơ)	22 23
24 — Phan-khắc Sửu	: — Nhà tù và phạm nhân (lập trường) : — Nhớ P 42 (hồi-ký)	2 30
25 — Doãn-quốc-Sỹ	: Gìn vàng giữ ngọc (truyện ngắn)	32
26 — Lê-vinh Thiệu	: — Bỏ quên thân thể (thơ) : — Tôi còn em (thơ)	24 21
27 — Nguyễn-dăng Thực	: Xây dựng và phát-triển nền văn-hóa dân-tộc (xã-luận)	9
28 — Nguyễn-hữu Thường	: Ngày xuân bàn về nụ cười	51
29 — Nguyễn-thế Truyền	: Đi đây mà cũng chơi xuân, ăn Tết (hồi-ký)	14
30 — Lê-ngọc-Trụ	: Tiếng «khẩu» trong từ-ngữ sân-khẩu nghĩa là gì ? (khảo cứu)	13
31 — Chu-tử	: Tiếng sét (truyện ngắn)	17
32 — Hồ-hữu-Tường	: — Mùa Xuân chim Lạc (tùy bút) — Nàng một sách (truyện ngắn)	3 7
33 — Nguyễn-thành Vinh	: — Lối nhịp (truyện ngắn) — Tiếng chuông chùa (thơ)	38 13
34 — Phan Vỹ	: Thanh kiếm Trúc lâu (kịch thơ) : Sớ Táo-quân : Lá thư Tòa-soạn	29 5 2
35 — Trúc-Phượng	: Mùa xuân cỏ hoa (nhạc)	52

MÙA

Xuân Cỏ Hoa

Eric Phuong

BIGUINE ROCK

Xuân cỏ hoa, Xuân lòng ta, Xuân về
mang hương gió miền xa tới với nắng vàng ấm đón ngày
mới trong men rượu mới cười. Xuân trẻ thơ, Xuân già
nua nghe trần gian với bát dãi u tối với những màu
mắt - những màu mắt chan chứa tình yêu Xuân. Bao chân tha
phương về âm cúng dưới mái nhà kẻ chuyện tường nhớ. Có bát mióc
ấm lòng, nắng ly cho Xuân nồng, người đẹp như cỏ hoa giữa trời bao
la. Xuân vì ta xin đừng qua cho cỏ
hoa tươi mãi cùng Xuân nhé! Cũng pháo đài nổ viết bài
hát khi bước vào tim Xuân.